BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội

---

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh quốc tế, khu vực thay đổi nhanh, có nhiều bất ổn, bất định, diễn biến rất phức tạp, khó dự báo. Đất nước sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế đã được nâng lên một tầm cao mới. Với phương châm Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển, Đại hội xác định tư duy, tầm nhìn, những quyết sách chiến lược để chúng ta vững bước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập (1930 - 2030); hiện thực hoá tầm nhìn phát triển đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045).

I- ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ CƠ ĐỒ CỦA ĐẤT NƯỚC SAU 40 NĂM ĐỔI MỚI

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, bất ổn, khó lường, khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, xuất hiện những thay đổi mang tính thời đại, nhiều vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ, đặc biệt là đại dịch Covid-19, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh, sâu sắc và toàn diện, nhất là trí tuệ nhân tạo; các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp. Kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn dưới tác động của xung đột thương mại, sự điều chỉnh chính sách thương mại của nước lớn và những vấn đề an ninh toàn cầu. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á tiếp tục giữ vị trí chiến lược quan trọng, động lực tăng trưởng của kinh tế thế giới, song phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đất nước ta bị tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi từ bên ngoài, chịu ảnh hưởng nặng nề, kéo dài của đại dịch Covid-19, thảm hoạ thiên tai, xung đột thương mại... vừa phải xử lý các hạn chế, bất cập

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nội tại kéo dài, vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp, đột xuất mới phát sinh.

Trong bối cảnh rất nhiều khó khăn, thách thức, với ý chí, khát vọng phát triển, kiến tạo tương lai, tư duy đổi mới, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII. Đảng ta vững vàng lãnh đạo đất nước *tiếp tục đạt được những kết quả rất quan trọng, toàn diện, đột phá, nhiều điểm sáng nổi bật.*

1. Kết quả đạt được

(1) Phát triển kinh tế, thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt nhiều kết quả quan trọng, nổi bật; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu có bước chuyển biến tích cực

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm. Lạm phát, bội chi ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu về nợ công được kiểm soát; thặng dư thương mại liên tục ở mức cao; thị trường trong nước phát triển mạnh. Các nguồn lực đầu tư phát triển được huy động và sử dụng hiệu quả hơn. Nhiều dự án tồn đọng, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, các tổ chức tín dụng yếu kém đã được xử lý quyết liệt, đạt nhiều kết quả. Thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp khống chế, đẩy lùi đại dịch Covid-19, trong đó có những giải pháp đặc biệt, chưa từng có, nhất là ngoại giao vắcxin, tiêm chủng miễn phí toàn quốc và thực hiện mục tiêu "kép" vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế nhanh sau đại dịch.

Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân khoảng 6,3%/năm, thuộc nhóm nước tăng trưởng cao của khu vực và thế giới. Quy mô GDP năm 2025 ước đạt trên 510 tỉ USD, gấp 1,47 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 trên thế giới, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao, được nhiều tổ chức quốc tế uy tín đánh giá cao. Chất lượng tăng trưởng có bước chuyển biến tích cực, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản giảm; tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ tăng. Công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển khá; tỉ lệ nội địa hoá được cải thiện. Nông nghiệp từng bước phát triển theo hướng sinh thái, xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiếp tục phát huy vai trò "trụ đỡ" trong nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống người dân. Khu vực dịch vụ, du lịch phục hồi

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

và phát triển nhanh; kinh tế biển tiếp tục phát triển. Nhiều mô hình sản xuất kinh doanh mới được hình thành, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển lực lượng sản xuất mới.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm quốc gia, có sự lan toả cao, kết nối vùng, liên vùng, khắc phục cơ bản tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán. Tăng trưởng tín dụng đã hướng mạnh vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã có hiệu quả, giữ vững vị trí then chốt trong nền kinh tế.

Đổi mới cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt từ năm 2025 khẳng định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển hình thành và phát triển mạnh; đã thành lập các khu thương mại tự do ở một số địa phương. Bước đầu hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn; tỉ lệ đô thị hoá năm 2025 đạt 45%.

Quản lý và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được tăng cường; thể chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng lên; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương chặt chẽ, hiệu quả hơn.

Ba đột phá chiến lược được thực hiện đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm, đạt kết quả nổi bật, tạo nền tảng và động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, cách làm trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật; tập trung điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện pháp luật theo hướng phân cấp, phân quyền triệt để, đơn giản hoá tối đa thủ tục hành chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực thi, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển bứt phá, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, đường bộ cao tốc, sân bay, cảng biển, hạ tầng số…, góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Chú trọng đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhất là công nghệ cao, xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia; ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thực điện tử... tạo động lực đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.

(2) Phát triển văn hoá, con người và xã hội đạt kết quả rất quan trọng, nhiều mặt tiến bộ; an sinh xã hội và đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao

Nhận thức đầy đủ hơn về vai trò và tầm quan trọng của văn hoá trong phát triển bền vững. Thể chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hoá được tăng cường. Hệ thống thiết chế văn hoá được quan tâm xây dựng và phát huy. Các hoạt động văn hoá, sản phẩm văn hoá, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú. Công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá và thị trường văn hoá từng bước được phát triển. Hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng. Đã xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển toàn diện con người ngày càng đầy đủ, trọng tâm và thực chất. Việc phát hiện, thu hút, đào tạo, trọng dụng nhân tài bước đầu có chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện rõ rệt, tăng 14 bậc, đạt 0,766 điểm, thuộc nhóm nước phát triển con người cao. Chỉ số xếp hạng hạnh phúc tăng 33 bậc so với đầu nhiệm kỳ, xếp thứ 46/143 quốc gia.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đạt được một số kết quả quan trọng. Nội dung, phương thức giáo dục và đào tạo có sự đổi mới; chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học được nâng lên. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Đặc biệt, đã thực hiện miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đã sớm triển khai chủ trương đầu tư xây dựng các trường học nội trú liên cấp ở các xã biên giới đất liền.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được xác định là động lực phát triển. Thể chế khoa học, công nghệ được chú trọng đổi mới, hoàn thiện và phát triển đồng bộ hơn; tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường. Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ được đẩy mạnh; đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp được khuyến khích.

Tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ hơn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; đã ưu tiên bố trí nguồn lực cho an sinh xã hội, phát triển con người. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... tiếp tục được hoàn thiện và thực

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hiện có nhiều tiến bộ. An sinh xã hội ngày càng được bảo đảm; phúc lợi xã hội ngày càng được cải thiện. Các chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, hiệu quả trên tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau". Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 4,4% năm 2021 xuống còn 1,3% năm 2025. Đẩy mạnh thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội; thành lập Quỹ nhà ở quốc gia. Đến tháng 9/2025, hoàn thành xoá nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước. Số người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng, đạt trên 3,5 triệu người năm 2025, trong đó 55% là người cao tuổi.

Hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có bước phát triển tích cực, chất lượng được nâng lên, kiểm soát tốt các loại dịch bệnh, làm chủ nhiều công nghệ, kỹ thuật y học tiên tiến. Đã chú trọng thực hiện chế độ thông tuyến khám, chữa bệnh theo bảo hiểm y tế. Y tế tư nhân tiếp tục phát triển. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,9% năm 2020 lên 95,2% năm 2025. Tuổi thọ và chỉ số sức khoẻ người dân bình quân của cả nước được cải thiện, năm 2025 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh là 74,8 năm, số năm sống khoẻ khoảng 67 năm.

(3) Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế được nâng tầm, đạt nhiều kết quả nổi bật

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố; gắn kết chặt chẽ với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là ở các địa bàn chiến lược trọng điểm, tuyến biên giới, hải đảo.

Tập trung đầu tư, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; cơ bản hoàn thành điều chỉnh, sắp xếp tổ chức Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh. Công nghiệp quốc phòng, an ninh được đầu tư phát triển, có đột phá, bảo đảm tính lưỡng dụng, hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu; dân quân tự vệ, an ninh cơ sở vững mạnh, rộng khắp. Xử lý dứt điểm nhiều vấn đề, đối tượng trọng điểm phức tạp về an ninh kéo dài nhiều năm. Chủ động triển khai công tác nghiên cứu, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra các chủ trương, đối sách xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; ứng phó ngày càng có hiệu quả hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

mạng. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng, an ninh; tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.

Đối ngoại đã phát huy tích cực, hiệu quả vai trò tiên phong, góp phần duy trì, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, mở ra cục diện mới chưa từng có cho phát triển đất nước. Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân được triển khai toàn diện, đồng bộ, đạt nhiều kết quả nổi bật; quan hệ với các nước và đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, phát triển bền vững, nhất là nâng cấp và làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các nước lớn, đối tác quan trọng. Phát huy tốt lợi thế của các phương thức ngoại giao. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng được triển khai chủ động, tích cực trên mọi lĩnh vực. Triển khai có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, chủ động tham gia một số sáng kiến liên kết kinh tế, khuôn khổ hợp tác kinh tế mới. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài được triển khai tích cực và thực chất hơn.

(4) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, có mặt nổi bật, đột phá chưa từng có

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường; kiên trì, giữ vững và phát huy bốn kiên định, nâng cao bản lĩnh chính trị, tính tiên phong, trình độ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị. Đã có nhiều đổi mới trong tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được coi trọng, gắn kết chặt chẽ với định hướng chính sách. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện. Công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về tư tưởng, lý luận chính trị có nhiều đổi mới. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng. Đề cao chuẩn mực đạo đức cách mạng và phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là người đứng đầu. Công tác giáo dục, bồi dưỡng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các quy định của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên được triển khai sâu rộng và có hiệu quả.

Công tác dân vận được tăng cường, góp phần thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân, phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thực chất, có hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên giới, hải đảo, trong học sinh, sinh viên được tăng cường, cơ bản xoá được tình trạng "trắng" đảng viên ở thôn, bản. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định. Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng về cán bộ được đặc biệt chú trọng, có nhiều đổi mới góp phần xây dựng toàn diện đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược. Đặc biệt lần đầu tiên hoàn thành việc bố trí 100% bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp xã không phải là người địa phương; 50% chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh không phải là người địa phương và bảo đảm thực hiện hoàn thành việc bố trí chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh không phải là người địa phương từ đầu nhiệm kỳ 2025 - 2030; xây dựng phương án bố trí nhân sự chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, chánh thanh tra tỉnh, thành phố không phải người địa phương trước và ngay sau Đại hội XIV của Đảng. Các chủ trương, giải pháp về công tác cán bộ được kịp thời thể chế, cụ thể hoá; việc sửa đổi, ban hành hệ thống các quy định về công tác cán bộ được triển khai toàn diện, đồng bộ với nhiều nội dung mới, đột phá, lần đầu được áp dụng, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, chặt chẽ. Công tác xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ lãnh đạo cấp cao, kể cả lãnh đạo chủ chốt đã được chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm minh, kịp thời, đồng thời nhanh chóng kiện toàn nhân sự thay thế đã khẳng định bản lĩnh chính trị, sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, cùng ý chí quyết tâm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ngày càng nền nếp, thường xuyên.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, thường xuyên, nghiêm minh, đạt nhiều kết quả nổi bật. Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng với tự phê bình, phê bình và với tuân thủ pháp luật. Việc xử lý nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân, đảng viên suy thoái, vi phạm kỷ luật, kể cả cán bộ cấp cao, đã có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, có bước tiến mạnh, đột phá lớn, đạt nhiều kết quả rất quan trọng. Từng bước hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để "không thể", "không dám", "không muốn" và "không cần" tham nhũng, tiêu cực.

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, hiệu lực, hiệu quả hơn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn, ứng phó nhanh, rất kịp thời, hiệu quả với các tình huống khó khăn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

Việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ngày càng quyết liệt, toàn diện, đồng bộ hơn. Bộ máy nhà nước đã được sắp xếp theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nền hành chính quốc gia được cải cách theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Tư duy xây dựng pháp luật có nhiều đổi mới; hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ hơn. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều tiến bộ.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được tổ chức, sắp xếp lại, bảo đảm hoạt động thống nhất, hiệu quả, phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các phong trào thi đua yêu nước được triển khai tích cực, có tác dụng lan toả sâu rộng. Đã phát huy đầy đủ hơn quyền làm chủ của Nhân dân; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Dân chủ cơ sở, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được đẩy mạnh, chất lượng giám sát, phản biện xã hội được nâng cao.

Đặc biệt, cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã đạt được những kết quả mang tính đột phá.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị rất cao. Đặc biệt từ tháng 10/2024, trên cơ sở kế thừa kết quả của 7 năm thực hiện Nghị quyết 18, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiên cứu kỹ lưỡng, với tầm nhìn chiến lược, định hướng lâu dài, xác lập được mô hình tổng thể của hệ thống chính trị; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đã được triển khai một cách sâu rộng, bao gồm cả cơ cấu bên trong của các cơ quan, tổ chức ở cả Trung ương và địa phương; điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, với quy mô lớn nhất trong lịch sử hiện đại, hoàn thành trước 5 năm theo nghị quyết đề ra, phản ánh quyết tâm cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị một cách căn bản, mạnh mẽ, có ý nghĩa lịch sử.

Trong một thời gian rất ngắn, đã tiến hành đồng bộ việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hệ thống các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật… tạo lập cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc để bộ máy hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt, góp phần mở đường cho kiến tạo phát triển. Công tác triển khai và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới được đổi mới mạnh mẽ. Các nội dung công việc được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện rất khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ, dân chủ, khoa học, hiệu quả cao, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của Nhân dân, giữ vững nguyên tắc, đúng quy định, kiên định, kiên trì các mục tiêu đề ra; đến nay toàn hệ thống chính trị đã hoàn thành toàn bộ mục tiêu với khối lượng công việc rất lớn và vượt tiến độ đề ra.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã khẳng định sự đột phá, đổi mới toàn diện cả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện:

- Hệ thống tổ chức, các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được tổ chức lại đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng, lập các đảng bộ mới ở Trung ương và cấp tỉnh; giảm nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương, cấp tỉnh và đầu mối bên trong.

- Tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình mới đồng thời với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; sáp nhập, giảm 29 đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 7.277 đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện; tổ chức lại hệ thống quân đội và công an ở địa phương, thanh tra, toà án, viện kiểm sát, các cơ quan, đơn vị quản lý theo ngành dọc, sắp xếp

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

các tổ chức đảng ở địa phương đồng bộ với các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị theo mô hình tổ chức đơn vị hành chính 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc các cấp.

- Ban hành đồng bộ các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, bảo đảm đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý khi thực hiện sắp xếp; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức được nghiên cứu, ban hành, bổ sung, sửa đổi kịp thời, phù hợp, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức hoạt động liên tục, thông suốt, góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không để gián đoạn công việc, bỏ trống nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực và ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức và xã hội, người dân trước, trong và sau sắp xếp. Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các cấp uỷ trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị tại Trung ương xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước và sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng hiện đại, gần dân, sát cơ sở, tăng cường kiểm tra, giám sát. Việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có sự chuyển biến rõ nét, đạt mục tiêu đề ra, góp phần tiết kiệm chi ngân sách nhà nước. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cán bộ không đủ tuổi tái cử được ban hành và thực hiện kịp thời, tạo thuận lợi trong quá trình sắp xếp, từng bước cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị.

Đạt được những kết quả trên trước hết bắt nguồn từ quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta qua nhiều nhiệm kỳ; là kết quả của những chủ trương, đường lối, quyết sách chiến lược đúng đắn, sáng tạo của Đảng ở nhiệm kỳ này, thể hiện nổi bật trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, vai trò hạt nhân lãnh đạo, khởi xướng, tạo động lực, định hướng phát triển và chỉ đạo tổ chức thực hiện của Đảng phù hợp với thực tiễn của đất nước và xu thế của thời đại; là kết quả của sự đoàn kết, thống nhất và sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng; là kết quả của sự quản lý, điều hành nhạy bén, quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền các cấp; sự nỗ lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; sự tham gia

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tích cực, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng thuận, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, đó là thành quả của việc Đảng ta đã khơi dậy và phát huy được truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần lao động sáng tạo, trách nhiệm, quyết tâm và khát vọng phát triển của toàn thể Nhân dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

2. Hạn chế, yếu kém

Việc hoàn thiện thể chế phát triển còn chậm. Một số luật, cơ chế, chính sách, quy định, thủ tục hành chính còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ, gây cản trở đối với sự phát triển. Tăng trưởng kinh tế vẫn dưới mức tiềm năng, chưa đạt mục tiêu đề ra. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 5 năm ước đạt 5,3%, thấp hơn mục tiêu đề ra, hệ số ICOR vẫn còn cao (6,9). Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Năng lực, trình độ công nghệ còn yếu, thiếu những ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ chiến lược làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực chính cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển đất nước. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn yếu, thiếu và chưa theo kịp yêu cầu. Việc khơi thông, huy động và phân bổ nguồn lực phát triển còn hạn chế.

Ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả, có mặt còn trầm trọng hơn, nhất là môi trường ở các đô thị lớn, khu công nghiệp và các làng nghề. Khả năng ứng phó, giảm thiểu tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, nhất là đất đai và nguồn nước hiệu quả chưa cao.

Văn hoá chưa thực sự trở thành nguồn lực, sức mạnh nội sinh và động lực mạnh mẽ của sự phát triển. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam chậm được làm rõ. Chưa tạo lập được đồng bộ cơ chế, chính sách, môi trường xã hội cần thiết cho sự phát triển toàn diện con người, nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài. Đầu tư cho văn hoá còn thấp và dàn trải. Công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Thị trường văn hoá chậm phát triển. Môi trường văn hoá chưa thật sự lành mạnh; đạo đức xã hội còn biểu hiện xuống cấp. Việc quản lý một số hoạt động văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng còn bất

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cập, có dấu hiệu bị buông lỏng. Cơ hội tiếp cận và mức độ thụ hưởng thành quả phát triển văn hoá còn chênh lệch giữa các vùng, miền, tầng lớp nhân dân.

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống, còn lúng túng. Việc thực hiện xã hội hoá trong giáo dục và đào tạo có biểu hiện sai lệch. Chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục phẩm chất, nhân cách, nghề nghiệp, giáo dục đại học chậm được cải thiện. Giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; chế độ, chính sách đối với nhà giáo còn bất cập.

Cơ chế, chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế, vướng mắc. Cơ chế, chính sách, nguồn lực đầu tư, quản lý tài chính trong khoa học, công nghệ và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức chưa phù hợp. Thị trường khoa học, công nghệ chậm phát triển. Một số ngành khoa học, công nghệ chiến lược, mũi nhọn phát triển còn chậm. Doanh nghiệp chưa thực sự đóng vai trò là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

An sinh xã hội, an ninh con người, phúc lợi xã hội chưa được bảo đảm vững chắc. Chính sách dân số và phát triển chưa theo kịp yêu cầu thực tế. Sự phân hoá giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng. Hạ tầng giao thông, điện, nước ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Dịch vụ y tế còn nhiều hạn chế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng.

Công tác tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có nhiều đổi mới, cách làm hay, song vẫn chưa bắt kịp với yêu cầu phát triển đột phá của đất nước. Vai trò lãnh đạo của một số cấp uỷ đảng còn hạn chế. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có lúc, có nơi chưa sát thực tiễn, thiếu chiều sâu. Công tác cán bộ còn một số bất cập, nhất là trong đánh giá cán bộ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, nhất là quản lý cán bộ cấp chiến lược có mặt còn hạn chế. Một số cơ quan, tổ chức, nhất là cơ quan hành chính ở cấp xã và các đoàn thể được sắp xếp, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền mới bước đầu còn một số khó khăn. Công tác xây dựng tổ chức đảng, quản lý và phát triển đảng viên còn một số khó khăn, bất cập, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của một số cơ quan, tổ chức, nhất là cơ quan chuyên môn, đoàn thể ở cấp xã bước đầu còn lúng túng. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Công tác kiểm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tra, giám sát, tuyên giáo, dân vận, cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số... trong Đảng còn một số hạn chế. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận có mặt chưa theo kịp thực tiễn; chưa giải đáp thoả đáng một số vấn đề mới do thực tiễn đặt ra.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vẫn còn có mặt hạn chế. Sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có mặt chưa rõ ràng, thiếu chặt chẽ; hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước chưa cao. Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, còn chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp với thực tiễn; tổ chức thi hành pháp luật còn chưa tốt, cải cách thủ tục hành chính vẫn còn nhiều vướng mắc. Việc tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của người dân và doanh nghiệp tại một số bộ, ngành, chính quyền địa phương còn chậm, chưa thoả đáng, gây nên những bức xúc kéo dài.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền lợi nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều lúng túng, chất lượng chưa cao. Quyền làm chủ của Nhân dân chưa được thể chế hoá đầy đủ, có lúc, có nơi còn bị vi phạm.

Cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh có mặt chưa hoàn thiện. Bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa được chú trọng đúng mức. Đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ ở một số địa phương chưa tương xứng với phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bảo đảm an ninh cơ sở còn sơ hở, còn để xảy ra vụ việc gây mất an ninh, trật tự; vẫn còn mất cảnh giác trước âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; công tác đấu tranh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Việc triển khai, tổ chức thực hiện các cam kết, thoả thuận quốc tế đã ký kết chậm. Sự kết hợp giữa đối ngoại, hội nhập với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có mặt còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan là do: Bối cảnh quốc tế thay đổi rất nhanh, nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến phức tạp, ngoài dự báo; ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai và biến đổi khí hậu; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động... Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Đó là do nhận thức, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp uỷ, chính quyền và lãnh đạo một số cơ quan, tổ chức, người đứng đầu còn hạn chế; nhiều yếu kém, bất cập tồn đọng, tích tụ từ trước chưa được xử lý triệt để, gây hệ luỵ kéo dài. Hệ thống thể chế

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

phát triển chưa đồng bộ, trở thành "điểm nghẽn của điểm nghẽn". Một bộ phận cán bộ chưa thực sự ngang tầm với nhiệm vụ. Năng lực dự báo tình hình, tư duy và tầm nhìn chiến lược còn hạn chế; "tư duy nhiệm kỳ", "lợi ích nhóm" chưa được khắc phục triệt để; chưa phát huy hiệu quả vai trò "giám sát" của Nhân dân. Đây là những vấn đề cần tập trung khắc phục, sớm giải quyết dứt điểm để tạo nền tảng, điều kiện cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Đánh giá tổng quát, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, tuy còn một số hạn chế, bất cập nhưng đất nước ta đã đạt được những kết quả rất quan trọng, toàn diện, đột phá, nhiều điểm sáng nổi bật, cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Tiềm lực, sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế được nâng lên, tạo đà tăng trưởng nhanh cho giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, cuối nhiệm kỳ đã ban hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả cao nhiều quyết sách chiến lược mang tính cách mạng. Kết quả cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cho thấy đây là một chủ trương rất đúng, rất trúng, gần dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn, xuất phát từ tầm nhìn chiến lược để phát triển đất nước lâu dài, có ý nghĩa lịch sử, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế đánh giá cao; các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, phục vụ Nhân dân, sát cơ sở, cơ bản thông suốt, ổn định. Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, bảo đảm ổn định vĩ mô, duy trì được đà tăng trưởng khá. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước được giữ vững; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Môi trường hoà bình được giữ vững; đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, nâng tầm và đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, toàn diện, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tin tưởng. Phát triển con người, văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng lên; sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy, đồng thuận xã hội được tăng cường, củng cố. Việt Nam là điểm sáng được thế giới đánh giá cao về an toàn và ổn định xã hội; đột phá về tư duy, tầm nhìn, có cách làm mới trong lãnh đạo và quản trị phát triển, thể hiện bản lĩnh vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, chủ động nắm bắt thời cơ, kiến tạo phát triển, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn mới của đất nước. Vai trò lãnh đạo, uy tín của

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đảng tiếp tục được nâng cao, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. Bài học kinh nghiệm sau 40 năm đổi mới

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 40 năm đổi mới, trong đó có những đóng góp nổi bật của nhiệm kỳ Đại hội XIII là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục, là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Nhân dân ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại; qua đó chúng ta đã đúc kết được *những bài học kinh nghiệm quý báu mang tầm lý luận, có giá trị định hướng thực tiễn cho sự nghiệp cách mạng của đất nước trong kỷ nguyên mới:*

Thứ nhất, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, lấy phát triển để ổn định và ổn định để thúc đẩy phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng hơn vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Phát huy vai trò hạt nhân chính trị của Đảng trong kiến tạo tư duy phát triển, dẫn dắt thể chế, định hình chiến lược, thúc đẩy đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng vươn mình của dân tộc. Xây dựng tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở gần dân, vì dân, sát cơ sở, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Thứ ba, quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm "Dân là gốc". Phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp và hạnh phúc của Nhân dân; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ. Tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ tư, bám sát thực tiễn, nắm chắc và dự báo đúng tình hình; phản ứng chính sách chủ động, linh hoạt, kịp thời, phù hợp; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; phân công, phân cấp, phân quyền bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; kiểm tra, giám sát chặt chẽ bảo đảm thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng. Nâng cao chất lượng thể chế phát triển, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông, phát huy và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, không ngừng đổi mới tư duy, nhất là tư duy chiến lược; tôn trọng quy luật khách quan; nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; chủ động ngăn ngừa, phòng, chống bệnh chủ quan duy ý chí, giáo điều, cơ hội, bảo thủ. Giải quyết tốt quan hệ giữa kế thừa, bổ sung và phát triển; giữa kiên định và đổi mới; kết hợp nhuần nhuyễn và kịp thời giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận; giữa tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới. Lý luận về đường lối đổi mới là tổng thể các quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Nhân dân là trung tâm, là chủ thể; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 3 trụ cột nền tảng: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng thành công một nước Việt

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là sự vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới; là sự bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phù hợp với các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn đất nước và xu thế thời đại; kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa, giá trị văn hoá và các thành tựu phát triển của nhân loại; là ngọn đuốc soi đường tiếp tục dẫn dắt chúng ta thực hiện thành công khát vọng, tầm nhìn và các định hướng chiến lược, lập nên những kỳ tích phát triển mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước

Bối cảnh thế giới

Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, phân mảnh và phân tuyến mạnh. Hoà bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều thách thức mới. Các nước lớn và các trung tâm quyền lực tiếp tục điều chỉnh chiến lược, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, thoả hiệp, song cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt hơn. Xung đột, chiến tranh, chạy đua vũ trang công nghệ cao diễn ra ở nhiều khu vực, nguy hiểm hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh.

Toàn cầu hoá và liên kết kinh tế vẫn tiến triển, dù đối mặt với nhiều khó khăn mới, thách thức lớn; chủ nghĩa bảo hộ, chính sách thuế quan áp đặt, nguy cơ chiến tranh thương mại đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương tiếp tục là phương thức quan trọng trong ngăn ngừa và giải quyết các vấn đề toàn cầu, hoà bình, các tranh chấp, xung đột, song đang đối mặt với nhiều trở ngại. Các thách thức toàn cầu tiếp tục tác động bất lợi đến an ninh và phát triển của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có. Xu thế tự chủ chiến lược, đua tranh về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực... ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, song cũng là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, trong đó có Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột. ASEAN tiếp tục tăng cường hợp tác, liên kết, thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng 2045, đồng thời nỗ lực khẳng định vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, song đang phải đối mặt với nhiều thách thức mới cả bên trong và bên ngoài.

Bối cảnh trong nước

Sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để đất nước vươn mình trong kỷ nguyên mới. Vai trò, nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được đổi mới và nâng cao; nền tảng tư tưởng, lý luận được bổ sung, phát triển toàn diện. Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả nổi bật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng hoàn thiện, năng lực điều hành và hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cùng với những quyết sách chiến lược: Đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế; đột phá về phát triển giáo dục, đào tạo; về chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân... đang mở ra cơ hội lịch sử, bước ngoặt cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, trong 5 năm tới, đất nước ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có những mặt gay gắt, nặng nề hơn so với giai đoạn trước. Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững. Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra đã từng bước được khắc phục, song có mặt còn diễn biến phức tạp. Nguy cơ bao trùm là nguy cơ tụt hậu, nhất là về công nghệ và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Tư duy phát triển chưa theo kịp các xu thế phát triển của thế giới, phản ứng chính sách chưa kịp thời, chậm điều chỉnh và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Quá trình già hoá dân số diễn ra nhanh hơn so với dự báo. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục thực hiện nhiều thủ đoạn, âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, nhất là bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia ở Biển Đông, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ, bảo vệ chủ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quyền, an ninh quốc gia trên không gian mạng, an ninh nguồn nước còn nhiều thách thức.

Thế giới đang trải qua *những thay đổi mang tính thời đại*, tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức lớn đan xen; trong nước đang triển khai *những quyết sách chiến lược mang tính cách mạng*, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn; đồng thời đây cũng là bước ngoặt mới, vận hội mới mang tính lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Quan điểm chỉ đạo

(1) Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển, lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, nâng cao đời sống và hạnh phúc của Nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(2) Nhận diện sớm, tranh thủ mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; đẩy mạnh đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng cường chủ động hội nhập quốc tế kết hợp chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

(3) Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hoá, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất; hoàn thiện thể chế phát triển gắn với thực hiện đồng bộ 4 chuyển đổi: Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực; thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(4) Phát huy sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường với củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

(5) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đoàn kết, thống nhất; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị; nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước. Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

3. Mục tiêu phát triển

Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

4. Về các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm 2026 - 2030

- *Về kinh tế:* Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

55%. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 8,5%/năm. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%.

Tổng tích luỹ tài sản khoảng 35 - 36% GDP; tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng khoảng 61 - 62% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 40% GDP, trong đó tỉ lệ đầu tư công chiếm 20 - 22%. Tỉ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đạt 18% GDP; bội chi ngân sách khoảng 5% GDP.

- *Về xã hội:* Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,78; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 20%; tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm%/năm.

- *Về môi trường:* Tỉ lệ che phủ rừng duy trì mức 42%; tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 65 - 70%; lượng phát thải khí nhà kính giảm 8 - 9%; tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt khoảng 98 - 100%; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

III- TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới, bảo đảm quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân; tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là rất quan trọng.

- Tiếp tục hoàn thiện, triển khai hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền, phân công, cơ chế hoạt động, kiểm tra, giám sát và mối quan hệ giữa các tổ chức, cơ quan, đơn vị cả Trung ương và địa phương bảo đảm hoạt động thông suốt, đồng bộ, nhịp nhàng; nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thể chế hoá, cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước gắn liền với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

năng lực quản lý của Nhà nước, năng lực quản trị quốc gia kiến tạo phát triển. Tiếp tục cụ thể hoá và chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách mang tính đột phá của Trung ương, Bộ Chính trị từ năm 2024 đến nay.

Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng dân cư trong việc tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong hoạt động "tự chủ - tự quản" theo pháp luật. Xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước; đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá để sớm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bảo đảm thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới. Có cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các mô hình kinh tế mới và các dự án trọng điểm, quy mô lớn như: Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia; đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện mặt trời, điện gió ngoài khơi...

Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý và tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, góp phần nâng cao rõ rệt chỉ số cải cách hành chính quốc gia trên các bảng xếp hạng quốc tế.

Hoàn thiện thể chế để nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế và hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, sức mạnh tổng hợp và nâng cao năng lực cạnh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tranh của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các doanh nghiệp Việt Nam.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các giá trị cơ bản: Dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học; bảo đảm phát triển văn hoá ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, để văn hoá thực sự là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước; xây dựng và thực hiện đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững, tăng cường sự tham gia của các chủ thể, sự giám sát của Nhân dân; gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

- Hoàn thiện đồng bộ thể chế quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Chủ động xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Thể chế hoá đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bổ sung, hoàn thiện thể chế để phát huy cao nhất vai trò của 3 trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp của nền ngoại giao Việt Nam tiên phong, toàn diện, hiện đại.

IV- XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, LẤY KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH

Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực. Xác định các động lực tăng trưởng mới và lấy khoa học công nghệ là trọng tâm để làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống. Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Đổi mới tư duy và đẩy mạnh cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công. Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo, nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát hoạt động tài chính, ngân hàng.

- Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như: Năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số và sinh học. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như: Công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hoá, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Từng bước xây dựng, phát triển công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghiệp không gian vũ trụ, công nghiệp lượng tử. Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh; công nghiệp xây dựng hiện đại; công nghiệp văn hoá, kinh tế di sản; một số cụm liên kết ngành công nghiệp quan trọng, các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiện đại trên phạm vi vùng và liên vùng.

- Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hoá, giáo dục, y tế. Đẩy mạnh xã hội hoá trong cung cấp dịch vụ công.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản, xây dựng các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ. Phát triển các loại hình dịch vụ mới, dịch vụ kết nối có giá trị gia tăng cao, có lợi thế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, tài sản số, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics... Đẩy mạnh xã

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hội hoá để phát triển các dịch vụ văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, thể thao, dịch vụ việc làm... Xây dựng và phát triển một số trung tâm dịch vụ, du lịch chất lượng cao; một số trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới; các trung tâm logistics lớn gắn với các cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế, các cửa khẩu quốc tế lớn, hiện đại, tự động hoá cao. Xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia về dịch vụ, du lịch mang đậm bản sắc văn hoá, con người Việt Nam.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tự chủ sản xuất trong nước với việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chính, lấy hội nhập quốc tế làm phương thức để huy động mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy nhanh tốc độ nâng cao chất lượng đô thị hoá bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới. Chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD), khai thác hiệu quả không gian ngầm, nhất là tàu điện ngầm tại các đô thị lớn. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội.

- Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển để khai thác, sử dụng hiệu quả không gian biển. Phát triển đồng bộ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái, chuỗi đô thị, hành lang giao thông đường bộ ven biển... Xây dựng các trung tâm hậu cần nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm; phát triển nuôi trồng hải sản trên biển quy mô lớn, công nghệ cao. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên một số đảo trọng điểm, chiến lược.

- Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế. Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối lớn, dẫn dắt và định hướng chiến lược; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò trụ cột, tiên phong trong một số lĩnh vực quan trọng như năng lượng, công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp chế tạo, công nghiệp vật liệu mới, tài chính - ngân hàng, kết cấu hạ tầng...

Tạo môi trường thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hoá thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam lớn, mạnh, ngang tầm khu vực và thế giới. Hỗ trợ tích cực và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp và phi nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường. Phát triển các làng nghề gắn với phát huy các giá trị văn hoá và bảo vệ môi trường.

Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; tập trung chủ yếu cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát thải thấp. Tăng cường thu hút đầu tư gián tiếp, đặc biệt là các quỹ đầu tư. Thúc đẩy kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước, thực hiện có hiệu quả quá trình chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nguồn nhân lực; hình thành hệ sinh thái và tăng cường chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước.

- Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Đổi mới tư duy từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển vùng; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện cụ thể của từng địa phương, vùng và cả nước. Tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ, chất lượng cao hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát huy vai trò của các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách điều phối và quản lý phát triển vùng.

V- PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN VĂN HOÁ VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hoá; xây dựng môi trường văn hoá, đời sống, lối sống văn hoá trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư. Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hoá gắn với phát triển kinh tế di sản. Xây dựng, phát triển văn học - nghệ thuật xứng tầm với lịch sử văn hoá dân tộc và tầm vóc của công cuộc đổi mới. Xây dựng các thiết chế và tổ chức các hoạt động văn hoá theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn cơ sở, người dân làm trung tâm. Xây dựng nền báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số. Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Chủ động, tích cực hợp tác, quảng bá hình ảnh đất nước, giá trị văn hoá và con người Việt Nam ra thế giới. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hoá của Nhân dân.

Nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo, quản lý về văn hoá và phát triển con người. Chăm lo đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hoá, nhất là văn hoá cơ sở. Ưu tiên phát triển các cơ sở đào tạo văn hoá, nghệ thuật; có chính sách hỗ trợ các bộ môn nghệ thuật truyền thống.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về văn hoá. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và quản lý tốt môi trường văn hoá; phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số.

Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh gắn với xây dựng, hoàn thiện con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và những người làm công tác văn hoá.

Nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân; chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích tìm tòi, xây dựng và phát triển sáng tạo những mô hình, thiết chế văn hoá, thể thao và quản lý văn hoá có hiệu quả.

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Phát huy có hiệu quả giá trị văn hoá và tinh thần cống hiến của con người Việt Nam,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

để văn hoá thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực và hệ điều tiết phát triển đất nước.

Chú trọng phát triển văn hoá chính trị. Phát triển văn hoá kinh doanh, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân.

Xây dựng văn hoá gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Phát triển, lan toả các giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức; tăng cường "sức đề kháng" của văn hoá, chống lại mọi sự "xâm lăng" về văn hoá; bài trừ các hình thức văn hoá lai căng, hủ lậu ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục; đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hoá và truyền thống cách mạng.

VI- XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN ĐẠI, NGANG TẦM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI

Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc. Phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Thực hiện có hiệu quả các quyết sách chiến lược nhằm xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng "chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế". Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược.

Xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Phát triển giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là cấu phần quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Hiện đại hoá giáo dục đại học, có chính sách đột phá phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đưa năng lực số vào chương trình giáo dục phổ thông. Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội đối với đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học và cán bộ quản lý giáo dục.

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, liên thông giữa các phương thức, trình độ và cấp học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chuẩn hoá chất lượng và kiểm soát chặt chẽ đầu ra. Coi trọng các môn khoa học cơ bản, nền tảng. Tăng cường định hướng nghề nghiệp ngay từ bậc học phổ thông; chú trọng phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông. Phát triển các trường đào tạo nghề chất lượng cao ngang tầm khu vực và thế giới. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, các cơ sở đào tạo; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; bảo đảm điều kiện học tập suốt đời cho người dân.

Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất, có sự phân công, phân cấp, phân quyền hợp lý; đổi mới quản trị, bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo.

Phát triển hài hoà giáo dục và đào tạo giữa các vùng, miền; có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu trường, thiếu lớp và thiết bị dạy học.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia vào mạng lưới học tập toàn cầu; thu hút mạnh mẽ các nguồn lực cho giáo dục; khuyến khích các nhà giáo, nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nước; đẩy mạnh việc đưa cán bộ, học sinh, sinh viên đi đào tạo ở nước ngoài và thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam.

Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; chú trọng thu hút các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước, nhất là các ngành khoa học cơ bản và các lĩnh vực đặc biệt quan trọng.

Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập suốt đời, phát triển các mô hình, phương thức, phong trào học tập theo hướng đa dạng hoá, phù hợp với các đối tượng, từng địa phương. Phát huy vai trò và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc đẩy mạnh phát triển xã hội học tập; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là ở biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đào tạo từ xa; hỗ trợ những người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

VII- ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội, phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao.

Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đạt trình độ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao. Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Tạo môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân tin tưởng, sẵn sàng tham gia đầu tư, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hình thành các tổ chức, các nhóm nghiên cứu và triển khai mạnh, đạt trình độ khu vực và thế giới. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn, kinh tế dữ liệu. Chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ; xây dựng mạng lưới đổi mới sáng tạo, thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách đào tạo, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, môi trường hoạt động sáng tạo cho đội ngũ chuyên gia, nhất là những chuyên gia giỏi, có nhiều cống hiến cho đất nước.

Chủ động, tích cực tiếp cận nhanh và khai thác có hiệu quả cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, công nghệ không gian vũ trụ, công nghệ lượng tử. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, khẳng định chủ quyền ở những lĩnh vực then chốt mà Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế.

Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số, thực hiện số hoá toàn diện trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng công nghệ quốc gia; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia phù hợp với quốc tế; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, liên thông với khu vực và thế giới. Bảo vệ và nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, tài nguyên số. Tăng cường liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu, các trường đại học với doanh nghiệp trong nghiên cứu, triển khai khoa học, công nghệ.

Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo. Xây dựng, nuôi dưỡng văn hoá đổi mới sáng tạo. Nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia, địa phương, ngành. Thúc đẩy liên kết giữa hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng gắn với các chuỗi giá trị, mạng lưới đổi mới sáng tạo khu vực và toàn cầu.

Phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, cụm liên kết đổi mới sáng tạo, các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quỹ đầu tư mạo hiểm, các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới và mạng lưới đổi mới sáng tạo mở...

VIII- QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quá trình già hoá dân số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý trên cơ sở hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội. Khuyến khích các mô hình, cách làm sáng tạo trong quản trị phát triển cộng đồng bền vững.

Đẩy mạnh xây dựng chính phủ số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số và phát triển, nâng cao số lượng và chất lượng dân số, tận dụng có hiệu quả thời kỳ dân số vàng, thích ứng với quá trình già hoá dân số diễn ra rất nhanh ở nước ta. Có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng.

Bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội và an ninh con người. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân, toàn diện, lấy con người là trung tâm, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức, mở rộng tín dụng chính sách xã hội phù hợp điều kiện, trình độ phát triển của Việt Nam, "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng và kỹ năng trong công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế từ Trung ương đến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi của xu hướng bệnh tật và bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu có chất lượng và được khám sức khoẻ miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

Phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo và cơ bản miễn viện phí toàn dân. Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, chế độ dinh dưỡng cho người dân, nhất là các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Tăng cường kiểm soát, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Bảo đảm mức sống của gia đình người có công từ mức trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi và trẻ em, nhất là trẻ em gái. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Khuyến khích làm giàu chính đáng, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu.

IX- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.

Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất, khoáng sản, thị trường năng lượng; thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường tín chỉ cácbon trong nước kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

Chú trọng hợp tác quốc tế trong việc quản lý và sử dụng nguồn nước bảo đảm lợi ích quốc gia. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế ưu đãi quốc tế phục vụ chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia, bảo vệ môi trường. Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm.

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hiệu quả chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao. Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các đô thị lớn, làng nghề, đặc biệt là môi trường không khí ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển.

X- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ nền văn hoá và uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước.

Tăng cường tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Thực hiện có hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại.

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chủ động chuẩn bị nguồn lực quốc gia, nâng cao khả năng huy động đáp ứng yêu cầu trong mọi tình huống quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại; nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đột, mất an ninh, trật tự từ sớm, từ xa. Bảo đảm về mọi mặt để giữ vững ổn định chính trị, xã hội, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố; ứng phó kịp thời, hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ, khắc phục hậu quả chiến tranh.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng; bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu cao, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng vững mạnh, hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Giữ vững và phát huy truyền thống Quân đội nhân dân, phẩm chất cao đẹp "Bộ đội Cụ Hồ" và phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam; thực hiện tốt chức năng đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất. Tiếp tục hoàn chỉnh tổ chức bộ máy Công an nhân dân theo hướng "Bộ tinh, tỉnh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở". Giữ vững và phát huy truyền thống Công an nhân dân "Vì nước quên thân, vì dân phục vụ". Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, trên các vùng, miền, trên biển; xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Quan tâm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng vũ trang; thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và chính sách hậu phương quân đội, công an. Tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học quân sự, khoa học an ninh, thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại. Chú trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam, nghệ thuật chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

XI- ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, SÁNG TẠO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, TOÀN DIỆN, HIỆU QUẢ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế của đất nước. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Chủ động, tích cực đóng góp vào hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; tham gia chủ động, có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế.

Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, các ngành, các cấp, các địa phương chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; tranh thủ các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài cho sự phát triển đất nước.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam; thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển bằng các biện pháp hoà bình, tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở Biển Đông trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Xây dựng, củng cố đường biên giới hoà bình, hữu nghị, an ninh, hợp tác và phát triển; phối hợp giải quyết các vấn đề còn tồn tại và nảy sinh liên quan đến đường biên giới trên bộ, trên biển với các nước láng giềng.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả 3 trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp với đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao. Bảo đảm nguồn lực cho đối ngoại tương xứng với thế và lực mới của đất nước để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong nền chính trị thế giới, kinh tế toàn cầu và văn minh nhân loại. Phát huy hiệu quả các phương thức ngoại giao đa dạng, đặc biệt là ngoại giao cấp cao, ngoại giao chuyên ngành. Coi trọng và

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hoá, quốc phòng, an ninh; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đối ngoại Việt Nam.

Thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các nước bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng, tiềm năng khác đi vào chiều sâu, thực chất, ổn định, tăng độ tin cậy và bền vững lâu dài. Tranh thủ và phát huy tối đa cơ hội từ các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương; đề cao, bảo vệ và phát huy vai trò của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế; vai trò thành viên chủ động, tích cực, quan trọng và có trách nhiệm tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là các cơ chế có tầm quan trọng chiến lược đối với đất nước như: ASEAN, hợp tác tiểu vùng Mê Công, Liên hợp quốc, APEC...; phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể; chủ động tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương.

Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN tăng cường hiệu quả hợp tác, xây dựng Cộng đồng vững mạnh; củng cố đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực và toàn cầu.

XII- PHÁT HUY MẠNH MẼ VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NHÂN DÂN, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, SỨC MẠNH CỦA NHÂN DÂN VÀ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Quán triệt sâu sắc quan điểm "Dân là gốc", Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; lấy hạnh phúc, sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở và phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

sạch, vững mạnh toàn diện. Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về các quyết định của mình.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có cơ chế phù hợp, thuận lợi và tin cậy để Nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước; nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân. Thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; chống các biểu hiện dân chủ hình thức.

Cấp uỷ, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, trách nhiệm, đạo đức xã hội. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm, trật tự, kỷ cương xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, lợi dụng dân chủ chống phá Đảng, Nhà nước, làm mất ổn định chính trị - xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng của khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp xã hội và mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển; nêu cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng với quốc gia - dân tộc.

Xây dựng *giai cấp công nhân Việt Nam* hiện đại, lớn mạnh về cả số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, thực sự là giai cấp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng *giai cấp nông dân Việt Nam* văn minh, phát triển toàn diện, có ý chí, tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên; phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Xây dựng và phát triển *đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam* vững mạnh toàn diện, có cơ cấu hợp lý, chất lượng cao, giàu lòng yêu nước, có nhân cách và lý tưởng cách mạng, tiêu biểu cho trí tuệ Việt Nam.

Chăm lo xây dựng *phụ nữ Việt Nam* thời đại mới, phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh, trí tuệ và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của phụ nữ; tích cực xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.

Xây dựng *đội ngũ doanh nhân Việt Nam* lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, năng lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế, góp phần phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Tăng cường giáo dục *thế hệ trẻ Việt Nam* về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng cống hiến, nêu cao trách nhiệm đối với đất nước, xã hội.

Phát huy vai trò của *cựu chiến binh, cựu công an nhân dân* trong giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" và truyền thống "người công an cách mệnh".

Phát huy trí tuệ, uy tín, kinh nghiệm của *người cao tuổi* trong gia đình, cộng đồng và xã hội; bảo vệ, chăm sóc người cao tuổi, nhất là trong điều kiện già hoá dân số nhanh.

Bảo đảm *các dân tộc* bình đẳng, đoàn kết, tương trợ cùng phát triển. Thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo đa chiều bền vững.

Bảo đảm, tôn trọng quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo* và không tín ngưỡng, tôn giáo của người dân; vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành sống "tốt đời, đẹp đạo", đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước.

Đẩy mạnh vận động *người Việt Nam ở nước ngoài*, nhất là thế hệ trẻ, gắn bó với quê hương, giữ gìn bản sắc và văn hoá dân tộc; tăng cường bảo hộ công dân; hỗ trợ để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, hội nhập xã hội, đóng góp tích cực cho sở tại và đất nước.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt chính trị của *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* và *các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp* trong phát huy quyền làm chủ của

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhân dân, tập hợp, phát huy mọi nguồn lực, năng lực sáng tạo của Nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xác định cơ sở, nội dung cốt lõi, nguyên tắc và các hình thức, biện pháp liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân trong giai đoạn mới. Xây dựng và triển khai Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045.

XIII- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; luôn phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013 phù hợp với thực tiễn, yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Tiếp tục xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân; phát huy tính dân chủ, pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, khoa học, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm giải thích pháp luật của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức và quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Phát huy vai trò của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ trong xây dựng thể chế phát triển, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý vĩ mô, cơ chế phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp và kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hiện đại, hiệu quả, giảm mạnh các thủ tục hành chính trong hoạt động của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương với phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Tiếp tục hoàn thiện việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, khai thác hiệu quả không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng phù hợp với đặc thù từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển vùng, liên kết vùng.

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và hoạt động hiệu lực, hiệu quả của hệ thống Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hoàn thiện các thiết chế trợ giúp pháp lý, bổ trợ tư pháp và các thiết chế khác, góp phần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý. Tiếp tục đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của Kiểm toán Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, công bằng, dân chủ, minh bạch, khả thi, ổn định để tạo lập nền tảng cho hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các lĩnh vực mới, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc; khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, chú trọng công tác giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất.

Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Nâng cao hiệu quả liên kết vùng; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược và cấp cơ sở, có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm và đạo đức công vụ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Có chính sách đãi ngộ, chế độ tiền lương, thu nhập bảo đảm đời sống để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

XIV- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN; NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn, tự đổi mới để Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh, nâng tầm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.

Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, đường lối phù hợp với quy luật khách quan, thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng trên mọi lĩnh vực. Kế thừa, bổ sung, phát triển Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới. Kiên quyết khắc phục những yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, vai trò nêu gương, tính chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, cán bộ cấp chiến lược.

Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội, về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới. Nâng cao chất lượng hoạt động trao đổi lý luận với các đảng cộng sản và các chính đảng trên thế giới. Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; quản lý có hiệu quả an ninh mạng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số. Đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, trọng dụng các chuyên gia đầu ngành.

Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức. Nâng cao hơn nữa nhận thức xây dựng Đảng về đạo đức trong cấp uỷ các cấp, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nêu gương. Giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự của cán bộ, đảng viên. Nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, để Đảng ta thực sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới.

Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân, giữa các vùng, địa phương. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhất là từ cơ sở. Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong dân tộc, tôn giáo; nắm chắc tình hình nhân dân, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp.

Bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện. Tập trung xây dựng các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương thực sự là hạt nhân trí tuệ, là "bộ tổng tham mưu chiến lược"; đổi mới mạnh mẽ hoạt động của các ban, cơ quan của Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tham mưu chiến lược cho Trung ương. Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật và nâng cao chất

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lượng các dự án luật; tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền, bảo đảm đúng mục tiêu Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; Chính phủ tập trung cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả; tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, bổ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung cho cơ sở, gắn bó với đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng của Đảng; xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp uỷ, của chính quyền địa phương thực sự tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ các tổ chức, bảo đảm các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, phục vụ tốt người dân và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, thực hiện phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính triệt để, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031; phân cấp quản lý biên chế cho các cấp uỷ trực thuộc Trung ương. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó quan tâm các lĩnh vực giáo dục, y tế ở các địa bàn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường, đặc khu và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên, khắc phục tình trạng hình thức trong sinh hoạt chi bộ, trong đánh giá, xếp loại hằng năm đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cấp uỷ viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng tại cơ sở. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm, phê bình, tự phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; quan tâm phát triển đảng viên trong công nhân, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp, khu vực ngoài nhà nước, người có tôn giáo, người ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

Chú trọng xây dựng Đảng về cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và bảo đảm quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu. Khẩn trương thực hiện hiệu quả, đồng bộ thể chế về công tác cán bộ; đặc biệt tập trung triển khai nghiêm các quy định mới ban hành, nhất là trong đánh giá, đào tạo, sử dụng cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí, gắn với sản phẩm cụ thể, theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh; coi trọng uy tín trong Đảng và tín nhiệm trong Nhân dân; theo đúng chủ trương "có vào có ra", "có lên có xuống". Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước; tăng cường cán bộ cho các địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả việc bố trí chức danh bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, chánh thanh tra, giám đốc công an cấp tỉnh không phải là người địa phương; nghiên cứu thực hiện việc bố trí chức danh người đứng đầu các ngành, lĩnh vực: Kiểm sát, toà án, thuế cấp tỉnh không phải là người địa phương. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; kiên quyết khắc phục những yếu kém, bất cập, sơ hở trong công tác cán bộ. Đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các hành vi chạy chức, chạy quyền; coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự của cán bộ. Kịp

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thời thay thế, cho từ chức những cán bộ yếu kém về năng lực, thiếu trách nhiệm, uy tín thấp, sai phạm và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả thực hiện nhiệm vụ yếu kém mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm. Coi trọng và thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của Đảng. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, "lợi ích nhóm" và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, gắn kiểm tra, giám sát với các phương thức kiểm soát quyền lực khác, kiểm tra, giám sát là phương thức lãnh đạo chủ yếu, rất quan trọng để giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Chuyển trọng tâm sang giám sát thường xuyên; chủ động, ngay từ đầu, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của cấp uỷ các cấp; bảo đảm mọi chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; không để "khoảng trống", "vùng tối" mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được. Chú trọng công tác tự kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng ngay từ cơ sở, chủ động phòng ngừa, cảnh báo, xử lý vi phạm từ sớm, từ xa, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Cấp uỷ, tổ chức đảng phải thực hiện toàn diện, hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng được giao. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của hệ thống cơ quan uỷ ban kiểm tra của Đảng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra của Đảng. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, đáp ứng yêu cầu "kiểm tra, giám sát trên dữ liệu", nhất là kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ diện cấp uỷ quản lý.

Kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp để xây dựng, hoàn thiện cơ chế "không thể", "không dám", "không muốn", "không cần" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, với quyết tâm chính trị rất cao, từ Trung ương đến cơ sở; trong đó phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá. Hoàn thiện, kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao tính chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; chủ động phòng ngừa, tự phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ. Kiểm soát chặt chẽ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật. Tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, truy bắt, dẫn độ những đối tượng bỏ trốn. Xây dựng văn hoá liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, có chế độ tiền lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để không muốn và không cần tham nhũng, tiêu cực.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Đảng lãnh đạo, cầm quyền. Cụ thể hoá và thực hiện hiệu quả mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng bảo đảm rõ trọng tâm, rõ nguồn lực, rõ kết quả, bảo đảm nghị quyết ban hành thực sự đi vào cuộc sống. Chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp uỷ các cấp, nhất là người đứng đầu. Hoàn thiện thể chế, thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị, đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, vai trò nêu gương của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong Đảng; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo, tham mưu của Đảng từ Trung ương tới cơ sở. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

XV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Những nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nhất là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thật sự có đức, có tài, không ngừng tự đổi mới, ngang tầm nhiệm vụ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(3) Đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, gắn với bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường sinh thái.

(4) Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược, trọng tâm là

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực then chốt nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của nền kinh tế.

(5) Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hoá thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an ninh, an sinh, an toàn, an dân, nhất là các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế, lực lượng lao động trong khu vực phi chính thức, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

(6) Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại; nâng tầm và phát huy vai trò đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân trong việc kiến tạo môi trường hoà bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

2. Các đột phá chiến lược

Các đột phá chiến lược xác định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng có giá trị chỉ đạo thực hiện cho cả giai đoạn 2021 - 2030, song để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong nhiệm kỳ 2026 - 2030 tập trung vào những nội dung then chốt sau đây:

(1) Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương; thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ, kiến tạo phát triển; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới.

(2) Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới mạnh mẽ công

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống". Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước.

(3) Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

*
* *

Đất nước ta đã thực sự bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy cao độ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, sức mạnh của Nhân dân và đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đổi mới mạnh mẽ tư duy; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quyết sách chiến lược; quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; đưa đất nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030; thiết thực kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và ước vọng của toàn thể dân tộc ta.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng
(Kèm theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng)

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược, đồng thời bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Chương trình hành động đề ra những nhiệm vụ, đề án, công trình, dự án quan trọng, có tính chiến lược trong giai đoạn 2026 - 2030, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIV đề ra.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng phải nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

II- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước

a) Thể chế chính trị

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, ban hành các nghị quyết, kết luận, quy định của Đảng để triển khai kịp thời các quyết sách chiến lược của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Vận hành thông suốt tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa chính quyền, Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân.

- Hoàn thiện đồng bộ cơ chế hoạt động để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể được tham gia sâu rộng trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

- Hình thành các mô hình "tự quản - tự chủ - tự giám sát" ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiến tạo phát triển của Nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sinh hoạt Đảng, giám sát nội bộ, đánh giá cán bộ.

b) Thể chế kinh tế

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng…

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh tế mới nổi khác.

- Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Phấn đấu đến năm 2030, nâng cao xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu của ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.

- Thành lập và vận hành hiệu quả Cổng đầu tư một cửa quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu.

- Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia, đồng thời tập trung các mô hình kinh tế đột phá gồm: Đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi, sản xuất công nghiệp hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư… cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, nâng cao hiệu quả điều phối và liên kết phát triển vùng.

c) Thể chế phát triển văn hoá và con người

- Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp sâu rộng vào chương trình giáo dục, các hoạt động truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở.

- Xây dựng các chính sách đột phá, hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí, bảo tồn và phát huy di sản và khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo trong nghệ thuật, thiết kế, sản xuất nội dung số.

d) Thể chế quản lý phát triển xã hội

- Thiết lập và hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội linh hoạt; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Thiết lập các thể chế, chính sách nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển cho các nhóm yếu thế; tăng cường kết nối chặt chẽ, hiệu quả giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

đ) Thể chế quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu

- Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý để phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế cácbon thấp, thiết lập và vận hành sàn giao dịch tín chỉ cácbon nội địa.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát môi trường thời gian thực; quy định bắt buộc báo cáo và kiểm soát chặt chẽ khí thải đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Ban hành các cơ chế, chính sách đồng bộ nhằm cơ bản khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị lớn, đặc biệt là ô nhiễm ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đối ngoại độc lập, tự chủ, toàn diện và hiện đại.

- Hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động của ba trụ cột đối ngoại: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; đẩy mạnh phát triển các hình thức ngoại giao nhân dân, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công nghệ, ngoại giao số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai và các đảo tiền tiêu khác...

2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

a) Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển

- Hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách tín dụng theo cơ chế thị trường gắn với bộ tiêu chí kiểm soát chặt chẽ an toàn tín dụng.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý quản lý thị trường vàng,; nghiên cứu thành lập Sở giao dịch vàng với hình thức phù hợp.

- Xây dựng Đề án tổng thể quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công - tư khác...

b) Xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Xây dựng, triển khai Đề án tổng thể xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.

- Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ.

- Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi.

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử.

- Xây dựng, triển khai Đề án nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian tầm thấp, không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo quốc phòng - an ninh.

- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển du lịch với các giải pháp chiến lược, đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030.

- Thành lập, phát triển các trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

- Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế.

- Phát triển các cụm kinh tế biển đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh. Phát triển đội tàu vận tải biển, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển, hiện đại hoá ngành ngân hàng; bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng tín dụng, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo, dẫn dắt, định hướng; nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, tài sản công; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân.

- Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 2 triệu doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

- Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD).

- Khai thác không gian ngầm, phát triển tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.

3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá và con người Việt Nam

- Tổ chức thực hiện Hệ giá trị quốc gia, Hệ giá trị văn hoá, Hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả của các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.

- Xây dựng, triển khai Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm chủ thể và trung tâm.

- Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế, xứng đáng là biểu tượng của thời đại Hồ Chí Minh.

4. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới

- Xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Triển khai lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; đến năm 2030, 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển mạnh mẽ, nâng cao năng lực ngoại ngữ của người Việt Nam; đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Xây dựng, triển khai Đề án đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

- Xây dựng, triển khai Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

- Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

- Xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi[1].

- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực số nhằm trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

---

1. Các ngành như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng (bao gồm cả năng lượng nguyên tử), vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

6. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân

- Xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển.

- Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

- Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khoẻ điện tử của người dân.

- Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

- Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động.

- Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sàn an sinh xã hội quốc gia.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ nhằm giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho cư dân đô thị, người lao động tại các khu công nghiệp và cho các đối tượng yếu thế.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, định giá đất, thu hồi đất và tháo gỡ cơ bản các điểm nghẽn về đất đai.

- Xây dựng, triển khai Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng, triển khai Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng, triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Triển khai thực hiện Đề án thành lập và phát triển thị trường cácbon.

- Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

- Triển khai Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...).

- Triển khai Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi.

- Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

8. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tiến tới xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

- Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại quốc phòng, an ninh.

9. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

- Cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm mới của Đảng về đối ngoại; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch, chương trình thực hiện các văn kiện của Đảng về đối ngoại, hội nhập quốc tế, trong đó có Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh khai thác các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; tiếp tục xác lập, nâng cấp quan hệ với một số đối tác quan trọng, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, thu hút nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam.

- Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương; chủ động, tích cực tham gia định hình các thể chế đa phương.

- Nâng tầm đối ngoại đa phương và song phương.

- Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu - thực chất.

- Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (ngoại giao số, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công thương...).

- Phát triển đội ngũ cán bộ đối ngoại chuyên nghiệp, hiện đại.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

10. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách để bảo đảm quyền Nhân dân được tham gia góp ý vào quá trình xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan đảng, nhà nước trước Nhân dân.

- Cụ thể hoá các giải pháp, điều kiện để thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân; các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và người Việt Nam ở nước ngoài.

- Tổ chức các đề án, đề tài nghiên cứu thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

11. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27 về tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Cổng Pháp luật quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số.

- Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia.

- Xây dựng hệ thống đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

12. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng

a) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

- Tổng kết 100 năm Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ những vấn đề mới phát sinh; xây dựng cơ sở khoa học phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và bổ sung, phát triển Cương lĩnh chính trị của Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, sửa đổi Hiến pháp phù hợp với yêu cầu, điều kiện, bối cảnh mới.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng ở Trung ương và địa phương. Thực hiện các chương trình nghiên cứu chuyên sâu cập nhật xu thế phát triển của thời đại, phân tích thực tiễn Việt Nam phục vụ hoạch định chủ trương của Đảng.

- Xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp uỷ các cấp, khắc phục tình trạng chồng chéo trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

b) Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng

- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu lý luận trọng điểm cấp quốc gia.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện.

- Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cấp chiến lược và cấp xã.

- Củng cố, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, tập trung quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, trọng dụng chuyên gia đầu ngành.

- Nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông về xây dựng Đảng, tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng.

c) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

- Nghiên cứu, hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên theo chức vụ và phát động, tổ chức thực hiện phong trào nêu gương trong toàn hệ thống chính trị với cam kết chính trị - đạo đức cá nhân hằng năm.

- Xây dựng cơ chế thực hiện việc lấy ý kiến Nhân dân đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của cán bộ và các tổ chức đảng, nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về đạo đức công vụ, công khai kết quả xử lý các sai phạm đạo đức.

- Định hướng chính trị, không ngừng nâng cao trình độ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng, hình thành niềm tin khoa học và thực hành đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên.

- Quy chế hoá, chế độ hoá nhằm giữ vững và bảo đảm thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng trong thực tiễn.

d) Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế để bảo đảm phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trong xây dựng luật pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; ***thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú***.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở.

- Kiện toàn tổ chức dân vận các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận nắm chắc địa bàn, am hiểu văn hoá, tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo.

đ) Bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân

- Tiếp tục hoàn thiện và vận hành mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thông suốt, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách hành chính.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Ban hành quy chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền.

- Xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031.

e) Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ mới.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sinh hoạt mang hình thức đối phó.

- Đổi mới hình thức sinh hoạt Đảng phù hợp, tạo điều kiện cho đảng viên ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt, chi bộ đông đảng viên thực hiện việc sinh hoạt Đảng theo Điều lệ.

- Xây dựng, thực hiện các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng cho cán bộ cấp uỷ cơ sở.

- Xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và phát triển đảng viên trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, đặc biệt trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư.

g) Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

- ***Tiếp tục thực hiện nghiêm*** quy định về công tác cán bộ: ***đào tạo,*** quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ phù hợp với yêu cầu

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

mới; chú trọng việc đánh giá cán bộ bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ toàn quốc đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc, cán bộ khoa học kỹ thuật; triển khai cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

- Nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông về nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên về chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết của Đảng.

- Đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát chuyển từ "bị động" sang "chủ động".

- Đổi mới, nâng tầm cơ chế giám sát trong Đảng; tăng cường tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ ngay từ chi bộ để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa.

- Xây dựng và thực hiện quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị; tổ chức các đoàn kiểm tra kịp thời đối với tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm.

- Thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng quy định việc giải quyết tố cáo, khiếu nại. Phối hợp chặt chẽ giữa uỷ ban kiểm tra đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và giám sát xã hội.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

i) Kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Hoàn thiện hệ thống thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: luật pháp, quy trình, chế tài.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ.

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, công khai kết quả xử lý; thành lập các tổ công tác kiểm tra liên ngành tại những lĩnh vực nhạy cảm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về văn hoá liêm chính; ban hành cơ chế lương, thưởng phù hợp để giảm động cơ tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện quy chế về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

k) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp uỷ các cấp theo hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng.

- Đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp uỷ theo hướng linh hoạt, lãnh đạo, điều hành hiệu quả thông qua công nghệ, dữ liệu số.

- Phát triển hệ thống quản lý công việc nội bộ của Đảng trên nền tảng số, có chức năng giám sát kết quả thực hiện nghị quyết; định kỳ tổ chức sơ kết mô hình chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo của các cơ quan Đảng từ Trung ương đến địa phương.

(Có Danh mục các đề án, nhiệm vụ kèm theo).

13. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Về xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách

- Xác định rõ và thực hiện lộ trình sửa đổi, bổ sung các luật quan trọng như: Luật Đất đai, Luật Đầu tư công, Luật Doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước…

- Đẩy mạnh triển khai số hoá và tích hợp hệ tri thức pháp lý quốc gia, tạo nền tảng pháp lý mở, công khai, minh bạch phục vụ người dân, doanh nghiệp và bộ máy quản lý.

- Thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực mới như công nghệ tài chính (FinTech), trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi năng lượng, công nghệ số...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

b) Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền 3 cấp.

- Phát triển đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, trong đó đặc biệt chú trọng tiêu chuẩn hoá, trẻ hoá, chuyên môn hoá và gắn với quy hoạch, đào tạo liên thông.

- Đẩy mạnh triển khai cơ chế phối hợp liên thông giữa Đảng - chính quyền - Mặt trận và đoàn thể ở địa phương.

- Tổ chức hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết và chính sách, gắn với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

- Tăng cường triển khai các hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đi đôi với nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực từ bên trong và bên ngoài hệ thống chính trị.

c) Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế của Việt Nam.

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của một số ngành công nghiệp quan trọng. Phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Xây dựng các đặc khu kinh tế, khu thương mại tự do thế hệ mới, trung tâm tài chính quốc tế.

d) Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Về phát triển nguồn lực con người, văn hoá, xã hội bền vững

- Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp vào chương trình giáo dục, truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở.

- Đầu tư phát triển con người Việt Nam thời đại số, với các chỉ tiêu về sức khoẻ, giáo dục, kỹ năng số, kỹ năng toàn cầu, khả năng học tập suốt đời.

- Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí, dịch vụ văn hoá.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, bao phủ toàn dân; có khả năng hỗ trợ kịp thời đối với nhóm yếu thế, người lao động phi chính thức.

- Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững.

e) Về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc trong thời kỳ mới.

- Đẩy mạnh triển khai chiến lược đối ngoại toàn diện gắn với nâng tầm ngoại giao Việt Nam, kết hợp hài hoà đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Phát triển ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Mở rộng và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác chiến lược về công nghệ, thương mại, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo với các quốc gia phát triển.

14. Về các đột phá chiến lược

a) Đột phá về thể chế

- Xây dựng khung khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu thúc đẩy phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển các mô hình kinh tế mới, các công trình trọng điểm quốc gia.

- Áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt, có khả năng cạnh tranh quốc tế cho các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế.

b) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới công tác cán bộ

- Xây dựng cơ chế đặc thù để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi.

- Từng bước xây dựng "Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ" trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều.

- Xây dựng cơ chế đặc thù về thu nhập, môi trường làm việc, đề bạt, bổ nhiệm để thu hút, sử dụng các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, doanh nhân công nghệ, nhân tài là người Việt Nam ở nước ngoài.

c) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Tập trung đầu tư, xây dựng các trục giao thông đường bộ cao tốc quan trọng; các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế; các cảng hàng không lớn; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, hệ thống đường sắt đô thị ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế và các cảng biển trung chuyển quốc tế; phấn đấu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030.

- Đầu tư, xây dựng hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá kinh tế - xã hội, trong đó, xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn, nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ; phát triển các dự án năng lượng tái tạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, hiện đại cho chuyển đổi số quốc gia; phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Các nội dung về nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá được cụ thể hoá bằng các đề án cụ thể trong Phụ lục 3 của Chương trình hành động.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

2. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động các nguồn lực, động lực mới cho tăng trưởng; tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3.

3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách.

4. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, các ban đảng theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo định kỳ hằng năm. Xây dựng nền tảng số tổng hợp để theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện Chương trình hành động theo thời gian thực; tích hợp dữ liệu liên ngành, cơ chế cảnh báo sớm các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc thiếu nguồn lực.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Tiếp tục cập nhật đến thời điểm trình Đại hội XIV)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp uỷ chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	≥10,0	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Bộ Tài chính
3	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	28	Bộ Công Thương
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương
5	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP (%)	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Bộ Tài chính
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Bộ Tài chính
9	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương
10	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	Bộ Xây dựng
11	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	~ 75,5	Bộ Y tế
12	Thời gian sống khoẻ (năm)	68	Bộ Y tế
13	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	20	Bộ Tài chính
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	19	Bộ Y tế
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	100%	Bộ Y tế
18	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	> 95	Bộ Y tế
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78	Bộ Tài chính
20	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
21	Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)	80	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	Bộ Tài chính

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp uỷ chủ trì
23	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
24	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
26	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 2

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP, GRDP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Tiếp tục cập nhật đến thời điểm trình Đại hội XIV)

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp uỷ chủ trì
	Cả nước	**≥10**	Bộ Tài chính
I	**Theo ngành, lĩnh vực**		
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	3,5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	12,3	
	- Công nghiệp	11,8	Bộ Công Thương
	Trong đó: Công nghiệp chế biến chế tạo	12,4	Bộ Công Thương
	- Xây dựng	14,5	Bộ Xây dựng
3	Khu vực dịch vụ	9,5	
	Trong đó:		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô…	11,2	Bộ Công Thương
	- Vận tải, kho bãi	11,2	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,4	Bộ Công Thương
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	11,5	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước
	- Chuyên môn khoa học, công nghệ	12,0	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,0	Bộ Tài chính
II	**Theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(*)**		Các tỉnh uỷ, thành uỷ
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0	
2	Thành phố Hồ Chí Minh(**)	10,0	
3	Thành phố Hải Phòng	14,0 - 14,5	
4	Thành phố Huế	10,0	
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5	
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5	
7	Lai Châu	10,0	
8	Điện Biên	11,0	
9	Sơn La	8,0 - 8,5	
10	Lào Cai	10,0	
11	Phú Thọ	10,5	
12	Tuyên Quang	10,5	

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp uỷ chủ trì
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0	
14	Thái Nguyên	10,5	
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0	
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0	
17	Bắc Ninh	10,5	
18	Hưng Yên	10,0 - 11,0	
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0	
20	Thanh Hoá	11,0	
21	Nghệ An	11,0 - 12,0	
22	Hà Tĩnh	10,0	
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0	
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5	
25	Gia Lai	10,0 - 10,5	
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5	
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0	
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5	
29	Đồng Nai	10,0	
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5	
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0	
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5	
33	An Giang	9,5 - 10,0	
34	Cà Mau	10,0 - 10,5	

Ghi chú:

(*) *Theo mục tiêu phấn đấu đăng ký của các địa phương.*

(**) *Tốc độ tăng trưởng GRDP Thành phố Hồ Chí Minh không kể dầu khí khoảng 10,5 - 11,0%/năm.*

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Tiếp tục cập nhật đến thời điểm trình Đại hội XIV)

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
I-	**TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC**				
1.	Xây dựng và thực hiện các quy định về cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
2.	Ban hành các nghị quyết, kết luận, quy định để triển khai kịp thời các quyết sách chiến lược của Đảng	Các ban đảng Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
3.	Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
5.	Vận hành thông suốt tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã; xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa chính quyền, Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
6.	Hoàn thiện đồng bộ cơ chế hoạt động để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể được tham gia sâu rộng trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
7.	Hình thành các mô hình "tự quản - tự chủ - tự giám sát" ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
8.	Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiến tạo phát triển của Nhà nước	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
9.	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sinh hoạt đảng, giám sát nội bộ, đánh giá cán bộ	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
10.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, hạ tầng, đô thị, năng lượng (Luật Điện lực, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn…)	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương		2025 - 2026	Ngân sách
11.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số, Luật Đo lường, Luật Bưu chính…)	Bộ Khoa học và Công nghệ		2025 - 2026	Ngân sách
12.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp…)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2025	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
13.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực y tế, dân số (Luật Dân số, Luật Phòng bệnh…)	Bộ Y tế		2025 - 2026	Ngân sách
14.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường (Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường…)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2025 - 2026	Ngân sách
15.	Luật Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2025 - 2026	Ngân sách
16.	Bộ luật Lao động	Bộ Nội vụ		2025 - 2026	Ngân sách
17.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, quản lý giá (Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Giá…)	Bộ Tài chính		2025 - 2026	Ngân sách
18.	Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng…)	Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ		2025 - 2026	Ngân sách
19.	Luật Sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ		2025 - 2026	Ngân sách
20.	Luật Phá sản	Toà án nhân dân tối cao		2025 - 2026	Ngân sách
21.	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo		2025 - 2026	Ngân sách
22.	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Công an		2025 - 2026	Ngân sách
23.	Hoàn thiện khung pháp lý về mô hình đô thị trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp	Bộ Xây dựng	**Các Bộ, ngành**	2025 - 2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
24.	Thành lập Cổng đầu tư một cửa quốc gia	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách
25.	Xây dựng khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2025 - 2026	Ngân sách
26.	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	2025 - 2026	Ngân sách
27.	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2025 - 2026	Ngân sách
28.	Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách
II-	**XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, LẤY KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH**				Ngân sách
1.	Xây dựng Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
2.	Xây dựng Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
3.	Xây dựng cơ chế điều hành tín dụng theo cơ chế thị trường gắn với bộ tiêu chí kiểm soát an toàn tín dụng	Ngân hàng Nhà nước		2025 - 2026	Ngân sách
4.	Nghiên cứu thành lập Sở giao dịch vàng với hình thức phù hợp	Ngân hàng Nhà nước		2025 - 2030	Ngân sách
5.	Xây dựng Đề án quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách
6.	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng nguồn lực theo mô hình "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công"	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành	2025 - 2026	Ngân sách
7.	Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng	Bộ Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng	Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
8.	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hoà và các địa phương có điều kiện thuận lợi	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố		2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
9.	Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
10.	Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
11.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng	2026	Ngân sách
12.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử	Bộ Khoa học và Công nghệ		2026	Ngân sách
13.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng sạch	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
14.	Xây dựng Đề án phát triển nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo quốc phòng - an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ		2026 - 2027	Ngân sách
15.	Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành	2026	Ngân sách
16.	Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45-50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
17.	Xây dựng chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường tiêu dùng nội địa	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2026	Ngân sách
18.	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
19.	Xây dựng Chiến lược phát triển, hiện đại hoá ngành ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước		2026	Ngân sách
20.	Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
21.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư… cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành		2026 - 2027	Ngân sách
22.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	Ngân sách
23.	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2025	Ngân sách
24.	Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác	Bộ Tài chính và các bộ, ngành		2026 - 2027	Ngân sách
25.	Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương	2026 - 2027	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
26.	Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh	Các bộ, ngành		2026 - 2027	Ngân sách
27.	Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu	Bộ Tài chính		2026 - 2027	Ngân sách
28.	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
29.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, chíp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
30.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026	Ngân sách
31.	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có nguồn lực trong Nhân dân	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2027	Ngân sách
32.	**Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới**				
32.1.	Đường bộ cao tốc, đường ven biển				

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
32.1.1.	Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đoạn Hoà Bình - Mộc Châu: 2022 - 2028; Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên: 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.2.	Bắc Kạn - Cao Bằng	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.3.	Quy Nhơn - Pleiku	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2029	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.4.	Quảng Ngãi - Kon Tum	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.5.	Cà Mau - Đất Mũi	Bộ Quốc phòng	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
32.1.6.	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua Tây Nguyên	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	Đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành: 2025 - 2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.7.	Một số tuyến cao tốc quan trọng kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.8.	Vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.9.	Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2025 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
32.1.10.	Hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	Đến năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
32.1.11.	Xây dựng đoạn Vinh - Thanh Thuỷ thuộc tuyến cao tốc Viêng Chăn - Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.	Đường sắt				
33.2.1.	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2027 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.2.	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.3.	Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.4.	Đường sắt Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.2.5.	Đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.6.	Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.7.	Đường sắt đô thị Hà Nội	Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.8.	Đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.2.9.	Đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.2.10.	Nghiên cứu, xây dựng đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.3.	Cảng biển				
33.3.1.	Đầu tư hoàn chỉnh cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.3.2.	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng), cảng Hòn Khoai (Cà Mau), cảng Nam Đồ Sơn (Hải Phòng), cảng Vân Phong (Khánh Hoà), cảng Trần Đề (Cần Thơ)	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu, triển khai giai đoạn 2026 - 2030; hoàn thành sau năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.4.	Cảng hàng không quốc tế				
33.4.1.	Cảng hàng không quốc tế Long Thành (giai đoạn 2)	Bộ Xây dựng	Tỉnh Đồng Nai	Khởi công giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.4.2.	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Bộ Xây dựng	Thành phố Hà Nội	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.4.3.	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, tỉnh Bắc Ninh	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.4.4.	Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Tỉnh An Giang	Bộ Xây dựng	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.5.	Năng lượng				
33.5.1.	Nhà máy điện hạt nhân (xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ)	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các tỉnh, thành phố	Khởi công giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.5.2.	Các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió trên đất liền và ngoài khơi…)	Bộ Công Thương	Bộ Quốc phòng, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đầu tư tư nhân

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.6.	Hạ tầng số				
33.6.1.	Hạ tầng dữ liệu - Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.6.2.	Hạ tầng số cho Chính phủ số - Hạ tầng điện toán đám mây Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.6.3.	Hạ tầng ứng dụng số - Các nền tảng số quốc gia dùng chung	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.6.4.	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.6.5.	Phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, nông thôn				
33.6.6.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư, hệ thống bản đồ số về quy hoạch; tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	Ngân sách nhà nước

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.6.7.	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027	Ngân sách nhà nước
33.6.8.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai…	Bộ Tài chính, Uỷ ban nhân dân các địa phương	Bộ Quốc phòng	2025 - 2026	Ngân sách nhà nước
33.6.9.	Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.6.10.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
III-	**PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN VĂN HOÁ VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM**				
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
2.	Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp vào chương trình giáo dục, truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
3.	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	2026 - 2027	Ngân sách
4.	Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm trung tâm	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
IV-	**XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN ĐẠI, NGANG TẦM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI**				
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
2.	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ của người học, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
3.	Xây dựng Đề án đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
4.	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
5.	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
6.	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
7.	Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2025 - 2035	Ngân sách
8.	Xây dựng Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
9.	Xây dựng Chương trình phát triển nguồn nhân lực số, chuẩn bị kỹ năng số để phát triển kinh tế số, xã hội số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
V-	**ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**				
1.	Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			2025 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			2025 - 2030	Ngân sách
VI-	**QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**				Ngân sách
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
2.	Xây dựng một số trung tâm khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
3.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, sổ sức khoẻ điện tử của người dân	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh	Bộ Nội vụ		2026	Ngân sách
5.	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
6.	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VII-	**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**				
1.	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách
2.	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách
3.	Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	Ngân sách
4.	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
5.	Hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
6.	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
7.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
8.	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
9.	Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn…)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
10.	Chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
11.	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2025 - 2026	Ngân sách nhà nước
VIII-	**TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**				
1.	Điều chỉnh tổ chức, biên chế, sáp nhập, thành lập mới một số lực lượng mới phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, các chiến lược chuyên ngành và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức quân sự địa phương tinh, gọn, mạnh	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Một số chương trình, đề án về quốc phòng, an ninh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công nghiệp quốc phòng, an ninh	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
3.	Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo; bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và các môi trường không gian chiến lược mới	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
4.	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể thế trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại phù hợp với hình thái chiến tranh, phương thức tác chiến hiện đại và địa giới địa lý hành chính địa phương mới	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
5.	Xây dựng chương trình phát triển lý luận chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự trong tình hình mới và chiến tranh công nghệ cao. Hoàn thiện đồng bộ thể chế quân sự, quốc phòng. Tổng kết các nghị quyết, kết luận, chiến lược của Đảng về quân sự, quốc phòng	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
6.	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
7.	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ và xây dựng Quân đội hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
8.	Xây dựng đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hạt nhân, bán dẫn, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
9.	Xây dựng đề án phát triển tiềm lực đối ngoại quốc phòng, tham gia hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng. Hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ, khắc phục hậu quả chiến tranh. Đăng cai tổ chức các hoạt động đa phương về quân sự, quốc phòng các cấp	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước
IX-	**ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, SÁNG TẠO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, TOÀN DIỆN, HIỆU QUẢ**				
1.	Cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm mới của Đảng về đối ngoại; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch, chương trình thực hiện các văn kiện của Đảng về đối ngoại, hội nhập quốc tế, trong đó có Nghị quyết số 153/NQ-CP, ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Đảng uỷ Bộ Ngoại giao	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Xây dựng và thực hiện Đề án về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Đảng uỷ Bộ Ngoại giao	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
X-	**PHÁT HUY MẠNH MẼ VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NHÂN DÂN, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC**				
1.	Xây dựng quy chế, quy định để thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
2.	Xây dựng và thực hiện các quy chế về quyền Nhân dân tham gia góp ý vào quá trình xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan Đảng, Nhà nước trước Nhân dân	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
3.	Cụ thể hoá các giải pháp, điều kiện để thực hiện dân chủ ở cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
5.	Xây dựng, thực thi các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Đảng uỷ Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
6.	Tổ chức các đề án, đề tài nghiên cứu thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
XI-	**ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG, PHỤC VỤ NHÂN DÂN; NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ XÃ HỘI**				
1.	Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP, ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Đảng uỷ Chính phủ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách
2.	Hoàn thiện và vận hành hiệu quả Cổng pháp luật quốc gia	Bộ Tư pháp	Các Bộ, ngành	2025 - 2030	Ngân sách
3.	Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	- Đảng uỷ Bộ Nội vụ - Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan đảng Trung ương, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
4.	Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	Đảng uỷ Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
XII-	**TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN; NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG**				
12.1.	**Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị**				
12.1.1.	Tổ chức các hội thảo, toạ đàm, nghiên cứu đề tài, đề án để bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về "bốn kiên định"; tiếp tục phát triển lý luận, bảo đảm vai trò tiên phong, tính dự báo, tầm nhìn vượt trước, dẫn dắt, định hướng; kim chỉ nam, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chiến lược phát triển đất nước	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Các cơ quan liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.2.	Thực hiện đề án tổng kết 100 năm Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam	Hội đồng Lý luận Trung ương	- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Các ban đảng Trung ương và các tổ chức khoa học có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.3.	Thực hiện Đề án tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Văn phòng Trung ương Đảng	- Hội đồng Lý luận Trung ương - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Các cơ quan có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.1.4.	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình khoa học trọng điểm đặc biệt cấp quốc gia xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ hoạch định chủ trương, đường lối, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Hội đồng Lý luận Trung ương	Các cơ quan và tổ chức khoa học có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.5.	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình khoa học trọng điểm đặc biệt cấp quốc gia nghiên cứu về sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trong kỷ nguyên mới của dân tộc	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan và tổ chức khoa học có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.6.	Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 ban, bộ, ngành Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tạp chí Cộng sản; Báo Nhân Dân và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.1.7.	Đổi mới, nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới	- Các ban đảng Trung ương - Đảng uỷ Chính phủ - Đảng uỷ Quốc hội	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.1.8.	Thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu	- Các ban đảng Trung ương - Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.	**Xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng**				
12.2.1.	Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.2.	Tiếp tục tăng cường công tác chính trị, tư tưởng tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.3.	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2026	Ngân sách
12.2.4.	Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.5.	Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.6.	Chủ động phổ biến, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan để phòng, chống "diễn biến hoà bình", thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.7.	Theo dõi sát thông tin đối nội và đối ngoại trên không gian mạng; dự báo, cảnh báo, kịp thời đấu tranh, phản bác, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Ban Chỉ đạo 35 Trung ương - Quân uỷ Trung ương - Đảng uỷ Công an Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.8.	Tổ chức các hội nghị toàn quốc và các hoạt động cần thiết để quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, các văn bản liên quan về hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện theo Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Ngân sách
12.2.9.	Theo dõi, dự báo, nắm tình hình Nhân dân và dư luận xã hội về các sự kiện chính trị lớn, quan trọng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức, cơ quan, đơn vị	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.10.	Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2026	Ngân sách
12.2.11.	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Tháng 6/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.12.	Ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường, chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.13.	Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về tăng cường thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí đáp ứng yêu cầu của tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.14.	Thực hiện, theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh (nếu có) Quy định về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet và mạng xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.15.	Chủ động, tích cực triển khai hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần khẳng định, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác thông tin đối ngoại)	Đảng uỷ Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.16.	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng trong tuyên truyền, vận động bảo đảm thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; tăng cường, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.17.	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền về biển, đảo, biên giới lãnh thổ; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tinh thần dân tộc và thúc đẩy hành động trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân về chủ quyền, quyền chủ quyền, các lợi ích chính đáng của Việt Nam trên Biển Đông, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia đồng thời giữ gìn, phát triển các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.3.	**Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức**				
12.3.1.	Tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan	Năm 2026 - 2029	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.3.2.	Hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương và ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự, tự giác tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp; xử lý nghiêm tình trạng né tránh, đùn đẩy, không dám làm, thiếu trách nhiệm trong công việc	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.3.3.	Xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.3.4.	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khoá XII "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.3.5.	Ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên trong tình hình mới nhằm nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước, với xã hội	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.4.	**Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng**				
12.4.1.	Vận hành hiệu quả, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.4.2.	Ban hành Kết luận về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.3.	Tổng kết Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.4.	Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.4.5.	Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo; nắm chắc tình hình Nhân dân, có cơ chế đặc thù, hiệu quả để theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp	- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương - Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.6.	Nghiên cứu tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	- Đảng uỷ Chính phủ - Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.4.7.	***Ban hành,*** thực hiện nghiêm túc Quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp	***Năm 2026,*** Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.4.8.	Xây dựng Đề án về tích cực phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thông qua cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Lấy dân là gốc", "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.4.9.	Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", "Bình dân học vụ số"	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Văn phòng Trung ương và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.5.	**Về xây dựng tổ chức bộ máy**				
12.5.1.	Đánh giá 2 năm, 5 năm việc thực hiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới	- Ban Tổ chức Trung ương - Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ - Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương - Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương	Năm 2027 và 2030	Ngân sách
12.5.2.	Triển khai thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm nguyên tắc "có vào, có ra", "có lên, có xuống", đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục, đa chiều, theo kết quả, sản phẩm cụ thể	Ban Tổ chức Trung ương	- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương - Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.3.	Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.4.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương	- Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ - Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao - Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Ban Tổ chức Trung ương	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.5.	Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định về phân cấp, phân quyền	- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương - Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ - Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao - Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.6.	Cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả	Đảng uỷ Chính phủ	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.5.7.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy mới của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, bổ trợ tư pháp	- Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ - Ban Tổ chức Trung ương - Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao - Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.8.	Tiếp tục thực hiện đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ các cấp	- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương - Ban Tổ chức Trung ương	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.9.	Thực hiện số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.10.	Hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031	- Ban Tổ chức Trung ương - Các cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế, các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Quý IV/2025***	Ngân sách
12.5.11.	Ban hành quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị theo hướng phân cấp quản lý biên chế cho các cấp uỷ trực thuộc Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	***Các cơ quan liên quan***	***Quý IV/2025***	Ngân sách
12.5.12.	***Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước theo đúng định hướng của Trung ương.*** Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới	- Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	***Quý IV/2025***	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.	**Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên**				
12.6.1.	Ban hành các quy định mới sửa đổi, bổ sung Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Tháng 9/2025***	Ngân sách
12.6.2.	***Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW khoá XIII, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới***	***Ban Tổ chức Trung ương***	***Các tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan***	***Tháng 6/2026***	Ngân sách
12.6.3.	Ban hành Kết luận của Ban Bí thư về việc thực hiện Chỉ thị về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.4.	Ban hành Quy định mới của Ban Chấp hành Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.5.	Ban hành các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng	- Ban Tổ chức Trung ương - Quân uỷ Trung ương - Đảng uỷ Công an Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Năm 2025 - 2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.6.	Ban hành Kết luận của Ban Bí thư về việc thực hiện Chỉ thị về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.7.	Ban hành Quy định của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.8.	Ban hành Quy định của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.9.	Ban hành Chỉ thị về "Tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển và quản lý đảng viên ở nước ngoài trong tình hình mới"	Ban Tổ chức Trung ương	Đảng uỷ Bộ Ngoại giao	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.10.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	- Ban Tổ chức Trung ương - Văn phòng Trung ương Đảng - Đảng uỷ Công an Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.11.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên; chế độ đảng phí; chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng ở những nơi khó khăn và cán bộ đảng, đoàn thể ở cơ sở	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.12.	Ban hành Quy định của Ban Bí thư về sinh hoạt đảng trực tuyến và sinh hoạt tổ đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.13.	Quy định của Ban Bí thư về kết nạp học sinh, sinh viên vào Đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	
12.7.	**Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ**				
12.7.1.	Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2025 và thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.2.	Ban hành Quy định của Bộ Chính trị về một số cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 9/2025	Ngân sách
12.7.3.	***Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ***	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách
12.7.4.	Tăng cường thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.5.	***Tiếp tục thực hiện nghiêm*** Quy định của Bộ Chính trị về ***tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp***; về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.6.	Đẩy mạnh thực hiện Quy định về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh, thành uỷ và các cơ quan có liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.7.	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với Uỷ viên chính thức, dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV và cán bộ chủ chốt của ban, bộ, ngành, địa phương	Ban Tổ chức Trung ương	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 9/2026	Ngân sách
12.7.8.	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ quy hoạch Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XV	Ban Tổ chức Trung ương	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 5/2029	Ngân sách
12.7.9.	Tăng cường bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và chương trình hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với nước ngoài	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.10.	***Thực hiện nghiêm việc bố trí chức danh chủ tịch uỷ ban nhân dân và người đứng đầu các ngành, lĩnh vực: quân đội, công an, viện kiểm sát, toà án nhân dân, thanh tra, thuế tỉnh, thành phố không phải là người địa phương***	***Ban Tổ chức Trung ương***	***Các cơ quan liên quan***	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách
12.7.11.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.12.	***Tiếp tục thực hiện nghiêm*** Quy định của Bộ Chính trị về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị; Quy chế bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước; xây dựng quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chương trình hợp tác với nước ngoài	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách
12.7.13.	***Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị***	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách
12.7.14.	Tăng cường thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung	Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị		Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.15.	Tiến hành cải cách chính sách tiền lương; quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phù hợp thực tiễn	- Đảng uỷ Chính phủ - Ban Tổ chức Trung ương - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2025, Tháng 6/2026	Ngân sách
12.7.16.	Ban hành Quy định về khoán phương tiện đi lại; các quy định về chế độ xe ô tô phục vụ công tác, điện thoại, khám chữa bệnh, nghỉ hè, nghỉ dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức	- Đảng uỷ Chính phủ - Ban Tổ chức Trung ương - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2025	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.17.	Đánh giá hiệu quả, tác động của các chủ trương, mô hình thí điểm trong công tác cán bộ: chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp; bí thư cấp uỷ không phải là người địa phương gắn với việc sử dụng; bố trí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ở những nơi đủ điều kiện	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh, thành uỷ và các cơ quan có liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.7.18.	Nghiên cứu cơ chế nhằm phát huy đầy đủ, thực chất vai trò của Nhân dân trong giám sát, đánh giá cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.7.19.	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện số hoá hồ sơ cán bộ từ cơ sở và kết nối liên thông đồng bộ giữa các cơ quan	- Đảng uỷ Chính phủ - Ban Tổ chức Trung ương - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.7.20.	Ban hành Quy định của Bộ Chính trị "Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng"	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 9/2025	Ngân sách
12.7.21.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.22.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên ra nước ngoài, quan hệ, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài	Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ	Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.8.	**Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng**				
12.8.1.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030	Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.8.2.	Thí điểm mô hình đại hội bầu uỷ ban kiểm tra các cấp	Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.8.3.	***Thực hiện nghiêm việc bố trí*** chức danh chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp tỉnh, ***cấp xã*** không phải là người địa phương	Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	***Thực hiện thường xuyên***	Ngân sách
12.8.4.	Thực hiện chuyển đổi số; kiểm tra, giám sát trên dữ liệu	Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.9.	**Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**				
12.9.1.	Xây dựng Chương trình quốc gia về giáo dục liêm chính	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.9.2.	Ban hành Nghị quyết của Trung ương "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới"	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.9.3.	Tập trung hoàn thiện, thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế để "không thể" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nhất là hoàn thiện thể chế về kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thi hành công vụ; về trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; về bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	- Đảng uỷ Quốc hội - Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.9.4.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.9.5.	Nghiên cứu, đề xuất việc thành lập thiết chế mới về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Ngân sách
12.10.	**Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng**				
12.10.1.	Tổng kết Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2027	Ngân sách
12.10.2.	Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp		Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.10.3.	Xây dựng Đề án về đổi mới việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là việc ban hành nghị quyết	- Văn phòng Trung ương Đảng - Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.10.4.	Tổng kết thi hành Điều lệ Đảng; đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng (nếu có); sửa đổi, bổ sung quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2028 - 2031	Ngân sách
12.10.5.	Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIV	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 01/2026	Ngân sách
12.10.6.	Ban hành Chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ khoá XIV	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 01/2026	Ngân sách
12.10.7.	Ban hành Chương trình tổng thể về hoàn thiện thể chế của Đảng giai đoạn 2025 - 2045	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.10.8.	Xây dựng, triển khai kế hoạch tổng thể về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước đột phá đi đầu về chuyển đổi số trong Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.10.9.	Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền trên cơ sở khoa học, dân chủ, hiệu quả, thiết thực, sát thực tiễn, giữ vững nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam; đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất nhận thức và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	- Hội đồng Lý luận Trung ương - Các ban đảng Trung ương	Năm 2026 - 2030	Ngân sách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 4
ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 được thực hiện trong bối cảnh thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Tình hình quốc tế và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt ngoài dự báo. Đại dịch Covid-19 để lại hậu quả nặng nề; xung đột vũ trang ở Ucraina và khu vực Trung Đông, sự điều chỉnh chính sách thuế của các nước lớn, chiến tranh thương mại làm suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất cao, cường độ mạnh[1]; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo có bước phát triển đột phá, cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt. Kinh tế, xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn; trong khi vừa phải xử lý các hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm, vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp, đột xuất mới phát sinh.

Trong bối cảnh đó, chúng ta đã phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái nhanh, hạn chế tác động đứt gãy chuỗi cung ứng, thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Hai năm cuối nhiệm kỳ, đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều quyết sách mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, nhất là cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính các cấp, tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp, tạo không gian phát triển mới; đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách, cắt bỏ thủ tục hành chính; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế tư nhân. Đã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; đẩy nhanh tiến độ triển khai, xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, điện hạt nhân; xây dựng và triển khai phương án tăng trưởng kinh tế cao, tạo nền tảng tăng trưởng hai con số cho giai đoạn 2026 - 2030. Các chính sách xã hội lớn gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được thực hiện; miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập, cơ bản hoàn thành xoá nhà tạm, nhà dột nát, triển khai xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội…

---

1. Cơn bão số 3 (năm 2024) là cơn bão lớn nhất trong vòng 30 năm qua trên Biển Đông và 70 năm qua trên đất liền, gây thiệt hại hơn 80 nghìn tỉ đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC[1]

1. Về tình hình kinh tế vĩ mô và kết quả thực hiện mục tiêu Chiến lược

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát[2], các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài được kiểm soát tốt[3], thấp hơn nhiều so với mức cảnh báo, chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác được phối hợp đồng bộ, hài hoà, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 6,3%/năm[4], trong đó dự kiến năm 2025 tăng từ 8,3 - 8,5%.

Quy mô GDP từ 346,6 tỉ USD năm 2020, xếp thứ 37 trên thế giới, dự kiến tăng lên trên 510 tỉ USD năm 2025[5], gấp 1,47 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 thế giới[6] và thứ 4 trong khu vực ASEAN; GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên khoảng 5.000 USD. Thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người tăng từ 3.400 USD năm 2020 lên 4.490 USD năm 2024, tiệm cận mức thu nhập trung bình cao; đến năm 2025 đạt khoảng 4.700 USD, bước vào nhóm các nước có thu nhập trung bình cao[7].

Quy mô xuất nhập khẩu hàng hoá không ngừng tăng lên, xếp thứ 20 thế giới; thặng dư thương mại liên tục ở mức cao. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm. Đã nỗ lực phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước để bổ sung nguồn cho đầu tư phát triển, các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách về an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh[8]. Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 18% GDP. Tỉ lệ bội chi ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 3,1 - 3,2% GDP. Nợ công đến cuối năm 2025 dự kiến khoảng 35 - 36% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trần đặt ra. Huy động

---

1. Các số liệu trong Báo cáo là ước tính đến năm 2025 và tiếp tục được cập nhật đến khi hoàn thiện báo cáo trình Đại hội XIV.
2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84%; năm 2022 tăng 3,15%; năm 2023 tăng 3,25%; năm 2024 tăng 3,63%; ước năm 2025 tăng khoảng 4,0%.
3. Năm 2024, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam ở mức BB+, triển vọng "Ổn định"; tổ chức S&P Global Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc gia đối với Việt Nam trong dài hạn ở mức "BB+" và trong ngắn hạn ở mức "B", triển vọng dài hạn là ổn định.
4. Nếu không tính năm 2021 do tác động nặng nề của dịch Covid-19 dẫn đến tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,55% thì tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2022 - 2025 đạt khoảng 7,24-7,29%/năm, vượt mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2021 - 2025 (6,5 - 7,0%).
5. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), quy mô GDP năm 2025 của Việt Nam tính theo sức mua tương đương (PPP) khoảng 1.786 tỉ USD, xếp thứ 25 thế giới.
6. Tăng 5 bậc, vượt qua các quốc gia: Đan Mạch, Ai Cập, Nigiêria, Philíppin và Bănglađét.
7. Năm 2025, ngưỡng thu nhập trung bình cao của Ngân hàng Thế giới dự kiến khoảng 4.600 USD/người.
8. Tổng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2024 đạt 497,76 nghìn tỉ đồng; trong đó năm 2021 đạt 55,18 nghìn tỉ đồng, năm 2022 đạt 196,22 nghìn tỉ đồng, năm 2023 đạt 54,46 nghìn tỉ đồng, năm 2024 đạt 191,9 nghìn tỉ đồng. Số tăng thu ngân sách trung ương được tập trung chủ yếu cho các nhiệm vụ: tạo nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương (198,24 nghìn tỉ đồng), chi an sinh xã hội (8,5 nghìn tỉ đồng), đầu tư phát triển (194,42 nghìn tỉ đồng)…

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 33% GDP, đạt mục tiêu đề ra (32 - 34%). Nhiều dự án tồn đọng, chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài nhiều năm, các tổ chức tín dụng yếu kém đã được xử lý quyết liệt, đạt kết quả rất tích cực[1], góp phần khơi thông nguồn lực lớn cho nền kinh tế. Đến năm 2025, quy mô thị trường cổ phiếu khoảng 60% GDP, quy mô thị trường trái phiếu đạt 34% GDP.

Chất lượng tăng trưởng có chuyển biến tích cực, năng suất lao động tăng bình quân 5,3%/năm, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%. Đầu tư công được phân bổ, sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả hơn; chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được cải thiện...

2. Về phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế

Thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp khống chế, đẩy lùi dịch bệnh, trong đó có những giải pháp "chưa từng có"; thực hiện "mục tiêu kép", vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa duy trì sản xuất, chống đứt gãy chuỗi cung ứng; và dần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"; đẩy mạnh chiến lược ngoại giao vắcxin, thành lập Quỹ vắcxin; triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắcxin miễn phí toàn quốc lớn nhất từ trước đến nay. Sau tác động nặng nề của dịch Covid-19, nền kinh tế nước ta đã nhanh chóng phục hồi mạnh mẽ nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh và chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đã hỗ trợ khoảng 105 nghìn tỉ đồng cho trên 1,4 triệu lượt người sử dụng lao động và trên 68,4 triệu lượt người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19... Đã triển khai việc miễn giảm, gia hạn nhiều chính sách thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất; dành khoảng 175,5 nghìn tỉ đồng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các dự án về kết cấu hạ tầng, y tế...

Mặc dù có 2 năm chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế nước ta vẫn đạt tốc độ tăng trưởng dương, tốc độ tăng

---

1. Đã có 12/12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả có chủ trương, định hướng xử lý cụ thể; sau khi có phương án xử lý, một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế, nhất là 3 dự án, doanh nghiệp sản xuất phân bón (từ năm 2022, cả 3 nhà máy đều duy trì hoạt động và có lãi, cung cấp phân bón ổn định cho trong nước và xuất khẩu). Hoàn thành và đưa vào vận hành nhiều dự án điện quan trọng như nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Long Phú 1, nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, trung tâm nhiệt điện khí Ô Môn...; các dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, Bến Thành - Suối Tiên. Tập trung xử lý các ngân hàng: SCB, Ocean Bank, Xây dựng, Dầu khí Toàn cầu, Đông Á, Ngân hàng Phát triển Việt Nam... Đang tập trung xử lý các dự án tồn đọng kéo dài trong các lĩnh vực năng lượng, bất động sản, đất đai, thương mại, dịch vụ theo tinh thần Kết luận số 77-KL/TW của Bộ Chính trị, trong đó có các dự án năng lượng tái tạo, Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

GDP hai năm 2020 - 2021 vẫn đạt 2,71%/năm; kinh tế nước ta năm 2022 phục hồi mạnh, đạt 8,54%, được đánh giá là một "điểm sáng" của kinh tế toàn cầu.

3. Về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

a) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 78,6% năm 2020 lên 80,4% năm 2025; khu vực nông nghiệp giảm từ 12,7% xuống còn 11,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,0%.

Nền kinh tế bước đầu được cơ cấu lại theo hướng số hoá, xanh hoá, đa dạng hoá, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế số đạt bình quân 9 - 10%/năm, chiếm khoảng 14 - 15% GDP năm 2025[1]; tỉ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán chiếm trên 87%, vượt chỉ tiêu đề ra (80%), thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phổ biến.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 6,6%/năm. Công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng khá, nhất là các ngành chủ lực như điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ...; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng từ 23,9% năm 2020 lên khoảng 24,7% năm 2025; giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt khoảng 1.250 USD. Đã hình thành một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, từng bước hình thành năng lực tự chủ của nền kinh tế. Nhiều nhóm hàng công nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỉ USD[2], thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới. Công nghiệp năng lượng tăng trưởng khá; tỉ trọng điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối trong tổng sản lượng điện của hệ thống tăng từ 4,9% năm 2020 lên 15% vào năm 2025. Diện tích khu công nghiệp tăng từ 117,3 nghìn ha năm 2020 lên khoảng 140 nghìn ha năm 2025[3]. Đã hình thành hai vùng công nghiệp lớn của cả nước là Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng. Một số doanh

1. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, tỉ trọng kinh tế số trong GDP năm 2025 ước đạt 19 - 20%.
2. Năm 2024 có 7 mặt hàng công nghiệp chế biến đạt kim ngạch xuất khẩu trên 15 tỉ USD, bao gồm: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 72,6 tỉ USD; điện thoại các loại và linh kiện đạt 53,9 tỉ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 52,2 tỉ USD; hàng dệt, may đạt 37,0 tỉ USD; giày dép các loại đạt 22,9 tỉ USD; gỗ và sản phẩm gỗ 16,3 tỷ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 15,2 tỉ USD.
3. Năm 2020, cả nước đã thành lập 380 khu công nghiệp với diện tích đất 117,3 nghìn ha; đến tháng 7/2025, có 478 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 146 nghìn ha.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, tạo nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số. Một số tập đoàn công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Năng lực ngành xây dựng được nâng cao, có khả năng thiết kế, thi công các công trình hiện đại, phức tạp, có sức cạnh tranh. Chất lượng vật liệu xây dựng được nâng lên, nhiều sản phẩm vật liệu xây dựng mới, thông minh, tiết kiệm năng lượng được ứng dụng rộng rãi.

Nhiều ngành dịch vụ được tập trung phát triển như thông tin truyền thông, tài chính, ngân hàng, hàng không... Ứng dụng rộng rãi công nghệ hiện đại trong thương mại, ngân hàng, giáo dục đào tạo, y tế, bảo hiểm, vận tải... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại... Hạ tầng dịch vụ logistics tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng[1]. Thương mại điện tử trở thành kênh phân phối quan trọng. Du lịch phục hồi mạnh mẽ, khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt khoảng 24 - 25 triệu lượt vào năm 2025.

Năng suất lao động nông nghiệp tăng từ 71,9 triệu đồng năm 2020 lên trên 105 triệu đồng năm 2025. Nhóm 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia[2], chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương (OCOP) từng bước được nâng cao chất lượng; tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến tăng nhanh; có 11 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD, trong đó 7 nhóm mặt hàng trên 3 tỉ USD[3]; xuất khẩu nông sản Việt Nam đứng thứ 15 thế giới, thứ 2 Đông Nam Á và hiện có mặt ở trên 200 quốc gia, vùng lãnh thổ, nhiều loại nông sản Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Giá trị 1 ha đất trồng trọt tăng từ 102,7 triệu đồng năm 2020 lên 150 triệu đồng năm 2025; nhiều địa phương tạo ra một số mô hình đem lại giá trị cao, đạt từ 700 triệu - 1 tỉ đồng/ha. Nhiều mô hình nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi theo chuỗi khép kín, tuân thủ các quy trình kiểm soát chất lượng, cấp mã vùng trồng, sản phẩm đạt tiêu chuẩn thị trường các nước phát triển. Đã sản xuất được vắcxin phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi phục vụ phòng, chống dịch bệnh trong nước và xuất khẩu đi 5 quốc gia. Nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền

1. Hiện có 8 trung tâm logistics, 11 cảng cạn và 16 điểm thông quan hàng hoá (ICD), Việt Nam hiện có chỉ số LPI đứng trong nhóm 25 nước hoạt động ổn định, đứng vị trí thứ 43 trên thế giới năm 2023 (điểm LPI tăng lên mức 3,3 điểm so với mức 3,27 điểm năm 2018).
2. Bao gồm: gạo, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, cá tra, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ.
3. Bao gồm: gạo, rau quả, cà phê, hạt điều, tôm, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

biển, đảo quốc gia. Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững được thực hiện hiệu quả, mở rộng diện tích rừng trồng tập trung và cây phân tán.

Các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao được phát triển. Lực lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng mạnh; hiệu quả hoạt động của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp được nâng cao[1]. Một số tổ hợp chế biến nông sản lớn với công nghệ tiên tiến được đầu tư; góp phần tăng tỉ lệ nông sản chế biến xuất khẩu lên 45% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản.

b) Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế

Thể chế về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai dự án; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Chỉ đạo, điều hành quyết liệt đầu tư công, tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm quốc gia, có sự lan toả cao, kết nối vùng, liên vùng, khắc phục căn bản tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán[2]. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đã có những bước cải thiện.

Cơ chế, chính sách về đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được hoàn thiện. Việc xử lý các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài đạt kết quả tích cực. Các doanh nghiệp nhà nước được phân cấp, phân quyền, trao quyền chủ động hơn. Một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có quy mô lớn, thương hiệu tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, giữ vững vị trí then chốt của nền kinh tế.

Khu vực kinh tế tư nhân[3] phát triển năng động với số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng, đóng góp khoảng 51% GDP[4], trên 30% thu ngân sách, sử dụng 82% lao động. Bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đã thu hút được một số doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ kết nối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cơ chế, chính sách về kinh tế tư nhân có bước đổi mới mạnh mẽ, nhất là

---

1. Đến năm 2024, cả nước có 101 liên hiệp hợp tác xã và 21,7 nghìn hợp tác xã nông nghiệp với 4,15 triệu hội viên, doanh thu khoảng 2,7 tỉ đồng/hợp tác xã/năm, lợi nhuận bình quân đạt 450 triệu đồng/hợp tác xã/năm; thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên hợp tác xã nông nghiệp đạt 56 triệu đồng/năm.
2. Tổng số dự án vốn đầu tư công ngân sách trung ương giảm từ 11 nghìn giai đoạn 2016 - 2020 xuống còn dưới 5 nghìn giai đoạn 2021 - 2025.
3. Bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, hộ sản xuất.
4. Đến năm 2025, khu vực kinh tế nhà nước chiếm khoảng 20% GDP, khu vực kinh tế tư nhân khoảng 51% GDP (trong đó doanh nghiệp tư nhân chiếm 28% GDP, hộ sản xuất chiếm 23% GDP), khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 21% GDP, thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 8% GDP.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

từ năm 2025, theo hướng phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng được tích cực triển khai, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Tăng trưởng tín dụng đạt bình quân 14,5%/năm, tập trung cho sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên; mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm. Mạng lưới phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, hiện đại, có độ phủ rộng khắp; năng lực tài chính, chất lượng quản trị, điều hành từng bước được củng cố, nâng cao. Phát triển dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại hoá hệ thống công nghệ thông tin và thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh. Cơ cấu lại, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, xử lý nợ xấu[1], sở hữu chéo trong hệ thống các tổ chức tín dụng đạt nhiều kết quả tích cực; sự ổn định, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng được giữ vững.

4. Về 3 đột phá chiến lược

a) Về hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật được tập trung thực hiện và có nhiều đột phá[2]. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, cách nghĩ, cách làm, phương pháp xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; xây dựng luật đi đôi với xây dựng văn bản hướng dẫn, bảo đảm luật đi vào thực tiễn cuộc sống ngay khi có hiệu lực thi hành. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ sở pháp lý để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực thi, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoàn thiện khung khổ pháp lý của nền kinh tế thị trường, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, kiến tạo sự phát triển trên không gian số, thể chế hoá đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân… được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi. Chất lượng văn bản pháp luật được nâng lên. Cơ bản hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột, thủ tục hành chính không còn phù hợp trong pháp luật đầu tư kinh doanh. Chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện đáng kể.

---

1. Tỉ lệ nợ xấu nội bảng tại các tổ chức tín dụng cơ bản trong tầm kiểm soát, đến ngày 31/12/2024 là 4,34%.
2. Riêng trong Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XV đã thông qua sửa đổi Hiến pháp và 34 Luật.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các loại thị trường tiếp tục được hình thành đồng bộ, phát triển nhanh, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Một số loại thị trường mới đã và đang được hoàn thiện các điều kiện để hình thành và phát triển như thị trường tín chỉ cácbon, tín dụng xanh, tài chính xanh...

Phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương được đẩy mạnh. Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù, phân cấp cho một số địa phương và từng bước mở rộng phạm vi áp dụng.

Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được đẩy mạnh, tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu dễ phát sinh tiêu cực. Công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

b) Về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỉ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 33,1% năm 2020 xuống còn khoảng 25,8% năm 2025. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao; tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 64,5% năm 2020 lên 70% năm 2025, trong đó tỉ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 24,1% năm 2020 lên khoảng 29,2% năm 2025.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đạt được một số kết quả tích cực. Hệ thống giáo dục quốc dân cơ bản được hoàn thiện theo hướng mở, liên thông giữa các cấp học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Phương thức giáo dục đa dạng và linh hoạt, đào tạo trực tuyến ngày càng phổ biến. Trình độ đào tạo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp được nâng lên. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy, học được đầu tư, từng bước được cải thiện. Chất lượng giáo dục phổ thông cả đại trà và mũi nhọn[1] ngày càng nâng cao.

---

1. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các đoàn Olympic học sinh Việt Nam tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực với tỉ lệ 100% thí sinh đoạt giải, trong đó, có 52 Huy chương Vàng, 57 Huy chương Bạc, 49 Huy chương Đồng và nhiều Bằng khen (tính đến thời điểm 30/09/2025). Năm 2025 với tổng số 37 lượt thí sinh dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Tin học, Đoàn Olympic Việt Nam xuất sắc dành 37/37 Huy chương, trong đó có 13 huy chương Vàng, 16 Huy chương Bạc và 08 Huy chương Đồng, tất cả các đội tuyển đều nằm trong Top 10 quốc gia dẫn đầu tính theo số lượng Huy chương Vàng. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, năm 2025, Việt Nam lần đầu tuyển chọn Đội tuyển Olympic Trí tuệ nhân tạo quốc tế dự thi tại Trung Quốc đã đoạt thành tích xuất sắc với 03 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng và 01 Bằng khen và đứng trong Top 4 nước và vùng lãnh thổ đạt kết quả cao nhất theo bảng tổng sắp huy chương, sau các nước: Ba Lan, Nga và Hungary.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến, chất lượng đào tạo nghề từng bước được nâng lên. Quan tâm phát triển nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực sản xuất chip và bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin...

Đổi mới giáo dục đại học gắn với tăng cường tự chủ đã tạo ra động lực mới, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả trong đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học. Chất lượng đào tạo được nâng lên, số lượng công bố khoa học quốc tế tăng mạnh, một số cơ sở giáo dục đại học và nhóm ngành đào tạo được xếp hạng cao trong khu vực Châu Á và thế giới[1].

Hệ thống giáo dục thường xuyên được mở rộng và đa dạng hoá các hình thức học tập, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời. Giáo dục tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và giáo dục hoà nhập được quan tâm hơn. Tập trung triển khai trường học liên cấp ở các xã biên giới đất liền; trong đó, phấn đấu khởi công 100 trường trong năm 2025. Xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; mạng lưới các cơ sở đào tạo ngoài công lập phát triển nhanh.

Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có sự đổi mới bước đầu mang tính căn bản theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đã triển khai xây dựng, hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia; qua đó góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Số lượng công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế tiếp tục tăng. Nhiều thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại được ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thông tin...

Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Đã hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, hợp tác với mạng lưới toàn cầu. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam liên tục được cải thiện, thuộc nhóm dẫn đầu trong các quốc gia thu nhập trung bình[2]. Thị trường khoa học và công nghệ có bước phát triển; hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Các khu công nghệ cao được đẩy mạnh đầu tư.

---

1. Năm 2024, Việt Nam có 6 cơ sở giáo dục đại học lọt vào Bảng xếp hạng các đại học trên thế giới năm 2025 (QS WUR 2025); 6 trường lọt vào bảng xếp hạng đại học Châu Á tốt nhất năm 2024.
2. Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2024, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam đứng thứ 44/133 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2022.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Hệ thống tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ tiếp tục được củng cố, phát triển, phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết quốc tế.

Đội ngũ trí thức, khoa học công nghệ phát triển cả về số lượng và chất lượng, trong đó một số nhà khoa học có uy tín được thế giới công nhận, vinh danh. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đẩy mạnh. Một số tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến tầm quốc tế đã được thành lập ở cả khu vực công và tư[1].

Việc phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được triển khai thực hiện một cách mạnh mẽ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương. Chuyển đổi số quốc gia được đẩy mạnh, phát triển Chính phủ số[2], kinh tế số, xã hội số đạt kết quả tích cực.

Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của giá trị văn hoá, con người Việt Nam đối với sự phát triển bền vững đất nước được nâng lên rõ rệt và lan toả trong xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá Việt Nam. Công nghiệp văn hoá từng bước phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng

Việc thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai quyết liệt và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển bứt phá, chất lượng được cải thiện, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, góp phần làm thay đổi rõ rệt diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp. Đến năm 2025, cả nước có hơn 3.000 km đường bộ cao tốc, cơ bản hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông và triển khai xây dựng một số tuyến đường bộ cao tốc trục ngang[3]. Hai cảng biển cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải và các luồng vào cảng lớn được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Các công trình cảng hàng không quan trọng được hoàn thành[4], xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. Nâng cấp, cải tạo các

1. Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (V-KIST), Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện nghiên cứu và phát triển Viettel, Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn thuộc Vintech và Viện Nghiên cứu công nghệ cao Vin Hi-Tech…

2. Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 của Liên hợp quốc, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022.

3. Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Biên Hoà - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Ninh Bình - Hải Phòng, Gia Nghĩa - Chơn Thành…

4. Hoàn thành nâng cấp đường cất, hạ cánh và đường lăn tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không Điện Biên, nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế Phú Bài; hoàn thành xây dựng nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, mở rộng nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tuyến đường thuỷ nội địa quan trọng, liên vùng[1]. Triển khai xây dựng một số tuyến đường vành đai[2] và đưa vào hoạt động một số tuyến đường sắt đô thị tại hai đô thị lớn[3]. Chuẩn bị đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và các tuyến kết nối quốc tế, kết nối cảng biển cửa ngõ.

Hạ tầng cấp điện được tập trung đầu tư, nhiều công trình lớn (trên 1.000 MW) được hoàn thành; chú trọng phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Tích cực tháo gỡ khó khăn, đưa nhiều dự án có vai trò quan trọng đi vào vận hành[4]. Hoàn thành Dự án đường dây 500 KV mạch 3 Quảng Trạch (Quảng Bình) - Phố Nối (Hưng Yên) trong thời gian ngắn kỷ lục. Hạ tầng thuỷ lợi[5], phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm đầu tư.

Hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số tiếp tục được mở rộng, hiện đại hoá và phát triển mạnh. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số theo hướng hiện đại hoá và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia[6]. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia được hình thành[7], từng bước tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Hạ tầng bưu chính từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử.

Nhiều công trình hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế và các thiết chế văn hoá, thể thao... đã được chú trọng đầu tư. Hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.

5. Về phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới

a) Phát triển vùng

Phát triển kinh tế - xã hội các vùng, liên vùng được đặc biệt quan tâm, từng bước xây dựng các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng, các địa phương. Cơ chế điều phối vùng được hoàn thiện hơn; vai trò của các hội đồng điều phối vùng được phát huy; liên

---

1. Hoàn thành kênh nối Đáy - Ninh Cơ và nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn 2; triển khai dự án nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt ngang tuyến đường thuỷ nội địa quốc gia - giai đoạn 1 (khu vực phía Nam), dự án nâng tĩnh không cầu Đuống...
2. Vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Tuyến Cát Linh - Hà Đông, đoạn trên cao tuyến Nhổn - ga Hà Nội; tuyến Bến Thành - Suối Tiên.
4. Như dự án nhà máy điện Sông Hậu 1, dự án nhà máy điện Thái Bình 2, dự án nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, BOT Nghi Sơn 2... Tháo gỡ khó khăn trong khâu chuẩn bị đầu tư cho dự án điện khí Ô Môn.
5. Một số công trình thuỷ lợi lớn đã được hoàn thành và phát huy tác dụng như: Hệ thống thuỷ lợi Cái Lớn - Cái Bé (Kiên Giang), cơ bản hoàn thành Hệ thống thuỷ lợi Hồ Bản Mồng (Nghệ An)…
6. Độ phủ sóng 4G của Việt Nam đạt 99,8%, cao hơn các nước có thu nhập cao (99,4%). 100% xã, phường có hạ tầng băng rộng cáp quang; độ phủ cáp quang đến từng hộ gia đình đạt 80,1%, cao hơn trung bình thế giới (khoảng 60%). Tỉ lệ người dùng điện thoại thông minh (smartphone)/người dùng điện thoại di động ước đạt 84,4%, cao hơn trung bình thế giới (63%).
7. Như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về cán bộ, công chức, viên chức...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

kết vùng được đẩy mạnh. Nhiều dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng được triển khai thực hiện.

Công tác quy hoạch có bước đột phá. Chất lượng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, vùng, các địa phương được nâng cao, bảo đảm tính liên kết và đồng bộ, tạo thêm các động lực tăng trưởng và không gian phát triển mới.

b) Phát triển kinh tế biển

Kinh tế biển được thúc đẩy phát triển, đạt kết quả tích cực; hệ thống cảng biển, đường ven biển, hệ thống đê, kè biển, hạ tầng các đảo... được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực ven biển và hải đảo được cải thiện. Nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản về biển đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tiếp tục được chú trọng. Đã ban hành cơ chế lấn biển tạo thêm không gian phát triển mới.

Hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển; triển khai nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do tại một số địa phương. Các lợi thế của biển được phát huy hiệu quả hơn, từng bước thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn.

c) Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

Đô thị hoá và phát triển đô thị đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; đến năm 2025, tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 45%. Chất lượng đô thị tiếp tục được nâng cao; bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn. Hạ tầng đô thị được đầu tư, mở rộng và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ.

Cả nước có khoảng 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 35% xã nông thôn mới nâng cao, 10% xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 24 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 12 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới[1]. Đã có trên 16,8 nghìn sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với hơn 9 nghìn chủ thể OCOP. Cơ cấu kinh tế, trình độ sản xuất và diện mạo khu vực nông thôn thay đổi rõ rệt.

---

1. Số liệu tính theo số tỉnh, xã khi chưa sáp nhập.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

6. Về phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

a) Về văn hoá

Phát triển văn hoá, xã hội và con người có nhiều mặt tiến bộ. Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hoá được nâng lên rõ rệt và lan toả trong xã hội. Quan điểm, cơ chế, chính sách phát triển văn hoá được bổ sung, hoàn thiện. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam được tập trung xây dựng. Từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

Giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát huy; văn hoá trong chính trị, kinh tế được coi trọng hơn. Cơ bản đã hình thành hệ thống thiết chế văn hoá theo nhiều cấp độ từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền. Sản phẩm văn hoá, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú. Ngành công nghiệp văn hoá đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hoá, danh lam thắng cảnh, văn hoá các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được kết quả tích cực. Nhiều di sản văn hoá được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc công nhận là di sản thế giới. Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, thiên nhiên gắn với phát triển du lịch bền vững được chú trọng.

Phát triển con người Việt Nam đạt được nhiều thành tựu về tầm vóc, thể lực và trình độ; xếp hạng chỉ số hạnh phúc được nâng lên từ thứ 83 năm 2020 lên thứ 46 năm 2025, tăng 37 bậc[1]. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam được cải thiện rõ rệt[2], cao hơn nhiều so với các nước có cùng mức thu nhập. Phong trào thể thao quần chúng được phát triển mạnh. Hệ thống cơ sở thể dục, thể thao được đầu tư, xây dựng. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả tích cực.

---

1. Theo Báo cáo Hạnh phúc thế giới.
2. Theo công bố vào tháng 5/2025 của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt 0,766, thuộc nhóm nước phát triển con người cao, xếp thứ 93/193 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

b) Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân

Tuổi thọ và chỉ số sức khoẻ người dân bình quân của cả nước được cải thiện, năm 2025 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh là 74,8 năm, số năm sống khoẻ khoảng 67 năm. Phòng, chống đại dịch Covid-19 được triển khai quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả. Mạng lưới cơ sở y tế phát triển rộng khắp; năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế các tuyến được nâng lên. Thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Mở rộng hoạt động khám chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới. Hệ thống y tế tư nhân tiếp tục được phát triển và mở rộng. Trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ nhân lực y tế được nâng lên; làm chủ nhiều kỹ thuật cao, nhất là ghép tạng. Lĩnh vực dược, thiết bị y tế có bước tiến bộ. Vắcxin sản xuất trong nước cơ bản đã đáp ứng chương trình tiêm chủng mở rộng[1].

Kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại ngày càng chặt chẽ[2]. Cơ chế hoạt động, tài chính, giá dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập được đổi mới; nhiều bệnh viện công lập đã tự chủ được tài chính. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,2% năm 2020 lên 95,2% năm 2025. Y tế dự phòng, y tế cơ sở, mô hình bác sĩ gia đình được tăng cường; hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh ở các cấp. Các dịch bệnh truyền nhiễm được kiểm soát, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng bước đầu được triển khai hiệu quả. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường y tế, kiểm soát các nguy cơ đối với sức khoẻ có kết quả tích cực. Từng bước chuyển trọng tâm từ công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển; bỏ quy định về giới hạn sinh con. Chất lượng dân số từng bước cải thiện, giảm tử vong bà mẹ và trẻ em.

c) Chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân

Các chính sách giảm nghèo được triển khai rộng khắp và có hiệu quả; đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Tỉ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo của Chính phủ giảm từ 4,4% năm 2021 xuống còn khoảng 1,3% năm 2025.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh. Đời sống người có công và thân nhân người có công tiếp tục được cải thiện, nâng cao hơn.

---

1. Đến thời điểm hiện tại đã sản xuất được 11/12 vắcxin trong tiêm chủng mở rộng.
2. Tỉ lệ bệnh viện y học hiện đại có khoa hoặc tổ y học cổ truyền chiếm 89,6%.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Chính sách an sinh xã hội chuyển từ "bảo đảm và ổn định" sang "ổn định và phát triển". Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng, năm 2025 trên 3,5 triệu người, trong đó trên 55% là người cao tuổi. Đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội được quan tâm hỗ trợ[1].

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được tăng cường; thường xuyên quan tâm phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với xâm hại, bạo lực đối với trẻ em. Giáo dục đạo đức lối sống cho thanh, thiếu niên được quan tâm.

Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm. Số người cao tuổi có lương hưu, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tăng lên, trên 95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được quan tâm khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ.

Bình đẳng giới ngày càng thực chất, vai trò và địa vị của phụ nữ được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình đạt được kết quả tích cực. Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 đứng thứ 72/146 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2021[2].

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tiếp tục mở rộng. Quản lý nhà nước về quan hệ lao động có sự chuyển biến tích cực, quan hệ lao động được cải thiện. Đã từng bước thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm, duy trì tỉ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp dưới 3%. Thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong và sau đại dịch Covid-19, góp phần ổn định, phục hồi và phát triển thị trường lao động. Phát triển nhà ở xã hội được đặc biệt quan tâm đầu tư; tích cực thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội[3]; thành lập "Quỹ nhà ở xã hội quốc gia". Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành xoá nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

---

1. Bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói.

2. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu công bố năm 2024 của Diễn đàn Kinh tế thế giới.

3. Từ năm 2021 đến tháng 9/2024 cả nước đã có 622 dự án nhà ở xã hội đã được triển khai với quy mô 565.177 căn, trong đó: (i) Số lượng dự án hoàn thành: 79 dự án với quy mô 42.414 căn. (ii) Số lượng dự án đã khởi công xây dựng: 131 dự án với quy mô 111.687 căn. (iii) Số lượng dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: 412 dự án với quy mô 411.076 căn. Đã triển khai gói tín dụng 120 nghìn tỉ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ và triển khai nguồn vốn hỗ trợ cho khách hàng cá nhân thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn đặc biệt khó khăn; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện rõ rệt. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được quan tâm, bảo đảm. Phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh; quản lý sau cai nghiện và hỗ trợ tìm việc làm, hỗ trợ sinh kế cho người sau cai nghiện đạt hiệu quả tích cực. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã đạt được những kết quả tích cực.

d) Công tác thông tin, truyền thông

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn của đất nước. Truyền thông, báo chí, xuất bản đã góp phần truyền tải ra thế giới những thông tin sinh động, đa chiều về đất nước, con người Việt Nam. Hệ thống thông tin cơ sở được củng cố và hiện đại hoá. Đấu tranh hiệu quả với các hành vi đưa, lan truyền thông tin xấu, độc, sai sự thật, xuyên tạc, các quan điểm, tư tưởng sai trái, nhất là trên không gian mạng.

7. Về quản lý và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên, quan trắc, đánh giá, giám sát chất lượng môi trường tiếp tục được tăng cường; các nguồn tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả hơn. Chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; tháo gỡ nhiều bất cập trong quy định về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường. Các thị trường quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, tín chỉ cácbon... từng bước được hình thành.

Quản lý chất thải và kiểm soát môi trường khu công nghiệp có nhiều tiến bộ. Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường các lưu vực sông, đô thị, làng nghề được quan tâm triển khai. Việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được đẩy mạnh. Bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng được chú trọng, nhất là rừng đầu nguồn; độ che phủ rừng được duy trì[1]. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển có nhiều

1. Công tác trồng rừng được triển khai tích cực, bình quân hàng năm trồng được hơn 280 nghìn ha rừng trồng tập trung (bao gồm trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác), trong đó 95% là rừng sản xuất. Đến nay, diện tích rừng trồng đạt 4,74 triệu ha; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42,03%.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tiến bộ. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được thúc đẩy phát triển. Năm 2024, tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 90%; tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của cư dân thành thị và nông thôn đạt lần lượt 99,0% và 97,5%; tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92,0%; tỉ lệ che phủ rừng là 42%.

Phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long và công tác bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, ứng phó với các thách thức về nguồn nước xuyên biên giới được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo.

8. Về củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường trên nhiều mặt; an ninh chính trị được giữ vững. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đạt được nhiều kết quả quan trọng; cơ bản hoàn thành điều chỉnh Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh; lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp ở các ngành, địa phương, nhất là khu vực biển, đảo và các địa bàn chiến lược, trọng điểm.

Xây dựng "thế trận lòng dân" gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; thiết lập thế trận quốc phòng, an ninh liên hoàn bên trong, bên ngoài biên giới quốc gia và trên không gian mạng. Đã phát huy vai trò nòng cốt của các khu kinh tế - quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Chất lượng xây dựng, hoạt động của các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và phòng thủ quân khu được nâng lên; phòng thủ dân sự được chú trọng; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc được quan tâm đẩy mạnh và đạt được kết quả quan trọng, bền vững. Đã quan tâm đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng, áp dụng công nghệ cao, sản phẩm đa dạng.

Đã chủ động phát hiện, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra đối sách phù hợp, không để bị động, bất ngờ; ngăn ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, mất an ninh. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội quan trọng của đất nước. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh văn hoá, an ninh thông tin, truyền thông, an ninh kinh tế, an ninh, an toàn thông tin mạng[1], an ninh môi trường. Giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng. Bảo đảm ngày càng vững chắc an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm, không để xảy ra các "điểm nóng"; kịp thời phát hiện, chủ động xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự gây bức xúc trong dư luận, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Xây dựng Công an cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, đưa Công an gần dân, sát dân để phục vụ. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai quyết liệt, đồng bộ, kiểm soát sự gia tăng tội phạm một cách căn bản và bền vững. Đã điều tra, khám phá có hiệu quả nhiều vụ án về tội phạm sử dụng công nghệ cao, các vụ án về tội phạm ma tuý có yếu tố nước ngoài, hoạt động xuyên quốc gia..., góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh.

Công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm hoạ, thiên tai, dịch bệnh, phòng, chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Đóng góp tích cực vào hoạt động phòng, chống khủng bố, bảo đảm an ninh mạng, phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Tham gia có hiệu quả lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc và hoạt động cứu hộ, cứu nạn quốc tế.

9. Về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, tạo cục diện đối ngoại mới, rộng mở, thuận lợi cho an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, thể hiện vai trò là một mặt trận tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực và tranh thủ các điều kiện thuận lợi bên ngoài cho phát triển đất nước.

Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được mở rộng, làm sâu sắc quan hệ với các đối tác, trọng tâm là các nước láng giềng, các nước lớn, bạn bè truyền thống; nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt; đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác

1. 100% bộ, cơ quan ngang bộ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai và duy trì mô hình an toàn thông tin mạng 4 lớp. Đang thực hiện phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản thông qua sử dụng các nền tảng Make in Vietnam.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chiến lược toàn diện với 13 nước, đối tác chiến lược với 11 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Công tác phân định, giải quyết một số vấn đề biên giới lãnh thổ đạt được những kết quả rất quan trọng, củng cố đường biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định.

Ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác kinh tế. Công tác ngoại giao vắcxin đã đóng góp tích cực, hiệu quả trong phòng, chống đại dịch Covid-19[1]. Tích cực triển khai các hiệp định thương mại tự do, tham gia một số sáng kiến liên kết kinh tế, khuôn khổ hợp tác kinh tế mới. Đối ngoại đa phương chuyển từ tham gia sang chủ động đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác quan trọng[2] để giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tham gia tích cực, hiệu quả lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, cứu hộ, cứu nạn quốc tế.

Công tác người Việt Nam ở nước ngoài được đẩy mạnh; nguồn lực của kiều bào ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hoá được đổi mới về nội dung, phương thức, ứng dụng công nghệ số. Làm tốt công tác bảo hộ công dân, nỗ lực bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

10. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Việc thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả hơn. Tập trung rà soát hệ thống pháp luật, loại bỏ các quy định còn chồng chéo, không phù hợp, gây cản trở cho phát triển và hoàn thiện theo hướng toàn diện, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp, khả thi. Phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

Đã quyết liệt thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, mở rộng không gian phát triển và tạo điều kiện thuận lợi cho phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi thường

1. Tính đến tháng 9/2022, Việt Nam đã nhận tổng số hơn 258 triệu liều vắcxin Covid-19, trong đó nguồn viện trợ đạt gần 120 triệu liều, chiếm gần 50% số vắcxin tiếp nhận được, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước hơn 900 triệu USD. Việt Nam là nước có số lượng tiêm, tốc độ tiêm và tỉ lệ bao phủ vắcxin cao thứ 4 thế giới.
2. Như ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng Mê Công, APEC, AIPA, IPU, OECD, G20...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

xuyên. Thực hiện sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Đã thực hiện một bước cải cách chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức. Quyết liệt đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng Chính phủ số. Năm 2025, thực hiện cắt giảm hơn 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; bãi bỏ hơn 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; giảm hơn 30% chi phí tuân thủ pháp luật; mọi thủ tục liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch và hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thực hành tiết kiệm được đẩy mạnh. Nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn đặc biệt nghiêm trọng, tồn đọng lâu, xảy ra trên diện rộng được xử lý nghiêm. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, tỉ lệ giải quyết các vụ việc đạt cao, nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài được xem xét, giải quyết dứt điểm. Kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ được tăng cường; hiệu quả, hiệu lực chỉ đạo, điều hành được nâng cao. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; xử lý cán bộ vi phạm được đẩy mạnh hơn.

II- HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Về tình hình kinh tế vĩ mô, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Chất lượng, hiệu quả, năng lực tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Tăng trưởng kinh tế mới đạt xấp xỉ mục tiêu đề ra[1]. Chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng mới, vật liệu mới... chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng mới.

Năng suất lao động vẫn còn thấp hơn nhiều nước trong khu vực[2], chậm được cải thiện. Hệ số ICOR vẫn còn cao (6,44) do tập trung đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Đầu tư tư nhân tăng

1. Bình quân 5 năm 2021 - 2025 đạt khoảng 6,3%/năm, trong khi mục tiêu đề ra là 6,5 - 7,0%/năm.
2. Năng suất lao động theo PPP (năm 2021) của Việt Nam năm 2024 chỉ bằng 11,6% mức năng suất của Xingapo; 27% của Hàn Quốc; 30,6% của Nhật Bản; 37,5% của Malaixia; 66,9% của Thái Lan; 56,8% của Trung Quốc; 87,2% của Inđônêxia và gấp 1,1 lần của Philíppin.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chậm[1]; có thời điểm nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, cắt giảm sản lượng.

Thị trường tài chính, tiền tệ còn tiềm ẩn rủi ro, có lúc xuất hiện nguy cơ tác động đến an toàn hệ thống. Tỉ lệ nợ xấu có xu hướng tăng; áp lực điều hành tỉ giá còn cao. Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp chưa thực sự trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho doanh nghiệp. Huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân, quốc tế trong phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế. Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức; thiếu hụt nguồn cung ở một số phân khúc. Quản lý thị trường vàng còn chưa linh hoạt. Cán cân thương mại với một số thị trường lớn chưa bền vững, xuất khẩu chậm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới trong thương mại quốc tế; giá trị xuất siêu chủ yếu dựa vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài[2].

Nền tảng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa vững chắc, năng lực tự chủ công nghệ chậm cải thiện. Công nghiệp chủ yếu phát triển theo chiều rộng, khâu sản xuất gia công, lắp ráp, chế biến thô vẫn chiếm tỉ trọng lớn, giá trị gia tăng còn thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn phát triển chậm; chưa làm chủ được công nghệ nguồn trong công nghiệp cơ khí chế tạo; đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị còn hạn chế. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

Liên kết sản xuất giữa khu vực doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước còn yếu, chậm cải thiện. Việc hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, hệ sinh thái liên kết sản xuất còn hạn chế, chưa hình thành rõ nét những trung tâm công nghiệp có tính chuyên môn hoá, có sức cạnh tranh quốc tế.

Chất lượng dịch vụ chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế còn thấp; doanh nghiệp dịch vụ có quy mô nhỏ, ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế. Nhập siêu dịch vụ còn cao, chậm khắc phục thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, nhất là ngành logistics. Chậm ứng dụng cơ chế, chính sách phát triển các ngành dịch vụ mới, dịch vụ ứng dụng công nghệ cao. Năng lực cạnh tranh của ngành du lịch chưa cao, thiếu sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giữa các ngành, lĩnh vực; sản phẩm du lịch chưa thực sự đặc sắc, hấp dẫn đối với du khách, nhất là khách quốc tế. Kết nối giữa các phương thức vận tải hạn

---

1. Vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước theo giá so sánh năm 2010 giai đoạn 2021 - 2024 tăng bình quân 3,91%/năm, chỉ bằng gần 1/3 mức tăng giai đoạn 2015 - 2019 (13,4%).
2. Tỉ trọng xuất khẩu của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là 72,3% và tăng lên 73% vào năm 2023; năm 2024 là 71,7%..

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chế; thị phần vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu thấp, đội tàu vận tải biển kém phát triển.

Phát triển nông nghiệp còn nhiều yếu tố thiếu bền vững, chậm chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn và tiêu chuẩn cao của thị trường quốc tế. Chất lượng và sức cạnh tranh của một số nông sản chưa cao, thị trường tiêu thụ tại một số thời điểm còn thiếu ổn định. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản chưa phát triển mạnh, nhất là ở khâu bảo quản và chế biến sâu; đầu vào cho sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu[1]; tổn thất sau thu hoạch còn cao. Chưa tham gia sâu vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Đầu tư công chưa thực sự phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt hiệu quả các nguồn lực ngoài nhà nước. Còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng... Xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém gặp nhiều khó khăn. Năng lực, hiệu quả quản trị rủi ro tại một số tổ chức tín dụng còn bất cập; tình trạng "sở hữu chéo", cho vay các doanh nghiệp "nội bộ", "sân sau" còn phức tạp. Quy mô, mức độ an toàn vốn, năng lực tài chính và cạnh tranh của hệ thống các tổ chức tín dụng còn hạn chế so với các nước trong khu vực. Tiến độ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp chậm, chưa đạt mục tiêu[2]. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chưa có tác động tích cực rõ nét đến cơ cấu lại nền kinh tế.

Doanh nghiệp phát triển chậm, còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng[3]. Khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước chủ yếu có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, tạo ra giá trị gia tăng thấp, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động, kỹ năng quản trị còn hạn chế. Thiếu các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân trong nước quy mô lớn có khả năng dẫn dắt và tạo lập, phát triển mạng lưới sản xuất, cung ứng.

2. Về thực hiện 3 đột phá chiến lược

a) Về công tác hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế

Thể chế phát triển vẫn còn những yếu tố chưa thông thoáng, thuận lợi để huy động được tối đa các nguồn lực cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thể chế kinh

1. Bao gồm: giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, phân bón…
2. Kế hoạch tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg, ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Cổ phần hoá 19 doanh nghiệp, sắp xếp lại 26 doanh nghiệp, trong đó 21 sắp xếp theo phương án riêng; thoái vốn 141 doanh nghiệp.
3. Năm 2024, số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 là hơn 940 nghìn doanh nghiệp (mục tiêu đến năm 2025 là có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp), khu vực kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 50% GDP (mục tiêu đến năm 2025 là 55%).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ để bảo đảm thị trường vận hành thông suốt, hiệu quả, chưa tạo khung khổ pháp lý đầy đủ, toàn diện, thuận lợi để khơi thông nguồn lực trong dân và giải phóng sức sản xuất của nền kinh tế. Tư duy xây dựng pháp luật còn nặng về quản lý hơn là kiến tạo phát triển, nhất là đối với những vấn đề, mô hình kinh tế mới; vẫn còn tư duy "quản được đến đâu thì mở đến đó", "không quản được thì cấm"[1]. Một số chính sách, pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, chưa theo kịp với tình hình thực tiễn; còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo trong một số văn bản pháp luật; việc áp dụng pháp luật đôi khi thiếu thống nhất. Phân cấp, phân quyền chưa mạnh mẽ, chưa rõ trách nhiệm, còn nhiều vướng mắc; mức độ trao quyền cho địa phương còn thấp. Vẫn còn nhiều thủ tục hành chính không cần thiết; dịch vụ công trực tuyến cải thiện chậm, chưa thuận tiện, thông suốt.

Hệ thống pháp luật, quy định về các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn… chậm được ban hành, hoàn thiện. Các thị trường lao động, khoa học công nghệ, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, đất đai, bất động sản còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Niềm tin thị trường của các nhà đầu tư, doanh nghiệp suy giảm.

b) Về nhân lực, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Chất lượng nguồn nhân lực chưa có chuyển biến rõ nét; thiếu nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, kinh tế số… Công tác đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với yêu cầu sử dụng lao động và nhu cầu xã hội. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống, còn lúng túng. Còn tình trạng thiếu trường, lớp mầm non và phổ thông ở một số thành phố lớn, khu công nghiệp và miền núi. Một bộ phận nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục còn thụ động, ngại đổi mới, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu. Liên thông giữa các cấp học, bậc học và thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn bất cập. Chất lượng giáo dục đại học chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế mới, công nghệ cao. Giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng ngoại ngữ[2], năng lực sáng tạo cho học sinh, sinh viên chưa theo kịp yêu cầu; sự phối hợp giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội còn hạn chế. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục còn bất cập; cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục, đào tạo.

---

1. Theo Báo cáo Chỉ số tự do kinh tế thế giới công bố tháng 10/2024 (Viện Fraser, Canada), Việt Nam xếp thứ 99/165 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong khi đó, Xingapo xếp thứ 2, Malaixia thứ 29, Philíppin và Inđônêxia thứ 59, Thái Lan thứ 65.

2. Theo báo cáo của Tổ chức giáo dục Education First (tháng 11/2024), trình độ tiếng Anh của người Việt Nam xếp thứ 63/116 quốc gia, vùng lãnh thổ, tụt 5 bậc so với năm 2023.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực quan trọng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo còn chậm, chưa có đột phá. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển. Sự liên kết trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; doanh nghiệp chưa thực sự đóng vai trò trung tâm, quyết định cho đổi mới sáng tạo; thương mại hoá các kết quả nghiên cứu còn chậm[1]. Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng

Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, hiện đại; mức độ kết nối liên vùng chưa cao; chi phí logistics còn cao so với khu vực và quốc tế. Kết cấu hạ tầng giao thông tại các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Giao thông đường bộ tại một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Một số tuyến đường bộ cao tốc mới được đầu tư quy mô 2 làn xe hoặc 4 làn xe hạn chế. Tuyến đường ven biển chậm hoàn thành, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống đường sắt quốc gia lạc hậu; đường sắt đô thị triển khai chậm; thiếu kết nối với các cảng biển và vận tải đa phương thức. Đầu tư một số cảng biển còn manh mún, thiếu đồng bộ, hiện đại, một số chưa khai thác hết công suất[2]. Chưa phát huy tiềm năng của đường thuỷ nội địa tại các khu vực có lợi thế[3]. Tỉ lệ khai thác công suất ở nhiều cảng hàng không ở mức thấp.

Kết cấu hạ tầng đô thị tại các thành phố lớn còn hạn chế dẫn tới tình trạng tắc nghẽn giao thông, ngập úng, ô nhiễm môi trường... kéo dài, chậm được xử lý. Hạ tầng xử lý rác thải, nước thải ở khu vực nông thôn chậm được đầu tư. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng điện còn nhiều bất cập; một số cơ chế, chính sách phát triển năng lượng chậm được ban hành;

---

1. Vướng mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc trong việc định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc về thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; vướng mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

2. Một số cảng xây dựng đã lâu, quy mô nhỏ, hệ thống máy móc bốc dỡ hàng hoá lạc hậu, công suất thấp; các bến cảng biển hầu hết nằm trên các sông phía trong đất liền, luồng hàng hải kết nối đến các bến cảng có độ sâu tương đối hạn chế, phải nạo vét, duy tu hằng năm, khai thác 1 làn.

3. Như tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng đồng bằng sông Hồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

có thời điểm còn xảy ra tình trạng thiếu điện cục bộ. Hạ tầng số phát triển chậm, mạng thông tin di động 5G triển khai chưa đạt kỳ vọng. Hạ tầng logistics, kho chứa hàng hoá chưa theo kịp nhu cầu. Số lượng khách sạn, cơ sở lưu trú đạt chuẩn chưa tương xứng với tăng trưởng khách du lịch. Hạ tầng đa mục tiêu phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và bảo đảm an toàn, nhất là các hồ chứa nước, đập, đê lớn, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Hạ tầng xã hội ở nhiều vùng nông thôn, nhất là các vùng miền núi còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Về phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới

Tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng kinh tế của các vùng còn thấp so với mục tiêu đề ra; chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng và từng địa phương. Không gian phát triển vẫn còn bị chia cắt theo địa giới hành chính; cơ chế liên kết vùng chưa đi vào thực chất để hình thành không gian phát triển thống nhất, phân bổ hiệu quả nguồn lực trong vùng. Còn nhiều vướng mắc về thể chế thúc đẩy liên kết vùng; giải quyết những vấn đề có tính liên vùng như ô nhiễm môi trường, hạ tầng kết nối… còn khó khăn.

Phát triển các ngành kinh tế biển và sử dụng không gian biển chưa thực sự hiệu quả. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ven biển còn thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa tập trung đầu tư cho phát triển một số trung tâm kinh tế biển lớn, khu kinh tế ven biển đủ sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Quản lý tổng hợp về biển hiệu quả chưa cao. Gắn kết giữa phát triển kinh tế biển với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường khu vực ven biển còn hạn chế. Các nguồn vốn tự nhiên của biển chưa được quan tâm, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững.

Tỉ lệ đô thị hoá thấp, tốc độ đô thị hoá chậm, chất lượng chưa cao. Đô thị chủ yếu phát triển theo chiều rộng, mức độ tập trung kinh tế còn thấp, chưa gắn kết chặt chẽ với công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hệ thống đô thị phân bố và phát triển thiếu sự liên kết trong từng vùng và giữa các vùng. Liên kết đô thị với nông thôn còn yếu, tác động lan toả của đô thị còn hạn chế. Năng lực quản trị đô thị còn yếu, chậm được đổi mới. Cơ chế, chính sách, tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới chưa phù hợp với vùng, miền, nhất là khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số; việc duy trì bền vững các tiêu chí đạt chuẩn còn nhiều thách thức.

4. Về văn hoá, xã hội

Cơ chế, chính sách phát triển văn hoá còn có điểm bất cập, thiếu đồng bộ; đầu tư cho văn hoá hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

phát triển văn hoá. Tình trạng xuống cấp về đạo đức, văn hoá đáng lo ngại, nhất là trên không gian mạng. Chưa xây dựng được những công trình văn hoá mang tầm cỡ quốc tế và khu vực. Công nghiệp văn hoá chưa khai thác hết thế mạnh của văn hoá truyền thống các dân tộc Việt Nam. Việc bảo tồn, phát huy, khai thác các giá trị di sản văn hoá đạt hiệu quả chưa cao. Thiếu cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển thể thao, nhất là thể thao chuyên nghiệp; thành tích tại các giải thi đấu quốc tế lớn chưa đáp ứng kỳ vọng.

Tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ diễn ra ở một số địa phương, vùng miền trong một số giai đoạn, thời điểm. Lao động phi chính thức còn nhiều. Tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao. Bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiếp cận thị trường, việc làm giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Mức sinh có xu hướng giảm, thấp hơn mức sinh thay thế; tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao. Các chỉ số sức khoẻ cơ bản còn khác biệt giữa các vùng. Năng lực hệ thống y tế cơ sở chăm sóc sức khoẻ ban đầu và hệ thống y tế dự phòng chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ chế tài chính y tế chậm đổi mới; thực hiện cơ chế tự chủ của một số bệnh viện còn gặp nhiều khó khăn. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập.

Tình hình tai nạn, thương tích trẻ em, xâm hại, bạo lực trẻ em vẫn còn diễn ra. Bình đẳng giới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn nhiều bất cập. Tệ nạn xã hội diễn ra dưới các hình thức tinh vi, phức tạp, nhất là về ma tuý. Đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động chống phá, xử lý thông tin xấu, độc trên không gian mạng còn khó khăn. Quản lý về thông tin, truyền thông có lúc chưa theo kịp sự phát triển của các loại hình truyền thông mới. Thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

5. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

Cơ chế, chính sách quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên còn thiếu đồng bộ và chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, chấp hành chưa nghiêm. Công tác điều tra, quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập; thị trường quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên hoạt động chưa hiệu quả. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh còn mang tính tự phát, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề chưa có nhiều chuyển biến. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

học tiếp tục suy giảm, nhất là chất lượng và tính đa dạng sinh học của rừng. Ô nhiễm môi trường biển một số nơi còn diễn ra nghiêm trọng, các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm. Chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai còn có mặt hạn chế; năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu chưa có bước cải thiện rõ rệt. Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính còn hạn chế.

6. Về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Khắc phục những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực còn nhiều khó khăn, thách thức, nhất là đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp... Tình trạng tham nhũng, tiêu cực trên một số lĩnh vực diễn biến phức tạp, nghiêm trọng. Lãng phí, nhất là lãng phí đất đai, tài sản công, trụ sở… còn diễn ra khá phổ biến, gây ra nhiều hệ luỵ cho phát triển.

Công tác tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức chưa thực chất, hiệu quả. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa nghiêm. Tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp chưa được ngăn chặn hiệu quả.

Cải cách hành chính còn hạn chế, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn chậm. Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm được triển khai; kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế, chưa thông suốt. Nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, tỉ lệ người sử dụng chưa cao. Việc tổ chức vận hành bộ phận "một cửa" các cấp ở nhiều nơi chưa hiệu quả.

Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm chức năng, dược phẩm, quảng cáo sai sự thật… còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sức khoẻ, quyền lợi, niềm tin của người tiêu dùng và môi trường đầu tư, kinh doanh.

7. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

a) Về quốc phòng, an ninh

Xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng, an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn có mặt còn hạn chế. An ninh xã hội tiềm ẩn yếu tố phức tạp; an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh trong đầu tư nước ngoài, an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin truyền thông chưa vững

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chắc. Cơ chế quản lý sử dụng đất quốc phòng, an ninh còn bất cập; phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh chưa thật sự đi vào chiều sâu.

Công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa làm chủ được một số công nghệ nền, công nghệ lõi, vật liệu đặc chủng và một số lĩnh vực mũi nhọn như hoá chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, hợp kim đặc biệt, vật liệu mới...; thiếu cơ chế, chính sách, nguồn lực đột phá để đẩy mạnh phát triển. Tội phạm công nghệ cao, hoạt động trên không gian mạng gia tăng. Còn xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông, cháy nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Về đối ngoại

Mức độ tham gia, năng lực đóng góp, đề xuất sáng kiến trong khuôn khổ đa phương vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực. Chưa khai thác, phát huy hết những tiềm năng trong một số khuôn khổ, lĩnh vực hợp tác. Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thường xuyên. Việc triển khai các thoả thuận, cam kết quốc tế còn nhiều khó khăn, bất cập. Công tác nghiên cứu, tham mưu dự báo chiến lược có mặt còn chưa theo kịp với chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực.

III- NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

Đạt được những kết quả trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Trước hết, là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, sáng suốt, sâu sát, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị; cùng với sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; quản lý, điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng thuận, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Bên cạnh đó, là nhờ sự chủ động, có quyết sách đúng đắn, kịp thời, nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Những hạn chế, yếu kém đã nêu có nguyên nhân khách quan là tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lũ, xung đột tại Ucraina và khu vực Trung Đông, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp, lạm phát cao, chính sách thuế đối ứng ảnh hưởng tới thương mại và đầu tư…

Tuy nhiên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu:

- Thể chế phát triển, cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn là một điểm nghẽn kéo dài, trong đó có tư duy xây dựng pháp luật và bản lĩnh trong tổ chức thi hành, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, vướng mắc, thiếu ổn định, chậm khắc phục. Một số văn bản dưới luật tạo ra nhiều thủ tục; các quy định về giải thích, áp dụng pháp luật chưa đầy đủ, gây khó khăn, lúng túng trong xử lý các vấn đề cụ thể.

- Thủ tục hành chính còn rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, thông suốt. Chậm ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá huy động nguồn lực và tạo động lực mạnh để phát triển. Năng lực dự báo tình hình, tư duy và tầm nhìn chiến lược còn hạn chế; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời.

- Phối hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả thấp. Một bộ phận cán bộ thực thi còn chưa quyết liệt, kịp thời, còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ. Phân cấp, phân quyền còn nhiều bất cập; trách nhiệm của người đứng đầu trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ.

- Niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp có lúc suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định. Quản trị xã hội, quản trị rủi ro chưa theo kịp với thực tiễn, chưa chủ động được phương án ứng phó với tình huống bất ngờ phát sinh, nhất là ở cấp cơ sở. Kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ của người dân còn thấp.

2. Bài học kinh nghiệm

(1) Tiếp tục đường lối đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, tư duy đột phá, tạo ra nguồn lực và động lực cho phát triển. Nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị; phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(2) Nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; giữ bản lĩnh vững vàng; phân công, phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; nắm chắc tình hình, đề ra quyết sách linh hoạt, phù hợp, hiệu quả để lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; tổ chức thực hiện bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Đối với những vấn đề hệ trọng, phức tạp, chưa có tiền lệ, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có quyết định phù hợp với tình hình.

(3) Tập trung nâng cao chất lượng thể chế phát triển, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở phát triển. Bảo đảm tính nhất quán trong việc hiểu, áp dụng các quy định pháp luật. Tổ chức thực hiện pháp luật công bằng, nghiêm minh, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm thượng tôn hiến pháp và pháp luật. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(4) Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm công khai, minh bạch. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc. Khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, phát huy ý chí tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, quyết liệt hành động và chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(5) Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời tổng kết thực tiễn, đưa ra các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

BẢNG 1
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu		Thực hiện 2021 - 2024	Ước thực hiện	
		Chiến lược 2021 - 2030	Kế hoạch 2021 - 2025		2025	2021 - 2025
1.	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	~ 7,0	6,5 - 7,0	5,8	8,3 - 8,5	6,3
2.	GDP bình quân đầu người (USD)	7.500	4.700 - 5.000	4.700	5.000	5.000
3.	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	~ 30	> 25	24,4	24,7	24,7
4.	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP (%)	~ 30	~ 20	13,2	14,0	14,0
5.	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	50	~ 45	43,6	57	47,0
6.	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	> 6,5	> 6,5	4,9	7,1-7,3	5,3
7.	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)[61]	1 - 1,5				
8.	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	~ 45	42,7	45	45
9.	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75	~ 74,5	74,7	74,8	74,8
10.	Thời gian sống khoẻ (năm)	> 68	> 67	65,4[62]	67	67
11.	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20	~ 25	26,5	25,8	25,8
12.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo (%)		70	68	70	70
13.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng , chứng chỉ (%)	35 - 40	28 - 30	28,4	29,2	29,2
14.	Tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị (%)		< 4	2,53	2,5	2,5
15.	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)		Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Năm 2023 giảm 0,8%; năm 2024 giảm 1,0% so	Giảm khoảng 0,8-1%	Giảm khoảng 1%/năm

[61] Đây là mục tiêu chiến lược 2021-2030, sẽ đánh giá cho giai đoạn 2026-2030.
[62] Do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu		Thực hiện 2021 - 2024	Ước thực hiện	
		Chiến lược 2021 - 2030	Kế hoạch 2021 - 2025		2025	2021 - 2025
				năm trước		
16.	Số bác sĩ/vạn dân (người)	11	10	14,0	15	15
17.	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	> 95	95	94,2	95,2	95,2
18.	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	> 0,7	0,737	0,766	0,766
19.	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	ít nhất 80	78,7	79,3	79,3
20.	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (%)		10	3,1	12,2	12,2
21.	Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị (%)		95 - 100	99	99	99
22.	Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn (%)		55 - 60	58	60	60
23.	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	92	92	92	92
24.	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	42	42	42	42
25.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	33 - 35	32 - 34	33,2	32	33
26.	Tỉ lệ nợ công/GDP (%)	<= 60	<= 60	37	35-36	35,5

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

PHỤ LỤC 5
VỀ TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIV

Công tác xây dựng Đảng 5 năm qua *đã được đặt đúng vị trí "then chốt", tiến hành thường xuyên, triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ cả về "xây" và "chống" với quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo được bước đột phá mạnh mẽ với nhiều thành tựu*, khẳng định nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Việc thực hiện 10 nhiệm vụ về xây dựng Đảng, 03 nhiệm vụ trọng tâm và 03 giải pháp đột phá Đại hội XIII đề ra, nhất là một số chủ trương, nhiệm vụ mang tính cách mạng và thời đại đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với phương pháp tổ chức thực hiện rất mới, quyết liệt, hiệu quả, toàn diện, đồng bộ, sâu sắc, đạt được những kết quả rất quan trọng, tạo nền tảng để đất nước ta vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao bản lĩnh, tính tiền phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Bản lĩnh chính trị, tư duy, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, vị thế, sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng lên, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; kịp thời, khẩn trương ban hành những quyết sách đúng đắn, sáng tạo, xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ, thích ứng nhanh với diễn biến tình hình; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, tập trung, nghiêm túc, đạt hiệu quả cao các mục tiêu nhiệm kỳ Đại hội XIII[1].

---

[1] Các chủ trương về ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát; thực hiện ba đột phá chiến lược; phục hồi kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19; Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; định hướng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng và hệ thống chính trị, đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân. Tư duy lý luận được chú trọng đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu, phát triển lý luận, góp phần tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả hơn[2]. Dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội kịp thời, thường xuyên. Chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền được nâng lên[3]. Lĩnh vực văn hoá, văn nghệ được quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng. Đổi mới căn bản việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng[4]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới về nội dung và phương pháp.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt đề cao, có vai trò quan trọng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy nội lực quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng được tiến hành thường xuyên gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh[5]. Cán bộ, đảng

---

quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại; định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Lần đầu tiên, Bộ Chính trị ban hành và quán triệt phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng (Trung du, miền núi Bắc Bộ; đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Tây Nguyên; đồng bằng sông Cửu Long; Đông Nam Bộ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và một số nghị quyết của Bộ Chính trị cho các địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hoà). Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ thể chế hoá cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIII thành 43 luật, 735 nghị quyết, 04 pháp lệnh, 402 nghị định (Từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2024). Cấp uỷ cấp tỉnh cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIII thành 175.535 văn bản (tính đến tháng 06/2024).

[2] Trên các phương tiện truyền thông xã hội, nhiều tài khoản tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, như: nhóm "Đấu tranh chống luận điệu xuyên tác", trang "Chống luận điệu xuyên tạc", trang "Tiếng nói thế hệ trẻ".

[3] Tuyên truyền, lan toả các tư tưởng, thông điệp, quan điểm, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong các bài viết: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"; "Vươn mình trong hội nhập quốc tế"; "Chống lãng phí"; "Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng"; "Tương lai cho thế hệ vươn mình"; "Đột phá thể chế, pháp luật để đất nước vươn mình"; "Động lực mới cho phát triển kinh tế"; "Thực hành tiết kiệm"…

[4] Các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết được triển khai từ Trung ương đến cơ sở, với tổng số lên đến hơn 16 nghìn điểm cầu và khoảng 1,4 triệu đại biểu tham dự 1 hội nghị.

[5] Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực. *Điểm nổi bật của chuyển biến từ học tập sang làm theo Bác và nêu gương thể hiện rõ nét:* (1) Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đẩy mạnh, kết hợp hài hoà giữa "xây" và "chống"; (2) Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần *"không có vùng cấm, không có ngoại lệ"* được đẩy mạnh; (3) Công tác biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác kịp thời, có sức thuyết phục.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên tích cực nêu cao tinh thần nêu gương "tự soi", "tự sửa", tính tiền phong, gương mẫu, danh dự, lòng tự trọng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã tích cực biểu dương điển hình tiên tiến, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức, lối sống. Phần lớn cấp uỷ, người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; quy định về trách nhiệm nêu gương, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII, Kết luận Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị[6].

Công tác dân vận; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường[7]. Tiếp tục phát triển, hoàn thiện quan điểm, chủ trương "dân là gốc". Các hình thức thực hiện dân chủ từng bước được hoàn thiện, đổi mới và được bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật, nhất là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân[8]. Thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy đầy đủ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác dân vận; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Phong trào thi đua "Dân vận khéo" đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan toả sâu rộng trong xã hội.

Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao, đạt được kết quả rất quan trọng. Đặc biệt từ tháng 10/2024, trên cơ sở kế thừa kết quả của 07 năm thực hiện Nghị quyết 18, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiên cứu kỹ lưỡng, với tầm nhìn chiến lược, định hướng lâu dài, xác lập được mô hình tổng thể của hệ thống chính trị; việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy

---

[6] Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 13/01/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm.

[7] Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

[8] Năm 2023, HĐND cấp tỉnh đã tiếp 4.509 lượt công dân, nhận được 7.127 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã có báo cáo kết quả giải quyết đơn gửi về Thường trực HĐND theo quy định, nhiều tỉnh có tỉ lệ giải quyết rất cao, đạt tỉ lệ 100%.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đã được triển khai một cách sâu rộng, bao gồm cả cơ cấu bên trong của các cơ quan, tổ chức ở cả Trung ương và địa phương; điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã với quy mô lớn nhất trong lịch sử hiện đại, phản ánh quyết tâm cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị một cách căn bản, mạnh mẽ, có ý nghĩa lịch sử. Để triển khai mô hình tổ chức bộ máy mới, trong một thời gian rất ngắn, đã tiến hành đồng bộ việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hệ thống các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật... tạo lập cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc để bộ máy hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt, góp phần mở đường cho kiến tạo phát triển. Công tác quán triệt và tổ chức thực hiện được đổi mới mạnh mẽ. Các nội dung công việc được lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện rất khẩn trương, quyết liệt, đồng bộ, dân chủ, khoa học, hiệu quả cao, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của nhân dân, giữ vững nguyên tắc, đúng quy định, kiên định, kiên trì các mục tiêu đề ra; đến nay toàn hệ thống chính trị đã hoàn thành toàn bộ mục tiêu và vượt tiến độ đề ra với khối lượng công việc rất lớn được triển khai kịp thời. Những kết quả đạt được trong thời gian qua đã khẳng định sự đột phá, vượt trội cả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện: (1) Hệ thống tổ chức, các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được tổ chức lại đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; (2) Kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng[9], lập các đảng bộ mới ở Trung ương và cấp tỉnh; giảm nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương, cấp tỉnh và đầu mối bên trong; (3) Tổ chức đơn vị hành chính theo mô hình mới đồng thời với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; sáp nhập, giảm 29 đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 7.277 đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện[10]; tổ chức lại hệ thống quân đội và công an ở địa phương, thanh tra, toà án, viện kiểm sát, các cơ quan, đơn vị quản lý theo ngành dọc, [11] sắp xếp các tổ chức đảng ở địa phương đồng bộ với các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị theo mô hình tổ chức đơn vị hành chính 2 cấp; sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc các cấp. (4) Ban hành đồng bộ các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, bảo đảm đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý khi

---

[9] Giảm 25 ban cán sự đảng, 16 đảng đoàn trực thuộc Trung ương; 644 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh.

[10] Tính từ năm 2021 đến nay, từ 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 29 đơn vị còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh; giảm 707 đơn vị hành chính cấp huyện; từ 10.614 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 7.293 đơn vị còn 3.321 đơn vị hành chính cấp xã.

[11] Gồm: Thuế, kho bạc, bảo hiểm xã hội, thống kê, hải quan, dự trữ nhà nước, ngân hàng nhà nước, cơ quan thi hành án dân sự tại địa phương.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thực hiện sắp xếp*; chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức được nghiên cứu, ban hành, bổ sung, sửa đổi toàn diện, kịp thời, phù hợp*[12]*, bảo đảm* các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức hoạt động liên tục, thông suốt*, góp phần nâng cao*, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không để gián đoạn công việc, bỏ trống nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực và ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức và xã hội, người dân trước, trong và sau sắp xếp. ***Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các cấp uỷ trực thuộc Trung ương, các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị ở Trung ương xây dựng kế hoạch, lộ trình tiếp tục sắp xếp tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước và sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.*** Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng hiện đại, gần dân, sát cơ sở. ***Việc*** thực hiện tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có sự chuyển biến rõ nét, đạt mục tiêu đề ra, góp phần tiết kiệm chi ngân sách Nhà nước[13]. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cán bộ không đủ tuổi tái cử được ban hành và thực hiện kịp thời[14], tạo thuận lợi trong quá trình sắp xếp, từng bước cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị.

Kết quả cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cho thấy đây là một chủ trương rất đúng, rất trúng, xuất phát từ tầm nhìn chiến lược để phát triển đất nước lâu dài, có ý nghĩa lịch sử, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế đánh giá cao; ***các cơ quan, đơn vị,***

---

[12] ***Đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành đầy đủ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quy chế làm việc các cơ quan, đơn vị của cấp uỷ cấp tỉnh, cấp xã, góp phần hoàn thiện cơ sở chính trị, pháp lý, quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức bảo đảm vận hành thông suốt, đúng nguyên tắc, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả (Gồm: (1) Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; (2) Các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quy chế làm việc mẫu của đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở ở xã, phường, đặc khu; đảng uỷ cơ sở đặc khu; cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng uỷ xã, phường, đặc khu và cơ quan Uỷ ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã (quy định số 298, 299, 300, 301, 302, 303-QĐ/TW ngày 09/6/2025); về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương và quy chế làm việc mẫu của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương (quy định số 329, 330-QĐ/TW ngày 13/6/2025); về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu (quy định số 360-QĐ/TW ngày 29/8/2025); về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quy chế làm việc của đảng bộ, chi bộ các cơ quan đảng cấp xã và đảng bộ, chi bộ uỷ ban nhân dân cấp xã (quy định số 361, 362, 363, 364-QĐ/TW, ngày 30/8/2025).***

[13] Giai đoạn 2026-2030 dự kiến sẽ tiết kiệm chi ngân sách Nhà nước (chi tiền lương và định mức chi hành chính) khoảng 190.500 tỉ đồng, bình quân giảm 38.100 tỉ đồng/ năm, chưa kể các chi phí khác.

[14] Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, đến ngày 25/8/2025, tổng số người đã có quyết định nghỉ việc là 95.636 người; trong đó, 55.333 người đã nhận tiền. Để thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách, đến ngày 26/8/2025, ngân sách Trung ương đã bổ sung 84.709,8 tỉ đồng cho 30 bộ, cơ quan Trung ương và 21 địa phương sau sắp xếp, trong đó bổ sung từ ngân sách Trung ương cho 21 địa phương là 24.107,1 tỉ đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tổ chức bộ máy hành chính 2 cấp ở địa phương bảo đảm tinh gọn, ***hoạt động*** hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát ***cơ sở, cơ bản thông suốt, ổn định,*** phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ngày càng đi vào chiều sâu và chuyển biến tích cực hơn[15]. Tổ chức cơ sở đảng được rà soát, kiện toàn đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập. Chức năng, nhiệm vụ, ***quy chế làm việc mẫu*** của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng được bổ sung, sửa đổi, ***ban hành*** kịp thời[16]. Sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ được đổi mới về nội dung và hình thức[17]. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên đi vào thực chất, khách quan, thiết thực hơn, từng bước khắc phục tình trạng bệnh thành tích[18]. Đội ngũ cấp uỷ viên thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo. Chất lượng đội ngũ đảng viên chuyển biến tích cực hơn. Công tác phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên giới, hải đảo, trong học sinh, sinh viên được tăng cường, cơ bản xoá được tình trạng "trắng" đảng viên ở thôn, bản.[19] Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định. ***Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên.*** [20]

Công tác cán bộ được đặc biệt coi trọng, có nhiều đổi mới, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp từng bước trưởng thành. Nhiều chủ trương, giải pháp về công tác cán bộ được thể chế hoá, cụ thể hoá bằng các quy định, quy chế, quy trình bảo đảm đồng bộ, dân chủ, minh bạch và chặt chẽ. Tiến hành sửa đổi, ***ban hành cơ bản toàn diện,*** đồng bộ hệ thống các quy định về công tác cán

---

[15] Tính đến 31/8/2025, toàn Đảng có 50.090 TCCSĐ (gồm 14.419 đảng bộ cơ sở và 35.671 chi bộ cơ sở); 210.627 chi bộ trực thuộc, với 5.622.463 đảng viên, giảm 1.870 TCCSĐ, tăng 398.307 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ.

[16] Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi và ban hành **12** quy định.

[17] ***Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.***
Mô hình sinh hoạt điểm, sinh hoạt mẫu; kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện "tự soi, tự sửa" trong mỗi buổi sinh hoạt chi bộ.

[18] Tại thời điểm theo quy định, số tổ chức cơ sở đảng đã đánh giá, xếp loại chất lượng đạt trung bình 98,72%, trong đó, số xếp loại HTXSNV đạt trung bình 18,28%; số đảng viên đã đánh giá, xếp loại chất lượng trung bình 89,16%, trong đó, số xếp loại HTXSNV đạt trung bình 14,69%. Năm 2023 là năm đầu tiên 67/67 ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh và tương đương tự đánh giá, xếp loại đối với đảng bộ, đạt kết quả như sau: 53,73% HTXSNV; 43,29% HTTNV; 1,49% HTNV; 1,49% Không HTNV.

[19] Từ năm 2021 đến 31/8/2025, toàn Đảng đã kết nạp **734.757** đảng viên mới, đạt 13,1% tổng số đảng viên, trong đó: đảng viên nữ là 341.259 đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là 438.861, người theo tôn giáo là 18.950, chủ doanh nghiệp tư nhân là 1.097, học sinh, sinh viên là 67.432, lãnh đạo, quản lý và người lao động trong doanh nghiệp là 80.323. Đã khai trừ 11.016 đảng viên; xoá tên 34.585 đảng viên, trong đó có 9.885 đảng viên dự bị; 21.753 đảng viên xin ra khỏi Đảng.

[20] ***Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 8/8/2025 của Ban Bí thư về đổi thẻ Đảng viên; Quyết định 347-QĐ/TW, ngày 18/8/2025 của Ban Bí thư về ban hành đổi Thẻ đảng viên.***

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bộ[21]: quy hoạch, phân cấp quản lý; tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cán bộ; hệ thống chức danh, chức vụ; đào tạo lý luận chính trị; bảo vệ chính trị nội bộ...; tập trung vào những khâu quan trọng như đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục; công tác đánh giá cán bộ ngày càng dân chủ, khách quan, thực chất hơn; gắn đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ với chức trách, nhiệm vụ được giao, sản phẩm cụ thể, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém***; định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, số lượng uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030[22] bảo đảm đồng bộ, thống nhất về số lượng cấp uỷ viên, số lượng cấp phó giữa các địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phù hợp thực tiễn và không cào bằng, có tính đến đặc thù đối với các đơn vị thực hiện hợp nhất, sáp nhập***. Chất lượng quy hoạch cán bộ được nâng lên, lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm căn cứ xây dựng quy hoạch cán bộ cấp trên; gắn xây dựng quy hoạch với công tác đánh giá cán bộ. Công tác luân chuyển cán bộ có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực.[23] Việc kiện toàn, sắp xếp, bố trí cán bộ ở các cơ quan Trung ương, địa phương khi sắp xếp, sáp nhập được triển khai kịp thời, bài bản, với cách làm chặt chẽ, thận trọng, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu chính trị đặt ra, qua đó tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên[24]***; đặc biệt, lần đầu***

---

[21] ***Quy định số... của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (thay thế Quy định số 80-QĐ/TW; Quy định số 41-QĐ/TW; Quy định số 50-QĐ/TW; Thông báo số 20-TB/TW; Quy định 148-QĐ/TW); Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị (thay thế Quy định số 57-QĐ/TW); Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (thay thế Quy định số 89-QĐ/TW, Quy định số 214-QĐ/TW); Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (thay thế Quy định số 124-QĐ/TW); Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng (thay thế Quy định số 58-QĐ/TW); Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (thay thế Kết luận số 35-KL/TW).***

[22] ***Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 187-KL/TW, ngày 29/8/2025 về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 188-KL/TW, ngày 29/8/2025 về định hướng số lượng uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030.***

[23] Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư cấp uỷ nhiệm kỳ 2020-2025 và lãnh đạo cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2021-2026 diện Trung ương quản lý đối với **2.804** lượt cán bộ. Bộ Chính trị phê duyệt **227** đồng chí quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương và **27** đồng chí quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tính đến 31/3/2024, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã điều động, luân chuyển, bố trí đối với **5.527** lượt cán bộ (trong đó, diện Trung ương quản lý 148 lượt, cấp tỉnh 322 lượt, cấp huyện 1.476 lượt, cấp xã 3.581 lượt).
Qua mỗi kỳ đại hội, cấp uỷ các cấp đổi mới khoảng 40%; Ban Chấp hành Trung ương được đổi mới qua từng khoá: khoá IX là 42%, khoá X là 54,7%, khoá XI là 47%, khoá XII là 48%, khoá XIII là 38%. Nhiệm kỳ 2020 - 2025: Tỷ lệ cấp uỷ viên cấp tỉnh trẻ (dưới 40 tuổi) là 6,4%. Tỷ lệ cấp uỷ viên cấp huyện trẻ (dưới 40 tuổi) là 15,31%. Tỷ lệ cấp uỷ viên cấp cơ sở trẻ (dưới 35 tuổi) là 13,01%.

[24] Đã sắp xếp, bố trí đối với 134 lượt nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, công tác ở các bộ, ban, ngành, đơn vị ở Trung ương và 222 lượt nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư của 04 đảng uỷ trực thuộc Trung ương mới thành lập; 1.853 lượt nhân sự tham gia ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư và chức danh lãnh đạo chủ chốt của 23 địa phương sau sắp nhập, hợp nhất (tính cả 11 địa phương không hợp nhất,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tiên hoàn thành 100% việc bố trí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp xã không phải là người địa phương; 50% chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh không phải là người địa phương và đảm bảo thực hiện hoàn thành việc bố trí chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh không phải là người địa phương từ đầu nhiệm kỳ 2025 - 2030; xây dựng phương án bố trí nhân sự Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố không phải người địa phương trong và sau Đại hội XIV của Đảng. Nội dung, chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từng bước được đổi mới, sát với yêu cầu nhiệm vụ.[25] Chính sách cán bộ được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời. Chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung bước đầu được triển khai tích cực. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp có nhiều đổi mới, đồng bộ hơn. Công tác quản lý cán bộ ngày càng nền nếp, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ được các cấp uỷ chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, tạo chuyển biến bước đầu trong văn hoá từ chức đối với cán bộ. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi cán bộ đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Công tác xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ lãnh đạo cấp cao, kể cả lãnh đạo chủ chốt đã được Trung ương chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm minh, kịp thời, đồng thời nhanh chóng kiện toàn nhân sự thay thế đã khẳng định bản lĩnh chính trị, sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, cùng ý chí quyết tâm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.[26] Nhìn chung, đa số cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức rèn luyện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, có những đóng góp hiệu quả vào công cuộc đổi mới đất nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường, thực hiện nghiêm túc, thận trọng, kỹ lưỡng, đúng quy định góp phần giữ vững chế độ, bảo đảm an ninh chính trị, vấn đề chính trị hiện nay.

---

sáp nhập là 2.411 nhân sự).

[25] Trong giai đoạn 2019-2024, số lượng cán bộ được đào tạo cao cấp lý luận chính trị là **76.679** người; trung cấp lý luận chính trị là **213.096** người; bồi dưỡng, cập nhất kiến thức cho đối tượng 3 và 4 lần lượt là 14.152 và 534.641 người; bồi dưỡng cập nhất kiến thức Quốc phòng - An ninh cho các đối tượng là 1.021.170 người; bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Đề án 165 trước kia và Kết luận 39 hiện nay) là 1.542 người; bồi dưỡng thông qua kênh hợp tác quốc tế là 482 người. Năm 2023 bồi dưỡng kiến thức cho đối tượng 1 và 2 (uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân là 286 người).

[26] Tính đến Tháng 6/2024, đã kỷ luật **17.808** công chức, viên chức, cho nghỉ việc, thôi việc 10.880 người, cho từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ đối với **31** cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 07 Uỷ viên Bộ Chính trị, 01 Uỷ viên Ban Bí thư và 10 Uỷ viên Trung ương Đảng, có cả lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, 81 uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành cấp uỷ cấp tỉnh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đi vào chiều sâu; các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt được kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.[27] Hệ thống thể chế về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn. Tăng cường tính chủ động, quyết liệt thực hiện nhiệm vụ rất khó, chưa có tiền lệ; mở rộng đối tượng kiểm tra, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ.[28] Giám sát chuyên đề được chú trọng, thực chất hơn, góp phần cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên đạt kết quả tích cực. Nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, dư luận quan tâm đã được xử lý nghiêm minh, dứt điểm; nhiều vụ việc mới phát sinh được kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời.[29] Các cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tăng cường

---

[27] Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 6/2025, cấp uỷ các cấp đã kiểm tra **232.401** tổ chức đảng và **1.284.298** đảng viên (Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã xây dựng, ban hành Chương trình kiểm tra hàng năm và thành lập 31 đoàn kiểm tra do các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng đoàn, kiểm tra đối với 83 tổ chức đảng trực thuộc Trung ương). Qua kiểm tra, đã kết luận 8.549 tổ chức và 26.538 đảng viên thực hiện chưa tốt nội dung được kiểm tra, trong đó có 4.567 tổ chức và 14.842 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, phải thi hành kỷ luật 78 tổ chức và 1.115 đảng viên, đã thi hành kỷ luật 42 tổ chức và 900 đảng viên.

Các cấp uỷ đã giám sát 137.558 tổ chức đảng và 596.688 đảng viên. Thi hành kỷ luật 1.621 tổ chức đảng (khiển trách 1.160, cảnh cáo 463), trong đó Bộ Chính trị, Ban Bí thư kỷ luật 62 tổ chức; kỷ luật 73.137 đảng viên (khiển trách 57.474, cảnh cáo 11.439, cách chức 1.523, khai trừ 2.703), trong đó Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 208 trường hợp (Uỷ viên Trung ương và nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng là 86 trường hợp); ngoài ra, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan đã báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định cho thôi giữ chức vụ 14 trường hợp là cán bộ diện Trung ương quản lý. Giải quyết khiếu nại của 296 đảng viên (giữ nguyên hình thức kỷ luật 187 trường hợp, tăng 08 trường hợp, giảm 17 trường hợp, xoá kỷ luật 13 trường hợp).

Các cấp uỷ đã giám sát **85.117** tổ chức đảng và **282.471** đảng viên. Thi hành kỷ luật **1.467** tổ chức đảng (khiển trách 1.037, cảnh cáo 430), trong đó Bộ Chính trị, Ban Bí thư kỷ luật 62 tổ chức; kỷ luật 68.873 đảng viên (khiển trách 54.391, Cảnh cáo 10.679, cách chức 1.427, khai trừ 2.376), trong đó BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 198 trường hợp (Uỷ viên Trung ương và nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng là 46 trường hợp); ngoài ra, UBKT Trung ương và các cơ quan liên quan đã báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định cho thôi giữ chức vụ 14 trường hợp là cán bộ diện Trung ương quản lý. Giải quyết khiếu nại của 110 đảng viên (giữ nguyên hình thức kỷ luật 92 trường hợp, tăng 03 trường hợp, giảm 06 trường hợp, xoá kỷ luật 09 trường hợp).

[28] Thực hiện kiểm tra, giám sát các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Ban Bí thư, uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

[29] Uỷ ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 13.620 tổ chức đảng và 38.385 đảng viên (có 85.639 cấp uỷ viên); kết luận 8.775 tổ chức đảng và 30.109 đảng viên có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 1.164 tổ chức đảng và 13.849 đảng viên. Riêng Uỷ ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 99 tổ chức đảng, 297 đảng viên; qua kiểm tra đã thi hành kỷ luật 84 tổ chức đảng và 29 đảng viên; đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 26 tổ chức đảng và 61 đảng viên (có 10 đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng, nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng); yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới thi hành kỷ luật 70 tổ chức đảng và 185 đảng viên.

Từ năm 2023, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương đã kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập đối với 131 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, uỷ ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập 216 trường hợp; số đảng viên được uỷ ban kiểm tra các cấp tiến hành xác minh tài sản, thu nhập 16.642 trường hợp. Qua kiểm tra đã phát hiện 182 trường hợp vi phạm, số vi phạm đến mức phải kỷ luật là 06 trường hợp, đã thi hành kỷ luật 05 trường hợp (có 01 trường hợp cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý).

Uỷ ban kiểm tra các cấp đã giám sát 123.911 tổ chức đảng và 174.482 đảng viên. Uỷ ban kiểm tra các cấp đã giải quyết tố cáo đối với 170 tổ chức đảng, 4.408 đảng viên, kết luận đúng, đúng một phần là 75 tổ chức và 2.000 đảng viên (trong đó có 60 tổ chức đảng vi phạm và 1.327 đảng viên, phải thi hành kỷ luật 07 tổ chức đảng và 758 đảng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Việc kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, khi có dấu hiệu vi phạm đạt kết quả tích cực. Chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Uỷ ban kiểm tra các cấp đã phối hợp đồng bộ, nhuần nhuyễn với các cơ quan chức năng trong khối nội chính, cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi nhiệm vụ; có nhiều đổi mới trong cách thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, bám sát các chủ trương mới của Trung ương để triển khai nhiệm vụ một các kịp thời, khẩn trương. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên đã góp phần cảnh tỉnh, răn đe và giáo dục cán bộ, đảng viên.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, có bước tiến mạnh, đột phá lớn, đạt nhiều kết quả rất quan trọng; từng bước hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để "không thể", "không dám", "không muốn", "không cần" tham nhũng, tiêu cực.[30] Tham nhũng, tiêu cực từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, kể cả những vụ tồn đọng kéo dài và các vụ, việc mới phát sinh đã được phát hiện, xử lý nghiêm minh, đồng bộ, công khai.[31] Xây

---

viên và đã thi hành kỷ luật 04 tổ chức đảng và 637 đảng viên.

Uỷ ban kiểm tra các cấp đã giải quyết khiếu nại của 366 đảng viên, kết quả giữ nguyên hình thức kỷ luật 241 trường hợp, tăng hình thức kỷ luật 21 trường hợp, giảm hình thức kỷ luật 35 trường hợp, xoá kỷ luật 29 trường hợp.

[30] Tính đến hết tháng 6/2025, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn **2.360** đảng viên do tham nhũng, 313 đảng viên do vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập; hơn 29.500 đảng viên do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm trách nhiệm nêu gương và những điều đảng viên không được làm. Trong đó, có 170 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cả đương chức và đã nghỉ hưu. Qua thanh tra, kiểm toán kiến nghị xử lý, thu hồi gần 512 nghìn tỉ đồng, hơn 2.500 ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm hơn 15.700 tập thể và hơn 31.600 cá nhân sai phạm; kiến nghị xử lý hơn 2.600 văn bản pháp luật có sơ hở, bất cập. Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra hơn 18.440 vụ án và hơn 38.940 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ; trong đó có 3.109 vụ án, 7.726 bị can về tội tham nhũng.

Các cơ quan chức năng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đã phát hiện, chuyển gần 1.900 vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định.

[31] Như: Các vụ án xảy ra tại Công ty Việt Á, AIC, Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao), Tập đoàn FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát, ngân hàng SCB, Tập đoàn Phúc Sơn, Tập đoàn Thuận An hay các vụ án liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước xảy ra tại Bình Dương, Bình Thuận, Khánh Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang; các vụ án xảy ra tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và Trung tâm đăng kiểm các địa phương. Đặc biệt, đã khởi tố, điều tra một số vụ án gây lãng phí lớn tài sản nhà nước; khởi tố, điều tra một số vụ án sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, thực phẩm chức

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

dựng, hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, từng bước hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ.[32] Công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động công vụ được tăng cường. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có nhiều đổi mới; vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, của Nhân dân và báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát huy tốt hơn. [33] Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương có sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục hiệu quả tình trạng "trên nóng, dưới lạnh".

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có nhiều đổi mới, hiệu quả hơn, xác định rõ hơn quan điểm, nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương,

---

năng, thuốc chữa bệnh, giám định pháp y tâm thần, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có sự câu kết, móc nối giữa doanh nghiệp, bị can với cán bộ thoái hoá, biến chất trong các cơ quan nhà nước gây bức xúc trong dư luận.

Tính đến hết tháng 6/2025, có **170** cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị xử lý kỷ luật (trong đó có 45 Uỷ viên Trung ương Đảng, nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng, 24 sĩ quan cấp tướng); có 62 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị xử lý hình sự, trong đó có 19 Uỷ viên Trung ương Đảng, nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng, 11 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang.

Từ đầu nhiệm kỳ đến hết tháng 6/2025, các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương đã khởi tố, điều tra hơn 2.500 vụ án tham nhũng, cao gần gấp hai lần số vụ án tham nhũng của cả nước đã khởi tố trong nhiệm kỳ Đại hội XII. Nhiều địa phương đã phát hiện, điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước; nhiều địa phương khởi tố, điều tra cả bị can là cán bộ diện tỉnh uỷ, thành uỷ quản lý, thậm chí có địa phương khởi tố, điều tra cả bị can là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, điển hình như: Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Lào Cai, Phú Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Yên Bái, Hà Giang, Nghệ An, Bình Định, Bắc Ninh, Lai Châu, An Giang, Kiên Giang, Khánh Hoà, Đồng Nai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Bình, Gia Lai, Nam Định,...

Tính đến hết tháng 6/2025, các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong toả tài khoản trị giá trên 614 nghìn tỉ đồng. Riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo dõi, chỉ đạo, trong giai đoạn thi hành án dân sự đã thu hồi được trên 76.000 tỉ đồng. Đã xử lý kỷ luật hơn 1.100 cán bộ trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong đó có hơn 330 trường hợp bị xử lý hình sự.

Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến hết tháng 12/2024, Việt Nam đã ký kết và tham gia 10 hiệp định tương trợ tư pháp với các nước trong hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Hợp tác truy bắt các đối tượng bỏ trốn và thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài, điển hình như đã phối hợp với các cơ quan chức năng của Xinh-ga-po thu hồi gần 2,7 triệu đô la Mỹ và 127 ngàn đô la Xinh-ga-po của Phan Sào Nam

[32] Tính đến hết tháng 12/2024, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo đã ban hành hơn **160** văn bản về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Quốc hội đã thông qua 65 luật, pháp lệnh; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 836 nghị định, nghị quyết, trên 150 quyết định; các bộ, ngành, địa phương đã ban hành trên 46.640 văn bản pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

[33] Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức 04 hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tính đến 30/6/2025, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hơn 295 nghìn lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho hơn 12 triệu lượt cán bộ, nhân dân; xuất bản hơn 2,5 triệu đầu sách, tài liệu tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là đã triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng đến cấp chi bộ để quán triệt, nghiên cứu, học tập nội dung Tác phẩm "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và tuyên truyền sâu rộng các thông điệp, quan điểm chỉ đạo mới về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong giai đoạn cách mạng mới. Các cơ quan thông tấn, báo chí đã đăng tải trên 62.800 tin, bài về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (tăng gấp 05 lần so với nhiệm kỳ Đại hội XII); nhất là đã mở nhiều chuyên mục mới, diễn đàn nghiên cứu, trao đổi, phân tích chuyên sâu về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành toàn diện, đồng bộ nhiều chủ trương, quyết sách có tính chiến lược, đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn, ứng phó nhanh, rất kịp thời, hiệu quả với các tình huống khó khăn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, đánh giá cao; kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách đột phá về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng lực lượng sản xuất mới; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới, hướng đến chủ động hội nhập sâu rộng, tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.[34] Cấp uỷ các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức triển khai, thực hiện; kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng cụ thể, rõ ràng hơn, nhất là về trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể và cá nhân. Đảng lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp

---

[34] Như: Giám sát chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư một số dự án trọng điểm, chậm tiến độ, đầu tư dở dang, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.
Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên…
Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 34-NQ/TW, ngày 09/01/2023 về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 14/5/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 14/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; ***Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân;*** Kết luận số 119-KL/TW, ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 152-NQ/TW, ngày 02/5/2025 về tăng cường thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Bí thư...
Các ban đảng ở Trung ương đã ban hành quy trình nghiệp vụ đáp ứng trên môi trường số; ban hành một số quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, vận hành hệ thống mạng diện rộng của Đảng; hạn tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước đã được kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc toàn trình đến cấp tỉnh, cấp xã. Có giải pháp tương thích giữa hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ. Xây dựng, triển khai ứng dụng "Sổ tay đảng viên điện tử" hỗ trợ các đảng viên trong sinh hoạt đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ, công chức, viên chức; 4 thủ tục hành chính trực tuyến của Đảng trên môi trường điện tử. Triển khai bước đầu phong trào "Bình dân học vụ số", các chương trình truyền hình "Công dân số", "Ánh sáng tri thức".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quyền xã hội chủ nghĩa và thể chế hoá cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" ngày càng hiệu quả hơn.[35] Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và công tác cán bộ. Các cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên, chú trọng đổi mới phong cách, phương pháp lãnh đạo, lề lối công tác. Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục được đổi mới đồng bộ. Trách nhiệm nêu gương đã được thể chế hoá thành quy định cụ thể, nhất là trách nhiệm nêu gương toàn diện của người đứng đầu. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát quyền lực được đặc biệt coi trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tài tình của Đảng là nhân tố quyết định những kết quả, thành tựu của đất nước thời gian qua, quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đạt được những ưu điểm trên do nhiều nguyên nhân, nổi bật là các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Kế thừa những kinh nghiệm, bài học quý và phát huy hiệu quả những thành tựu xây dựng Đảng qua 40 năm đổi mới; xác định đúng thời cơ cách mạng và yêu cầu nhiệm vụ, công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao, thông tin đầy đủ, kịp thời, phát huy dân chủ, kiên định mục tiêu, bản lĩnh, nói đi đôi với làm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp. (2) Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; sự tham gia tích cực, hiệu quả của các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân; đa số cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, nỗ lực nâng cao trình độ, tích cực rèn luyện, trưởng thành trong thực tiễn, giữ vững phẩm chất, đạo đức, lối sống, có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, của dân tộc. (3) Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; các thành tựu của công cuộc đổi mới và sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức có mặt còn hạn chế. Một số cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền nhận thức chưa sâu sắc, đầy đủ, vi phạm quy chế làm việc, các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị thiếu vững

---

[35] Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023, về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc...

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

vàng, hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tự phê bình và phê bình ở một số nơi chưa thường xuyên. Công tác dự báo, nắm tình hình, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu chiến lược, lý luận có mặt, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có lúc, có nơi còn bị động, nhất là trên không gian mạng.

Cơ chế phối hợp giám sát, phản biện xã hội chưa đồng bộ; việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền có mặt hiệu quả chưa cao; việc nắm bắt và đánh giá tình hình cơ sở có lúc, có nơi chưa sát thực tiễn, thiếu kịp thời.

Một số cơ quan, tổ chức, nhất là cơ quan hành chính ở cấp xã và các đoàn thể được sắp xếp, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền mới bước đầu còn một số khó khăn, lúng túng; việc số hoá tài liệu, quản lý trụ sở, tài sản; bố trí cơ sở vật chất ở một số cơ quan, tổ chức sau sắp xếp còn một số hạn chế, bất cập...

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn yếu; một số ít tổ chức cơ sở đảng nội bộ mất đoàn kết, có nơi mất sức chiến đấu; sinh hoạt đảng ở một số nơi còn hình thức, công tác đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ hiệu quả chưa cao. Công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên ở một số nơi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý đảng viên còn một số khó khăn, bất cập.

Công tác cán bộ vẫn còn những tồn tại, yếu kém nhất định; công tác đánh giá cán bộ còn chưa toàn diện, chính xác, đầy đủ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ cấp chiến lược có mặt còn hạn chế. Năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, hạn chế trong thực hiện trách nhiệm nêu gương, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở một số cấp uỷ có mặt chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao, nhất là vấn đề chính trị hiện nay.

Công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi thiếu chủ động, thiếu quyết liệt, chưa hiệu quả; công tác giám sát thường xuyên còn nhiều hạn chế, chất lượng, hiệu quả chưa cao; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát còn thiếu quyết liệt; nhiều tổ chức đảng, đảng viên thực hiện yêu cầu trong các kết luận còn thiếu nghiêm túc, chưa triệt để, tiến độ còn chậm, kéo dài. Cơ chế phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn có mặt hạn chế.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị có mặt còn hạn chế. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hoá kịp thời, đầy đủ. Chưa khắc phục được tình trạng nội dung một số văn bản còn chung chung, chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế. Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của một số cấp uỷ chưa khoa học, chưa hiệu quả. Vẫn còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng. Cải cách hành chính trong Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; việc triển khai chuyển đổi số ở một số địa phương, đơn vị vẫn còn chậm, có nhiều hạn chế về phương pháp, cơ chế, chính sách, hạ tầng, nhân lực.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là những nguyên nhân sau: (1) Bối cảnh quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch; mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; các quy định của pháp luật ở một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ và chưa chặt chẽ; công tác đánh giá cán bộ vẫn là một khâu khó. (2) Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu chưa đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa chủ động, sáng tạo, sâu sát, thiếu quyết liệt; năng lực, kinh nghiệm, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu còn hạn chế; một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chính sách cán bộ còn một số bất cập, chưa khuyến khích, phát huy hết năng lực, tâm huyết với công việc, khó thu hút cán bộ có chuyên môn cao về làm việc ở những lĩnh vực mới, khó, phức tạp; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện và chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, Điều lệ Đảng, Cương lĩnh chính trị. Thường xuyên coi trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận nhằm khẳng định vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là nhân tố hàng đầu, then chốt quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Hai là, giữ vững, củng cố, tăng cường đoàn kết, thống nhất giữa nhận thức và hành động trong toàn Đảng, trong hệ thống chính trị, trước hết là trong đội ngũ lãnh đạo chủ chốt và cấp uỷ các cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo phải toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, chủ động, sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả; có sự chủ động, thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát định kỳ, kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo tập thể, phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đã đạt được. Đối với những công việc lớn, quan trọng, mới và khó khăn, phức tạp, Trung ương đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo, phải xác định quyết tâm chính trị cao nhất, tập trung lãnh đạo, đột phá trong tổ chức thực hiện với tư duy mới, cách làm mới. *Ba là,* coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng; trong đó, xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kiên quyết, kiên trì, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong từng giai đoạn phát triển. Xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Bốn là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; bố trí đúng người, đúng việc, kịp thời sàng lọc, thay thế những cán bộ không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Năm là, Phải làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, không để các thế

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ. Quán triệt sâu sắc, thực hiện hiệu quả quan điểm "Dân là gốc", "Dân là trung tâm", "Dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng", phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" và mọi chủ trương của Đảng hướng tới mục tiêu vì người Dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIV

Bối cảnh, tình hình thế giới và trong nước đan xen cả thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức lớn, đòi hỏi chúng ta phải kiên định lập trường, lý tưởng cách mạng, có quyết tâm chính trị cao, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả trong tình hình mới.

1. Phương hướng

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, hướng đến hiện thực hoá hai mục tiêu 100 năm, nhiệm kỳ Đại hội XIV, đánh dấu thời điểm đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, Đảng ta tiếp tục thực hiện tốt "bốn kiên định" bằng tinh thần sáng tạo, theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, vì vậy trong thời kỳ mới, trước những yêu cầu mới rất cao, cần đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xác định sứ mệnh chính trị của Đảng lãnh đạo đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Phải tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, thành tựu đổi mới của Nhân dân ta, dân tộc ta. Đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến căn bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ. Trong nhiệm kỳ tới, công tác xây dựng Đảng cần tập trung cao cho việc tiếp tục hoàn thiện, triển khai hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy mới. Xác định rõ cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị hành chính mới đạt kết quả bước đầu, nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới hết sức quan trọng. Để cho bộ máy thực sự vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, ổn định lâu dài cần tiếp tục hoàn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thiện đồng bộ thể chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với mô hình tổ chức mới; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm các cơ quan, tổ chức hoạt động thông suốt, đồng bộ, nhịp nhàng, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị quốc gia; chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Triển khai có hiệu quả cơ chế phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương gắn với nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương; tăng cường chuyển đổi số trong công tác xây dựng đảng. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở và chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Chú trọng và tăng cường đoàn kết trong Đảng, lấy đoàn kết trong Đảng là cơ sở, nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín. Tăng cường kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm "không ngừng, không nghỉ", "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ".

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng trên mọi lĩnh vực; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Tiếp tục phát triển lý luận, bảo đảm vai trò tiên phong, tính dự báo, tầm nhìn vượt trước, dẫn dắt, định hướng; kim chỉ nam, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chiến lược phát triển đất nước. Thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; nâng cao năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2.2. Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng

Công tác tư tưởng phải được tiến hành chủ động, tích cực, thường xuyên, sát thực tiễn. Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển. Tập trung thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm thiết thực, hiệu quả[36]. Tăng cường bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Chủ động phổ biến, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan để phòng, chống "diễn biến hoà bình", thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số; phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật và sự tham gia tích cực của đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo trên mặt trận tư tưởng[37]. Nâng cao chất lượng công tác điều tra dư luận xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân; chủ động nắm bắt, nghiên cứu, dự báo tình hình, tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội. Hoàn thiện hệ thống lý luận cơ bản về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn cách mạng mới. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thúc đẩy hoạt động đối ngoại của Đảng, đưa hoạt động trao đổi lý luận của Đảng ta với một số đảng cộng sản và chính đảng trên thế giới đi vào chiều sâu, hiệu quả. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong

---

[36] Tổng kết Chỉ thị số 23-QĐ/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
[37] Tổng kết Nghị quyết số 16-QĐ/TW, ngày 01/8/2007 Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bối cảnh chuyển đổi số. Có cơ chế, chính sách thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị. Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cấp uỷ viên và cán bộ làm công tác xây dựng Đảng các cấp. Chú trọng bồi dưỡng, giác ngộ về chính trị, tư tưởng, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao tinh thần "tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc", nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước, với xã hội.

2.3. Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng, vấn đề cấp bách của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới, tăng cường tính tiên phong, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh của Đảng cầm quyền để thực hiện sứ mệnh lãnh đạo, dẫn dắt đất nước phát triển vì hạnh phúc của Nhân dân, đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các quy định, chỉ thị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và những điều đảng viên không được làm, trách nhiệm nêu gương, tự giác tự phê bình và phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII, Kết luận Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách thường xuyên[38]; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ, nâng cao đạo đức, văn hoá liêm chính, tính chuyên nghiệp của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; coi trọng xây dựng văn hoá Đảng; kiên quyết đấu tranh loại bỏ những phần tử cơ hội, suy thoái đạo đức, lối sống ra khỏi bộ máy của các cơ

---

[38] Sơ kết việc thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quan Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng việc làm cụ thể hằng ngày, bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, tạo sự lan toả sâu rộng, tích cực trong Đảng và toàn xã hội. Đề cao ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ, đảng viên; chấm dứt tình trạng né tránh, đùn đẩy, không dám làm, thiếu trách nhiệm trong công việc[39]. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trách nhiệm giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ chủ chốt.

2.4. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới[40]. Tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng tổ chức cán bộ, đoàn viên, hội viên, có năng lực thích ứng, bảo đảm cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Tăng cường phối hợp, thực hiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; tiếp tục đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; khơi dậy, phát huy giá trị văn hoá, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo; nắm chắc tình hình Nhân dân, có cơ chế đặc thù, hiệu quả để theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của lực lượng vũ trang, củng cố mối quan hệ gắn

[39] Xây dựng hệ thống thể chế đủ mạnh nhằm kiểm soát, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi lệch chuẩn, sai phạm.
[40] Tổng kết Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bó mật thiết giữa quân và dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Tích cực phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thông qua cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Lấy dân là gốc", "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân và việc tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri, nhân dân sau giám sát, phản biện xã hội[41]. Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", "Bình dân học vụ số" vì mục tiêu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

2.5. Đảm bảo hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân

Vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới; sơ kết, tổng kết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện. Tập trung xây dựng các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương thực sự là hạt nhân trí tuệ, là "bộ tổng tham mưu", đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước; đổi mới mạnh mẽ hoạt động của các ban, cơ quan của Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tham mưu chiến lược cho Trung ương. Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật, và nâng cao chất lượng các dự án luật; tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền, bảo đảm đúng mục tiêu Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; Chính phủ tập trung cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả; tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, bổ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Mặt trận

[41] Tổng kết Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đảng công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung cho cơ sở, gắn bó với đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng của Đảng; xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp uỷ, của chính quyền địa phương thực sự tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, điều lệ các tổ chức, bảo đảm các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, phục vụ tốt người dân và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, ***bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính triệt để, hiệu quả***; số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031; phân cấp quản lý biên chế cho các cấp uỷ trực thuộc Trung ương.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước theo đúng định hướng của Trung ương, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; trong đó, quan tâm các lĩnh vực giáo dục, y tế ở địa bàn khó khăn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. ***Sắp xếp*** các thôn, tổ dân phố ở xã, phường, ***đặc khu*** và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

2.6. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, quan tâm vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ngoài nước. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức đảng trong các đơn vị hành chính, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, bảo đảm lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ mới[42]. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phải coi sinh

[42] Sơ kết, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 21-NQ/TW khoá XIII, ngày

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hoạt đảng là cuộc họp quan trọng nhất; phải bảo đảm thời lượng sinh hoạt chi bộ; chú trọng đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức, gắn với nhiệm vụ, quyền hạn và phân công nhiệm vụ cho cấp uỷ và đảng viên; phát huy dân chủ trong thảo luận, tranh luận, gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương, khắc phục triệt để tình trạng thờ ơ, mất sức chiến đấu trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ; kiểm tra, giám sát kịp thời góp ý, nhắc nhở, phê bình, xử lý nghiêm chi bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc và chế độ sinh hoạt chi bộ, xem đây là kỷ luật nghiêm khắc nhất của Đảng. Tiếp tục thực hiện thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt và sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở chi bộ có đông đảng viên bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, tránh hình thức. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, khắc phục biểu hiện hình thức, nể nang, né tránh, ngại va chạm. Đánh giá việc thực hiện các mô hình thí điểm, nhân rộng cách làm hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên từ Trung ương xuống cơ sở và liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, công tác dự báo, đánh giá tình hình, năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng tại cơ sở, nhất là bí thư cấp uỷ. Thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận. Xây dựng, hoàn thiện, đồng bộ cơ chế, chính sách khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên; chế độ đảng phí; có chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng ở những nơi khó khăn và cán bộ đảng, đoàn thể ở cơ sở.

Tăng cường quản lý đảng viên, chú trọng quản lý đảng viên ở ngoài nước và đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, lao động[43]; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, phát triển các nền tảng số an toàn trong công tác quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng; kịp thời rà soát, sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng[44]. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên; phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tạo nguồn phát triển đảng viên, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư[45]; quan tâm phát triển đảng

---

16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

[43] Nghiên cứu ban hành Chỉ thị về "Tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển và quản lý đảng viên ở nước ngoài trong tình hình mới".

[44] Tổng kết Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

[45] Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về công tác đảng viên (Quy định số 05-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Ban Bí thư về việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng; Quy định số 06-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên[46], công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp. Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân, đảng viên làm kinh tế tư nhân trong bối cảnh phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, vừa phát huy tối đa nguồn lực, năng lực làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội[47]. Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về giới thiệu sinh hoạt đảng và sinh hoạt đảng tạm thời phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là đối với đảng viên thường xuyên đi làm xa nơi sinh hoạt đảng chính thức, bộ đội xuất ngũ, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm, nơi ở ổn định, đảng viên ra nước ngoài ngắn hạn vì việc riêng.

2.7. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Phải có tầm nhìn xa trong chuẩn bị đội ngũ cán bộ, bảo đảm sự kế thừa, tiếp bước vững vàng giữa các thế hệ. Xây dựng cơ chế lựa chọn, bố trí đúng cán bộ tốt, hội tụ đủ đức, đủ tài, đủ tâm, đủ tầm, đủ sức, đủ nhiệt huyết cách mạng để gánh vác trọng trách lịch sử đất nước vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm các quy định mới về công tác cán bộ, đảm bảo triển khai hiệu quả cơ chế sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống". Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các quy định về công tác cán bộ ở các cấp, nhất là cấp chiến lược theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, công tâm; quyền lực đi đôi với trách nhiệm; nhiệm vụ gắn với nguồn lực, điều kiện thực hiện; sử dụng gắn với chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp với thực tiễn và yêu cầu công việc. Nhận diện rõ, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các hành vi chạy chức, chạy quyền; đồng thời, coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự

đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo...).

[46] Nghiên cứu ban hành Chỉ thị về "Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên từ đoàn viên thanh niên".

[47] Tổng kết Nghị quyết số 10-QĐ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tổng kết Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; sửa đổi, bổ sung Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân; Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW, ngày 27/9/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

của cán bộ. Sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả, tác động của các chủ trương, mô hình thí điểm trong công tác cán bộ. Triển khai các quy định mới theo chủ trương đổi mới phương pháp nhận xét, đánh giá cán bộ bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, coi trọng đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí ***gắn với hiệu quả, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thông qua*** sản phẩm cụ thể. Nghiên cứu cơ chế nhằm phát huy đầy đủ, thực chất vai trò của Nhân dân trong giám sát, đánh giá cán bộ. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; quan tâm, tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, kỹ thuật; tăng cường cán bộ cho các địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới để thử thách, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo toàn diện của cán bộ. Đổi mới và có quy trình chặt chẽ trong công tác bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ theo hướng cơ cấu hợp lý, tinh giản số lượng và nâng cao chất lượng, không nhất thiết địa phương, cơ quan, đơn vị nào cũng phải có cấp uỷ viên. ***Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả việc bố trí chức danh bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chánh thanh tra, giám đốc công an cấp tỉnh không phải là người địa phương; nghiên cứu thực hiện việc bố trí chức danh người đứng đầu các ngành, lĩnh vực: kiểm sát, tòa án, thuế cấp tỉnh không phải là người địa phương. Cơ bản bố trí*** bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp. Có cơ chế, quy định trách nhiệm của lãnh đạo và cấp uỷ viên trong việc phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển vào vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp, nhất là cán bộ trẻ; quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, ***cho thôi giữ chức vụ,*** thay thế những cán bộ có kết quả thực hiện nhiệm vụ yếu kém mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, xử lý nghiêm những người có sai phạm. Khẩn trương triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư. Kiên quyết không để lọt vào cấp uỷ, lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị những cán bộ không có bản lĩnh chính trị vững vàng, không kiên định quan điểm của Đảng, giảm sút uy tín, gây mất đoàn kết, đùn đẩy trách nhiệm, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, "tư duy nhiệm kỳ", tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", cục bộ địa phương, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm trách nhiệm nêu gương. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

sách tạo động lực để cán bộ phấn đấu, cống hiến[48]. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức, bộ máy. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, năng lực nổi trội, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, là hạt nhân đoàn kết[49]. ***Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt là cán bộ trẻ, cán bộ kiêm nhiệm và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số.*** Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, tư tưởng, lý luận, văn hoá, văn nghệ; xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong quân đội, công an đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Củng cố, nâng cao ý thức trách nhiệm và tính Đảng đối với cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện chính sách để khuyến khích cán bộ làm việc ở những vùng, ngành nghề khó khăn, phức tạp; cán bộ chuyên môn, nhất là đội ngũ chuyên gia có tay nghề cao. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, nhất là cán bộ cấp chiến lược; coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tổ chức, cán bộ.

Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên. Đổi mới công tác hồ sơ cán bộ trên cơ sở số hoá từ cơ sở và kết nối liên thông đồng bộ giữa các cơ quan. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị; bảo vệ cán bộ, đảng viên; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, đặc biệt là trách nhiệm của cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo

---

[48] Tổng kết Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Cải cách chính sách tiền lương. Nghiên cứu hoàn thiện quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phù hợp thực tiễn; ban hành thực hiện khoán phương tiện đi lại, tiếp tục hoàn thiện các quy định về chế độ xe ô tô phục vụ công tác, điện thoại, khám chữa bệnh, nghỉ hè, nghỉ dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

[49] Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; phát hiện nhân tố mới tích cực, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; kịp thời phát hiện những vi phạm, khuyết điểm của tổ chức, đảng viên và "tự soi", "tự sửa", chủ động khắc phục, kịp thời chấn chỉnh khuyết điểm, yếu kém, không để dẫn đến vi phạm. Tổng kết Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030[50, 51]; xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm khoa học, chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tiễn, thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm; chuyển từ bị động sang chủ động, nắm chắc tình hình, không để có "khoảng trống', "vùng tối" mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được. Có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, việc thực thi quyền lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý; kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch. Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và khiếu kiện kéo dài. Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm nghiêm minh, chính xác, kịp thời, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, gắn với tăng cường giáo dục, quản lý, làm cho tổ chức đảng, đảng viên thấy được vi phạm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa, tiến bộ hơn, làm tốt hơn. Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát từ cấp cơ sở, chú trọng giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát. Giải quyết tố cáo, khiếu nại kịp thời, đúng quy định, khắc phục tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của Nhà nước và giám sát của Đảng với giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ

[50] Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị.
[51] Nghiên cứu thí điểm mô hình đại hội bầu uỷ ban kiểm tra các cấp.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chức chính trị - xã hội. Thực hiện ***nghiêm việc bố trí*** chức danh chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp tỉnh, ***cấp xã*** không phải là người địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; công khai kết quả xử lý các vụ việc trên phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng. Đẩy mạnh chuyển đổi số ***toàn diện, triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu "giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu" trong toàn Ngành Kiểm tra***.

2.9. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, tích cực, chủ động, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, chi bộ đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; trong đó, phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, khuyến khích, bảo vệ những người đổi mới, sáng tạo, phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung hoàn thiện, kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế để "không thể" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nhất là, hoàn thiện thể chế về kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thi hành công vụ; về trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; về bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiểm soát chặt chẽ, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật. Chú trọng xây dựng và thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, các quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế về phòng, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; nghiên

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, truy bắt, dẫn độ những đối tượng bỏ trốn. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng; triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các sai phạm, chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ để "không dám" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kết hợp kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp với kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng theo quy định. Phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và các cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; kiên trì xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp và trong các tầng lớp Nhân dân để "không muốn" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh, trung thực, công tâm, liêm khiết, tận tuỵ, chuyên nghiệp; được trả lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để "không cần" tham nhũng, tiêu cực.

2.10. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền trên cơ sở khoa học, dân chủ, hiệu quả, thiết thực, sát thực tiễn ***cách mạng Việt Nam và xu thế thời đại***, giữ vững nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất nhận thức và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Thể chế hoá, cụ thể hoá và thực hiện hiệu quả mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". [52] Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các chủ trương, đường lối của Đảng ***theo hướng rõ trọng tâm, bảo đảm nghị quyết thực sự đi***

[52] Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

vào cuộc sống. Mọi chủ trương, nghị quyết phải thực sự mang tính bao trùm, đột phá, dẫn dắt, mở đường cho nhân tố mới phát triển; cụ thể hoá, thể chế hoá kịp thời, đồng bộ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ và biên chế của hệ thống chính trị. Kiên định Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ. Kịp thời kiện toàn tổ chức đảng đồng bộ, thống nhất với tổ chức của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở tất cả các cấp. Nêu gương phải thực sự trở thành một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Kịp thời chấn chỉnh những hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"***; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, tiên phong, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới***. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường kiểm soát quyền lực. Đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở bảo đảm dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm, sâu sát, khoa học, chuyên nghiệp, hiệu quả[53, 54]. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính trong Đảng; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá hạ tầng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu cán bộ, đảng viên thống nhất, liên thông; triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng dùng chung trong Đảng và mạng truyền số liệu chuyên dùng đồng bộ, an toàn, hiện đại.

3. Giải pháp đột phá

Tiếp tục cụ thể hoá, triển khai quyết liệt, đồng bộ ba đột phá đã được xác định trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Trong giai đoạn mới, tiếp tục tập trung vào ba nhóm giải pháp chủ yếu sau:

---

[53] Sửa đổi, bổ sung Quy chế số 01-QC/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII.

[54] Ban hành Chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ khoá XIV.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3.1. Nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân. Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng; đổi mới việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là việc ban hành nghị quyết. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tạo bước đột phá đi đầu về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng, tập trung đẩy mạnh, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái số đồng bộ phục vụ hoạt động của Đảng, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

3.2. Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống"; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước; đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, mũi nhọn, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung làm động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

3.3. Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh phân cấp, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT

BÁO CÁO
TỔNG KẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG 40 NĂM QUA Ở VIỆT NAM

(DỰ THẢO)

Hà Nội, tháng 10 năm 2025

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI, KHU VỰC VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI 40 NĂM QUA 3

1.1. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC 3

1.2. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC 6

II. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI 10

2.1. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 10

2.1.1. Sự phát triển nhận thức lý luận về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tiếp tục giương cao ngọn cờ tư tưởng, lý luận "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" ***10***

2.1.2. Về mục tiêu phát triển ***12***

2.1.3. Về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam ***13***

2.1.4. Về những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam ***14***

2.1.5. Về các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam ***15***

2.2. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN ĐỘT PHÁ VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN 17

2.2.1. Nhận thức lý luận về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN qua 40 năm đổi mới ***17***

2.2.2. Những bước chuyển trong nhận thức lý luận về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam ***19***

2.3. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 22

2.3.1. Về phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ***22***

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.3.2. Về xây dựng và phát triển con người; chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam..... 23

2.3.3. Về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo..... 25

2.3.4. Về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững..... 26

2.3.5. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu..... 28

2.4. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI..... 29

2.4.1. Về quốc phòng, an ninh..... 29

2.4.2. Về đối ngoại..... 35

2.5. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH 38

2.5.1. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng..... 38

2.5.2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 43

2.5.3. Về hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng, đổi mới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội..... 44

III. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG THỰC TIỄN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM..... 45

3.1. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM..... 45

3.2. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG..... 51

3.3. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI..... 56

3.3.1. Về quốc phòng, an ninh..... 56

3.3.2. Về đối ngoại..... 61

3.4. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH..... 65

3.4.1. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng..... 65

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3.4.2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ... 75

3.4.3. Hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc ... 77

3.5. NGUYÊN NHÂN CỦA THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ 79

IV. KHÁI QUÁT CHUNG, VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM 84

4.1. NHỮNG THÀNH TỰU TRONG NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI 84

4.1.1. Những bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ... 84

4.1.2. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 40 năm đổi mới88

4.2. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 90

4.2.1. Trong nhận thức lý luận ... 90

4.2.2. Trong tổ chức thực hiện ... 92

4.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 97

4.3.1. Những vấn đề đặt ra về tiếp tục hoàn thiện nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới trong giai đoạn mới ... 97

4.3.2. Những vấn đề đặt ra trong các lĩnh vực chủ yếu ... 98

4.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM 100

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI 101

5.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045 101

5.1.1. Dự báo tình hình thế giới và khu vực ... 101

5.1.2. Dự báo tình hình trong nước ... 103

5.2. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI 105

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

5.2.1. Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường 105

5.2.2. Cơ hội và thách thức đối với phát triển văn hóa, con người, xã hội 106

5.2.3. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại 108

5.2.4. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm ổn định chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh 108

5.2.5. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và chống diễn biến hòa bình 109

5.3. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI 110

5.3.1. Quan điểm chỉ đạo 110

5.3.2. Định hướng mục tiêu 111

5.3.3. Định hướng nhiệm vụ giải pháp 112

KẾT LUẬN 122

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

MỞ ĐẦU

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, bắt đầu từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIV (2026) vừa tròn 40 năm. Việc tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới có ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện, đặc biệt góp phần vào sự phát triển về nhận thức lý luận của Đảng, vào việc hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta, như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu chỉ đạo: "đến năm 2025, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 50 năm thống nhất đất nước, cần hoàn thiện cơ bản hệ thống lý luận về đường lối đổi mới; đến năm 2030, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, có thể bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; bổ sung, làm phong phú và tiến thêm một bước để hoàn thiện hơn nền tảng tư tưởng của Đảng; và đến năm 2045, khi nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao thì chúng ta sẽ có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, khoa học và hiện đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam"[1].

Trên cơ sở kế thừa, bổ sung và phát huy những thành quả của các lần tổng kết trước[2], lần tổng kết này theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tập trung vào tám nội dung, cụ thể là: (1) Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước tác động đến Việt Nam qua 40 năm đổi mới và sự phát triển nhận thức của Đảng ta về đường lối đổi mới; (2) Những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam qua 40 năm đổi mới; (3) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) Phát triển văn hóa, quản lý phát triển xã hội và xây dựng con người; (5) Các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; (6) Các vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; (7) Đánh giá khái quát các vấn đề lý luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới; (8) Dự báo tình hình mới, đề xuất và kiến nghị quan điểm, định hướng, nội dung giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Mục đích của tổng kết nhằm góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới của Đảng; đồng thời chuẩn bị tích cực, chủ động và thiết thực vào việc xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Với mục đích đó, Báo cáo tổng kết được kết cấu thành 5 mục sau:

I. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước tác động đến quá trình đổi mới 40 năm qua.

---

[1] *Nguyễn Phú Trọng*: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.278-279.

[2] Gần đây nhất là tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016), tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng qua 40 năm đổi mới.

III. Những thành tựu và hạn chế trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

IV. Khái quát chung, vấn đề đặt ra và bài học kinh nghiệm.

V. Dự báo tình hình, đề xuất quan điểm, định hướng giải pháp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI, KHU VỰC VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI 40 NĂM QUA

1.1. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, hệ thống chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu rơi vào khủng hoảng và sụp đổ, Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới chuyển từ cục diện "lưỡng cực" sang cục diện "nhất siêu, đa cường", đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quan hệ quốc tế, làm biến đổi sâu sắc bối cảnh địa chính trị thế giới và làm nảy sinh một loạt các vấn đề xã hội, các phong trào dân tộc, tôn giáo, đặc biệt đáng chú ý là sự nổi lên của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và sự chia rẽ dân tộc và sắc tộc ở nhiều khu vực trên thế giới.

Toàn cầu hóa, khu vực hóa phát triển mạnh mẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, hợp lý hóa phân công lao động trên phạm vi toàn cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa ở nhiều nước chậm phát triển và đang phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, toàn cầu hóa cũng gây ra những hệ quả tiêu cực đối với kinh tế thế giới nói riêng và quan hệ quốc tế nói chung. Toàn cầu hóa khiến những khiếm khuyết của trật tự kinh tế thế giới do Mỹ và phương Tây chi phối bộc lộ ngày càng rõ.

Dưới tác động của tiến bộ mới về khoa học và công nghệ, kinh tế thế giới chuyển mạnh sang kinh tế tri thức. Theo đó, các thành tựu mới của khoa học và công nghệ được ứng dụng để tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý và tiêu dùng. Trong kinh tế tri thức, nguồn lực phát triển quan trọng nhất là tri thức, nhân lực có năng lực sáng tạo và thích ứng công nghệ cao. Nhiều nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, dần chuyển đổi mô hình phát triển, trong đó lấy đổi mới công nghệ làm động lực phát triển.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương nổi lên trở thành khu vực quan trọng của thế giới, cả về kinh tế và chính trị - an ninh. Từ sau cuộc khủng hoảng năm 2008, khu vực châu Á - Thái Bình Dương dẫn đầu thế giới về liên kết kinh tế khu vực với mức độ ngày càng chặt chẽ, hình thức và cấp độ ngày càng đa dạng. Một trong những xu thế nổi trội trong liên kết kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương là sự ra đời và bùng nổ của hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương. Hợp tác chính trị - an ninh khu vực ngày càng mở rộng.

ASEAN tăng cường liên kết, đẩy mạnh đối thoại, tìm ra những giải pháp hòa bình cho vấn đề khu vực và ngày càng nỗ lực đẩy mạnh phát huy vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực.

Sau sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu, phong trào cộng sản quốc tế đã trải qua giai đoạn khó khăn. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, phong trào này đã từng bước phục hồi và có những chuyển động tích cực. Đảng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cộng sản ở một số quốc gia vẫn duy trì hoạt động và đóng vai trò lãnh đạo trong đời sống chính trị - xã hội, như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Cuba... Nhiều đảng cánh tả ở châu Âu, Mỹ Latinh và các khu vực khác đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy các chính sách xã hội, bảo vệ quyền lợi của người lao động và các nhóm yếu thế.

Trong bối cảnh đó, tình hình thế giới tạo ra *những thuận lợi căn bản* cho sự phát triển chung, trong đó có Việt Nam trên một số khía cạnh sau:

- Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và là nguyện vọng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Đây chính là cơ sở cho mở rộng hợp tác, phát triển.

- Cục diện thế giới thay đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa nền quản trị quốc gia, thúc đẩy sự phát triển chung của khu vực, thế giới và Việt Nam.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu, thúc đẩy sự xuất hiện của nhiều hình thức kinh tế mới. Đặc biệt, gần đây cùng với nhiều quá trình chuyển đổi mới, các sản phẩm mang tính đột phá như trí tuệ nhân tạo (AI), mạng 5G với đặc trưng kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi phát triển xanh, tuần hoàn..., đã xuất hiện nhiều FTA thế hệ mới với những cam kết sâu rộng, thực chất và toàn diện, bao hàm cả những lĩnh vực được coi là "phi thương mại" như: lao động, môi trường, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, minh bạch hóa, cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư... đang thúc đẩy các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập và hợp tác kinh tế sâu rộng, thực chất hơn.

- Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - kinh tế - chính trị, chiến lược ngày càng quan trọng. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa, tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, hợp tác toàn diện và ngày càng chặt chẽ.

Bên cạnh những thuận lợi, tình hình quốc tế cũng đan xen *nhiều khó khăn, thách thức mới:*

- Môi trường chính trị, kinh tế, an ninh thế giới liên tục bất ổn, diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó dự báo. Các vấn đề như tranh chấp thương mại, xung đột lãnh thổ và khác biệt ý thức hệ đã góp phần tạo nên bối cảnh địa chính trị toàn cầu phức tạp và thường không ổn định. Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng và các thách thức an ninh phi truyền thống diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực với nhiều đặc điểm mới.

- Tình hình tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh lợi ích chiến lược giữa các nước, nhất là các nước lớn diễn ra phức tạp, vừa mang lại cơ hội, vừa đặt các nước khác, nhất là các nước vừa và nhỏ trước nhiều khó khăn, thách thức. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân túy ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế.

- Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối mặt ngày càng phức tạp hơn với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là khủng bố quốc tế, an ninh mạng và các hình thái chiến tranh mới.

- Thế giới đang rơi vào trạng thái đa khủng hoảng. Cạnh tranh giữa các nước lớn về địa - chiến lược, địa - chính trị, địa - kinh tế, tranh giành các nguồn tài nguyên chiến lược, công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng gay gắt. Sự bất ổn về kinh tế vĩ mô, siêu lạm phát, khủng hoảng tài chính, tiền tệ và nợ công, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế - chính trị thế giới.

- Sự xuất hiện của các loại vũ khí, công nghệ tác chiến, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại đã làm thay đổi cơ bản tổ chức quân đội, hình thái, phương thức tiến hành chiến tranh, can thiệp từ bên ngoài. Cùng với các môi trường tác chiến trên bộ, trên không, trên biển, vũ trụ, tác chiến không gian mạng đã trở thành môi trường thứ năm, với sự ra đời của chiến tranh mạng, tác động sâu sắc đến quốc phòng, an ninh thế giới, khu vực và mỗi quốc gia - dân tộc.

- Các cuộc chiến tranh, xung đột khu vực ảnh hưởng đến mọi mặt của quan hệ quốc tế từ quân sự đến chính trị, kinh tế, xã hội; đẩy nhanh quá trình xói mòn trật tự thế giới hiện hành, gây chia rẽ, rạn nứt sâu sắc giữa các nước lớn, tác động sâu sắc đến cục diện an ninh khu vực và toàn cầu; đồng thời, làm trầm trọng thêm những vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh con người và khủng hoảng di cư. Đặc biệt, các cuộc xung đột này đã đặt ra những tiền lệ đáng lo ngại đối với luật pháp quốc tế, tác động mạnh mẽ đến trật tự quốc tế và hệ thống quản trị toàn cầu. Vị thế của Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế bị thách thức, suy giảm. Các tổ chức và các luật lệ cơ bản trong hệ thống quốc tế đã không ngăn chặn được và xử lý không có hiệu quả các cuộc xung đột trên quy mô lớn. Đồng thời, các cuộc xung đột này cũng cho thấy sự

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

xuất hiện của các hình thái chiến tranh mới, các hình thái chiến tranh hỗn hợp trong thời đại công nghệ cao. Trong tương lai, kết quả và cách thức dàn xếp các cuộc xung đột sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các xu hướng lớn và sự hình thành của một trật tự quốc tế mới.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á vẫn là nơi các nước lớn gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng, tập hợp lực lượng, tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn, cả truyền thống và phi truyền thống. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn biến phức tạp, dễ xảy ra va chạm, xung đột, đe dọa sự ổn định, hòa bình và phát triển của khu vực; nguy cơ mất ổn định, chạy đua vũ trang gia tăng.

- Quan hệ chính trị giữa các nước trong khu vực, đặc biệt là các cường quốc, vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn có thể dẫn đến chiến tranh như tranh chấp biên giới, lãnh thổ trên bộ và trên biển, nhất là tranh chấp biển, đảo tại Biển Đông và biển Hoa Đông, tình hình căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên. Tình hình nội bộ nhiều nước diễn biến phức tạp, nhân tố chủ nghĩa dân tộc nổi lên tác động đến quyết sách đối nội và đối ngoại của nhiều nước. Khu vực xuất hiện nhiều cấu trúc hợp tác quốc phòng, an ninh, nhưng thiếu một cơ chế hữu hiệu để ngăn ngừa và xử lý các thách thức an ninh, tranh chấp, xung đột.

1.2. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC

Trước đổi mới, Việt Nam là một nước nghèo, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt. Trong khoảng 10 năm sau thống nhất đất nước (1975-1985), thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ dao động từ 125 đến 200 USD/năm và xếp trong nhóm 20 nước nghèo nhất thế giới, tỉ lệ lạm phát thời điểm tháng 12/1986 lên đến 774,7%. Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó đã được chỉ rõ tại Đại hội lần thứ VI của Đảng là do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, đặc biệt là bệnh chủ quan duy ý chí, lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém của việc vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

10 năm đầu đổi mới (1986-1995) trong điều kiện bị bao vây, cấm vận, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua khó khăn từ vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, các tổ chức quốc tế và các nước trong khu vực Đông Nam Á, gia nhập ASEAN, cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nền kinh tế nước ta đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái; đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện.

Trong 10 năm tiếp theo (1996-2005), về cơ bản, tình hình đất nước ổn định; các khó khăn, thách thức dần được khắc phục. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên. Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

năm 2000 đã đạt 27% GDP. Từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng, sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế, tăng xuất khẩu và có dự trữ. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển nhanh. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trong 10 năm (2006-2015), đất nước ta đã chính thức trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp, chính trị - xã hội ổn định, an sinh xã hội được bảo đảm. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá, vượt qua những tác động bất lợi của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và phát triển tương đối toàn diện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong 30 năm đầu đổi mới trung bình gần 7%/năm, trong đó có 7 năm trên 8% và 2 năm trên 9%. Trong giai đoạn 1991-2016, giá trị xuất khẩu tăng gấp 60,38 lần, nhập khẩu tăng 80,41 lần. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một số sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN bước đầu được xây dựng. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cũng trong giai đoạn này, đất nước ta đẩy mạnh hội nhập toàn diện: Việt Nam đăng cai APEC (năm 2006), gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới - WTO (năm 2007), lần đầu tiên đảm nhiệm thành công vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009), đảm nhiệm năm Chủ tịch ASEAN (năm 2010).

Trong 10 năm gần đây (2016-2025), nền kinh tế đất nước đã có sự chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát luôn được kiểm soát ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; nợ công giảm, nợ xấu được kiểm soát. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi nhiều biến động không thuận từ môi trường quốc tế, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016-2025 đạt khoảng 6,2%/năm. Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng gần gấp đôi, đạt tương ứng trên 510 tỉ USD và trên 5.000 USD/người. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016-2020. Đời sống nhân dân được cải thiện một cách căn bản và toàn diện. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng phát triển (6 triệu người ở 130 quốc gia và vùng lãnh thổ), có tinh thần hướng về quê hương và đóng góp ngày càng tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng được hoàn thiện đầy đủ hơn. Hội nhập kinh tế quốc tế phát triển sâu, rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo xu hướng tích cực hơn,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ. Kinh tế từng bước phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng sau đại dịch COVID-19.

Đã thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền 3 cấp, tổ chức lại không gian phát triển; triển khai thực hiện các quyết sách chiến lược để đột phá phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định để phát triển đất nước. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế.

Nhìn lại 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế duy trì tốc độ phát triển tương đối nhanh, trở thành nước đang phát triển thu nhập trung bình. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện một cách căn bản và toàn diện. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân được xây dựng khá toàn diện. Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng tiếp tục được nâng cao, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Việt Nam đã chủ động, tích cực đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và toàn diện; tích cực tham gia vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong giải quyết các vấn đề toàn cầu, là thành viên có uy tín, trách nhiệm, phát huy vai trò tích cực tại các thể chế khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, trong 40 năm qua, Việt Nam cũng gặp không ít *khó khăn, thách thức* lớn:

- Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt dần được khắc phục, song có mặt còn gay gắt hơn. Nền kinh tế vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu, khả năng rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn, tốc độ tăng trưởng bình quân giảm dần qua các kỳ đại hội, phát triển thiếu bền vững; năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp, trình độ khoa học và công nghệ và nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế.

- Sức chống chịu và năng lực tự chủ chiến lược của nền kinh tế còn yếu. Quá trình hội nhập quốc tế càng sâu rộng đồng nghĩa với kinh tế Việt Nam đứng trước thách thức chịu tác động trực tiếp, nhanh chóng từ những biến động từ bên ngoài, từ những biến động trên thị trường khu vực, thế giới như giá cả, lãi suất, tỉ giá của

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

các đồng tiền, những thay đổi của các luồng hàng hóa, tài chính, đầu tư quốc tế và nghiêm trọng hơn là chịu sự tác động, ảnh hưởng rất nhanh của các cú sốc, các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính khu vực và trên thế giới.

- Hòa bình, hợp tác, phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vẫn là xu thế lớn, song thế giới đang ngày càng bất ổn, xung đột gia tăng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt và trực diện..., gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến trình toàn cầu hóa, giảm tính cạnh tranh lành mạnh trong thương mại toàn cầu, gây thiệt hại đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, vai trò của các thể chế đa phương bị suy giảm, tác động nhiều mặt đến nền kinh tế Việt Nam.

- Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những vấn đề mới đối với sản xuất, thương mại và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế số, xã hội số, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều rủi ro về tài chính, sức khoẻ. Những yếu tố từng được coi là có ưu thế như: Lực lượng lao động thủ công trẻ, chi phí thấp sẽ không còn là lợi thế của Việt Nam.

- Quốc phòng, an ninh luôn đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; về giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ XHCN, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, văn hóa, con người Việt Nam. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, như: an ninh con người, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai,... là những thách thức thường xuyên đối với công cuộc xây dựng CNXH của Việt Nam.

Bối cảnh phát triển trong 40 năm qua diễn ra rất phức tạp với những chuyển biến nhanh, đặt ra nhiều khó khăn, thách thức, song cũng tạo ra những điều kiện, cơ hội cho chúng ta tự đổi mới, thích ứng với tình hình, thúc đẩy công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Qua các kỳ đại hội, Đảng ta đã chú trọng tổng kết lý luận và thực tiễn quá trình đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, đánh giá, phân tích và dự báo tình hình cơ bản phù hợp trên những xu hướng chính của tình hình thế giới và khu vực, tạo cơ sở cho xác định đường lối, chủ trương và các quyết sách phát triển đất nước. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với bản lĩnh cách mạng và khoa học, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta kịp thời nắm bắt những chuyển biến của tình hình và xử lý thích ứng, linh hoạt với sự biến động bất thường, tận dụng các cơ hội, vượt qua thách thức, lãnh đạo nhân dân xây dựng và phát triển đất nước, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

2.1. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Sự phát triển nhận thức lý luận về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tiếp tục giương cao ngọn cờ tư tưởng, lý luận "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã khẳng định độc lập dân tộc và CNXH là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và Nhân dân ta; đi lên CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng, đường lối cơ bản, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của Cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với CNXH được Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng. Đó là tư tưởng cách mạng không ngừng, luôn nắm vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, tư tưởng chiến lược cách mạng của Đảng ta.

Đại hội VI của Đảng, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc, triệt để, đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên CNXH và Đảng ta vẫn kiên định, giữ vững ngọn cờ "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"; khẳng định sự thống nhất, không tách rời của hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN: "Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH* được thông qua tại Đại hội VII của Đảng năm 1991 (Cương lĩnh 1991), Đảng ta nhất quán khẳng định: "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta". Xác định đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân: "Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau". Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và CNXH được xác định rõ: "Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc". Độc lập dân tộc là tiền đề và điều kiện cơ bản để xây dựng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CNXH; xây dựng CNXH tạo nền tảng ngày càng vững chắc cho độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc đích thực và triệt để, bảo đảm cho đất nước vượt qua tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, ngày càng vươn lên giàu có, dân chủ, văn minh, công bằng và bình đẳng.

Đại hội VIII, Đại hội IX tiếp tục khẳng định, xây dựng CNXH là nhiệm vụ hàng đầu, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó với nhau. Đại hội X đánh giá đất nước ta có những bước phát triển, tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn có những diễn biến phức tạp, khó lường. Bài học Đại hội rút ra là: "Trong quá trình đổi mới, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Đại hội X nhấn mạnh sự gắn kết quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH: "Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh theo phương châm phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng để bảo vệ Tổ quốc; ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội".

Đại hội XI của Đảng tiếp tục nhất quán khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. "Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Tại Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"; "Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới". Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH là sự tiếp tục trung thành với con đường, mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn và cụ thể hóa mục tiêu đó trong hiện thực cuộc sống.

Đại hội XIII của Đảng đã kế thừa, bổ sung và phát triển đường lối, quan điểm của Đảng qua các kỳ Đại hội, tiếp tục kiên định ngọn cờ "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội", coi đó là "vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động". Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, từ việc xác định mục tiêu tổng quát đến các mục tiêu cụ thể, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ trọng tâm và định hướng phát triển đất nước. Nhờ kiên định và không ngừng sáng tạo, đổi mới nhận thức về CNXH, giữ vững ngọn cờ "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội", công cuộc đổi

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay". Đó là bằng chứng khẳng định tính đúng đắn khi giải quyết một cách sáng tạo mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam.

2.1.2. Về mục tiêu phát triển

Đại hội VI của Đảng khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH, cần tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, tiến hành đổi mới chính sách kinh tế gắn với đổi mới chính sách xã hội; chủ trương kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới. Đại hội lần đầu tiên xác định rõ mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là: "ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo".

Trong Cương lĩnh 1991 được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, Đảng ta đã xác định: "Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh".

Đại hội VIII trên cơ sở thế và lực của đất nước đã có sự biến đổi rõ rệt về chất, đề ra mục tiêu "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"; "Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp". Đại hội X đã khẳng định nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* (Cương lĩnh 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI: "toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và chính xác hóa hơn mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là: "xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc". Đại hội XI cũng xác định mục tiêu: "Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại" và đã bổ sung, hoàn thiện hệ mục tiêu đổi mới "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đại hội XII của Đảng đã nhận định đến năm 2020 không đạt được mục tiêu nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các nghị quyết Trung ương 5, 7, 8 khóa XII xác định: Phấn đấu đến 2030 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN. Đại hội XIII tiếp tục bổ sung, cụ thể hóa rõ hơn, đó là: "Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

2.1.3. Về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Đại hội VI của Đảng là Đại hội đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy của Đảng về CNXH, về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, đưa ra những quan niệm mới về con đường, phương hướng xây dựng CNXH. Điểm nổi bật của Đại hội VI là trong đổi mới nhận thức về CNXH, Đại hội đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế, khôi phục và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN.

Đại hội VII của Đảng thông qua Cương lĩnh 1991 đã xác định *6 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam*: (1) Do nhân dân lao động làm chủ; (2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; (5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; (6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Tại Đại hội XI, đặc trưng của CNXH ở Việt Nam được bổ sung, phát triển so với Cương lĩnh 1991 và các đại hội trước đó, chỉ ra 8 đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng, vừa mang giá trị, ý nguyện và khát vọng của dân tộc Việt Nam, vừa mang giá trị phổ quát của nhân loại và tầm nhìn của thời đại, đó là: (1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) Do nhân dân làm chủ; (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; (4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Như vậy, *Cương lĩnh 2011* đã phát triển, hoàn thiện một số đặc trưng và bổ sung 2 đặc trưng mới: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" và "có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo". Đặc trưng "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" thể hiện hệ mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới ở nước ta. Đây là những giá trị tiến bộ phổ quát của nhân loại và khát vọng phát triển của các quốc gia, dân tộc, là mục tiêu hướng tới của dân tộc ta. Cương lĩnh 2011 cũng đề cao dân chủ XHCN, xác định đây là nền tảng của xã hội XHCN, là điều kiện giải phóng triệt để con người khỏi mọi áp bức, bất công để tạo dựng một xã hội tiến bộ và tốt đẹp hơn. So với Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh 2011 có bổ sung, phát triển về đặc trưng kinh tế của mô hình XHCN Việt Nam là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; thay vì tập trung vào việc đảm bảo chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu... Cương lĩnh 2011 cũng nhấn mạnh vấn đề phát triển con người, với diễn đạt khái quát: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Đại hội XII tổng kết: Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới về lý luận, trong đó có nhận thức về mô hình CNXH ở Việt Nam đã "tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ trong những năm tới". Đại hội khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá tổng quát: Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa. Mục tiêu, đặc trưng, những phương hướng cơ bản và những quan hệ lớn mang tính quy luật trong quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được bổ sung, cụ thể hóa, phát triển với những nhận thức quan trọng.

Như vậy, trải qua quá trình dài tìm tòi, đúc kết và phát triển những vấn đề lý luận cơ bản, toàn diện về CNXH và con đường đi lên CNXH, Đảng ta đã hình thành nhận thức tổng quát về 8 đặc trưng của xã hội XHCN trong xây dựng mô hình CNXH Việt Nam như trong Cương lĩnh 2011 và Đảng ta cũng đã nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng.

2.1.4. Về những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Trong bối cảnh hệ thống XHCN Đông Âu rơi vào khủng hoảng rồi dẫn đến sụp đổ và CNXH ở Liên Xô đứng trước những thử thách nghiêm trọng, Đại hội lần thứ VII của Đảng đã đưa ra *7 phương hướng* xây dựng CNXH: (1) Xây dựng nhà nước XHCN, nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; (2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện; (3) Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất từ thấp đến cao, đa dạng về hình thức sở hữu; (4) Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng; (5) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc; (6) Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; (7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tiếp đó, Đại hội XI của Đảng đã điều chỉnh, bổ sung và phát triển thành 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH Việt Nam, gồm: (1) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; (2) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (4) Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; (5) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; (6) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; (7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; (8) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tám phương hướng cơ bản trên vừa kế thừa những nội dung cốt lõi của bảy phương hướng cơ bản được trình bày trong Cương lĩnh 1991, vừa điều chỉnh, bổ sung những nhận thức mới về công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH); kinh tế thị trường định hướng XHCN; về bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; gắn xây dựng CNXH với bảo vệ Tổ quốc XHCN; kết hợp nội lực với ngoại lực, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ XHCN và đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng. Đây là bước tiến quan trọng trong nhận thức lý luận của Đảng về nội dung và phương hướng cơ bản xây dựng CNXH Việt Nam từ Đại hội VI đến Đại hội XIII. Đặc biệt, từng phương hướng được xác định là sự tìm tòi, tổng kết thực tiễn, không ngừng đổi mới, bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo nền tảng tư tưởng, tư duy lý luận của Đảng ta qua từng đại hội, là kết tinh trí tuệ tập thể của Đảng và Nhân dân ta.

2.1.5. Về các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam

CNXH với tư cách là một chế độ - là một chỉnh thể cấu thành từ nhiều yếu tố, mối quan hệ tạo nên một hệ thống, cấu trúc, trong đó, các yếu tố cấu thành vừa thống nhất, vừa tác động tương hỗ, thúc đẩy lẫn nhau. Quá trình đấu tranh đó phản

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ánh bản chất, mối liên hệ tất nhiên chi phối sự tồn tại, vận động và phát triển của đổi mới, của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam - đó chính là giải quyết các mối quan hệ lớn.

Cương lĩnh 2011 lần đầu tiên đề cập tới các mối quan hệ lớn như một chỉnh thể mang tính hệ thống, khi xác định phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn. *Cương lĩnh 2011* mới chính thức dùng lại thuật ngữ *"mối quan hệ lớn"*, nghĩa là, đây không chỉ là những mối quan hệ cơ bản trong lĩnh vực kinh tế như thời kỳ 1964-1975, mà phạm vi nội hàm của "mối quan hệ lớn" đã được mở rộng trên nhiều lĩnh vực khác; có sự kế thừa, phát triển từ thực tiễn lãnh đạo đất nước sau 25 năm đổi mới; đánh dấu sự đột phá trong tư duy lý luận của Đảng về những mối quan hệ cơ bản, then chốt, bao quát, biện chứng, phản ánh quy luật phát triển trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện[1].

Cương lĩnh 2011 xác định rõ 8 mối quan hệ lớn: (1) Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) Giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; (3) Giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) Giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (7) Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (8) Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Cương lĩnh còn nhấn mạnh, trong việc nắm vững và giải quyết các mối quan hệ đó "không phiến diện, cực đoan, duy ý chí". Việc xác định tám mối quan hệ lớn nêu trên đánh dấu một bước tiến mới về tư duy lý luận của Đảng ta về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam. Tám mối quan hệ lớn đó liên hệ mật thiết với hệ mục tiêu của đổi mới là "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn chính là điều kiện và phương thức bảo đảm thực hiện mục tiêu đổi mới, đưa sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN ở nước ta tới thắng lợi.

Đại hội XII của Đảng chỉ rõ hơn ý nghĩa của các mối quan hệ lớn, đó là các mối quan hệ "phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta". Đại hội XII của Đảng điều chỉnh mối quan hệ "giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa" thành quan hệ "giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa". Đồng thời, từ tám mối quan hệ lớn phát triển thành chín mối quan hệ lớn khi bổ sung mối quan hệ "giữa Nhà nước và thị trường", sau đó

[1] Thuật ngữ "*các mối quan hệ lớn*" xuất hiện chính thức lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam là ở Báo cáo tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (12/1964) về thương nghiệp và giá cả. Trong đó, khi xác định, phân tích về những đặc điểm kinh tế cơ bản và nội dung cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc trong những năm đầu tiến lên CNXH, Ban Chấp hành Trung ương lần đầu tiên đặt ra yêu cầu: "Xây dựng đúng đắn những mối quan hệ lớn, giải quyết tốt những mâu thuẫn lớn".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

mối quan hệ này được Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII nhận diện đầy đủ hơn (bổ sung thành tố thứ ba là "xã hội") thành mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ các mối quan hệ lớn: "phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta" và tiếp tục có những nhận thức, bổ sung mới về các mối quan hệ lớn. Đó là điều chỉnh trật tự mối quan hệ "giữa *đổi mới, ổn định* và phát triển" thành "giữa *ổn định, đổi mới* và phát triển"; bổ sung thành tố môi trường trong mối quan hệ "giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội", thành "giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, *bảo vệ môi trường*"; điều chỉnh mối quan hệ "giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa", thành "giữa *xây dựng và bảo vệ* Tổ quốc xã hội chủ nghĩa". Đặc biệt, Đại hội XIII bổ sung mối quan hệ lớn giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Với những điều chỉnh của Đại hội XIII, hình thành một chỉnh thể *mười mối quan hệ lớn* có tính quy luật của đổi mới và phát triển ở Việt Nam.

Như vậy, Đảng ta đã có những điều chỉnh, bổ sung mới từng mối quan hệ một cách chặt chẽ, đầy đủ, thành 10 mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình đổi mới, xây dựng CNXH Việt Nam, gồm: (1) Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; (2) Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; (4) Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; (5) Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (6) Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; (7) Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; (8) Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (9) Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; (10) Giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Đại hội XIII cũng nhấn mạnh, đây là sự phản ánh quy luật khách quan, mang tính biện chứng của những vấn đề lý luận cốt lõi trong đường lối đổi mới của Đảng, làm cho lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện; đòi hỏi phải được nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả.

2.2. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN ĐỘT PHÁ VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

2.2.1. Nhận thức lý luận về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN qua 40 năm đổi mới

Lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được hình thành gắn với đường lối đổi mới của Đảng kể từ Đại hội VI. Nhận thức mới về tính cấp thiết phải đổi mới cơ chế kinh tế, khôi phục nền kinh tế

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nhiều thành phần, "sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân",... đã đặt nền móng cho đột phá lý luận cơ bản của Đảng ta về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhận thức mới về công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế quốc tế trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội VII của Đảng, tiếp tục khẳng định "phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" trong đó phải thực hiện nhiều hình thức phân phối; nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Tới Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng chính thức đưa ra quan điểm có tính hệ thống về CNH, HĐH đất nước. Đại hội VIII của Đảng kết luận: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"; nêu rõ: "Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Đại hội IX của Đảng lần đầu tiên đã chính thức xác định mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chỉ rõ mục đích, chế độ kinh tế, cơ chế vận hành, chế độ phân phối của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đại hội X của Đảng thống nhất nhận thức: "Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại", khẳng định sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng CNXH, chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đại hội XI của Đảng bổ sung: "Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội"; đồng thời, Đảng ta chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững; tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Đại hội XII của Đảng đưa ra mục tiêu tổng quát "Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại", tiếp tục bổ sung nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam; CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, được đặt song hành với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định, kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lên CNXH; đó là "nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước". Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) đã nhấn mạnh: "kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia". Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Đảng ta khẳng định nhận thức về CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; coi CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao; chú trọng giải quyết hài hòa các mối quan hệ lớn trong quá trình CNH, HĐH đất nước, nhất là bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động; đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, ứng dụng các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

2.2.2. Những bước chuyển trong nhận thức lý luận về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam

Nhận thức lý luận của Đảng ta về kinh tế, trọng tâm đổi mới tư duy của Đảng, đã từng bước được củng cố, bổ sung, hoàn thiện và phát triển qua 8 nhiệm kỳ Đại hội Đảng từ 1986 đến nay, được phản ánh khái quát qua 9 bước chuyển cơ bản:

(1) Từ phủ nhận, xem kinh tế thị trường là đặc trưng riêng có của CNTB, đối lập với CNXH; đến nhận thức rõ, kinh tế thị trường là sản phẩm chung của văn minh nhân loại; là phương thức để xây dựng CNXH và kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH; là một trong những trụ cột của thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(2) Từ đơn sở hữu với sự phân biệt đối xử, nhất là đối với kinh tế tư nhân, sang đa sở hữu, đa thành phần kinh tế; các khu vực kinh tế tự do kinh doanh, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; tạo dựng hệ thống thị trường đồng bộ, hiện đại phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

(3) Nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng; quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

(4) Từ nhận thức phải sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quy luật giá trị với tư cách là yếu tố bổ sung cho kế hoạch, đến từng bước khẳng định nền kinh tế phải vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, phát huy tính năng động, sáng tạo của các chủ thể, hội nhập quốc tế, thực hiện CNH, HĐH; từ phân phối thu nhập bình quân, cào bằng đến thừa nhận đa dạng hóa hình thức phân phối thu nhập phù hợp với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

(5) Từ quan điểm phát triển nền kinh tế "khép kín" sang cách nhìn mở, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; từ không chấp nhận đến chấp nhận đầu tư nước ngoài đến khẳng định: Đầu tư nước ngoài là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế.

(6) Từ công nghiệp hóa khép kín, hướng nội, "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ", sử dụng vốn của Nhà nước sang chủ trương CNH, HĐH với mô hình công nghiệp hóa hỗn hợp, "công nghiệp hóa rút ngắn - hiện đại" gắn với phát triển kinh tế tri thức; "công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo" và phát triển nhanh, bền vững, sử dụng nguồn vốn xã hội hóa theo cơ chế thị trường.

(7) Nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế từ theo chiều rộng sang chủ yếu theo chiều sâu với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, dựa trên khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và đổi mới sáng tạo, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn…

(8) Nhận thức về các mối quan hệ biện chứng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, từ chưa đầy đủ đến ngày càng đầy đủ hơn và cụ thể hơn, đặc biệt là gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

(9) Nhận thức từ tập trung phát triển nhanh sang phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, gắn phát triển bền vững với việc thực hiện các đột phá chiến lược và các phương thức phát triển kinh tế mới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Với những bước chuyển kể trên qua 40 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã từng bước được hình thành, không ngừng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Đến nay đã thống nhất nhận thức: Kinh tế thị trường là tất yếu, khách quan; là sản phẩm chung của văn minh nhân loại; là phương thức để xây dựng CNXH; kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH; là một trong những trụ cột của thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; đồng thời, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nội dung tổng quát của đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được khẳng định là: Phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối; phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; xử lý tốt các mối quan hệ lớn, nhất là mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển kinh tế nhanh và bền vững; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững định hướng XHCN. Trong đó, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững.

Tóm lại, sự đổi mới và sáng tạo liên tục trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở kiên định, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu mới nhất về lý luận của thế giới và không ngừng tổng kết thực tiễn trong suốt 40 năm đổi mới, đã tạo nên đột phá lý luận của Đảng về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, thể hiện:

(1) Kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có sự gắn kết hữu cơ và biện chứng giữa tính thị trường, tính nhân loại với tính XHCN, tính đặc thù riêng có của Việt Nam; đó là "Một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội".

(2) Kinh tế thị trường định hướng XHCN mà Việt Nam đang xây dựng là "một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường"; là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(3) Lý luận về xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN từng bước được hoàn thiện trong 40 năm đổi mới đã mở ra giai đoạn mới cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam bền vững hơn, bao trùm hơn, dựa nhiều hơn vào nâng cao hiệu quả các nguồn lực và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi nhanh, mạnh và khó lường.

2.3. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.3.1. Về phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Nhận thức lý luận của Đảng về vai trò văn hóa, mục tiêu xây dựng nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Cương lĩnh 1991 khẳng định, nền văn hóa Việt Nam *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* là một trong sáu đặc trưng của xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng. Cương lĩnh 2011 xác định những quan điểm cơ bản, được cụ thể hóa ở văn kiện Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, đã thể hiện nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đại hội XIII xác định văn hóa là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững đất nước, là "tài nguyên", "sức mạnh mềm" của quốc gia. Lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng, khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, được xác định là một nội dung trong đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước 10 năm giai đoạn 2021-2030.

Xác định rõ hơn về mô hình, đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam cần xây dựng trong thời kỳ mới, tiếp tục làm rõ hơn nội hàm tiên tiến, đậm đà bản sắc của nền văn hóa dân tộc; khẳng định mục tiêu "Phát triển con người toàn diện, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc". Nhận thức rõ hơn về tính thống nhất và đa dạng của văn hóa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đã đề cập đến những nhiệm vụ mới, phù hợp với sự vận động, phát triển của chính lĩnh vực văn hóa như: Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa gắn với xây dựng thương hiệu quốc gia; xây dựng và hoàn thiện thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa; xây dựng văn hóa trong kinh tế và trong chính trị; xây dựng môi trường văn hóa số,... Đây là những định hướng quan trọng về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới, đồng thời cũng gợi mở về phương diện lý luận để tiếp tục có những nhận thức mới, toàn diện và sâu sắc hơn nữa về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển đất nước.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc đã có nhiều quyết sách định hướng quan trọng, khẳng định vai trò to lớn của di sản văn hóa trong sự nghiệp phát triển đất nước. Xác định di sản văn hóa là nguồn lực nội sinh quan trọng để phát triển bền vững đất nước, là sức mạnh mềm trong đối ngoại, hội nhập quốc tế. Phát huy giá trị di sản văn hóa chính là khai thác sức mạnh nội sinh để phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng và bền vững. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là công việc thường xuyên của cộng đồng, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý, ngành văn hóa và những cá nhân hoạt động văn hóa có vị trí đặc biệt quan trọng.

Nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò của thể chế, thiết chế văn hóa trong phát triển, đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển, tháo gỡ những điểm nghẽn, vướng mắc trong thu hút các nguồn lực cho phát triển văn hóa, con người, đặc biệt là công nghiệp văn hóa; về phân cấp, phân quyền trong phân bổ các nguồn lực, cơ chế hợp tác công - tư, cơ chế thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia phát triển văn hóa; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong xây dựng, phát triển và quản lý văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, thúc đẩy thị trường văn hóa số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lĩnh vực văn hóa. Xây dựng và phát huy tốt vai trò của hệ thống thông tin, báo chí trong việc cung cấp thông tin, nâng cao đời sống tinh thần cho xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Nhận thức rõ hơn về văn hóa đối ngoại và hội nhập quốc tế về văn hóa, xác định đây là yêu cầu tất yếu khách quan và cấp thiết; nhận thức đầy đủ hơn những cơ hội, thách thức, những mặt tích cực và những tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa. Coi hội nhập quốc tế về văn hóa là cơ hội để truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, tăng cường "sức mạnh mềm" của quốc gia.

Nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về văn hóa; mối quan hệ giữa xây dựng đạo đức trong Đảng, trong hệ thống chính trị và ngoài xã hội, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trước nhân dân. Tập trung xây dựng văn hóa trong Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, lành mạnh, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Vấn đề chấn hưng đạo đức, trước hết là đạo đức trong Đảng, trong hệ thống chính trị không chỉ dừng lại ở quan điểm mà được thể chế hóa thông qua các quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm, quy định về trách nhiệm nêu gương, quy định về những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"…

2.3.2. Về xây dựng và phát triển con người; chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam

Đã nhận thức sâu sắc hơn về nhân tố con người và mối quan hệ giữa phát triển văn hóa, con người với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện được xác định là một mục tiêu của chiến lược phát triển

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

kinh tế - xã hội; coi phát triển văn hóa và xây dựng con người là nhân tố nội sinh cốt lõi và động lực của sự phát triển bền vững. Nhận thức rõ hơn yêu cầu phải hình thành hệ thống chuẩn mực về giá trị văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Nhận thức rõ hơn yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân. Khẳng định phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại.

Phát triển con người toàn diện, không chỉ tập trung vào những phẩm chất, năng lực, kỹ năng của con người mà chú ý khắc phục những mặt hạn chế, bất cập của con người trong quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, đồng thời tới các điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng và phát triển con người toàn diện. Vấn đề phát triển con người toàn diện được đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, gắn bó với điều kiện thực tiễn ở mỗi khu vực, mỗi địa phương. Điều này, vừa mang tính khoa học và tính thực tiễn, đạt được sự tiến bộ theo các nấc thang của sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn cụ thể.

Trong xây dựng, phát triển con người, nguồn nhân lực được xác định là chìa khóa, là đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Để xây dựng và phát huy được vai trò của nguồn nhân lực cần tập trung vào các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, thực hiện an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo phúc lợi xã hội và công bằng xã hội, chính sách đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân tài; tạo điều kiện và cơ hội cho mọi người được tiếp cận với các nguồn lực và dịch vụ xã hội để phát triển.Trong quá trình nhận thức về phát triển toàn diện con người Việt Nam, việc đúc kết và xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế được xác định là một nội dung rất quan trọng. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: "Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới". Xác định hệ giá trị và chuẩn mực đã được đặt trong bối cảnh tình hình trong nước, bối cảnh quốc tế, những yếu tố tác động đến sự chuyển đổi hệ giá trị và chuẩn mực, đã tính đến mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, kế thừa và phát huy, dân tộc và thời đại; vì thế, hệ giá trị, chuẩn mực được xác lập có tính khoa học và tính thực tiễn.

Việc chấn hưng đạo đức xã hội được đề cập trước hết tập trung chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội và trong một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực xã hội và tệ nạn xã

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hội. Đồng thời tiến hành xây dựng những giá trị và chuẩn mực đạo đức mới đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Về vấn đề xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH ngày càng được quan tâm. Giá trị cơ bản và cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học được khẳng định qua nhiều văn kiện của Đảng từ Đại hội XI đến Đại hội XIII, thể hiện sự thống nhất cao trong Đảng và xã hội về các giá trị cơ bản này. Về các chuẩn mực của con người phát triển toàn diện, từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, đến Nghị quyết số 33 (khóa XI) và Nghị quyết Đại hội XIII đã có sự điều chỉnh, nhấn mạnh các nội dung khác nhau. Đặc biệt, trong bài phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu lên 8 chuẩn mực xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Đây là sự đúc kết đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn để có thể triển khai trong hoạt động thực tiễn đồng thời cũng là những thành tựu lý luận rất quan trọng, cần được kế thừa và bổ sung trong khi xây dựng, hoạch định đường lối, chính sách về phát triển con người toàn diện trong thời gian từ nay đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

2.3.3. Về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh 2011, Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội XII, XIII đều nhất quán khẳng định chủ trương phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đảng cần có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị.

Xác định đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Xác định phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ. Nâng cao năng lực hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ cấu lại các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc làm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

mục tiêu. Nhà nước cần ưu tiên nguồn lực quốc gia để đầu tư, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển và nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước.

Nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng cao, tiếp tục khẳng định chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là tương lai của dân tộc, là động lực then chốt để phát triển đất nước, là yếu tố mang tính quyết định để nâng cao năng lực nội sinh quốc gia, là "đột phá chiến lược" để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và ưu tiên, đi trước so với các lĩnh vực khác. Phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ luôn gắn với phát triển con người, vì sự phát triển toàn diện con người. Trong phát triển giáo dục, đào tạo con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu của quá trình phát triển ấy.

Vấn đề đổi mới toàn diện, căn bản giáo dục, đào tạo được xác định rõ ràng hơn, toàn diện hơn, đó là đổi mới đồng bộ cả mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.3.4. Về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững

Xác định nhất quán tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc trong từng thời kỳ phát triển của đất nước để mọi người dân đều hưởng thụ thành quả của phát triển và công bằng xã hội.

Phát triển xã hội bền vững là phát triển cho con người, vì con người, vì hạnh phúc con người, vừa là đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, góp phần quan trọng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa tạo mọi điều kiện để Nhân dân tham gia và thụ hưởng ngày một tốt hơn thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH.

Xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, các vấn đề về an sinh xã hội, giáo dục, đào

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tạo, y tế, khoa học và công nghệ, dân tộc, tôn giáo... Đầu tư thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội bền vững là đầu tư cho phát triển. Giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, hợp tác công tư. Huy động và phân bổ nguồn lực phù hợp với khả năng nền kinh tế và yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu phát triển xã hội bền vững, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng, huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ xã hội.

Nhận thức đầy đủ hơn về xây dựng, phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng, linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau, dựa trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thế hệ và giữa các thế hệ; có khả năng phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro cho mọi người dân, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, có chất lượng. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, các tầng lớp dân cư và hạn chế phân tầng xã hội tự phát. Thực hiện quan hệ phân phối nguồn lực cho phát triển và phân phối kết quả tăng trưởng công bằng; vừa khuyến khích làm giàu chính đáng, vừa giảm nghèo nhanh và bền vững; đồng thời phát triển mạnh tầng lớp trung lưu trở thành lực lượng to lớn, đông đảo thúc đẩy phát triển xã hội bền vững.

Quản lý phát triển xã hội bền vững phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự giám sát thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", phát huy truyền thống tương thân tương ái, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân trong giải quyết các vấn đề xã hội.

Về giải quyết các vấn đề xã hội, nhận thức về đổi mới và phát triển đất nước phải đồng hành với quá trình giải quyết hiệu quả những vấn đề xã hội hướng đến mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội. Cách tiếp cận trong xây dựng và hoàn thiện chính sách xã hội cũng được điều chỉnh, từ bảo đảm và ổn định sang ổn định và phát triển; gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, an ninh xã hội. Nhận thức về kinh tế thị trường ngày càng sâu sắc và rõ nét hơn, tạo ra các động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, tạo tiền đề quan trọng "nguồn lực" để giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện các mục tiêu xã hội.

Nhận thức về phát triển xã hội tương xứng với tăng trưởng kinh tế, làm nền tảng cho việc thực hiện tốt các mục tiêu xã hội, chuyển thành tựu kinh tế đến cải thiện đời sống của đại đa số người dân. Sự gắn kết tư duy kinh tế và tư duy phát triển xã hội, góp phần đổi mới vai trò của nhà nước trong quản lý xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội. Chính sách xã hội ngày càng gắn với đảm bảo các quyền

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cơ bản của người dân (nâng cao trình độ kỹ năng, việc làm thỏa đáng/bền vững, bảo đảm an sinh xã hội,...). Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc trong từng thời kỳ phát triển để mọi người dân đều được hưởng thụ thành quả của phát triển và thực hiện công bằng xã hội.

Qua 40 năm đổi mới, quan điểm về chính sách xã hội dần được hoàn thiện trở thành một hệ thống quan điểm về chính sách xã hội trong thời kỳ đổi mới, đó là: (1) Tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc trong từng thời kỳ phát triển để mọi người dân đều được hưởng thụ thành quả của phát triển và thực hiện công bằng xã hội; (2) Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH; (3) Khẳng định trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân trong việc thực hiện chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt; (4) Hướng đến bảo đảm an sinh xã hội toàn dân.

Nhận thức về vấn đề dân tộc, về vị trí và vai trò của dân tộc trong đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được bổ sung và phát triển. Xác định vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung chính sách dân tộc và cách tiếp cận xây dựng chính sách dân tộc có bước phát triển hơn so với trước, coi đây là chính sách mang tính tổng hợp - liên ngành.

Nhận thức về tín ngưỡng, tôn giáo đã có bước phát triển quan trọng, xác định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng với dân tộc. Đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc là yêu cầu quan trọng của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước.

2.3.5. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Bảo vệ môi trường, tăng cường quản lý tài nguyên, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được xác định là một trong 3 trụ cột trong tiến trình phát triển hướng đến phát triển bền vững. Tư duy và chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có sự chuyển biến mạnh mẽ: Chuyển từ tư duy ứng phó, khắc phục có tính bị động sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi môi trường, hệ sinh thái, từ khai thác "tận diệt" tài nguyên, thiên nhiên, từ tăng trưởng "nóng" sang tăng trưởng bao trùm và phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

triển nhanh, bền vững - không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên hàng đầu, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của Nhân dân làm mục tiêu trong chiến lược phát triển đất nước.

Đại hội lần thứ XIII đã phát triển quan điểm bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu một cách toàn diện và bền vững: "Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường".

2.4. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

2.4.1. Về quốc phòng, an ninh

(1) Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc và sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang

Nhận thức lý luận của Đảng về mục tiêu, nhiệm vụ, sức mạnh, lực lượng, phương thức, đối tác, đối tượng, mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN đã có những bước phát triển, ngày càng toàn diện, đầy đủ hơn.

Về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp CNH, HĐH, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung bảo vệ "an ninh con người", "xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước" vào mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đến Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, Đảng ta xác định mục tiêu, nhiệm vụ "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc" lên trên hết, trước hết; đồng thời, bổ sung "bảo vệ thành quả cách mạng", bảo vệ "uy tín, vị thế quốc tế của đất nước", bảo vệ "an ninh kinh tế, an ninh mạng", "triệt tiêu các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong, kiên quyết không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập ở trong nước; dập tắt nguy cơ xung đột quân sự, chiến tranh; giữ vững, củng cố môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước; đóng góp tích cực vào gìn giữ hòa bình khu vực, thế giới".

Về sức mạnh, lực lượng bảo vệ Tổ quốc: Bảo vệ Tổ quốc bằng sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ninh, đối ngoại, sức mạnh của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước, sự đồng lòng, thống nhất về quyết tâm và ý chí của toàn dân; sức mạnh bên trong của đất nước, sức mạnh của chế độ chính trị, sức mạnh của nền kinh tế và tiềm lực quốc gia, sự trong sạch của đội ngũ cán bộ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định. Lực lượng bảo vệ Tổ quốc là toàn dân, cả hệ thống chính trị, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

Về phương thức bảo vệ Tổ quốc: Sử dụng tổng hợp và kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang và đấu tranh phi vũ trang; kết hợp giữa bảo vệ với xây dựng, lấy xây dựng để bảo vệ; đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" và phòng chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" nội bộ; phát triển quan điểm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, quan điểm "tự bảo vệ" trong điều kiện mới. Từ Đại hội IX đến nay, phương thức đấu tranh phi vũ trang được Đảng hết sức coi trọng.

Về đối tác, đối tượng: Có sự phát triển đột phá về nhận thức, đưa ra nguyên tắc xác định trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (7/2003), nâng lên thành quan điểm trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI (10/2013); phát triển nội dung trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XIII (11/2023): Những ai tôn trọng lợi ích quốc gia - dân tộc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, cùng phát triển với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu, hành động chống phá sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của ta đều là đối tượng. Trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích quốc gia - dân tộc cần phải đấu tranh; trong mỗi đối tượng có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác, thuyết phục; nỗ lực thúc đẩy hợp tác, giảm bất đồng, xung đột để đạt lợi ích cao nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về mối quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN: Đảng ta khẳng định đây là hai nhiệm vụ chiến lược, có mối quan hệ biện chứng với nhau, không thể tách rời; trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, phải đồng thời coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, có bảo vệ tốt mới tạo được điều kiện thuận lợi cho xây dựng đất nước. Đại hội XIII của Đảng yêu cầu phải "Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể".

Nhận thức lý luận về an ninh quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia có sự phát triển: Từ nhận thức an ninh quốc gia chủ yếu là vấn đề nội bộ đến an ninh tổng hợp, toàn diện bao gồm: An ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, an ninh nông thôn,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đô thị và các vùng chiến lược, an ninh lãnh thổ. Nhận thức về mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, phương châm, huy động các nguồn lực, biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngày càng đầy đủ. Phát triển lý luận khoa học an ninh; phát triển nhận thức về an ninh phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng, an ninh con người, an ninh môi trường, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng… Nhận thức về nguy cơ, thách thức đối với an ninh quốc gia gồm cả an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, trên bộ, trên biển, trên không, vũ trụ và không gian mạng.

Nhận thức lý luận của Đảng về sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang là quan điểm nhất quán, xuyên suốt và phát triển ngày càng đầy đủ, sâu sắc: Trong mọi điều kiện, tình huống, quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Đảng lãnh đạo quốc phòng, an ninh bằng cương lĩnh, đường lối, chiến lược, các định hướng về chủ trương, chính sách lớn trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng bằng hệ thống pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thông qua hệ thống tổ chức đảng, hệ thống tổ chức chỉ huy, hệ thống cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp và tổ chức quần chúng ở đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

(2) Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy

Trong quá trình đổi mới, xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta đã từng bước phát triển, hoàn thiện nhận thức lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Lần đầu tiên "Bảo vệ Tổ quốc từ xa" được Đảng nêu lên trong Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VIII (12/1998) về Chiến lược An ninh quốc gia: "Đi đôi với xây dựng, bảo vệ Tổ quốc phải quán triệt thực hiện tốt quan điểm bảo vệ Tổ quốc từ xa". Tiếp đó, Hội nghị Trung ương 8 khoá IX (7/2003), Đảng nêu quan điểm: "chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi". Đến Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (10/2013), vấn đề bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa đã được định hình rõ cả trong mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục hoàn thiện tư duy chiến lược về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa với phương hướng: "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến". Đại hội XIII của Đảng, vấn đề bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy được chú

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

trọng đặt lên hàng đầu với phương hướng: "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển"; "Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, giữ vững thế chủ động chiến lược; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống".

Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đã chỉ rõ phương hướng bảo vệ Tổ quốc là: "Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư thích đáng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống".

Từ yêu cầu của thực tiễn, Đảng ta đã từng bước phát triển, hoàn thiện nhận thức lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Đặc trưng, biểu hiện quan trọng nhất là trạng thái "tích cực, chủ động"; là tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tinh thần tự giác, ý thức, trách nhiệm cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên các phương diện:

Về mục tiêu: Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát triển, không để đất nước bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; không để đất nước xảy ra chiến tranh, xung đột, bất ổn là mục tiêu cao nhất, lợi ích cao nhất của đất nước.

Về tư tưởng chỉ đạo: Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy là đề cao tính "Tích cực, chủ động"; kết hợp chặt chẽ xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; tích cực, chủ động xây dựng, chuẩn bị đất nước vững mạnh về mọi mặt (chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại…) ngay từ trong thời bình để tạo sức mạnh răn đe, ngăn chặn mọi ý đồ, hành động xâm lược và âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Về lực lượng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa: Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, cả nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Về thời gian: Bảo vệ từ sớm, phòng ngừa từ trước, chủ động chuẩn bị các điều kiện để bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ bên trong và bên ngoài ngay trong thời bình, khi đất nước chưa có chiến tranh, xung đột.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Về không gian: Bảo vệ cả bên trong và bên ngoài biên giới lãnh thổ; bảo vệ ngay từ bên ngoài biên giới lãnh thổ, ngăn chặn từ xa, không để đến khi kẻ thù xâm phạm vào chủ quyền lãnh thổ mới tiến hành các hoạt động bảo vệ; đồng thời, trong thời kỳ hội nhập sâu rộng và toàn cầu hóa hiện nay phải bảo vệ được lợi ích quốc gia - dân tộc ở cả bên trong và bên ngoài phạm vi lãnh thổ.

Về phương thức: Vừa phải tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh vừa phải đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, làm cho đất nước ngày càng mạnh lên để tạo sức mạnh răn đe, ngăn chặn, dập tắt mọi ý đồ, hành động của đối phương từ sớm, từ xa.

(3) Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc

Nhận thức lý luận của Đảng có sự phát triển toàn diện, với nhiều điểm bổ sung mới về mục tiêu, quan điểm, nội dung, phương thức, giải pháp và mối quan hệ giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân: Nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân là sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường và từng bước hiện đại. Bao gồm tổng thể các hoạt động về chính trị, kinh tế, ngoại giao, quốc phòng, an ninh, văn hóa, khoa học và công nghệ,... của Đảng, Nhà nước và Nhân dân để tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối, đồng bộ, trong đó sức mạnh quân sự, an ninh là đặc trưng, lực lượng vũ trang là nòng cốt, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ nền hòa bình bền vững của đất nước; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ XHCN trong tình hình mới.

Nhận thức lý luận của Đảng có sự phát triển ngày càng đầy đủ, toàn diện, sâu sắc hơn về nội dung, giải pháp, mối quan hệ giữa xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc: Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân là việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng và tiềm lực quốc phòng, an ninh trên toàn bộ lãnh thổ theo tư duy chiến lược thống nhất, bảo đảm đối phó thắng lợi mọi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, phản động xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc, sẵn sàng chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Nội dung, giải pháp xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân phải bảo đảm toàn diện cả xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; kết hợp quốc phòng, an ninh, đối ngoại với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố toàn diện, vững chắc, hợp thành hệ thống phòng thủ đất nước; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đảng nhận thức ngày càng sâu sắc hơn vị trí, vai trò, nội dung của xây dựng thế trận lòng dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, trước hết là xây dựng niềm tin và sự đồng thuận của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới; xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giai cấp, dân tộc, tôn giáo, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc làm cơ sở chính trị, pháp lý để xây dựng thế trận lòng dân; xây dựng, củng cố các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức và lực lượng xã hội trên phạm vi cả nước, nhất là ở các tuyến, địa bàn trọng điểm; chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từ thành phố tới nông thôn, miền núi, vùng biên giới, hải đảo. Xây dựng chế độ chính trị XHCN, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; tổ chức các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo thành khối đoàn kết dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, nâng cao cảnh giác cách mạng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, Đảng có bổ sung và phát triển mới, nhận thức toàn diện, đầy đủ hơn thế trận trên biển, trên không, trên không gian mạng, không gian ngầm.

Nhận thức lý luận về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có bước phát triển. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội, Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đối với Quân đội, Đảng xác định ưu tiên hiện đại hóa: Hải quân, Phòng không - Không quân, Thông tin liên lạc, Tác chiến điện tử, Trinh sát kỹ thuật, Cảnh sát biển. Đối với Công an, Đảng xác định ưu tiên hiện đại hóa: Tình báo, cơ yếu, an ninh, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao. Bên cạnh xây dựng lực lượng chính quy, Đảng cũng chủ trương xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; xây dựng lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ sở đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.

Nhận thức lý luận của Đảng có sự phát triển ngày càng đầy đủ, hoàn thiện hơn về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại: Đảng xác định vai trò, vị trí của từng lĩnh vực và thấy rõ bản chất của mối quan hệ này là sự kết hợp chặt chẽ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất để tạo sức mạnh tổng hợp cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, phát triển kinh tế là trung tâm; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên để bảo vệ Tổ quốc, tạo môi trường hòa bình ổn định cho phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

triển kinh tế - xã hội và hoạt động đối ngoại; mở rộng đối ngoại để tận dụng ngoại lực, phát huy nội lực cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, không được coi nhẹ bất cứ lĩnh vực, nhiệm vụ nào và điều quan trọng trong quá trình chỉ đạo thực hiện phải đồng thời kết hợp chặt chẽ với nhau ở mọi cấp độ, cả vĩ mô và vi mô trong mỗi khu vực, địa bàn cũng như trên phạm vi cả nước.

2.4.2. Về đối ngoại

Nhận thức lý luận của Đảng ta về thời đại, môi trường quốc tế, thế giới và khu vực, về đối tác ngày càng rõ ràng, đầy đủ và có nhiều đổi mới hơn.

Về thời đại: Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH, Đảng ta nhận rõ tính chất phức tạp và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội; đánh giá toàn diện và khách quan về chủ nghĩa tư bản và vai trò, cả tích cực và tiêu cực đối với tiến trình phát triển của nhân loại. Đảng ta tập trung đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Theo đó, Đảng ta đã có bước chuyển rất quan trọng trong nhận thức về môi trường quốc tế, nhận rõ môi trường quốc tế là không gian các nước, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển, cùng tồn tại hòa bình, hợp tác và đấu tranh, vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

Về thế giới và khu vực: Đảng ta tập trung đánh giá sự thay đổi tương quan sức mạnh tổng hợp và quan hệ giữa các nước lớn, sự vận động của các xu thế lớn tác động tới mọi mặt đời sống nhân loại. Nhận thức của Đảng về thế giới và khu vực luôn được cập nhật qua các kỳ đại hội. Đảng ta nhận định, từ sau Chiến tranh lạnh, cục diện thế giới có nhiều thay đổi nhưng xu hướng chung là chuyển sang cục diện đa cực, đa trung tâm; các nước lớn thay đổi chiến lược, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến tình hình thế giới và các khu vực; những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế; tập hợp lực lượng nhằm liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực diễn ra phức tạp. Đảng ta chỉ rõ, trong bối cảnh đó, các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đứng trước những thách thức mới nhưng cũng có những cơ hội mới trên con đường phát triển.

Về các xu thế lớn, Đảng nhận rõ, hòa bình hợp tác, dù đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, vẫn là xu thế lớn; nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi; các nước, các dân tộc tiếp tục ưu tiên đầu tư cho phát triển. Đảng ta cũng nhận rõ xu thế phát triển của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ tác động, cả tích cực và tiêu cực tới sự phát triển của nhân loại. Đảng ta nhận định, toàn cầu hóa và cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ; các nước, ở mức độ khác nhau đều phải tham gia và có lợi ích nhưng cũng phải nỗ lực giảm thiểu các tác động bất lợi của chúng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Về những vấn đề nổi lên trong quan hệ quốc tế, Đảng ta chỉ rõ, cạnh tranh về kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, giữa các nước ngày càng gay gắt; những vấn đề toàn cầu như an ninh mạng, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao,... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Về khu vực, Đảng nhận định, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, có vị trí địa - kinh tế và địa - chính trị quan trọng; là khu vực có tiềm năng tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhưng cũng là địa bàn cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn và tồn tại nhiều nhân tố bất ổn; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt.

Về ASEAN, cùng với tiến trình nước ta gia nhập và thực hiện vai trò thành viên, nhận thức của Đảng ta về Hiệp hội ngày càng rõ. Đảng nhận định, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng ASEAN tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực.

Về đối tác: Đảng ta có chuyển biến lớn về nhận thức từ khi ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" với cách tiếp cận lấy lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam làm tiêu chí để phân biệt rõ mặt "đối tác" và mặt "đối tượng" trong chính sách và hành động của các nước, các tổ chức, cá nhân khi quan hệ với Việt Nam. Theo đó, từ quan niệm về địch - ta, Đảng chuyển sang cách nhìn nhận có tính biện chứng về "đối tác" và "đối tượng" trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Song song với những đổi mới nhận thức nói trên, Đảng ta cũng nhận thức rõ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc và các định hướng lớn chỉ đạo quá trình hoạch định và triển khai đường lối, chính sách đối ngoại.

Về mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại: Đảng đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn mục tiêu bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, trong đó; mục tiêu phát triển được đặt lên hàng đầu; vai trò của công tác đối ngoại đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được coi trọng; nhiệm vụ nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế ngày càng được nhấn mạnh.

Về nguyên tắc đối ngoại, Đảng chỉ rõ hai nguyên tắc: Vì lợi ích quốc gia - dân tộc; trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Về phương châm và định hướng lớn, nhận thức lý luận của Đảng, từ định hướng coi "đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại", từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại; từ chủ trương "muốn là bạn" đến "sẵn sàng là bạn", "là bạn, là đối tác tin cậy", là "thành viên có trách nhiệm" của cộng đồng quốc tế; coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, quan tâm đúng mức quan hệ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

với các nước bạn bè truyền thống. Định hướng hội nhập quốc tế ngày càng được làm rõ: Từ "phá thế bị bao vây, cấm vận" tiến đến "hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới" và tiếp theo là "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế" một cách toàn diện, từ vị thế hội nhập của một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới.

Trong hội nhập quốc tế, Đảng ta luôn chú trọng mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; sự cần thiết phải tăng cường nội lực để bảo đảm hội nhập thành công; nắm vững hơn những nguyên tắc và vấn đề cơ bản của thông lệ quốc tế. Đảng ta đã xác định, hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị; hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập các lĩnh vực khác từng bước mở rộng; nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện các chuẩn mực chung bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; đã nhận thức sâu sắc hơn yêu cầu giải quyết một cách thỏa đáng mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia; nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát trong quá trình hội nhập quốc tế.

Với các quan hệ đã được xác lập, Đảng chủ trương đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu và làm sâu sắc hơn, ngày càng gia tăng mức độ đan xen lợi ích, tăng cường lòng tin, mở rộng và nâng cao hiệu quả các cơ chế hợp tác, nâng cấp quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với an ninh và phát triển của đất nước. Đảng ta chủ trương nâng tầm đối ngoại đa phương, chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể. Đối với các thế lực thù địch, Đảng ta chủ trương, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước.

Cùng với quá trình đổi mới nhận thức về thời đại, thế giới, khu vực và các nội hàm khác của đường lối, chính sách đối ngoại, nhận thức của Đảng ta về tổ chức, xây dựng lực lượng đối ngoại cũng ngày càng rõ. Đảng đã nhận rõ yêu cầu phải xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, trong đó: toàn diện cả về chủ thể, lĩnh vực, cả về đối tác và địa bàn, công cụ và phương cách tiến hành; hiện đại cả về nội dung, phương pháp, cách thức, công cụ thực hiện, cả trong sự kết hợp hài hòa giữa bản sắc Việt Nam, truyền thống ngoại giao Việt Nam với các giá trị tiến bộ của thế giới đương đại. Trong nền ngoại giao toàn diện, hiện đại ấy, đối ngoại

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân được Đảng chỉ rõ sự phân vai, phối hợp chặt chẽ, tạo nên hiệu quả cao nhất vì mục tiêu: bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc.

2.5. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

2.5.1. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Thứ nhất, sự phát triển nhận thức lý luận chung về Đảng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua 40 năm đổi mới Đảng ta đã xác định rõ, đầy đủ và khoa học hơn bản chất của Đảng. Đại hội X của Đảng đánh dấu bước phát triển có tính bước ngoặt trong nhận thức về bản chất của Đảng, thể hiện ở diễn đạt mới về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc". Khẳng định như vậy vừa phản ánh được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phản ánh được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của Nhân dân.

Nền tảng tư tưởng của Đảng được bổ sung, phát triển. Đại hội VII của Đảng đã xác định Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận trong nền tảng tư tưởng của Đảng: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

Các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng đã được phát triển phù hợp tình hình mới. Đại hội X của Đảng đã bổ sung vào Điều lệ Đảng 2 nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng: Đảng giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đưa hệ thống nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng thành 5 nguyên tắc: *Tập trung dân chủ; tự phê bình và phê bình; đoàn kết thống nhất; gắn bó mật thiết với nhân dân; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.*

Đảng khẳng định luôn trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, tích cực ủng hộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế theo khả năng của mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định vị trí, vai trò là người lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống đó. Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Các tổ chức của Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Từ yêu cầu của thực tiễn xây dựng Đảng trong quá trình đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã phát triển vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức thành một nội dung, nhiệm vụ xây dựng đảng mới. Đến Đại hội XIII, Đảng đưa việc xây dựng đội ngũ cán bộ thành một mặt chủ yếu của xây dựng đảng. Qua quá trình 40 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển cấu trúc công tác xây dựng Đảng thành 5 mặt cơ bản: *chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ*.

Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, từ Đại hội VI - Đại hội đổi mới, Đảng đã đề ra chủ trương chỉnh đốn Đảng, tiến hành "cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng". Đến Đại hội VII, khái niệm "chỉnh đốn Đảng" được sử dụng và đặt cùng khái niệm "xây dựng Đảng" để nhấn mạnh nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng. Từ đó đến nay, Đảng chủ trương chỉnh đốn Đảng phải luôn gắn liền với xây dựng Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; gắn xây dựng Đảng với xây dựng cả hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần tiến hành từng bước[1].

Thứ hai, sự phát triển nhận thức lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức. Đại hội XIII của Đảng tổng kết và khẳng định mạnh mẽ xây dựng Đảng về chính trị trên cơ sở bốn "kiên định": "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng". Trong xây dựng Đảng về chính trị phải đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng; coi trọng nâng cao năng lực dự báo; bám sát và xuất phát từ thực tiễn, đánh giá tác động, cân đối, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả; nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Đảng ta luôn coi trọng, đề cao vai trò đặc biệt quan trọng của xây dựng Đảng về tư tưởng. Đại hội VI của Đảng đặt ra yêu cầu công tác tư tưởng phải hướng vào "đổi mới tư duy... khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng"; tăng cường đoàn kết nhất trí về tư tưởng trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin và đường lối, quan điểm của Đảng. Công tác tư tưởng, lý luận phải đổi mới theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả. Nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập lý luận, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

---

[1] Thể hiện qua việc ban hành liên tiếp các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhận thức của Đảng đối với xây dựng Đảng về đạo đức có bước phát triển. Đại hội XII đã xác định xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung cơ bản của xây dựng Đảng và nội dung này tiếp tục được đề cao, nhấn mạnh tại Đại hội XIII.

Thứ ba, sự phát triển lý luận về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đảng khẳng định tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên. Đảng đã có những phát triển nhận thức về chức năng, nhiệm vụ, cách tổ chức, cách xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Về vấn đề đảng viên, sau quá trình tổng kết thực tiễn, Đại hội X đã cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân nhưng phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Đại hội XIII của Đảng đã đề ra chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong doanh nhân, đánh dấu một phát triển nhận thức của Đảng trong công tác đảng viên.

Thứ tư, sự phát triển nhận thức lý luận xây dựng Đảng về tổ chức và xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị. Nhận thức lý luận xây dựng Đảng về tổ chức có sự phát triển mạnh mẽ. Để bảo đảm công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về tổ chức đúng định hướng, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã đề ra nguyên tắc chỉ đạo xây dựng Đảng về tổ chức là: "Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị" và thực hiện nguyên tắc "một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính". Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (01/2025) xác định "sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả là một cuộc Cách mạng". Như vậy, từ chỗ chỉ tập trung vào đổi mới Nhà nước, lý luận về hệ thống chính trị chưa được định hình hoàn chỉnh ở giai đoạn đầu đổi mới, đến có bước đột phá về lý luận tổ chức, lần đầu đưa ra nguyên tắc cụ thể, rõ ràng để tránh chồng chéo, trùng lặp chức năng ở Đại hội XII và trở thành lý luận phát triển ở tầm cao chiến lược, gắn đổi mới hệ thống chính trị với quản trị quốc gia hiện đại, dân chủ và kiểm soát quyền lực ở Đại hội XIII.

Thứ năm, sự phát triển nhận thức lý luận về công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ. Năm 1997, Đảng ban hành Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược cán bộ xác định hệ thống các quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ công tác cán bộ, đánh dấu bước phát triển lớn lý luận về công tác cán bộ và xây dựng Đảng về cán bộ. Qua thực tiễn công tác cán bộ 40 năm qua, nhận thức về vị trí, vai trò công tác cán bộ; các quan điểm chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ và các khâu công tác cán bộ đã có nhiều đổi mới, phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

triển. Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu "then chốt" của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững. Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Qua thực tiễn 40 năm, Đảng đã phát triển nhận thức lý luận về khái niệm, vai trò, nội dung, nhiệm vụ, phương châm, nghiệp vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/2/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII *Quy định một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng* đã xác định các nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới, thay cho các phương châm. Nhìn khái quát, công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã có sự phát triển quan điểm theo hướng toàn diện, gắn bảo vệ chính trị nội bộ với xây dựng đội ngũ cán bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng, ngăn chặn nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", coi trọng cả phẩm chất chính trị, bản lĩnh, năng lực và uy tín; từ đặt nặng vấn đề lịch sử chính trị sang nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

Thứ sáu, sự phát triển nhận thức lý luận về công tác dân vận và xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. i) Khẳng định Dân là gốc, là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới đất nước, của công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng; ii) Bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện quan điểm về dân chủ và mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; iii) Mở rộng, phát triển phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thành "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; iv) Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" ngày càng được làm sáng tỏ; v) Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới nhằm củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Thứ bảy, sự phát triển nhận thức lý luận về *công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng*. Kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng; giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời phát hiện nhân tố mới để phát huy, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha; lấy ngăn chặn, phòng ngừa là chính. Từ Đại hội VIII, Đảng đã chuyển trọng tâm công tác kiểm tra sang kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. Đại hội X đã bổ sung thêm công tác giám sát gắn liền công tác kiểm tra. Các Đại hội XI, XII, XIII tiếp tục có nhiều chủ trương đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, như: Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng; đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

giám sát; tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; công khai kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật; tăng thẩm quyền cho cơ quan kiểm tra của Đảng; đổi mới quy định về kỷ luật đảng... Những chủ trương đó đã thể hiện sự phát triển mạnh mẽ nhận thức lý luận của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Thứ tám, sự phát triển nhận thức lý luận về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Hơn 10 năm qua, nhận thức của Đảng về kiểm soát quyền lực có bước phát triển mạnh mẽ. Đại hội XII đề ra nhiệm vụ: "Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương". Qua thực tiễn, đối tượng của kiểm soát quyền lực được mở rộng từ kiểm soát quyền lực nhà nước tới kiểm soát quyền lực của các cơ quan đảng, các cá nhân trong bộ máy đảng và hệ thống chính trị. *Chủ thể* kiểm soát quyền lực đã được nhận thức rộng hơn, không chỉ là các cơ quan có trách nhiệm trong bộ máy của Đảng, Nhà nước mà còn từ các chủ thể khác trong hệ thống chính trị. Kiểm soát quyền lực bao gồm kiểm soát từ bên trong và kiểm soát từ bên ngoài Nhà nước và hệ thống chính trị. Nguyên tắc bao trùm là: "Mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, phải được ràng buộc bằng trách nhiệm, quyền lực đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao trách nhiệm càng lớn; lạm dụng, lợi dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý". Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng Đảng; sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nhân tố quyết định thành công của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Không chỉ phòng, chống tham nhũng, lãng phí mà còn phải gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với phòng, chống tiêu cực và phải được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Gắn kiểm soát quyền lực với phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để bảo đảm quyền lực được vận hành công khai, minh bạch, đúng đắn, không bị tha hóa. Nhất quán phương châm "phòng ngừa từ sớm, từ xa, cả ngọn lẫn gốc"; kết hợp giữa "xây" và "chống", trong đó phòng là chính, cơ bản, lâu dài, chống là quan trọng, đột phá; đấu tranh không ngừng, không nghỉ", "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ".

Thứ chín, sự phát triển nhận thức lý luận về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Từ nhận thức còn giản đơn về phương thức lãnh đạo, 40 năm qua, nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền đã có bước tiến lớn. Năm 1989, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI đã sử dụng khái niệm phương thức lãnh đạo thay cho các khái niệm "phương pháp lãnh đạo", "tác phong công tác". Cương lĩnh 1991 và Cương lĩnh 2011 đã bổ sung và xác định cụ thể hơn phương thức lãnh đạo của Đảng. Cùng với sự phát triển nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo, trong quá trình đổi mới, Đảng đã có

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nhận thức mới về phương thức cầm quyền của Đảng. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành nghị quyết về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

2.5.2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Qua 40 năm đổi mới, nhận thức, lý luận về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam ngày càng thống nhất, đầy đủ và sâu sắc hơn.

Đại hội X và Cương lĩnh 2011 đã xác định "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" do Đảng Cộng sản lãnh đạo là một trong 8 thành tố, 8 đặc trưng chủ yếu của xã hội XHCN mà Đảng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng. Đại hội Đảng khóa XII và Đại hội Đảng khóa XIII, Đảng ta xác định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Cương lĩnh 2011 đã khẳng định bản chất nhà nước XHCN Việt Nam: "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức... Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa". Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định 8 đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Cương lĩnh 2011 của Đảng đã khẳng định nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam: Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII chỉ rõ: Thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền XHCN là ý chí và nguyện vọng của nhân dân được luật hóa. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

Để xây dựng tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng chủ trương cần phải tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; thực hiện cải cách hành chính nhà nước; phân định và nâng cao

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chất lượng đội ngũ cán bộ với công chức, viên chức nhà nước; đổi mới từ tư duy "nhà nước làm tất cả", sang tư duy đa dạng hóa các chủ thể làm kinh tế, giảm độc quyền nhà nước, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp.

Nhận thức rõ hơn về vai trò của kiểm soát quyền lực nhà nước là phương tiện để nhà nước tự mình giữ vững và phát huy bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng, kiên trì, lâu dài trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền phải luôn bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

2.5.3. Về hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng, đổi mới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Đảng đã nhận thức rõ hơn, thực hiện dân chủ XHCN là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ quan điểm hoàn thiện nền dân chủ XHCN là: Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh 1991 nhấn mạnh hai bài học kinh nghiệm về đoàn kết dân tộc: (1) Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...; (2) Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Nghị quyết số 43-NQ/TW (2023) về đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục khẳng định và phát triển nhận thức xem đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong hệ thống chính trị, đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Bước vào công cuộc đổi mới, tại Đại hội VI Đảng ta sớm chủ trương về đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đến Đại hội VII, Đảng nhấn mạnh: "Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nhân dân cần được đổi mới về tổ chức và hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân; tham gia các công việc quản lý nhà nước; giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với Nhân dân". Nhận thức của Đảng về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tiếp tục phát triển trong quá trình đổi mới. Đến Đại hội XIII Đảng ta khẳng định: "Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư,... Xây dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

III. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG THỰC TIỄN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM

3.1. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trong suốt 40 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn. Từ một quốc gia lạc hậu, thiếu đói thường xuyên, chúng ta đã vươn lên thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển, có mức thu nhập trung bình. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

a) Thành tựu

Thứ nhất, qua 40 năm đổi mới, các quan điểm lý luận của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã từng bước được thể chế hóa, cụ thể hóa thành văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách cũng như các chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ, các cấp, các ngành, địa phương để tổ chức triển khai thực hiện; hệ thống thể chế không ngừng được hoàn thiện theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, tạo cơ sở pháp lý ngày càng vững chắc cho quá trình chuyển đổi và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Thể chế phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế đã có bước tiến lớn, thừa nhận sự đa dạng hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, các chủ thể tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật. Thể chế phát triển các yếu tố thị trường, các loại thị trường từng bước được hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Thể chế phát huy vai trò của Nhà nước, điều chỉnh mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội được định hình ngày càng rõ hơn. Tính định

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hướng XHCN của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam tiếp tục được thể chế hóa, cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách liên quan đến phân phối lại, đảm bảo sự tiến bộ và công bằng xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch thúc đẩy CNH, HĐH đất nước tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững trở thành quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển đề ra trong các chương trình, kế hoạch, quy hoạch kể cả cấp quốc gia, cấp ngành và cấp tỉnh. Ba đột phá chiến lược, các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp và được thể chế hóa thành nhiều cơ chế, chính sách để thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, áp dụng một số mô hình kinh tế mới được đẩy nhanh. Các mô hình kinh tế mới đã được các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương.

Các cơ chế, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được hoàn thiện theo hướng hài hòa hóa, nội luật hóa các cam kết quốc tế để tận dụng tốt hơn các cơ hội mang lại từ hội nhập quốc tế cũng như nâng cao tính nhận diện, thừa nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Việc thể chế hóa nâng cao nội lực của các chủ thể kinh tế trong nước được đẩy mạnh, đặc biệt đối với phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo nên các doanh nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế. Như vậy, cùng với sự phát triển nhận thức tư duy lý luận của Đảng, việc thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã giúp hình thành và ngày càng hoàn thiện đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Thứ hai, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN mang lại những thành tựu:

(1) Trong nền kinh tế Việt Nam đã hình thành nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh. Các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển và khẳng định vai trò của mình trong nền kinh tế quốc dân. Kinh tế nhà nước từng bước phát huy được vai trò chủ đạo[1]. Kinh tế tập thể phát triển và chuyển đổi sang mô hình kiểu mới phù hợp hơn với kinh tế thị trường hiện đại. Kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế[2]. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta.

[1] Kinh tế nhà nước đóng góp gần 30% GDP (trước 2010), năm 2020 - 20,67%; 2021 - 20,81%; 2022 - 20,53%; sơ bộ 2023 - 21,03%, hơn ¼ đầu tư toàn xã hội, cụ thể năm 2020 - 26,2%; 2021 - 24,8%; 2022 - 25,8%, sơ bộ 2023 - 27,9%.
[2] Số lượng doanh nghiệp khu vực tư nhân đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh đã tăng nhanh từ 488.395

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường đã có bước phát triển đáng kể, từng bước đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường ngày càng đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ nguồn lực phát triển. Thị trường yếu tố sản xuất tiếp tục có bước phát triển. Thị trường vốn, thị trường trái phiếu doanh nghiệp từng bước trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho các doanh nghiệp[1]. Thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm mặc dù gặp khó khăn nhưng vẫn tiếp tục phát triển[2]. Thị trường bất động sản ngày càng mở rộng cả về vốn, số lượng, quy mô, loại sản phẩm, số lượng doanh nghiệp tham gia. Thị trường lao động về cơ bản đã được hình thành, đã có những bước phát triển về chiều rộng và chiều sâu, hiệu quả hoạt động từng bước được nâng lên[3]. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển tích cực[4], từng bước phát huy vai trò kết nối, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế.

Sự quản lý, điều hành của Nhà nước đối với kinh tế thị trường được đổi mới sát thực và hiệu quả hơn[5]. Nhà nước quản lý và điều hành nền kinh tế bằng các công cụ pháp luật, kế hoạch, quy hoạch, chính sách và các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô. Hiện đại hóa hành chính thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử được đẩy mạnh[6]. Năng lực quản lý và điều hành của Chính phủ ngày càng hiệu quả hơn[7]. Vai trò của thị trường được coi trọng, từng bước hướng tới đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ. Vai trò của xã hội, tổ chức xã hội ngày càng được phát huy trong nền kinh tế, góp phần bổ khuyết cho Nhà nước và thị trường. Cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn

---

doanh nghiệp (năm 2016) lên 940.000 doanh nghiệp (năm 2025). Số lượng hộ kinh doanh (cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) tăng từ 4,909 triệu hộ (năm 2016) lên trên 5 triệu hộ (năm 2025). Nhiều doanh nghiệp khu vực tư nhân quy mô lớn, tiềm lực mạnh xuất hiện. Kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 50% GDP trong suốt giai đoạn 2016-2023 và đến 2025 đóng góp 51% GDP.

[1] Tổng khối lượng phát hành TPDN năm 2022 là 269,486 nghìn tỷ đồng (giảm còn 36,8% so với năm 2021); năm 2022 tăng lên mức 338,853 nghìn tỷ đồng (tăng 25,27% năm 2022); năm 2023 tăng lên mức 338,853 nghìn tỷ đồng (tăng 25,27%); năm 2024 tăng lên mức 466,518 nghìn tỷ đồng (tăng 37,68%); giá trị mua lại trước hạn năm 2024 tương đương 47.6% giá trị phát hành cùng năm; dư nợ TPDN năm 2024 chiếm 11,0% GDP năm 2024. Tổng khối lượng phát hành TPDN 5 tháng đầu năm 2025 đạt mức 120,685 nghìn tỷ đồng (tăng 53,17% so với cùng kỳ năm 2024).

[2] TTCK phái sinh, trong 5 tháng đầu năm 2025, khối lượng giao dịch bình quân tháng 4 đạt mức 263.995 hợp đồng/phiên, tháng 5 giảm 29,96% xuống còn 184.904 hợp đồng/phiên; giá trị giao dịch bình quân phiên cũng giảm 24,04% từ 33.700 tỷ đồng/phiên xuống còn 25.605 tỷ đồng

[3] Lao động có việc làm liên tục tăng đều qua các năm, từ 49,07 triệu người năm 2021 lên 50,6 triệu người năm 2022 và trong quý 1 năm 2025 là 51,9 triệu.

[4] Tính đến tháng 6, Việt Nam có 22 sàn giao dịch công nghệ, gồm 19 sàn tại địa phương, hai sàn cấp vùng và một sàn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

[5] Khung pháp luật được hoàn thiện theo hướng đầy đủ, rõ ràng và dễ dự đoán hơn. Hệ thống các quy hoạch được hoàn thiện, làm cơ sở cho thực hiện quản lý của Nhà nước.

[6] Việt Nam đã duy trì được việc tăng hạng Chỉ số Chính phủ điện tử liên tục trong giai đoạn 2014-2024 từ vị trí 99 lên vị trí thứ 71 trong 193 quốc gia.

[7] Theo Chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới, chỉ số hiệu quả hoạt động của Chính phủ đã được cải thiện đáng kể. Theo Xếp hạng phần trăm trên đề cập đến giới hạn trên của khoảng tin cậy 90 phần trăm, chỉ số hiệu quả chính phủ của Việt Nam cải thiện từ 56,9 điểm xếp hạng phần trăm năm 2010 lên 63,5 năm 2014; 71,2 năm 2020 và 72,1 năm 2021. Theo Xếp hạng phần trăm dưới đề cập đến giới hạn dưới của khoảng tin cậy 90 phần trăm, chỉ số hiệu quả chính phủ của Việt Nam cải thiện từ 35,4 điểm xếp hạng phần trăm năm 2010 lên 39,9 năm 2014; 44,7 năm 2020 và 47,1 năm 2021 (Trong đó: 0 là hiệu quả thấp nhất và 100 là hiệu quả cao nhất).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cho sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được đẩy mạnh. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp sôi động hơn. Chỉ số Tự do kinh tế, chỉ số thành phần Tự do kinh doanh, chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam được cải thiện và nâng hạng[1].

Hội nhập kinh tế quốc tế được chủ động và tích cực triển khai, là điểm sáng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong 10 năm gần đây. Tính đến tháng 10 năm 2024, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký kết 17 FTA với trên 60 quốc gia, đối tác lớn trên toàn cầu và liên kết kinh tế song phương, đa phương, khu vực và liên khu vực, mở ra những thị trường xuất khẩu tiềm năng, vận động, thu hút đầu tư FDI, viện trợ ODA từ các đối tác hàng đầu trên thế giới, nhờ đó đã tranh thủ được lượng vốn đầu tư, tri thức, công nghệ mới và các nguồn lực quan trọng khác từ bên ngoài, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tính định hướng XHCN tiếp tục được giữ vững trong phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" từng bước được thực hiện. Với sự tăng lên đáng kể về tiềm lực, quy mô nền kinh tế, đã bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Quan hệ phân phối tiền lương, thu nhập dựa chủ yếu vào cơ chế thỏa thuận và phụ thuộc vào năng suất lao động. Mức lương cơ sở và lương tối thiểu vùng tiếp tục được điều chỉnh tăng. Các chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân (đặc biệt các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19) được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo "không ai bị bỏ lại phía sau". Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục tiếp tục tăng[2]. Tỉ lệ người nghèo có xu hướng giảm, tầng lớp trung lưu tăng và chiếm đa số, tỉ lệ người giàu cũng tăng nhanh. Chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số hạnh phúc của Việt Nam liên tục được cải thiện[3]. Vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN được phát huy.

---

[1] Năm 2022 so với năm 2021, chỉ số Tự do kinh tế của Việt Nam tăng 6 bậc, từ vị trí thứ 90 lên vị trí thứ 84. Chỉ số thành phần Tự do kinh doanh tăng điểm mạnh với mức tăng 8,4 điểm (từ 65,2 lên 73,6 điểm). Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), xếp hạng của Việt Nam năm 2024 ở vị trí thứ 44/133 quốc gia, tăng 2 bậc so với năm 2023, duy trì vị trí thứ 4 trong khu vực ASEAN (sau Singapore, Malaysia và Thái Lan).
Theo Heritage Foundation đánh giá, từ năm 1995 không quốc gia nào có quy mô tương đương đạt được tự do kinh tế như Việt Nam nhờ cải cách kinh tế theo định hướng thị trường; xếp hạng Chỉ số tự do kinh tế năm 2024 của Việt Nam là 62,8 điểm, xếp thứ 59/176 quốc gia và tăng 13 bậc so với năm 2023. Theo BrandFinance, thương hiệu quốc gia Việt Nam được định giá tăng 102% trong giai đoạn 2019-2023, đạt mức 498.13 tỉ USD năm 2023.

[2] Năm 2016, tổng chi NSNN cho sự nghiệp giáo dục là hơn 178 nghìn tỉ đồng, năm 2023, tổng chi tăng lên hơn 286,7 nghìn tỉ đồng, năm 2024 tăng lên mức 380.561,22 tỷ đồng

[3] Chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam được đo lường theo tiêu chí của Liên Hiệp quốc cho thấy, chỉ số này có xu hướng tăng từ 5,061 điểm, xếp vị thứ 94/149 quốc gia năm 2016, lên 5,411 điểm, xếp vị trí thứ 79 năm 2021, 5,485 điểm, xếp vị trí thứ 77 năm 2022, thứ 65 năm 2023 , thứ 54 năm 2024 và vị trí 46 năm 2025. So với năm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(2) Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế đã thúc đẩy kinh tế tăng trưởng từng bước vững chắc và ngày càng được cải thiện, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng. Năm 2024, GDP của Việt Nam tính theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỉ đồng, tương đương 476,3 tỉ USD, dự báo đứng thứ 33 thế giới; GDP (tính theo PPP) đạt khoảng 1.559 tỉ USD, xếp thứ 3 khu vực Đông Nam Á, thứ 25 thế giới; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023[1]. Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện. Các mối quan hệ biện chứng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được giải quyết tốt hơn. Việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững, ba đột phá chiến lược và các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới đạt nhiều kết quả tích cực[2]. Phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng đạt những thành tựu nhất định[3].

b) Hạn chế

Một là, trong công tác thể chế hóa và cụ thể hóa:

(1) Thể chế sở hữu, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát triển các loại hình doanh nghiệp còn nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh[4].

(2) Thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển một số loại thị trường còn thiếu và có nhiều bất cập.

2016, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam tăng 48 bậc.

[1] Quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên với GDP theo giá hiện hành đạt 346,6 tỉ USD (2020); 476 tỉ USD (2024); dự kiến đạt 510 tỉ USD (2025).

[2] Tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6%/năm; giai đoạn 2021-2025 đạt 6,2%. GDP bình quân đầu người tiếp tục tăng nhanh, năm 2020 đạt 3.586 USD; năm 2022 - 4.109 USD; năm 2023 - 4.323 USD; năm 2024 - 4.700 USD và dự kiến năm 2025- 5000 USD. Chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện với tốc độ tăng năng suất lao động bình quân theo giá hiện hành, bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 4,53%; giai đoạn 2016-2020 đạt 6,05%; giai đoạn 2021-2024 đạt 4,8 %, dự kiến năm 2025 tăng 6%. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế liên tục được cải thiện, từ 33,6% giai đoạn 2011-2015 lên mức 45,4% giai đoạn 2016-2020; giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 47%.

Tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 vẫn đạt khoảng 6%/năm. GDP bình quân đầu người tiếp tục tăng nhanh, đạt 3.586 USD (năm 2020), 4.109 USD (năm 2022) và ước tính đạt 4.284 USD (năm 2023). Chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện với tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 5,29% (theo giá hiện hành), trong đó bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 4,53%; giai đoạn 2016-2020 đạt 6,05%. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế được cải thiện, từ 33,6% giai đoạn 2011-2015 lên mức 45,4% giai đoạn 2016-2020; giai đoạn 2021-2023 ước đạt khoảng 35,3% - 46,09%.

[3] Đến cuối năm 2024, đã có 73 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

[4] Liên tục phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, tuổi thọ văn bản ngắn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(3) Chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững, ba đột phá chiến lược, các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới còn chậm được thể chế hóa, cụ thể hóa.

(4) Công tác "nội luật hóa" các cam kết quốc tế còn chậm, chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến khả năng tận dụng các cơ hội mang lại từ hội nhập quốc tế.

Hai là, trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN:

(1) Các thành phần kinh tế phát triển nhưng chưa đáp ứng kỳ vọng. Việc thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn hạn chế. Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã phần lớn có quy mô nhỏ, năng lực nội tại còn yếu. Kinh tế tư nhân phát triển nhưng thiếu tính bền vững, chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chưa tạo được tác động lan tỏa tới các khu vực kinh tế trong nước.

(2) Nền kinh tế vẫn chưa vận hành đầy đủ theo các quy luật thị trường; các yếu tố thị trường và các loại thị trường phát triển chưa đồng bộ. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chậm được đổi mới; việc phân cấp, phân quyền chưa hiệu quả, với quá nhiều quyền lực tập trung ở cấp Trung ương, bộ ngành; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chưa phát huy đầy đủ những mặt tích cực và hạn chế tính tự phát, tiêu cực, khuyết tật của kinh tế thị trường; chưa tách biệt rõ chức năng thực hiện các nhiệm vụ xã hội với chức năng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; hoạt động kiểm toán, kiểm tra, giám sát còn trùng lắp, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình còn thấp, thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo kết quả đầu ra.

(3) Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế chưa đạt được kỳ vọng[1]. Mô hình tăng trưởng chưa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại các ngành kinh tế còn chậm, chưa có sự đột phá, nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao.

(4) Việc giải quyết một số mối quan hệ biện chứng chưa mang lại hiệu quả cao.

(5) Việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững; thực hiện ba đột phá chiến lược và các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới còn bất cập.

---

[1] Mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành; tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần theo chu kỳ 10 năm; có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(6) Phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng vẫn còn hạn chế.

3.2. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a) Thành tựu

(1) Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam

Hệ thống luật pháp trong lĩnh vực văn hóa được xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung. Hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa từng bước được hoàn thiện. Các đạo luật được ban hành, chú trọng tới việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hướng tới mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

Xây dựng, thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với gìn giữ, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam được tiến hành nghiên cứu, xác lập ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương. Nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa được triển khai rộng khắp cả nước. Hệ thống thiết chế văn hóa tiếp tục được kiện toàn từ Trung ương tới cơ sở. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày phong phú. Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế được triển khai một cách thiết thực. Công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá và thị trường văn hoá từng bước được phát triển và đạt những kết quả tích cực. Hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng.

Cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã được triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước. Phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, phát huy hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được quan tâm. Nhiều di sản văn hóa vật thể được tu bổ, tôn tạo. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể được sưu tầm, truyền dạy, thực hành. Chủ trương xã hội hóa hoạt động bảo tồn di sản văn hóa đã thu hút được các nguồn lực trong xã hội tham gia bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

(2) Về xây dựng và phát triển con người; chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị con người và văn hóa Việt Nam

Nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay đã có những thay đổi lớn về chất lượng, tỉ lệ lao động qua đào tạo ngày một tăng, chỉ số vốn nhân lực Việt Nam không ngừng cải thiện, ở mức khá trên thế giới, mức cao trong các nước có thu nhập trung bình và khu vực Đông Nam Á.

Vấn đề xây dựng và phát triển con người toàn diện, chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị con người và văn hóa được tiến hành từng bước phù hợp

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

với điều kiện phát triển của mỗi giai đoạn của thời kỳ đổi mới, gắn với đổi mới đồng bộ và toàn diện các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền thông đại chúng đã góp phần tích cực vào giáo dục thẩm mỹ, nâng cao năng lực sáng tạo, sản xuất, quảng bá và cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân. Công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật từng bước được đổi mới, góp phần khẳng định các giá trị tích cực, tiến bộ, nhân văn trong các sáng tạo trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

(3) Về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới sáng tạo

Sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đã có đóng góp to lớn trên các lĩnh vực. Khoa học xã hội và nhân văn, đã có nhiều nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, nâng cao dân trí, thay đổi lối sống theo hướng hiện đại, nhân văn, tiến bộ, hình thành hệ giá trị văn hóa mới với những chuẩn mực phù hợp với sự phát triển tiến bộ của thời đại; góp phần làm giảm thiểu các xung đột xã hội, củng cố khối đại đoàn kết, phát triển nhân cách, phát triển con người toàn diện, phát huy giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam lên tầm cao mới. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương có đóng góp rất quan trọng trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đặc biệt là bậc sau đại học, góp phần quan trọng để Việt Nam chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Việc triển khai Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN đã thu được những kết quả bước đầu. Hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện hơn. Hệ thống giáo dục tiếp tục phát triển, được củng cố và sắp xếp lại một bước. Quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo phát triển rộng khắp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập đa dạng của người dân. Đầu tư cho giáo dục được quan tâm hơn. Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo có những đổi mới quan trọng. Cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ công trong giáo dục - đào tạo từng bước được thể chế hóa và bước đầu có những kết quả. Hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được thúc đẩy. Đặc biệt, đã thực hiện miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

(4) Về thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững

Từng bước hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý phát triển xã hội và thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; phát triển thị trường lao động, hướng tới xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế. Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm hơn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

phúc lợi xã hội cho người dân; chính sách đối với người có công được thực hiện ngày càng tốt hơn; tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương; mở rộng bảo hiểm xã hội; phát triển hệ thống y tế toàn diện, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhiều chỉ số về sức khỏe người dân vượt trội so với nhiều quốc gia có cùng mức phát triển. Đã hoàn thành mục tiêu và về đích sớm các mục tiêu Thiên niên kỷ. Hợp tác quốc tế được tăng cường mở rộng đã hỗ trợ tích cực và hiệu quả trong thực hiện các chính sách xã hội.

(5) Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Hệ thống chính sách, pháp luật và cơ sở dữ liệu tổng hợp về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu được hoàn thiện hơn. Công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này được tăng cường, trách nhiệm và hiệu quả trong quản lý nhà nước được nâng lên. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công tác bảo vệ rừng, trồng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học có nhiều chuyển biến tích cực. Tăng trưởng kinh tế bước đầu thay đổi theo hướng chuyển đổi xanh, xuất hiện nhiều mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp xanh, đô thị xanh.

b) Hạn chế

(1) Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam

Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp phát triển đất nước của một số cấp ủy đảng còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò của văn hóa trong điều kiện mới; chưa đặt văn hóa ngang hàng với kinh tế, xã hội. Việc thực hiện phát huy vai trò của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh của đất nước, chưa tương xứng với tiềm năng; tình trạng xuống cấp về đạo đức, bạo lực trong xã hội, nhất là bạo lực học đường diễn biến phức tạp.

Thể chế văn hóa còn chậm đổi mới, chưa theo kịp và đáp ứng với yêu cầu phát triển, còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, nhanh chóng bị lạc hậu. Việc bố trí nguồn lực cho phát triển văn hóa chưa tương xứng, thiếu đồng bộ và chưa có giải pháp hữu hiệu để phát triển văn hóa số, văn hóa mạng.

Số lượng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật còn hạn chế, một số tác phẩm còn chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp; nhiều đơn vị nghệ thuật gặp khó khăn trong hoạt động. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao giữa các khu vực, vùng miền, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khoảng cách lớn.

Tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa có chiều hướng thuyên giảm. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa còn nhiều hạn chế. Môi trường văn hóa, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế chưa bền vững, tiêu chí đánh giá chưa rõ ràng, chưa thực sự đi vào đời sống. Các hoạt động văn hóa chưa đi vào chiều sâu, vẫn còn hiện tượng chạy theo hình thức, thiên về tính phong trào, giải trí đơn thuần. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bộ ngành, chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức triển khai các phong trào văn hóa, các hoạt động văn hóa còn thiếu nhịp nhàng, đồng bộ.

Các ngành công nghiệp văn hóa và thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Còn thiếu những cơ chế, chính sách mang tính đột phá để khơi thông nguồn lực cũng như tạo cơ sở pháp lý để các ngành công nghiệp văn hóa tăng tốc, phát triển.

Nhìn tổng thể công tác bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, các di tích di sản văn hóa chưa được coi trọng đúng mức. Đầu tư của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa còn thấp, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của văn hóa. Chủ trương xã hội hóa hoạt động bảo tồn di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống văn bản pháp luật về di sản văn hóa một số nội dung còn quy định chung chung, thiếu đồng bộ với một số luật khác, một số vấn đề phát sinh từ thực tiễn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Kết quả giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa còn khiêm tốn. Chưa có một cơ chế điều phối ở cấp quốc gia về giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa.

(2) Về xây dựng và phát triển con người; chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị con người và văn hóa Việt Nam

Nhận thức về vai trò của việc xây dựng, phát triển con người toàn diện, xây dựng hệ giá trị con người và văn hóa Việt Nam của nhiều cấp ủy và chính quyền các cấp còn chưa đầy đủ và toàn diện, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nội dung xây dựng con người còn phiến diện, chỉ tập trung vào đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chưa chú ý giáo dục lý tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Vấn đề chấn hưng đạo đức xã hội có nơi, có lúc mới chỉ nhấn mạnh đến chống các tiêu cực và tệ nạn xã hội, chưa chú trọng kế thừa và phát huy các giá trị tích cực và tốt đẹp của văn hóa truyền thống và xây dựng các giá trị văn hóa, đạo đức mới. Việc học tập và tiếp thu các giá trị văn hóa, đạo đức tiến bộ của nhân loại còn hạn chế và thụ động.

Các giá trị, chuẩn mực về con người và văn hóa Việt Nam tuy đã được hình thành bước đầu nhưng chưa được rõ nét, chưa nghiên cứu và ban hành được hệ giá trị con người và văn hóa Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế làm cơ sở triển khai trong thực tiễn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(3) Về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới sáng tạo

Về phát triển khoa học và công nghệ: Thể chế tạo động lực và phát triển khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập; chưa tạo lập môi trường lành mạnh cho hoạt động khoa học và công nghệ phát triển phù hợp với thông lệ quốc tế. Thiếu chính sách và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Cơ chế thử nghiệm chính sách mới, chấp nhận rủi ro trong triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới chưa thực sự phù hợp. Thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó có nguồn lực từ doanh nghiệp.

Vấn đề năng suất và hiệu quả trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chưa đúng với năng lực, tiềm năng vốn có của nó như là một nguồn lực cho sự phát triển đất nước. Việc hình thành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn với phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, gắn với phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

Về giáo dục đào tạo, vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống, không đạt được mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020. Đổi mới tư duy về giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế còn chậm. Chất lượng giáo dục ở các cấp học vẫn còn hạn chế, mới đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển của đất nước ở trình độ trung bình, theo chiều rộng, chưa đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao; giáo dục đại học vẫn tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới; phương pháp giáo dục chưa phát huy được sự tích cực, sáng tạo của người học, chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng và phẩm chất cho người học; hiệu quả đầu tư giáo dục chưa tương xứng với chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu.

Hệ thống giáo dục và đào tạo vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, thiếu đồng bộ và liên thông chưa tốt giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục. Tiếp cận giáo dục còn chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền, nhóm đối tượng xã hội.

(4) Về thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững

Một số mục tiêu phát triển xã hội hướng đến bền vững còn gặp nhiều thách thức, khó khăn, hạn chế: (i) Năng suất và chất lượng lao động thấp, việc làm thiếu tính bền vững; (ii) Mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa còn khó khăn,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thiếu cơ sở vững chắc để xây dựng quan hệ lao động lành mạnh và bền vững; (iii) Tỉ lệ bao phủ của bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp chưa cao; (iv) Độ bao phủ của trợ giúp xã hội còn hạn chế, mức trợ giúp cơ bản hiện hành còn thấp; (v) Tỉ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia còn thấp; mục tiêu phát triển nhà ở xã hội còn rất nhiều khó khăn; (vi) Bảo đảm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng chưa được chú trọng đúng mức, y tế cơ sở chưa cung cấp đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Mức sống và các chỉ tiêu phát triển giữa các nhóm dân cư, các địa bàn; giữa các nhóm người nghèo và không nghèo có sự khác biệt lớn, còn tồn tại nhiều vấn đề xã hội chưa được giải quyết.

(5) Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn còn những bất cập, chồng chéo, chưa đồng bộ. Ý thức chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu còn thấp. Bảo vệ môi trường chưa trở thành ý thức, hành động, thói quen, nếp sống, văn hóa của người dân.

Các chế tài để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm chưa đủ sức răn đe và thiếu hiệu quả; quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số mặt còn lỏng lẻo, xu hướng chạy theo lợi nhuận và lợi ích trước mắt trong khai thác tài nguyên chậm được khắc phục; chậm chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tiết kiệm, tăng tỉ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới còn chậm.

Nguồn lực nhà nước và tỉ lệ thu từ các nguồn lực tài nguyên và môi trường chưa tương xứng. Đầu tư trở lại cho môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế.

3.3. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

3.3.1. Về quốc phòng, an ninh

a) Thành tựu

(1) Thành tựu trong bảo vệ Tổ quốc và sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang

Thành tựu cơ bản, bao trùm là đã bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ XHCN; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội: Các mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được thực hiện tốt. Đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, nêu cao được vai trò trách nhiệm của tất cả các

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lực lượng, của mọi tổ chức và mọi con người đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Các phương thức bảo vệ Tổ quốc cả vũ trang và phi vũ trang được sử dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt đã phát huy được sức mạnh tổng hợp và vai trò của các lực lượng, tổ chức, mọi con người trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đã tạo ra sự chuyển biến nhận thức bạn - thù sang nhận thức đối tác - đối tượng; về cơ bản, cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân đã có nhận thức đúng về đối tác, đối tượng, vận dụng vào xem xét, giải quyết đúng đắn trong các tình huống cụ thể. Mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN đã được quan tâm giải quyết ở tất cả các cấp, các ngành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Chủ động nắm chắc, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình thế giới, khu vực, trong nước để tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước các chủ trương, giải pháp bảo vệ lợi ích, an ninh quốc gia và nâng cao vị thế, uy tín của đất nước; hoàn thiện quan điểm, đường lối, chính sách bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đặc biệt, trong 10 năm gần đây đã xây dựng và triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác. Tổ chức tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị; an ninh kinh tế được bảo đảm; an ninh văn hóa, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng được tăng cường.

Trong quá trình đổi mới, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang đã được quán triệt, thực hiện nghiêm túc, bảo đảm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang. Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an Trung ương đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng lên. Các tổ chức cơ sở đảng được xây dựng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy được xây dựng, kiện toàn, có năng lực lãnh đạo toàn diện, có số lượng hợp lý và chất lượng, cơ cấu ngày càng hoàn chỉnh.

(2) Thành tựu trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy

Chủ động nắm chắc, kiểm soát được tình hình, đặc biệt trên các địa bàn xung yếu, các tuyến biên giới, vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền; bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách, đặc biệt là sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động, nhưng chúng ta đã chủ động nắm chắc, kiểm soát được tình hình, đặc biệt trên các địa bàn xung yếu, các tuyến biên giới và Biển Đông; bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Chủ động phát hiện, có các phương án, đối sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa và kiểm soát tốt các nhân tố có thể gây bất lợi đột biến: Chủ động nắm tình hình về sự điều chỉnh chiến lược của các nước, nhất là các nước lớn, các sự kiện quốc tế liên quan đến Việt Nam, về âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động để tổ chức đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả. Đã chủ động xây dựng, diễn tập các phương án bảo đảm an ninh, trật tự ở các địa bàn, nhất là các địa bàn chiến lược, mục tiêu trọng điểm; ngăn chặn, vô hiệu hóa kịp thời nhiều âm mưu, hoạt động gây rối, phá hoại, khủng bố, bạo loạn, lật đổ. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, không để xảy ra biến động chính trị, giải quyết kịp thời, hiệu quả các hoạt động gây rối, bạo loạn ở một số địa bàn trọng điểm; phát hiện, đấu tranh ngăn chặn vô hiệu hóa hoạt động của các phần tử chống đối lợi dụng danh nghĩa dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc; không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các sự kiện chính trị, văn hóa của đất nước, các hoạt động quốc tế tổ chức tại Việt Nam; góp phần kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Chủ động đấu tranh kịp thời, hiệu quả, từng bước đẩy lùi các loại tội phạm: Triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp kéo giảm tội phạm; xử lý kịp thời, gốc rễ các vấn đề phức tạp về tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là với các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ, đạt hiệu quả cao, thu hồi nhiều tài sản của Nhà nước bị chiếm đoạt. Chủ động nhận diện, phát hiện những thủ đoạn phạm tội mới trong lĩnh vực chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp... Xung kích đi đầu trong việc phòng ngừa, ứng phó, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

(3) Thành tựu trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân

Nhận thức của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương và nhân dân về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng đúng đắn, đầy đủ.

Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc; kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân được triển khai một cách đồng bộ và có bước phát triển mới. Xây dựng thế trận lòng dân trong nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân ngày càng được chú trọng và đạt nhiều kết quả.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, trong đó tập trung xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tổ chức bộ máy được điều chỉnh theo hướng "tinh, gọn, mạnh, hoạt động linh hoạt, hiệu lực, hiệu quả", đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, thực sự là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, có tổ chức hợp lý, chất lượng tổng hợp ngày càng cao; sắp xếp theo hướng tinh gọn đầu mối, địa bàn, cân đối giữa các vùng, miền. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng vững mạnh, rộng khắp ở các ngành, địa phương, số lượng, quy mô biên chế cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu nhiệm vụ; coi trọng chất lượng dân quân tự vệ, đặc biệt là chất lượng chính trị, phát huy vai trò hoạt động của chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Tích cực triển khai Đề án "xây dựng hải đội dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới"; Đề án "xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền" trong tình hình mới.

Thực hiện ngày càng tốt hơn việc kết hợp có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Công nghiệp quốc phòng, an ninh đã góp phần quan trọng vào việc tự chủ vũ khí, trang bị của lực lượng vũ trang. Trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện của Nhà nước, đã tạo sự gắn kết chặt chẽ và thống nhất giữa xây dựng thế trận quốc phòng, thế trận an ninh với quy hoạch tổng thể của quốc gia, của các tỉnh, thành phố về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp việc bố trí vùng kinh tế với thế bố trí quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phòng thủ, công trình thích ứng chống chịu được thiên tai, bão lũ, giảm thiệt hại; xây dựng công trình ngầm, thiết bị chiến trường, hậu phương chiến lược để phòng thủ trong tình huống chiến tranh; hình thành các khu vực chiến lược vững mạnh về kinh tế, quốc phòng, an ninh theo yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quốc phòng, an ninh đã điều chỉnh kế hoạch, thế trận, bố trí lực lượng, tạo điều kiện cho hợp tác, phát triển kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đã tăng cường khả năng dự trữ huy động cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Từng bước thực hiện dân sự hóa, hành chính hóa một số đảo và các hoạt động trên biển; vừa xây dựng, vừa phát triển kinh tế biển, vừa tăng cường quốc phòng, an ninh, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

b) Hạn chế

(1) Hạn chế trong bảo vệ Tổ quốc và sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang: Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quốc chưa đầy đủ, sâu sắc. Quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi chưa được tăng cường đúng mức, chưa phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của nhân dân để thực thi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; có những tình huống còn để "bất ngờ, bị động". Có lúc, có nơi còn có biểu hiện tách rời cả về nhận thức và hành động trong quá trình thực hiện các phương thức bảo vệ Tổ quốc. Việc giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn những hạn chế, bất cập trong thực tiễn. Khả năng cụ thể hóa quan điểm của Đảng về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới và năng lực vận dụng linh hoạt, sáng tạo quan điểm đó trong thực tiễn ở một số trường hợp cụ thể còn lúng túng. Công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa sát, chưa chủ động. Nhiều vấn đề gây bức xúc xã hội chậm được giải quyết. Tình hình an ninh, trật tự, tội phạm, tệ nạn xã hội ở một số địa bàn, khu vực có thời điểm còn diễn biến phức tạp, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới, còn xuất hiện những "điểm nóng", những vụ gây mất ổn định chính trị - xã hội. Việc vận hành cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh còn có những bất cập. Sự lãnh đạo của một số cấp ủy đảng chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trước tình hình, nhiệm vụ mới.

(2) Hạn chế trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy: Quan điểm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy chưa được quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược nhằm giữ vững thế chủ động chiến lược; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Công tác quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn có sơ hở, mất cảnh giác. Công tác nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược, chủ động ngăn chặn từ xa và kịp thời hóa giải những nguy cơ có lúc, có mặt, có thời điểm còn hạn chế.

Nắm, đánh giá, dự báo tình hình có mặt chưa cụ thể, kịp thời. Chỉ đạo điều hành có lúc, có nơi chưa thật tập trung, kiên quyết, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh tư tưởng chưa chặt chẽ. Vận dụng phương châm chỉ đạo, thực hiện phương thức bảo vệ Tổ quốc chưa thật linh hoạt, sáng tạo, nhất là phương thức đấu tranh phi vũ trang hiệu quả có mặt còn còn hạn chế.

(3) Hạn chế trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân ở

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

một số cấp ủy địa phương có mặt hạn chế. Công tác quản lý, điều hành của Nhà nước về phát huy, huy động xây dựng các tiềm lực, lực lượng, thế trận còn những hạn chế, bất cập; việc phối hợp giữa các lực lượng trong củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh chưa thật tốt, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Vận hành cơ chế lãnh đạo, quản lý quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân còn gặp khó khăn và có những bất cập. Xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân còn có mặt hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho quốc phòng, an ninh còn hạn chế, chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế - xã hội. Công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng yêu cầu trang bị hiện đại cho lực lượng vũ trang. Công tác xây dựng thế trận lòng dân, nhất là xây dựng thế trận lòng dân trên các vùng biển, đảo còn hạn chế.

Tại một số địa bàn, lĩnh vực, trong một số tình huống, nền an ninh nhân, thế trận an ninh nhân dân chưa được xây dựng thực sự vững chắc, toàn diện, phát huy hiệu quả, đồng bộ, bền vững, thường xuyên, liên tục. Thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Tội phạm, tệ nạn xã hội, an ninh trật tự ở một số địa bàn có thời điểm chưa được kiểm soát, quản lý chặt chẽ, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới. Xây dựng, quản lý, huấn luyện lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ ở một số cơ quan, địa phương còn nhiều vấn đề bất cập. Chất lượng tổng hợp của lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ còn có mặt hạn chế.

Nhận thức kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở một số cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa đầy đủ, sâu sắc; còn có hiện tượng coi nặng kinh tế, xem nhẹ quốc phòng, an ninh. Cơ chế hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành giải quyết các mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại thiếu chặt chẽ, vận hành còn lúng túng. Tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở một số ngành, lĩnh vực và địa phương còn chưa chủ động, thiếu tích cực và đồng bộ. Việc kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả.

3.3.2. Về đối ngoại

a) Thành tựu

Đối ngoại đã góp phần duy trì, củng cố môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ chế độ XHCN; phá vỡ thế bị cô lập, bao vây, cấm vận; đưa quan hệ với các nước và đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, nhất là tiếp tục thiết lập, mở rộng và củng cố mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

các đối tác có tầm quan trọng chiến lược với sự phát triển bền vững của đất nước. Đối ngoại cùng với quốc phòng, an ninh tăng cường bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy; đóng góp tích cực, đầy trách nhiệm và mang tính xây dựng vào hòa bình, hợp tác, qua đó không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Công tác đối ngoại được nâng tầm, đạt kết nổi bật, từ một nước bị bao vây, cấm vận, đến nay, Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia và vùng lãnh thổ, có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 38 quốc gia, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) và 17/20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20). Đảng ta có quan hệ với 253 chính đảng ở 115 quốc gia trên thế giới, trong đó bao gồm 92 đảng cộng sản, 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính. Quốc hội có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 quốc gia. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức nhân dân cũng đã triển khai đối ngoại thiết thực với 1.200 tổ chức nhân dân và đối tác nước ngoài. Đối ngoại quốc phòng, an ninh và đối ngoại chuyên ngành ngày càng mở rộng, đóng góp quan trọng vào kết quả đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam đã và đang đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan trọng như ASEAN, Liên hợp quốc, tiểu vùng Mekong, APEC, AIPA, IPU, UNESCO, các Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP), Diễn đàn cấp cao Vành đai và con đường…; Việt Nam được bạn bè quốc tế tín nhiệm đề cử gánh vác nhiều trọng trách quốc tế quan trọng trong các cơ chế, diễn đàn đa phương, nhất là trong ASEAN và Liên hợp quốc như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 02 nhiệm kỳ (nhiệm kỳ 2008-2009, nhiệm kỳ 2020-2021), Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 77, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc 2023-2025, Ủy ban liên chính phủ bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, Uỷ ban Luật pháp quốc tế nhiệm kỳ 2023-2027… Về tham gia các lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, đến giữa năm 2025, Việt Nam đã cử hơn 1000 lượt sĩ quan quân đội, công an triển khai theo hình thức cá nhân và đơn vị đi làm nhiệm vụ tại châu Phi và Trụ sở Liên hợp quốc ở New York; cử lực lượng thực hiện nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn quốc tế tại Thổ Nhĩ Kỳ, Myanmar.

Đối ngoại đã đóng góp tích cực trong triển khai nhiệm vụ giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời từng bước giải quyết được nhiều vấn đề về biên giới trên bộ và trên biển với các nước có liên quan, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để quản lý biên giới, bảo vệ chủ quyền, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực. Với Trung Quốc, Việt Nam đã ký Hiệp định biên giới trên bộ và hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên bộ; ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá Vịnh Bắc Bộ;

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ký Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển. Cùng với phân giới, cắm mốc, các Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ và phát triển đường biên giới hoà bình, hữu nghị giữa hai nước. Với Lào, hai bên đã hoàn thành dự án tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào trên thực địa. Với Campuchia, hai bên đã hoàn thành phân giới và cắm mốc trên thực địa 84% biên giới trên đất liền[1]. Trên biển, Việt Nam đã ký các thỏa thuận song phương về hợp tác giải quyết vùng chồng lấn với Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi việc mở rộng và tăng cường hợp tác.

Sau 40 năm đổi mới, Việt Nam có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại tất cả châu lục; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực, thu hút một lượng lớn vốn FDI. Đối ngoại đã góp phần mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế với nhiều đối tác, góp phần bảo đảm kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, thu hút nhiều nguồn lực mới, bao gồm cả FDI, ODA, khoa học công nghệ... đưa Việt Nam vào nhóm 32 nền kinh tế lớn nhất thế giới và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Trong đại dịch COVID-19, nỗ lực chủ động, tích cực triển khai đường lối, chính sách đối ngoại, đặc biệt là ngoại giao vắc-xin đã giúp Việt Nam tranh thủ được sự hỗ trợ quý báu và kịp thời của các đối tác quốc tế ứng phó, kiểm soát hiệu quả đại dịch COVID-19, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Triển khai toàn diện và mạnh mẽ công tác người Việt Nam ở nước ngoài, 40 năm qua, đặc biệt là từ khi Bộ Chính trị (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết 36, Chỉ thị số 45 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36, với quan điểm: Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tựu. Theo thống kê đến cuối năm 2024, số lượng dự án đầu tư của kiều bào về Việt Nam là 422 dự án, với tổng số vốn 1,725 tỉ USD; lượng kiều hối qua ngân hàng do kiều bào gửi về đạt gần 250 tỉ USD góp phần hỗ trợ gia đình, người thân, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước. Người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, gắn bó với quê hương đất nước, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, vươn lên trong cuộc sống, hội nhập vào nước sở tại.

[1] Đường biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào dài 2.340 km đã được bổ sung và cắm mới 1.002 cột mốc và cọc dấu, tăng gấp 4,5 lần so với trước đây. Đối với Campuchia, chúng ta đã hoàn thành phân giới cắm mốc đối với khoảng 1.045 km đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, xây dựng được 315 cột mốc chính, 1.511 cột mốc phụ và 221 cọc dấu (khoảng 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến (1.245 km)).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa đã đổi mới và triển khai hiệu quả, góp phần quảng bá về đất nước, con người Việt Nam, nhất là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đã đạt được; về tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, nền văn hóa phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc; về con người Việt Nam anh hùng, thủy chung, thân thiện, nghĩa tình và yêu chuộng hòa bình; về Việt Nam an toàn, thân thiện, ổn định, hội nhập và phát triển. Công tác thông tin đối ngoại cũng đấu tranh, phản bác kịp thời, hiệu quả các thông tin xấu, độc, phản cảm, chống phá Đảng và Nhà nước, chống phá Nhân dân, quảng bá hình ảnh, giá trị tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các danh nhân Việt Nam được UNESCO vinh danh; nỗ lực vận động UNESCO công nhận di sản[1].

Trong quá trình xây dựng và triển khai đường lối chính sách đối ngoại, 40 năm đổi mới, nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân ngày càng được củng cố và phát triển. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, toàn cầu hóa, các phương tiện, công cụ có thể sử dụng cho công tác đối ngoại và ngoại giao cũng ngày càng phát triển. Công tác đối ngoại đã theo kịp được sự phát triển của tình hình, ngày càng trở nên đa dạng, từ chủ thể tham gia, đối tác quan hệ đến phương cách và công cụ.

b) Hạn chế

Thế và lực mới của đất nước chưa được phát huy tối ưu. Quan hệ với một số đối tác chưa tương xứng với tiềm năng và khuôn khổ quan hệ; mức độ đan xen lợi ích và tính hiệu quả trên một số mặt, lĩnh vực chưa cao. Với một số đối tác quan trọng, mức độ tin cậy vẫn còn thấp, chưa đồng đều và chưa thật sự bền vững, khiến quan hệ tuy có phát triển nhưng chưa thật sự ổn định, lành mạnh, trong đó có một số trở ngại chưa thể hóa giải trong ngắn hạn; nội dung quan hệ còn có mặt chưa tương xứng với khuôn khổ và tầm mức của quan hệ như hợp tác về kinh tế còn hạn chế, thiếu vắng các dự án "chiến lược"[2].

Việc theo dõi, triển khai, đôn đốc thực hiện các thỏa thuận, cam kết, hợp tác quốc tế vẫn còn hạn chế, còn các "điểm nghẽn" trong quan hệ với một số đối tác quan trọng…

Cải cách thể chế trong một số lĩnh vực chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Hội nhập kinh tế quốc tế chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Hội nhập quốc tế về quốc

[1] Hiện Việt Nam đã có 8 di sản thế giới, 15 di sản văn hóa phi vật thể, 9 di sản văn hóa tư liệu, 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới, 3 công viên địa chất toàn cầu UNESCO và các danh hiệu khác như thành phố sáng tạo, thành phố học tập toàn cầu, Nghị quyết liên quan đến việc vinh danh các danh nhân.

[2] Với nhiều đối tác, kể cả với một số nước lớn như Nga, Ấn Độ, hợp tác kinh tế còn khá hạn chế, không toàn diện. Kim ngạch thương mại Việt - Nga chiếm chưa đến 1% tổng kim ngạch thương mại mỗi nước; thương mại Việt - Ấn chỉ chiếm 1,9% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

phòng, an ninh, văn hóa, xã hội và một số lĩnh vực khác chưa đi vào chiều sâu, chưa gắn kết chặt chẽ và tạo được động lực tích cực như mong muốn cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiệu quả cơ chế và phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương vẫn chưa thực sự gắn kết khăng khít, sâu sắc. Công tác nghiên cứu chiến lược và dự báo tình hình còn hạn chế, chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình hình quốc tế, về những thách thức cấp bách cũng như những cơ hội của đất nước.

3.4. THỰC TIỄN XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

3.4.1. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

a) Thành tựu

(1) Thành tựu trong giữ vững bản chất, mục đích, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng

Trước những khó khăn, thử thách lớn ở trong nước, những biến động bất lợi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng ta đã giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định và vận dụng, phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

(2) Thành tựu trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Thứ nhất, thành tựu xây dựng Đảng về chính trị: Đường lối đổi mới, con đường đi lên CNXH của Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Mục tiêu, đặc trưng, phương hướng cơ bản và những quan hệ lớn mang tính quy luật được cụ thể hóa, xác định rõ hơn những đặc trưng của CNXH, tạo ra động lực của đổi mới và phát triển toàn diện đất nước trong thời kỳ mới. Phát triển đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN; đường lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng từng bước đổi mới, bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở. Sau 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã đem lại được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho đất nước phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Thứ hai, thành tựu xây dựng Đảng về tư tưởng: Xây dựng Đảng về tư tưởng được coi trọng và đẩy mạnh. Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận có bước được nâng lên. Tư duy lý luận của Đảng có bước phát triển. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam được bổ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

sung, phát triển. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp. Công tác quán triệt nghị quyết, công tác tuyên truyền được chú trọng, đổi mới, chất lượng ngày càng được nâng lên. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản và công tác văn hóa, văn nghệ có chuyển biến tích cực. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có bước chuyển biến rõ rệt, nhất là việc triển khai đấu tranh trên không gian mạng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả rõ rệt. Công tác dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội được thực hiện kịp thời, kiên trì, bền bỉ.

Thứ ba, thành tựu xây dựng Đảng về đạo đức: Công tác giáo dục lý luận, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, truyền thống cách mạng đối với đảng viên, cán bộ có những chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp. Cấp ủy các cấp quan tâm, coi trọng việc xây dựng và phát huy tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và rèn luyện cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ trong công tác hằng ngày, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hoạt động giám sát thực hiện tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên có đổi mới, nhất là phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát.

(3) Thành tựu trong xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị

Trong 40 năm qua, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng đã qua nhiều lần kiện toàn và đang tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại theo nguyên tắc hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước và bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng không trùng với nhiệm vụ quản lý. Tổ chức bộ máy của Đảng ở Trung ương đã có những thay đổi mạnh mẽ: Cơ quan tham mưu giúp việc cho Trung ương Đảng chỉ còn 6 ban và 4 đơn vị sự nghiệp[1], giảm 2 ban. Hai đảng bộ khối và các đảng đoàn, ban cán sự Đảng ở các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chấm dứt hoạt động, thay bằng thành lập 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương là Đảng bộ các cơ quan Đảng ở Trung ương, Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. Tổ chức bộ máy của Đảng ở cấp tỉnh cũng được sắp xếp, tinh gọn tương tự như Trung ương.

Tổ chức bộ máy của Quốc hội được đổi mới mạnh mẽ để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội và đã đem lại nhiều kết quả tích cực. Tính chuyên trách, chuyên nghiệp của Quốc hội có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ theo

[1] *6 ban đảng Trung ương:* Văn phòng Trung ương Đảng; Ban tổ chức Trung ương; Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Ban Nội chính trung ương; Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương. *4 đơn vị sự nghiệp của Đảng:* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hướng tăng số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Định chế Chủ tịch nước đã có những thay đổi lớn cả về tên gọi, vị trí, vai trò, chức năng, thẩm quyền. Bộ máy Chính phủ từ Đại hội IX đến nay đã có sự điều chỉnh theo hướng tinh gọn, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, từng bước khắc phục sự cồng kềnh, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 18 (2017), Chính phủ khóa XV được tinh gọn gồm 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ và 5 cơ quan thuộc Chính phủ, giảm 5 bộ, 4 cơ quan thuộc Chính phủ[1]. Về chính quyền địa phương, đã thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp với 34 tỉnh, thành phố và 3.321 xã, phường, đặc khu.

Từ năm 1986 đến nay, hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã có những điều chỉnh phù hợp hơn với thực tiễn phát triển đất nước, ngày càng phát huy vai trò tập hợp lực lượng giám sát và phản biện xã hội. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (2017), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01/7/2025 với việc sắp xếp 5 tổ chức chính trị - xã hội, 30 tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các hội quần chúng khác về trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời kết thúc hoạt động của công đoàn viên chức, công đoàn lực lượng vũ trang. Cơ cấu tổ chức bộ máy trong các tổ chức chính trị-xã hội cũng được tinh gọn.

(4) Thành tựu trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên: Qua gần 40 năm đổi mới, tổ chức cơ sở đảng đã được thiết lập hệ thống, sâu, rộng trên tất cả các đơn vị cơ sở[2], nhất là trong 10 năm gần đây tổ chức cơ sở đảng được rà soát, kiện toàn đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập. Đã xây dựng, củng cố, kiện toàn, sắp xếp mô hình tổ chức của các loại hình cơ sở đảng; xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố tổ chức đảng yếu kém được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, đảng bộ cơ sở được đổi mới, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ định kỳ, sinh hoạt chuyên đề có chuyển biến tích cực. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng được đổi mới, kết quả kiểm điểm ngày càng thực chất hơn.

---

[1] *Có 14 bộ*: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Ngoại giao; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo. *03 cơ quan ngang bộ:* Văn phòng Chính phủ; Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *05 cơ quan thuộc Chính phủ:* Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.

[2] Đến 31/5/2025, toàn Đảng có 49.733 tổ chức cơ sở đảng (gồm 22.654 đảng bộ cơ sở, 27.079 chi bộ cơ sở).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đội ngũ đảng viên có sự phát triển mạnh về số lượng, cơ cấu được cải thiện, chất lượng được nâng cao[1]. Tỉ lệ đảng viên trên dân số cả nước là 5,4%. Hầu hết đảng viên có bản lĩnh chính trị, kiên định, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phẩm chất đạo đức tốt; nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, gương mẫu, hoàn thành nhiệm vụ được giao, giữ gìn đoàn kết nội bộ, tích cực tham gia các hoạt động giữ mối quan hệ mật thiết với nhân dân, nơi cư trú. Công tác phát triển đảng viên đã được quan tâm và có chuyển biến mới. Đã tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng viên được coi trọng và đổi mới, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của đảng viên.

(5) Thành tựu trong công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ. Đội ngũ cán bộ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng đội ngũ ngày được nâng lên sau 40 năm đổi mới. Số lượng tăng, trình độ các mặt có nhiều tiến bộ; về tổng thể, cơ cấu đội ngũ cán bộ đã ngày một hợp lý hơn; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác đã bảo đảm sự hài hòa, cân đối hơn; số lượng cán bộ được quy hoạch khá dồi dào, cơ bản bảo đảm sự chuyển tiếp giữa các thế hệ. Công tác cán bộ đã có nhiều đổi mới, có chuyển biến tích cực, hiệu quả. Lần đầu tiên hoàn thành 100% việc bố trí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp xã không phải là người địa phương; 50% chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp tỉnh không phải là người địa phương. Kiên quyết xử lý trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời khuyến khích từ chức, miễn nhiệm, thay thế những cán bộ bị kỷ luật, uy tín giảm sút theo phương châm "có vào, có ra", "có lên, có xuống". Công tác xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ cấp cao, kể cả lãnh đạo chủ chốt đã được Trung ương chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm minh, kịp thời, đồng thời nhanh chóng kiện toàn nhân sự thay thế đã khẳng định bản lĩnh chính trị, sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, cùng ý chí quyết tâm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh. Đánh giá cán bộ ngày càng dân chủ, khách quan và thực chất hơn. Đã xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các quy định, quy chế về công tác cán bộ. Nội dung, quy trình, phương pháp, cách làm trong công tác cán bộ ngày một hoàn thiện và có nhiều đổi mới, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, bảo đảm theo đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bố trí cán bộ có những chuyển biến tích cực, ngày càng nền nếp. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo đảm an ninh chính trị.

[1] Đến 31/5/2025, tổng số đảng viên toàn Đảng là 5.558.731 đảng viên.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

(6) Thành tựu trong công tác dân vận, xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân: Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Áp dụng nhiều hình thức vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

(7) Thành tựu trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng: Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới, đạt kết quả quan trọng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Hệ thống văn bản về công tác kiểm tra, giám sát được xây dựng đồng bộ, chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn. Hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp được đẩy mạnh, đạt kết quả khá toàn diện, nhất là ở cấp Trung ương. Ủy ban kiểm tra các cấp đã được giao thêm nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập; tăng thêm thẩm quyền kỷ luật các cấp đối với tổ chức đảng và đã thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng với chất lượng và hiệu quả ngày càng được nâng cao. Công tác kiểm tra được đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, tạo bước đột phá mới trong công tác phát hiện, xử lý tham nhũng. Đẩy mạnh xử lý nghiêm tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương, kỷ luật trong Đảng được siết chặt hơn, có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

(8) Thành tựu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có bước tiến mạnh mẽ, ngày càng hoàn thiện, đồng bộ. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện bài bản, quyết liệt, hiệu quả, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng được tăng cường, nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ra khu vực ngoài nhà nước. Đã hình thành hệ thống các cơ quan, đơn vị phòng, chống tham nhũng. Việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (nay là Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực) trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban và lập lại Ban Nội chính Trung ương vừa là một ban tham mưu của Đảng, vừa là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; ở địa phương, thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh ủy, thành ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; lập ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy để tham mưu cho cấp ủy về công tác nội chính và công tác phòng, chống tham nhũng,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đã kiến tạo thiết chế đặc biệt trong hệ thống chính trị, có đủ sức mạnh, thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo mạnh mẽ, toàn diện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi cả nước. Công tác tuyên truyền giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực được quan tâm.

(9) Thành tựu trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng: Qua quá trình đổi mới, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đã có nhiều đổi mới, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng tiếp tục được giữ vững và nâng cao, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn, ứng phó nhanh, rất kịp thời, hiệu quả với các tình huống khó khăn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình, đánh giá cao. Nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu trong tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng được nâng cao. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng được tăng cường, từng bước khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, việc phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ của Đảng vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị ngày càng chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Công tác cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của Đảng được chú trọng.

b) Hạn chế

(1) Trong giữ vững bản chất, mục đích, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Một bộ phận tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên suy thoái, thiếu tiên phong, gương mẫu, mất tính đảng, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", xa rời mục đích, lý tưởng, bản chất của Đảng. Công tác lý luận chưa đáp ứng được yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chậm được làm sáng tỏ. Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm, thậm chí vi phạm, mất đoàn kết nội bộ, biểu hiện cục bộ, lợi ích nhóm. Tự phê bình và phê bình ở không ít tổ chức đảng chưa khắc phục được tình trạng hình thức, nể nang, né tránh, ngại va chạm.

(2) Trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức. Việc thể chế hóa một số nghị quyết, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời. Việc tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục. Việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

có lúc, có nơi còn xơ cứng, giáo điều, thậm chí có nơi chưa thực sự coi trọng, làm cho hiệu quả chưa đạt như mong muốn. Việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng vẫn có biểu hiện hình thức. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tâm tư nguyện vọng của nhân dân và định hướng dư luận xã hội có lúc, có nơi thiếu chủ động, kịp thời. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn hạn chế; việc kiểm soát, ngăn chặn các thông tin xấu độc có lúc bị động, lúng túng, thiếu sắc bén, thiếu tính thuyết phục. Công tác quản lý báo chí, truyền thông, xuất bản, nhất là quản lý mạng xã hội chưa đáp ứng yêu cầu Công tác giáo dục lý tưởng, truyền thống cách mạng, đạo đức hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở một số nơi thiếu chặt chẽ. Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nói không đi đôi với làm, nói một đằng, làm một nẻo còn diễn biến phức tạp. Một số cán bộ vi phạm đến mức phải kỷ luật, xử lý hình sự, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với cán bộ.

(3) Trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Hiện nay các thôn, tổ dân phố có đông đảng viên, chưa có sự thống nhất trong việc thành lập tổ chức đảng. Công tác xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước còn nhiều khó khăn, số lượng tổ chức cơ sở đảng rất thấp, số đảng viên trong từng chi bộ ít. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số ít tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; cá biệt có nơi mất sức chiến đấu, làm giảm niềm tin của Nhân dân với Đảng. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước vẫn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng sinh hoạt Đảng ở một số nơi còn hình thức, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn thấp. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên vẫn chưa thực chất. Chất lượng một bộ phận đảng viên hạn chế, năng lực, trình độ chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa được thực hiện thường xuyên, trở thành nếp sống của mỗi đảng viên. Tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút; số đảng viên bỏ sinh hoạt đảng phải xoá tên có xu hướng tăng. Công tác quản lý đảng viên chưa được quan tâm đúng mức, nhất là việc nắm bắt tình hình tư tưởng chính trị của đảng viên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đảng viên còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn. Công tác phát triển đảng viên ở một số nơi còn chạy theo số lượng.

(4) Trong xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị. Quá trình đổi mới đến trước khi triển khai những giải pháp đột phá thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" (tháng 8/2025), việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thiếu nhất quán, đồng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bộ, hiệu quả không cao, chưa tạo chuyển biến về chất lượng. Việc thực hiện một số mô hình tổ chức thí điểm chưa được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng, chỉ đạo chặt chẽ. Việc sắp xếp, đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập chậm, hiệu quả chưa cao. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa thực sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của một số loại hình cấp ủy, tổ chức đảng chưa được xác định rõ. Còn có sự trùng lặp trong việc quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội đa số hoạt động kiêm nhiệm. Chưa có quy định chính thức, đầy đủ, cụ thể về tổ chức thiết chế Chủ tịch nước. Việc sắp xếp, thu gọn đầu mối trực thuộc Chính phủ theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực còn chậm; việc tổ chức quản lý của một số bộ chưa phù hợp với phạm vi quản lý; chất lượng, hiệu quả quản lý một số lĩnh vực còn hạn chế. Tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ còn nhiều tầng nấc trung gian. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nơi chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị ở một số địa phương còn lúng túng, vướng mắc. Tổ chức tòa án còn bất cập. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới còn chậm; còn biểu hiện hành chính hóa về hoạt động, công chức hóa cán bộ chuyên trách.

Sau khi triển khai thực hiện cuộc cách mạng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả (tháng 8/2025), đã hình thành mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị với những đổi mới mạnh mẽ như: Xây dựng hệ thống tổ chức đảng phù hợp với hệ thống tổ chức hành chính; sắp xếp thu gọn các cơ quan trung ương đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc. Hệ thống pháp luật được rà soát, sửa đổi nhằm bảo đảm đồng bộ, tháo gỡ những rào cản đối với phát triển. Kết thúc cấp huyện, thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, phường, đặc khu.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị mới chỉ là bước đầu. Để thực sự đạt được yêu cầu tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, còn rất nhiều việc cần tiếp tục thực hiện để mở ra điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước như: Hoàn thiện cơ chế vận hành trong từng cơ quan, tổ chức; đổi mới công tác đánh giá, sử dụng cán bộ; chuyển đổi số quốc gia; nâng cao đời sống toàn diện của người dân.

(5) Trong công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ. Đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa mạnh; thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực. Không ít cán bộ, trong đó có cả cán bộ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế. Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận cán bộ quản lý doanh nghiệp thiếu tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức cách mạng, lợi dụng kẽ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng. Một bộ phận cán bộ sa sút bản lĩnh chính trị, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp cao, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Số cán bộ bị xử lý kỷ luật, xử lý bằng pháp luật có chiều hướng tăng.

Một số khâu công tác cán bộ còn những hạn chế, bất cập chậm khắc phục. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, còn hình thức, chưa thực chất, nể nang, xuôi chiều, ngại va chạm; công tác quy hoạch cán bộ còn dàn trải; công tác bổ nhiệm cán bộ ở không ít nơi chưa thực sự xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ; chưa làm tốt công tác bổ nhiệm, dẫn đến tình trạng sau khi bổ nhiệm mới phát hiện có sai phạm. Công tác tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ ở một số nơi chưa được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến tình trạng đúng quy trình nhưng không đúng người, tình trạng bổ nhiệm, bố trí người nhà, người thân, bổ nhiệm "thần tốc"... Chậm có cơ chế, chính sách trọng dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ hiệu quả chưa cao, tình trạng lạm quyền, lộng quyền, lợi dụng quyền lực, thao túng, vụ lợi trong công tác cán bộ chậm được ngăn chặn, đẩy lùi, thậm chí có mặt còn tinh vi hơn trước.

Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ chưa thật sự sâu sắc. Còn để lọt một số trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, suy thoái vào cơ quan lãnh đạo các cấp. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên liên quan đến yếu tố nước ngoài trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng còn nhiều bất cập. Việc thực hiện quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước của một số cơ quan, tổ chức còn sơ hở, mất cảnh giác.

(6) Trong công tác dân vận, xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận ở một số cấp ủy còn kém hiệu quả. Công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục Nhân dân có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao, xa rời thực tế, chưa sát với trình độ, phong tục, tập quán của người dân. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; công tác tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên; việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Một số chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ban hành nhưng chưa cân đối nguồn lực để thực hiện và chưa thực sự gắn với thực tế đời sống của

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

người dân nên bộc lộ nhiều bất cập. Vai trò cầu nối của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước ở một số địa phương, cơ sở chưa rõ nét. Chưa phát huy tối đa vai trò của Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội.

(7) Trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới, chất lượng, hiệu quả chưa đồng đều ở các cấp. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện một số nghị quyết của Đảng chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra ở một số nơi thiếu quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy trình, quy định về công tác kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy, tổ chức đảng có lúc chưa kịp thời; có nội dung chưa phù hợp với quy định, hướng dẫn của cấp trên hoặc tình hình thực tiễn. Công tác giám sát, nhất là giám sát thường xuyên còn hạn chế, chưa kịp thời phát hiện, xác định được dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, nên việc ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa hiệu quả chưa cao, dẫn đến khi tiến hành kiểm tra, xử lý thì hậu quả để lại rất lớn. Việc thi hành kỷ luật đảng ở một số nơi chưa nghiêm, còn hiện tượng nể nang, ngại va chạm. Có cán bộ kiểm tra chưa thật sự gương mẫu, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước.

(8) Trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm có mặt còn hạn chế. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế có nơi, có lúc còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác tổ chức cán bộ có mặt chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Việc thực hiện một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn hình thức; kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên nên tác dụng phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa cao. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có sự chuyển biến rõ nét. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa cao. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn biến phức tạp, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; có sự câu kết, móc nối giữa cán bộ thoái hóa, biến chất với doanh nghiệp.

(9) Trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Vẫn còn tình trạng ban hành nhiều văn bản, một số văn bản còn chung chung, dàn trải, trùng lắp, chậm bổ sung, sửa đổi, thay thế nên hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên một số lĩnh vực chưa cao. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế hóa nhưng không khả thi.. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ, ranh giới giữa lãnh đạo và quản lý

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chưa được phân định cụ thể; phân cấp, phân quyền chưa mạnh. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

3.4.2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Thành tựu

Mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, vận hành theo cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ", góp phần quan trọng vào thành tựu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cơ chế pháp lý bảo đảm thực thi nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đã được tạo dựng về cơ bản. Quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công hợp lý, được giới hạn chặt chẽ hơn bằng Hiến pháp và luật.

Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ, gắn liền với quá trình đổi mới về cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Công tác lập pháp có sự cải tiến, hoàn thiện qua các nhiệm kỳ Quốc hội. Việc quyết định vấn đề quan trọng của đất nước đã được Quốc hội thực hiện ngày càng có kết quả tốt hơn. Hoạt động giám sát của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng và hiệu quả được nâng cao.

Sau khi thiết chế Chủ tịch nước được quy định trở lại từ Hiến pháp năm 1992, vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước đã được quy định khá đầy đủ trong Hiến pháp và một số đạo luật có liên quan. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và luật, Chủ tịch nước đã thực hiện đầy đủ và có hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn của mình, khẳng định vị trí, vai trò là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Tổ chức bộ máy Chính phủ được sắp xếp, kiện toàn ngày càng tinh gọn, ít đầu mối hơn theo mô hình bộ quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc; chất lượng được nâng lên; hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Việc phân định thẩm quyền Trung ương và địa phương được quan tâm xử lý. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương có những đổi mới bước đầu theo chiều hướng tích cực, vai trò của Hội đồng nhân dân từng bước được đề cao. Cải cách hành chính, tập trung vào cải cách thủ tục hành chính được quan tâm đẩy mạnh, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân có nhiều đổi mới quan trọng, phù hợp hơn với vị trí hiến định là "cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp". Tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân tiếp tục được kiện toàn phù hợp hơn, thực hiện có hiệu quả chủ trương "tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra" và "nâng cao

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chất lượng tranh tụng tại phiên tòa", chống oan sai, chống bỏ lọt tội phạm. Tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra được kiện toàn theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên sâu, chuyên trách. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan thi hành án được kiện toàn và nâng cao hiệu quả. Lĩnh vực bổ trợ tư pháp và trợ giúp pháp lý được quan tâm phát triển cả về mặt thể chế và thực tiễn tổ chức và hoạt động.

Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật ngày càng được thực hiện đầy đủ và hiệu quả hơn. Các lĩnh vực của hệ thống pháp luật Việt Nam được quan tâm xây dựng, rà soát và hoàn thiện. Quy trình, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được hoàn thiện với nhiều đổi mới. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật bảo đảm gắn kết chặt chẽ hơn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Việc triển khai thi hành pháp luật đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật được tăng cường.

Hoàn thiện hơn thể chế quản lý cán bộ, công chức. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đã được đổi mới theo hướng phù hợp với các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước được xây dựng theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; chất lượng đội ngũ cán bộ không ngừng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong bộ máy nhà nước được triển khai tích cực bằng nhiều biện pháp, đạt nhiều kết quả, rất quan trọng, đồng bộ cả phòng và chống, cả ở Trung ương và địa phương.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền không ngừng được nâng lên; dân chủ XHCN tiếp tục được coi trọng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã thể hiện được vai trò trung tâm phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, nhất là trong công tác bầu cử, xây dựng pháp luật, giám sát, phản biện xã hội.

b) Hạn chế

Cơ cấu đại biểu Quốc hội nhiều nhiệm kỳ không có thay đổi căn bản. Chất lượng của đại biểu Quốc hội chưa đồng đều, có trường hợp còn nặng về cơ cấu hơn là về chất lượng[1]. Tính chuyên nghiệp và sự gắn kết với cử tri khu vực bầu cử của một số đại biểu còn chưa cao; điều kiện để đảm bảo hoạt động của đại biểu còn hạn chế. Kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng luật có lúc chưa nghiêm[2]. Quy trình, cách thức xây dựng luật, chất lượng một số luật có mặt chưa đáp ứng yêu

[1] Ví dụ như còn có đại biểu trẻ, ít kinh nghiệm công tác nên đóng góp vào hoạt động của Quốc hội còn hạn chế.
[2] Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, sau khi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm đã được Quốc hội thông qua, trong quá trình triển khai thực hiện đã phải bổ sung vào chương trình 30 dự án Luật, 03 dự án pháp lệnh, 15 dự thảo nghị quyết; rút ra khỏi Chương trình 35 dự án luật, 04 dự án pháp lệnh; 19 lần điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cầu[1]. Một số hình thức giám sát chưa có quy trình, thủ tục đầy đủ để thực hiện thống nhất và hiệu quả. Việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chất vấn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội, nhất là trong mối quan hệ với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, tư pháp còn chưa đủ rõ. Phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương vẫn còn chưa khoa học, hiệu quả, còn tình trạng tập trung nhiều ở Trung ương. Hoạt động của hội đồng nhân dân có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước, các thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà, chậm được khắc phục. Tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị vẫn còn một số hạn chế, bất cập.

Cơ chế bảo đảm sự độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật chưa hoàn thiện; đội ngũ cán bộ, công chức tòa án còn thiếu. Nhiều cơ quan, đơn vị điều tra thiếu điều tra viên; chế độ, chính sách đối với lực lượng Điều tra viên chưa thật sự phù hợp. Công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng chưa đạt hiệu quả cao. Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, thiếu tính thực tiễn, còn có kẽ hở, chồng chéo. Tổ chức thực hiện pháp luật vẫn là một khâu yếu; kỷ luật, kỷ cương chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kể cả đội ngũ lãnh đạo, quản lý ở một số ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp. Công tác cán bộ còn nhiều hạn chế. Chính sách tiền lương còn bất cập. Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tuy có giảm, nhưng diễn biến còn phức tạp. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền chưa phát huy đầy đủ; quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi còn bị vi phạm.

3.4.3. Hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc

a) Thành tựu

Pháp luật về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ, phát huy sức mạnh của Nhân dân ngày càng hoàn thiện. Thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân chủ XHCN, phát huy sức mạnh của Nhân dân đạt được nhiều

[1] Trách nhiệm các chủ thể trình dự án luật, thẩm tra còn hạn chế trong một số trường hợp và sự tham gia của nhân dân còn hạn chế; thời gian xây dựng một số luật còn dài, tính chuyên nghiệp trong xây dựng luật chưa cao…

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

kết quả quan trọng. Dân chủ trong Đảng không ngừng được mở rộng và nâng cao. Thực hiện dân chủ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Phát huy dân chủ trong các tổ chức chính trị - xã hội cũng có nhiều tiến bộ. Phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội đã có những bước tiến quan trọng và tích cực.

Đời sống dân chủ trong xã hội đã có nhiều tiến bộ, nhân dân thực hiện quyền làm chủ, phát huy khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận trong xã hội. Sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử, hành chính và tư pháp các cấp có những khởi sắc đáng ghi nhận, được nhân dân đồng tình ủng hộ cao. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữ vững ổn định xã hội, tạo điều kiện củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết quốc tế ngày càng phát triển, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, góp phần tích cực vào tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thể hiện ở những mặt chủ yếu: *Một là,* chuyển từ nội dung, phương thức hoạt động đơn điệu, tuyên truyền, thuyết phục là chủ yếu sang nội dung nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu của hội viên và chăm lo, bảo vệ lợi ích của hội viên. *Hai là,* chuyển dịch mạnh mẽ từ tình trạng hành chính hóa, sang dân chủ hóa các hoạt động, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo. *Ba là,* không ngừng được mở rộng, đa dạng hóa và linh hoạt.

b) Hạn chế

Ở một số nơi, nhận thức và thực hành về dân chủ, phát huy sức mạnh của Nhân dân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Thực hành dân chủ ở cơ sở còn hình thức, quyền làm chủ của Nhân dân chưa hoàn toàn được tôn trọng và phát huy, trong một số lĩnh vực còn bị vi phạm. Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân và chưa đồng bộ. Thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn nhiều hạn chế.

Khuynh hướng đoàn kết hình thức, xuôi chiều chưa được khắc phục triệt để. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn, sự phát triển không đều giữa các vùng, miền, đồng bào các dân tộc, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội… ảnh hưởng tiêu cực tới đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" chưa cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện; quyền

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

làm chủ của Nhân dân, nhất là dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị vi phạm; khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân có lúc, có nơi chưa thực sự gắn bó chặt chẽ.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng ở nhiều nơi còn bất cập. Vai trò đại diện trong việc bảo vệ lợi ích của hội viên còn mờ nhạt, chưa thực sự là chỗ dựa của hội viên. Việc xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

3.5. NGUYÊN NHÂN CỦA THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

a) Nguyên nhân thành tựu

Thành tựu qua 40 năm đổi mới xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Nguyên nhân khách quan:

Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển trên thế giới đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội trong xây dựng, phát triển kinh tế nói chung, cũng như đối với phát triển nền công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng, hiện đại, bảo đảm vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang ngày càng hiện đại. Thành tựu đạt được qua 40 năm đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội chính là cơ sở tạo nền tảng ổn định chính trị và tăng năng lực quốc gia về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Việt Nam có vị trí địa - chính trị ngày càng quan trọng trong khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam được cộng đồng thế giới coi trọng vì lịch sử hào hùng, đổi mới thành công, có thế và lực ngày càng gia tăng. Xu thế toàn cầu hóa và liên kết khu vực tiếp tục tiến triển. Xu thế thay đổi tương quan sức mạnh giữa các nước lớn đã tác động đến cục diện thế giới theo hướng gia tăng tính đa cực, đa trung tâm, gia tăng vai trò của các cơ chế đa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hội nhập quốc tế, là bạn, đối tác tin cậy, thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Nguyên nhân chủ quan:

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 40 năm đổi mới gắn liền với sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, quản lý thống nhất và điều hành có hiệu quả của Nhà nước, sự nỗ lực và tinh thần làm chủ của Nhân dân. Trước những biến chuyển to lớn của thời cuộc, Việt Nam ta đã đánh giá đúng các xu thế

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lớn, những chuyển biến quan trọng của tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới và khu vực, có quyết sách phù hợp và kịp thời. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai, tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực được thực hiện tốt. Chính vì vậy đã huy động được các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đảng ta đã kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức đúng đắn về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc biệt là sáng suốt đưa ra quyết định chiến lược, chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, kiên trì lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quyết sách về kinh tế, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện; phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động, sáng tạo của toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và của cả hệ thống chính trị.

Hệ thống thể chế phát triển không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển nhanh và bền vững đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế trong từng giai đoạn, góp phần tận dụng những lợi thế của các nước đi sau trong việc áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, tạo điều kiện mở đường, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực.

Trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc luôn bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh được chú trọng và có kết quả thiết thực, đã khơi dậy, phát huy được truyền thống yêu nước và niềm tự hào dân tộc trong tình hình mới.

Sự đoàn kết, thống nhất và có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đa số cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu đã nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng và nội dung, nhiệm vụ tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng của địa phương, đơn vị trong tình hình mới và quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Vì vậy đã giải quyết kịp thời, có kết quả nhiều vấn đề mới, khó, phức tạp nảy sinh trong thực tiễn; kiên quyết khắc phục hạn chế, khuyết điểm. Cùng với đó đã phát huy có hiệu quả vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Các cơ quan tham mưu của Đảng đã chủ động, tích cực tham mưu, hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

Đảng ta đã kịp thời đề ra chủ trương, quan điểm nhất quán và ngày càng hoàn thiện về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Các cơ quan nhà

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nước đã có nhiều nỗ lực trong việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển đã đi vào cuộc sống, làm cơ sở hoàn thiện và phát huy nền dân chủ XHCN; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có nhiều cố gắng để phát huy tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Những thành tựu của công cuộc đổi mới tạo điều kiện thuận lợi cho hoàn thiện, phát huy nền dân chủ XHCN; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân.

b) Nguyên nhân hạn chế

Nguyên nhân khách quan:

Điều kiện và xuất phát điểm thấp của nền kinh tế (đặc biệt trong giai đoạn đầu đổi mới); nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi, ngày càng hội nhập quốc tế sâu, rộng với độ mở lớn trong điều kiện kinh tế toàn cầu có nhiều biến động khó lường, khó dự báo. Năng lực cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế chưa cao; việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi thực hiện trong dài hạn. Dịch bệnh, nhất là đại dịch COVID-19, thiên tai, hạn hán, lũ lụt, sạt lở tác động mạnh và thường xuyên hơn.

Sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Xuất hiện các vấn đề toàn cầu cấp bách, tác động ngày càng nghiêm trọng tới mọi quốc gia, đời sống quốc tế và toàn thể loài người. Thế và lực của đất nước còn hạn chế. Nhiều thế mạnh mới chỉ ở dạng tiềm năng, chưa được phát huy và khai thác kịp thời để phục vụ cho việc thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với đối tác. Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng hơn; các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tăng cường chống phá. Sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường và quá trình mở cửa, hợp tác đầu tư với nước ngoài trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trên một số mặt vẫn còn chậm, chưa sâu sắc, thống nhất, như: Quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; sở hữu đất đai; phân bổ nguồn lực; vai trò của doanh nghiệp nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thể chế phát triển kinh tế nhanh và bền vững; các đột phá chiến lược, mô hình, phương thức

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

phát triển kinh tế mới; phương thức phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng,... Nhận thức trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ì còn lớn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái đạo đức, lối sống và vi phạm đạo đức công vụ.

Việc thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm và chưa đồng bộ. Phương thức lãnh đạo của Đảng về kinh tế, nhận thức vị trí, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường chậm được đổi mới, cụ thể hóa. Trên nhiều mặt, còn bị ảnh hưởng bởi cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; phân công, phân quyền, phân cấp quản lý kinh tế chưa hợp lý; chưa chú trọng đúng mức việc tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khi tập trung thực hiện chủ trương ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Quy trình xây dựng pháp luật còn hạn chế, chưa đảm bảo tính chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan hoạch định chính sách còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thể chế hóa, cụ thể hóa phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh mới, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năng lực dự báo hạn chế, dẫn đến một số chủ trương, chính sách, giải pháp đề ra chưa phù hợp, chưa thực sự tạo động lực và nguồn lực cho phát triển. Một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ. Tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa quyết liệt, hiệu lực và hiệu quả chưa cao; kiểm tra, kiểm soát thiếu chặt chẽ. Đây chính là nguyên nhân cơ bản làm cho nhiều chủ trương không được hiện thực hóa đúng, kịp thời.

Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị, về vị trí, vai trò của văn hóa, con người, quản lý xã hội chưa đầy đủ, toàn diện, chưa phù hợp với thực tiễn và chưa theo kịp xu hướng phát triển và hội nhập quốc tế. Phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa chậm được đổi mới, chưa thích ứng kịp thời với sự vận động và phát triển của văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở. Chưa thực sự có sự gắn kết giữa chính sách phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối văn hóa của Đảng còn thiếu đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là các nhân tài, các nghệ nhân trong các lĩnh vực văn hóa truyền thống.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhận thức của một số cấp uỷ đảng, chính quyền còn chưa đầy đủ, rõ ràng về vai trò đột phá chiến lược của khoa học và công nghệ gắn với đổi mới sáng tạo; về sự cần thiết, cấp bách phải đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nhận thức về biến đổi khí hậu chủ yếu tập trung vào việc giảm phát thải, chưa đặt trọng tâm vào việc thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhận thức về giáo dục và đào tạo chưa theo kịp sự phát triển của đất nước trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Mặc dù được coi là quốc sách hàng đầu, nhưng giáo dục và đào tạo vẫn chưa được các ngành, các cấp chú trọng đúng mức. Cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa chú trọng phân bổ nguồn lực cho giáo dục và đào tạo một cách kịp thời và phù hợp; ngân sách chi cho phát triển giáo dục và đào tạo có xu hướng giảm, nguồn đầu tư hạn chế. Thể chế hóa đường lối chủ trương về phát triển giáo dục còn chậm và chưa đồng bộ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo về phát triển con người toàn diện, chấn hưng đạo đức xã hội, xây dựng hệ giá trị con người và văn hóa chưa được chú trọng đúng mức.

Công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa được quan tâm đúng mức, đề ra chủ trương nhưng thiếu biện pháp cụ thể, đồng bộ, hiệu quả. Xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc còn thiếu đồng bộ, chồng chéo giữa các lĩnh vực, nhiều quy định chưa phù hợp với thực tiễn, chậm bổ sung, sửa đổi, chưa có cơ chế đặc thù. Công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, nhịp nhàng, đồng bộ.

Nhận thức về vị trí, vai trò của đối ngoại còn thiếu thống nhất dẫn đến việc triển khai đường lối, chính sách đối ngoại còn có lúc, có nơi thiếu đồng bộ, chưa phối hợp hài hòa dẫn đến hiệu quả của một số hoạt động đối ngoại chưa cao. Hệ thống thể chế chưa được hoàn thiện trong điều kiện mở cửa, hội nhập toàn diện, sâu rộng với thế giới. Việc theo dõi, đôn đốc thực thi nhiều thỏa thuận quốc tế chưa sâu sát, quyết liệt, dẫn đến chậm trễ, lơ là trong thực thi, giảm hiệu quả, lợi ích, đặc biệt là lợi ích cho địa phương, doanh nghiệp và người dân. Chất lượng của đội ngũ cán bộ đối ngoại còn chưa đồng đều, nhiều mặt còn hạn chế. Nguồn lực dành cho công tác đối ngoại chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đối ngoại.

Công tác tổ chức thực hiện một số định hướng, nhiệm vụ có lúc còn thiếu quyết liệt, kiên trì. Đầu tư nguồn lực cho việc triển khai nhiệm vụ còn hạn chế, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

Vấn đề dân chủ ở nước ta còn chưa được giải quyết tốt cả về lý luận và thực tiễn, nhiều vấn đề đặt ra chưa được giải quyết rõ ràng, khó khăn cho việc thực hành dân chủ. Việc thực hành dân chủ trong Đảng và trong Nhà nước của chúng ta còn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nhiều hạn chế. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa kịp thời nắm bắt tình hình nhân dân và giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh tại cơ sở dẫn đến điểm nóng, mất an ninh trật tự ở địa phương. Những hạn chế trong xây dựng Đảng, xây dựng kinh tế, phát triển xã hội và sự chống phá của các thế lực thù địch là những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến hoàn thiện và phát huy nền dân chủ XHCN; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về vai trò, vị trí, yêu cầu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt. Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm, thậm chí còn vi phạm, mất đoàn kết nội bộ, có nơi còn biểu hiện cục bộ, lợi ích nhóm. Sự phối hợp giữa một số cấp ủy với đảng đoàn, ban cán sự đảng có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Công tác nghiên cứu lý luận xây dựng Đảng còn hạn chế; xây dựng thể chế, cơ chế, tổ chức hoạt động của Đảng chậm đổi mới, hoàn thiện, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong điều kiện mới. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam có lúc chưa được quan tâm đúng mức. Việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về thực hiện dân chủ trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và ngoài xã hội chưa được quan tâm đúng mức, chậm được lý giải và thể chế hóa đầy đủ.

IV. KHÁI QUÁT CHUNG, VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.1. NHỮNG THÀNH TỰU TRONG NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

4.1.1. Những bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, phát triển lý luận về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã khẳng định độc lập dân tộc và CNXH là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với CNXH được Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng.

Trong 40 năm đổi mới, Đảng đã luôn luôn vững vàng, kiên định, giữ vững ngọn cờ: "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại VII của Đảng khẳng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

định: "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta". Văn kiện các kỳ đại hội luôn luôn xác định xây dựng CNXH là nhiệm vụ hàng đầu, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó với nhau. Đại hội XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đã khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử".

Đại hội XIII của Đảng đã kế thừa, bổ sung và phát triển, quan điểm tư tưởng nêu trên, tiếp tục khẳng định "kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội", coi đó là "vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động".

Hai là, đổi mới nhận thức lý luận về CNXH và mô hình CNXH Việt Nam

Qua 40 năm, 8 kỳ đại hội đảng, nhận thức lý luận của Đảng về CNXH đã có những bước phát triển rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Nhà nước, xây dựng Đảng, quan hệ quốc tế... CNXH với tính cách là mục tiêu phát triển của đất nước được nêu khái quát là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Mô hình CNXH Việt Nam, gồm mục tiêu, các đặc trưng và trụ cột của chủ nghĩa xã hội đã ngày càng được hoàn thiện, cụ thể hóa.

Về hệ mục tiêu, bắt đầu từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại hội VII, đã xác định "Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh". Trải qua các kỳ đại hội, Đảng luôn khẳng định mục tiêu chung xây dựng CNXH trên đất nước ta. Đến Đại hội XIII, Đảng đã bổ sung mục tiêu: "phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, xây dựng nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"; "đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước xã hội chủ nghĩa, có thu nhập cao".

Về các đặc trưng của CNXH. Đại hội VII thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã xác định 6 đặc trưng của CNXH. Trải qua các kỳ đại hội, đến Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định mô hình

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

CNXH Việt Nam gồm 8 đặc trưng: (1) "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; (2) "Do Nhân dân làm chủ"; (3) "Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp"; (4) "Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; (5) "Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện"; (6) "Các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển"; (7) "Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo"; (8) "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới". Tám đặc trưng nêu trên đã thể hiện rõ bản chất của chế độ XHCN mà Đảng và Nhân dân ta đang xây dựng, mục tiêu chung, bao trùm "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", những giá trị căn cốt, có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo nên nền tảng và sự bảo đảm bền vững, phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của Nhân dân.

Về các trụ cột của mô hình CNXH Việt Nam, qua quá trình đổi mới, trong nhận thức lý luận của Đảng đã dần hình thành các trụ cột chính của mô hình CNXH Việt Nam là: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nền dân chủ XHCN Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong các trụ cột của mô hình CNXH Việt Nam, kinh tế thị trường định hướng XHCN đóng vai trò là cơ sở, nền tảng, Nhà nước pháp quyền XHCN và nền dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, nhân tố bảo đảm và động lực thúc đẩy quá trình đổi mới toàn diện ở Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định.

Ba là, nhận thức lý luận về con đường đi lên CNXH

Nhận thức về con đường đi lên CNXH ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn, thể hiện trong những phương hướng cơ bản, những mối quan hệ lớn và lộ trình đi lên CNXH.

Về phương hướng đi lên CNXH: Trong điều kiện khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đại hội VI, với cách tiếp cận mới, đề ra 3 chương trình kinh tế lớn: chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm; chương trình sản xuất hàng tiêu dùng; chương trình sản xuất hàng xuất khẩu. Đại hội VII thông qua *Cương lĩnh 1991*, đã xác định 7 phương hướng. Đến Đại hội XI thông qua *Cương lĩnh 2011*, nêu 8 phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, Đại hội XII và Đại hội XIII của Đảng, nhận thức phương hướng xây dựng CNXH có một số điểm mới.

Đại hội XIII Đảng tiếp tục khẳng định 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH ở nước ta là: (1) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

với biến đổi khí hậu; (2) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (4) Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; (5) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; (6) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; (7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; (8) Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Về các mối quan hệ lớn cần giải quyết: Đại hội VI, bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đã xác định các mối quan hệ bao quát: "giữa ổn định và phát triển"; "giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất"; "giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"; "giữa kinh tế với quốc phòng, giữ vững độc lập, tự chủ và tăng cường hợp tác quốc tế". Trong quá trình hoàn thiện đường lối đổi mới, các kỳ đại hội đảng đã bổ sung, điều chỉnh các mối quan hệ này.

Đến Đại hội XIII, Đảng đã xác định 10 mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng CNXH là: (1) Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; (2) Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) Giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN; (4) Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; (5) Giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (6) Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; (7) Giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; (8) Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (9) Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; (10) Giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Về lộ trình, bước đi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VI đã nêu khái niệm "chặng đường đầu tiên" với nhiệm vụ bao trùm, là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo". Trải qua các kỳ đại hội với những bước phát triển cụ thể, đến Đại hội XIII, căn cứ vào các tiêu chí quốc tế đánh giá về trình độ phát triển của mỗi quốc gia, đã xác định mục tiêu theo các mốc thời gian là: "Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

4.1.2. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 40 năm đổi mới

Công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng 40 năm qua đã làm thay đổi căn bản, toàn diện cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước, cụ thể như sau:

Trong lĩnh vực kinh tế, thành tựu hết sức to lớn và nổi bật là xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, thay thế cho nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp đã lỗi thời. Nhờ đó đã phát huy được các tiềm năng phát triển của đất nước, đạt được những thành tựu to lớn, nổi bật. Nước ta từ một nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người, nhận thức lý luận về văn hóa đã có nhiều điểm mới, nổi bật, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của sự phát triển. Chủ trương xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được đẩy mạnh thực hiện trong thực tế. Các lĩnh vực văn hóa đều có bước phát triển mới. Vai trò của văn hóa góp phần vào sự phát triển bền vững được khẳng định và thể hiện ngày càng rõ hơn.

Quan điểm, chủ trương, đường lối phát triển xã hội, con người ngày càng hoàn thiện trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Các chỉ tiêu về xã hội liên tục được cải thiện, đời sống Nhân dân được nâng cao, tiến bộ, công bằng xã hội được chú trọng. Tuổi thọ trung bình của người dân không ngừng tăng lên, đạt 74,5 tuổi năm 2024. Chỉ số hạnh phúc được nâng lên, xếp thứ 46/143 quốc gia; chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện, đạt 0,766 điểm, là mức cao so với các nước cùng trình độ phát triển.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển với nhiều thay đổi, đạt được nhiều thành tựu lớn, quan trọng, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Đã phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi vào năm 2017. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên và có bước phát triển mới. Đã thực hiện nhiều chính sách công bằng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt đối với trẻ em dân tộc thiểu số, ở các vùng khó khăn. Công tác xây dựng xã hội học tập đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo đã đạt được nhiều kết quả mới. Nhận thức rõ và đã đề ra nhiều giải pháp thực hiện quan điểm "khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu", là "động lực then chốt" để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ được tăng cường. Xác định rõ nội dung đổi mới sáng tạo trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, qua đó, thúc đẩy sự phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Trong lĩnh vực sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đã có nhận thức mới, ngày càng đầy đủ hơn, trở thành một nội dung quan trọng trong các văn kiện của Đảng, được xác định là một trọng tâm, trong thực hiện nghị quyết Đại hội. Quan điểm "không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng" được khẳng định và thể hiện rõ trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đã hình thành nhận thức lý luận mới đầy đủ hơn về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, gắn với hoạt động đối ngoại rộng mở, hội nhập quốc tế, thực hiện "bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa"; quan tâm "giữ nước khi nước chưa nguy". Nền quốc phòng toàn dân có bước phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, ngày càng vững chắc. Tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng, an ninh được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các ban, bộ, ngành, địa phương, phát huy tốt vai trò nòng cốt của Quân đội Nhân dân và Công an Nhân dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Đã phối hợp với các hoạt động đối ngoại để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý linh hoạt, mềm dẻo, hiệu quả trong quan hệ quốc tế về quốc phòng, an ninh, triển khai các kế sách, giải pháp ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột, giải quyết các vấn đề biên giới, biển đảo...

Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực đối ngoại là đã chuyển đổi nhận thức trong quan hệ đối ngoại từ phân biệt cứng nhắc quan hệ bạn - thù sang quan hệ đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, "đối tác và đối tượng", "hợp tác và đấu tranh". Đã phá vỡ được thế bao vây, cấm vận Việt Nam của các thế lực thù địch trên thế giới; phát triển quan hệ ngoại giao với 194 nước là thành viên của Liên hợp quốc. Đã xây dựng được các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện, với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Công tác đối ngoại đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; giải quyết được nhiều vấn đề về biên giới trên bộ và trên biển với các nước có liên quan, góp phần củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực.

Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đã từng bước bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, phát huy dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Đã quan tâm xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Việt Nam bảo đảm tôn trọng và thực hiện pháp luật quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được bảo đảm và không ngừng hoàn thiện.

Dân chủ trong Đảng không ngừng được mở rộng và nâng cao. Thực hiện dân chủ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Phát huy dân chủ trong các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều tiến bộ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đời sống dân chủ trong xã hội đã có nhiều tiến bộ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và tiến hành đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực. Xây dựng Đảng về chính trị được coi trọng; *xây dựng Đảng về tư tưởng* tiếp tục được đẩy mạnh, nghiên cứu, giáo dục lý luận được tăng cường, hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện. *Xây dựng Đảng về đạo đức* được đặc biệt quan tâm, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng và xã hội. *Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ* có nhiều đổi mới và đạt một số kết quả quan trọng. *Công tác dân vận* tiếp tục được đề cao, góp phần tạo đồng thuận, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. *Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng* được đẩy mạnh, có nhiều đổi mới, có hiệu lực, hiệu quả, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. *Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực* đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đột phá, toàn diện trên cả 2 mặt "phòng" và "chống". *Phương thức lãnh đạo, cầm quyền* của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã có nhiều đổi mới, phù hợp với cơ chế kinh tế và bối cảnh quốc tế mới.

4.2. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.2.1. Trong nhận thức lý luận

Thứ nhất, trong lĩnh vực kinh tế: Nhận thức lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa thực sự đầy đủ và có hệ thống. Nhận thức về các nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; xây dựng thể chế phát triển kinh tế nhanh và bền vững; về các khâu đột phá chiến lược chưa sâu sắc và chưa đủ rõ. Nhận thức về phương thức phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng vẫn ở mức chung nhất.

Thứ hai, trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người: Nhận thức về phát triển văn hóa, xã hội, con người còn không ít hạn chế, bất cập, chưa bao quát hết phạm vi rộng lớn, tính đa dạng và phong phú trong đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam chưa được nhận thức đầy đủ và hệ thống. Tư duy về phát triển văn hóa có mặt chưa theo kịp, chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Lý luận về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa cập nhật kịp những tiến bộ của thế giới. Nhận thức về các vấn đề xã hội, nhất là an sinh xã hội, trợ giúp xã hội..., chưa đầy đủ, toàn diện. Đổi mới tư duy về phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

triển xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội còn chậm, nhất là cơ chế phối hợp giữa nhà nước, thị trường và xã hội cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, chưa phát huy tốt hiệu quả trong sử dụng các nguồn lực và theo kịp yêu cầu phát triển xã hội.

Thứ ba, trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Nhận thức lý luận về bảo vệ Tổ quốc và sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quốc phòng, an ninh và các lực lượng vũ trang chưa thật sự hoàn chỉnh, còn có cách hiểu khác nhau. Còn những hạn chế trong nhận thức lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, kế sách giữ nước khi nước chưa nguy. Nhận thức lý luận về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân chưa đầy đủ. Nội dung, tính chất, nhiệm vụ, mối quan hệ của các tổ chức, lực lượng trong điều kiện đất nước thời bình và thời chiến chưa được xác định rõ...

Nhận thức về vị trí, vai trò của đối ngoại trong điều kiện quốc tế mới còn hạn chế. Nhận thức về thế và lực mới của đất nước, về các đối tác lớn... chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Công tác nghiên cứu chiến lược và dự báo tình hình còn hạn chế, chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình hình quốc tế, về những cơ hội của đất nước cần tranh thủ, cũng như các nguy cơ, thách thức mới cần hạn chế, khắc phục.

Thứ tư, trong lĩnh vực xây dựng Đảng, hệ thống chính trị: Nhận thức lý luận về đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa đủ rõ cả về khái niệm, nội dung, mô hình, phương thức thực hiện. Nhận thức và cụ thể hóa quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" còn chậm.

Nhận thức lý luận xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, bao gồm nội dung và các mối quan hệ, chưa thật sâu sắc trước yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong thực tiễn. Một số vấn đề về tổ chức cơ sở đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên chậm được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. Nhận thức lý luận về công tác dân vận, kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong điều kiện mới còn những hạn chế. Nhận thức lý luận về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có lúc, có nơi chưa thực sự sâu sắc, đầy đủ, thống nhất. Nhận thức lý luận về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng chưa đầy đủ, sâu sắc...

Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, một số vấn đề chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, luận giải thấu đáo, như Đảng cầm quyền trong Nhà nước pháp quyền XHCN; sự phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; vị trí, vai trò của Chủ tịch nước; mối quan hệ của Chủ tịch nước với Quốc hội (lập pháp), Chính phủ (hành pháp), tòa án (tư pháp). Một số vấn đề xung quanh trưng cầu dân ý chưa được làm rõ.

Vấn đề phát huy dân chủ chưa được giải quyết tốt cả về lý luận và thực tiễn, làm phát sinh một số khó khăn cho việc thực hành dân chủ, trong cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Nhận thức về mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ cương chưa đầy đủ, rành mạch, nên cả hai đều thực hiện chưa thật tốt. Nhận thức, tư duy lý luận về vai trò, mối quan hệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với Đảng, Nhà nước vẫn còn những vấn đề chưa thật rõ.

4.2.2. Trong tổ chức thực hiện

Thứ nhất, trong lĩnh vực kinh tế: Thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN còn chậm, nhiều bất cập. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bao gồm phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, chưa được như kỳ vọng. Quản lý nhà nước về kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chưa phát huy đầy đủ những mặt tích cực và hạn chế tính tự phát, tiêu cực, khuyết tật của kinh tế thị trường. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước nền kinh tế chưa cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế chưa đạt được mục tiêu đề ra (mục tiêu 2020 đề ra từ năm 1996 không thực hiện được). Tăng trưởng còn thấp so với yêu cầu, tiềm năng và có xu hướng suy giảm, thấp dần theo chu kỳ 10 năm, kinh tế nhà nước ở một số lĩnh vực hiệu quả thấp. Khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền còn lớn. Nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thực hiện ba đột phá chiến lược gặp nhiều khó khăn. Các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới còn ít và gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Chưa xây dựng được nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng...

Thứ hai, trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người: Việc phát huy vai trò của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh của đất nước còn nhiều hạn chế. Thể chế văn hóa chậm đổi mới, chưa theo kịp và đáp ứng với yêu cầu phát triển. Việc xác định và triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, chuẩn mực con người còn chậm trễ, lúng túng. Công nghiệp văn hóa phát triển chậm.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo còn chậm, chưa đạt được mục tiêu đặt ra. Hệ thống giáo dục và đào tạo vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, thiếu đồng bộ và liên thông. Đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục và đào tạo.

Lĩnh vực xã hội, con người còn nhiều hạn chế. Một số mục tiêu phát triển xã hội chưa thực hiện được. Năng suất lao động xã hội, chất lượng lao động thấp. Tỉ lệ bao phủ của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội còn thấp. Mức sống và các chỉ tiêu phát triển giữa các nhóm dân cư trên các địa bàn còn có sự khác biệt lớn. Các giá trị, chuẩn mực về con người và văn hóa Việt Nam chưa được hình thành rõ nét. Chưa ban hành được hệ giá trị con người và văn hóa Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu vẫn còn thiếu, bất cập, chồng chéo, chưa đồng bộ. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường chưa trở thành ý thức, hành động, thói quen, nếp sống, văn hóa của người dân. Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số mặt còn lỏng lẻo...

Thứ ba, trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Thực hiện *"quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên"* có lúc, có nơi chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện. Cơ chế lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh còn có những bất cập. Trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa còn có những sơ hở, mất cảnh giác. Công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược có lúc, có mặt, có thời điểm còn hạn chế. Việc đánh giá, dự báo tình hình có mặt chưa cụ thể, kịp thời. Chỉ đạo điều hành có lúc, có nơi chưa thật tập trung, kiên quyết. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh tư tưởng chưa chặt chẽ. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân, có

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

một số mặt hạn chế. Đầu tư xây dựng tiềm lực, lực lượng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng yêu cầu trang bị hiện đại cho lực lượng vũ trang. Thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Việc kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở một số địa phương, đơn vị còn thiếu hiệu quả. Nền an ninh nhân dân chưa được xây dựng vững chắc, toàn diện trên tất cả các địa bàn, lĩnh vực.

Trong lĩnh vực đối ngoại, thế và lực mới của đất nước chưa được phát huy hiệu quả trong hoạt động đối ngoại. Phát triển quan hệ với một số đối tác chưa tương xứng với tiềm năng và khuôn khổ quan hệ, thiếu vắng các dự án "chiến lược"[1]. Cải cách thể chế trong một số lĩnh vực chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo nên những vướng mắc, "điểm nghẽn" trong quan hệ với một số đối tác quan trọng…

Hội nhập kinh tế quốc tế chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Công tác nghiên cứu chiến lược và dự báo tình hình còn hạn chế.

Thứ tư, hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát huy dân chủ XHCN

Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Còn những hạn chế trong giữ vững bản chất, mục đích, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp. Hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch còn thấp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số nơi chưa nghiêm. Tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi còn hình thức.

Trong xây dựng Đảng về chính trị, việc thể chế hóa một số chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật của Nhà nước chưa đầy đủ, kịp thời; việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục. *Trong xây dựng Đảng về tư tưởng,* việc truyền bá, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng có lúc, có nơi còn xơ cứng, giáo điều; nội dung, hình thức tuyên truyền tuyên truyền chưa phong phú. *Trong xây dựng Đảng về đạo đức,* hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thấp, có chiều hướng suy giảm, mang tính hình thức. Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức; tình

[1] Với nhiều đối tác, kể cả với một số nước lớn như Nga, Ấn Độ, hợp tác kinh tế còn khá hạn chế, không toàn diện. Kim ngạch thương mại Việt - Nga chiếm chưa đến 1% tổng kim ngạch thương mại mỗi nước; thương mại Việt - Ấn chỉ chiếm 1,9% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. *Trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên* còn nhiều khó khăn, vướng mắc, hiệu quả thấp. Xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước còn hạn chế; hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng một bộ phận đảng viên còn hạn chế, tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút; số đảng viên bỏ sinh hoạt đảng phải xoá tên có xu hướng tăng.

Trong công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ còn những hạn chế cần khắc phục. Chính sách đối với cán bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập. Việc chuyển trọng tâm từ giải quyết vấn đề lịch sử chính trị sang nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay nhìn chung còn chậm. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên liên quan đến yếu tố nước ngoài trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng còn nhiều bất cập. Việc thực hiện quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước của một số cơ quan, tổ chức còn sơ hở, mất cảnh giác.

Trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, việc kiểm tra, giám sát thực hiện một số nghị quyết của Đảng chưa thường xuyên, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra với các cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát chưa nhịp nhàng, có lúc, có việc còn chậm, hiệu quả không cao. *Trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực* chưa có sự đồng bộ cao giữa Trung ương và địa phương; một số cấp ủy và người đứng đầu chưa quyết tâm cao. Hệ thống thể chế, pháp luật trên một số lĩnh vực còn sơ hở, bất cập, thiếu đồng bộ. Các nguồn lực cho thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hóa liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có mặt còn hạn chế. Việc thực hiện một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn hình thức, kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân chưa cao.

Trong đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng vẫn còn tình trạng ban hành nhiều văn bản, trùng chéo. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng không khả thi. Mô hình tổng thể của hệ thống chính trị chưa hoàn thiện; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của tổ chức, cá nhân, người đứng đầu có nội dung chưa rõ; phân cấp, phân quyền chưa mạnh. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, một số vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được luận giải một cách đầy đủ, thuyết phục. Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; cơ chế bảo

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đảm vai trò chủ thể, chủ quyền nhân dân trong mối quan hệ với Nhà nước chưa đầy đủ, quyền làm chủ của Nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm. Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Ý thức chấp hành pháp luật của một số cán bộ, đảng viên và người dân chưa nghiêm; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Quyết tâm chính trị, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Thể chế hóa một số quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền còn hạn chế. Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đồng bộ, chồng chéo, chất lượng pháp luật chưa cao, trên một số lĩnh vực còn thiếu tính ổn định, tính dự báo chưa cao, sửa đổi nhiều… thậm chí còn sơ hở, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn. Tổ chức thực hiện pháp luật vẫn còn một số hạn chế chưa được khắc phục.

Việc thực hiện phân công, làm rõ thẩm quyền, nghĩa vụ giữa các cơ quan nhà nước vẫn còn những điểm chưa rành mạch. Phương thức phối hợp giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có việc chưa nhịp nhàng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước ở các cấp còn có mặt bất cập, chưa hợp lý, vẫn cồng kềnh, nhiều tầng nấc. Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá công chức chưa thật sự theo nguyên tắc chức nghiệp thực tài, chưa dựa trên năng lực của cán bộ. Trách nhiệm giải trình của Nhà nước nói chung, của cán bộ, công chức nhà nước nói riêng trước dân chưa cao; trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân chưa được phân biệt rõ ràng.

Cơ cấu số lượng và chất lượng đại biểu Quốc hội tuy đã đổi mới, song vẫn còn chưa thực sự hợp lý. Đội ngũ cán bộ công chức còn bất cập, chưa tinh gọn trong cả cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các tổ chức chính trị - xã hội. Chính sách đãi ngộ, bao gồm cả chính sách tiền lương tuy có cải thiện, nhưng còn bất cập.

Trong hoàn thiện và phát huy nền dân chủ XHCN; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân và chưa đồng bộ. Thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn một số hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân, nhất là dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi còn bị vi phạm; khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân có lúc, có nơi chưa thực sự gắn bó chặt chẽ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

4.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

4.3.1. Những vấn đề đặt ra về tiếp tục hoàn thiện nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới trong giai đoạn mới

Thứ nhất, nhận thức chung về CNXH và mô hình CNXH Việt Nam

Cần tiếp tục luận giải rõ hơn cơ sở lý luận, thực tiễn, những giá trị, hình thức, các bước đi, bảo đảm sự phù hợp giữa kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng trong quá trình phát triển theo định hướng XHCN.

Mục tiêu bao trùm của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng được xác định là "*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*", cần tiếp tục được cụ thể hóa, bổ sung, phát triển thêm. Nghiên cứu các yếu tố "tự do", "hạnh phúc", "phồn vinh" trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đã được nhắc đến trong một số văn kiện của Đảng để có thể bổ sung, phù hợp với quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới...

Cần làm rõ thêm sự *phát triển theo định hướng XHCN* của Việt Nam trong dòng chảy phát triển chung của nhân loại, thực hiện tốt và hiệu quả hơn quan điểm "kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại".

Cần có sự thống nhất khái niệm và làm rõ hơn sự giống nhau và khác nhau giữa các "đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và "đặc trưng cơ bản của xã hội Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Trên cơ sở đó, xác định rõ hơn nội hàm của mỗi đặc trưng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển, nhất là trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Thứ hai, nhận thức về những nội dung cơ bản của đường lối đổi mới ngày càng hoàn thiện, tuy nhiên, tính hệ thống, đồng bộ trong nội dung của các quan điểm chỉ đạo chưa được làm rõ như: "*Mục tiêu*", "*Định hướng cơ bản*", "*Nội dung*", *"Nguyên tắc cơ bản", "Động lực cơ bản", "Phương thức thực hiện*"... Trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới, các quan điểm chỉ đạo của Đảng cần được cụ thể hóa, thể chế hóa đồng bộ, phù hợp, thành các quan điểm phát triển nêu trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Cần nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để đưa ra cách tiếp cận về các giá trị cốt lõi; trên cơ sở đó chính thức đưa ra các giá trị cốt lõi của mô hình CNXH Việt Nam và đường lối đổi mới. Nghiên cứu, làm rõ những yếu tố bảo đảm tính đồng bộ về tính chất và trình độ giữa các giá trị cốt lõi.

Thể chế phát triển nhanh, bền vững cần tiếp tục làm rõ hơn nội hàm khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện, bảo đảm sự đồng bộ giữa các thể chế thành phần, có quan hệ biện chứng với nhau.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

4.3.2. Những vấn đề đặt ra trong các lĩnh vực chủ yếu

Trong lĩnh vực kinh tế, còn nhiều vấn đề lớn, quan trọng chưa được nhận thức và giải quyết thấu đáo như: Các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và vai trò của các thành phần kinh tế; mối quan hệ giữa "nhà nước, thị trường và xã hội", mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế... trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Trong xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhiều vấn đề lý luận chưa được làm rõ như: Lý luận mới về phát triển con người toàn diện và xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời đại số; công nghiệp văn hóa, văn hóa số, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, văn hóa trong chính trị, kinh tế...; một số chính sách chưa theo kịp những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, chưa phù hợp với thông lệ, luật pháp quốc tế.

Nhiều vấn đề về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững đã được đặt ra nhưng chậm nghiên cứu, giải quyết như: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, già hóa dân số, chênh lệch giới tính, phân hóa giàu nghèo, bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, vấn đề quản trị xã hội, nhất là trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp...

Trong phát triển khoa học và công nghệ, còn nhiều nút thắt, điểm nghẽn có tính hệ thống, tồn tại trong thời gian dài, cản trở sự phát triển, chưa được nhận thức và giải quyết đồng bộ, dứt điểm, nhất là cơ chế quản lý hoạt động khoa học, phân bổ nguồn lực, quản lý tài chính.

Nhiều vấn đề đặt ra chưa được nhận thức rõ, thiếu chính sách hợp lý, lúng túng trong tổ chức thực hiện như: Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quản trị giáo dục và đào tạo, tự chủ, xây dựng trung tâm nghiên cứu khoa học, xã hội hóa giáo dục và đào tạo, chế độ đãi ngộ giáo viên...

Vấn đề liên minh giai cấp trong thời đại số, trí thức hóa cần nghiên cứu sự chuyển dịch và mối quan hệ giữa các giai tầng để xác định vai trò nòng cốt trong liên minh giai cấp.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh còn những vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được nhận thức và giải quyết thấu đáo như: Thể chế hóa đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; cơ chế, chính sách đặc biệt để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; thể chế hóa và triển khai thực hiện

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

có hiệu quả nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, Nhà nước quản lý tập trung, thống nhất đối với lực lượng vũ trang, chống "dân sự hóa", "phi chính trị hóa" Quân đội và Công an; hoàn thiện cơ chế triển khai kết hợp giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường nguồn lực và các thể chế đầu tư đặc thù cho quốc phòng, an ninh, đối ngoại để nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của đất nước trên nguyên tắc bảo đảm và ưu tiên cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; lý luận và thực tiễn về an ninh phi truyền thống, an ninh con người; bổ sung làm rõ, minh bạch và đẩy mạnh tuyên truyền về "bốn tránh", "bốn không", "ba điều không để mất"…

Trong lĩnh vực đối ngoại còn những vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được nhận thức và giải quyết thấu đáo như: Thể chế hóa quan điểm xác định đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; mối quan hệ giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh; mục tiêu đối ngoại vì hạnh phúc của nhân dân; việc xây dựng và hoàn thiện lý luận về đối ngoại, đường lối ngoại giao mang đậm bản sắc ngoại giao Hồ Chí Minh; nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh thế giới phân tuyến ngày càng rõ; ngoại giao chuyên biệt trong nền ngoại giao toàn diện, hiện đại như ngoại giao số, ngoại giao năng lượng…

Trong xây dựng Đảng còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ như: Phương thức lãnh đạo, cầm quyền, cơ chế kiểm soát quyền lực, phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong Đảng, còn nhiều hạn chế. Tình trạng nhiều cơ quan lãnh đạo, nhiều cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo cấp cao vi phạm nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ xảy ra, đặt ra vấn đề cấp bách nhưng chưa có những biện pháp hiệu quả để khắc phục. Cần xây dựng cơ chế, điều kiện bảo đảm xây dựng được đội ngũ cán bộ trong sạch, tâm huyết, năng động, dám nghĩ dám làm, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ. Nghiên cứu tiếp tục phát triển lý luận về đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Một số vấn đề lý luận về Nhà nước pháp quyền XHCN chưa được luận giải thấu đáo như: quyền lực nhà nước thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; vị trí, vai trò của Chủ tịch nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước chưa hoàn thiện; cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ. Tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập. Chưa hình thành được đầy đủ ý thức và thói quen thượng tôn pháp luật trong thi hành công vụ và trong đời sống xã hội.

Trong hoàn thiện và phát huy nền dân chủ XHCN; phát huy sức mạnh của nhân dân; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng, đổi mới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội nhiều vấn đề lý luận

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

và thực tiễn chưa được làm rõ như: (1) Chưa có cơ chế pháp lý đầy đủ để thực hiện có hiệu quả phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". (2) Thể chế hóa, pháp lý hóa một cách cụ thể, rõ ràng các hình thức dân chủ vẫn còn nhiều vấn đề. (3) Các hình thức dân chủ trực tiếp, đặc biệt dân chủ ở cơ sở vẫn cần được hoàn thiện. (4) Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên còn vướng mắc cả về phương diện pháp lý cũng như phương thức tổ chức thực hiện.

4.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Nhìn lại 40 năm đổi mới, với những thành công và hạn chế, chúng ta có thể khái quát một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, lấy phát triển để ổn định và ổn định để thúc đẩy phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng hơn vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Phát huy vai trò hạt nhân chính trị của Đảng trong kiến tạo tư duy phát triển, dẫn dắt thể chế, định hình chiến lược, tạo lập đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng vươn lên của dân tộc. Xây dựng tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở gần dân, sát cơ sở, vì dân, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Thứ ba, quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm "Dân là gốc". Phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp và hạnh phúc của Nhân dân; thực sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ. Tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ tư, bám sát thực tiễn, đánh giá và dự báo đúng tình hình; phản ứng chính sách chủ động, linh hoạt, kịp thời, phù hợp; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; phân công nhiệm vụ bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; kiểm tra, giám sát chặt chẽ bảo đảm thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng. Nâng cao chất lượng thể chế phát triển, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông, phát huy và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, không ngừng đổi mới tư duy, nhất là tư duy chiến lược; tôn trọng quy luật khách quan; nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; chủ động ngăn ngừa, phòng, chống bệnh chủ quan duy ý chí, giáo điều, cơ hội, bảo thủ. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa, bổ sung và phát triển; giữa kiên định và đổi mới; kết hợp nhuần nhuyễn và kịp thời giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận; giữa tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

5.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

5.1.1. Dự báo tình hình thế giới và khu vực

Thứ nhất, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ đứng trước nhiều trở ngại, thách thức. Xuất hiện nhiều cấu trúc hợp tác đa tầng nấc, theo cả trục dọc và trục ngang, cả ở quy mô tiểu khu vực, khu vực, liên khu vực và toàn cầu. Chủ nghĩa đa phương gặp nhiều thách thức hơn giai đoạn trước, nhưng vẫn tiếp tục phát triển, vì lợi ích địa - chính trị, địa - kinh tế, nhiều nước gác lại tranh chấp, đối đầu để cùng hợp tác, khai thác thế mạnh của nhau. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa đang đứng trước nhiều khó khăn; sản xuất, tiêu dùng toàn cầu vẫn tiếp tục được thúc đẩy, nhưng tốc độ có thể sẽ chậm lại do sự đứt gãy và điều chỉnh các chuỗi cung ứng; xu hướng tự chủ chiến lược của các nước, sự đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc, giữa Mỹ, phương Tây với Nga sẽ gia tăng. Quá trình thể

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chế hóa các mối quan hệ toàn cầu do các quốc gia đàm phán, dỡ bỏ rào cản, thuận lợi hóa các mục tiêu riêng lẻ của từng nhóm lợi ích... cũng sẽ chậm lại, thậm chí dừng hẳn trong nhiều lĩnh vực do mâu thuẫn lợi ích giữa các nước lớn. Sự nổi lên của trào lưu dân túy và chủ nghĩa bảo hộ kết hợp với việc đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc cực đoan, sự gia tăng xung đột thương mại, áp đặt thuế quan đã, đang và sẽ ảnh hưởng mạnh đến tiến trình phục hồi kinh tế, tác động tiêu cực đến liên kết kinh tế toàn cầu và khu vực.

Thứ hai, xu thế toàn cầu hóa và sự bùng nổ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn tới sự biến đổi mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, nền kinh tế thế giới sẽ có bước chuyển đổi mang tính cách mạng trong cơ cấu và phương thức sản xuất. Điều này sẽ đưa đến những biến đổi sâu sắc về chất lượng cuộc sống, kết cấu giai cấp, cơ cấu nghề nghiệp tại các nước, sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống sản xuất, kinh doanh và quản trị trên phạm vi toàn cầu. Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... và các liên kết kinh tế mới ngày càng được chú trọng, trở thành xu thế chủ đạo, quyết định năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của các quốc gia đến năm 2030, 2045.

Thứ ba, các nước lớn ngày càng gia tăng cạnh tranh chiến lược, chạy đua vũ trang công nghệ cao và liên kết tạo ảnh hưởng; cục diện "đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc" định hình rõ nét hơn; khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc trong những thập niên tới thấp, nhưng không loại trừ. Biểu hiện phân tách, phân mảng, phân cực, nguy cơ xung đột cục bộ, chiến tranh uỷ nhiệm ngày càng lớn. Chính cạnh tranh chiến lược, xung đột, thiếu đồng thuận giữa các quốc gia, nhất là giữa các cường quốc tiếp tục cản trở và làm suy giảm vai trò của các thể chế quốc tế, toàn cầu như Liên hợp quốc, WTO…

Thứ tư, những chuyển biến mạnh mẽ về văn hóa - xã hội diễn ra trên quy mô toàn cầu. Văn hóa sẽ nổi lên như một yếu tố quan trọng ảnh hưởng ngày càng lớn đến phát triển kinh tế, an ninh, xung đột và niềm tin của các nước. Văn hóa sẽ trở thành một phương thức vừa giúp nâng cao sức mạnh, hình ảnh quốc gia, vừa thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước, tạo nền tảng giúp giải quyết tốt các mối quan hệ trên các lĩnh vực khác. Cùng với đó, những chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo ra những thay đổi về việc làm, cả về cơ cấu lẫn bản chất công việc với sự xuất hiện ngày càng đông đảo các tầng lớp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, thiết kế, văn hóa, nghệ thuật, giải trí, truyền thông, giáo dục, y tế...

Thứ năm, những vấn đề toàn cầu, an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động nhiều mặt đến sự phát triển của các quốc gia. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Thứ sáu, châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là khu vực trung tâm hội tụ lợi ích chiến lược, cạnh tranh nước lớn, có vị trí, tầm quan trọng đối với phát triển và an ninh toàn cầu. Khu vực này tiếp tục phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị ngày càng quan trọng trên thế giới, song cũng là địa bàn trọng điểm của cạnh tranh chiến lược nước lớn và chứa đựng những yếu tố bất ổn định.

Thứ bảy, khu vực Đông Nam Á (trọng tâm là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) tiếp tục phát huy vai trò trung tâm hợp tác, thúc đẩy liên kết khu vực Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và thu hút sự quan tâm của nhiều nước lớn trên thế giới. Dự báo kinh tế ASEAN tiếp tục phát triển với nền tảng và động lực vững mạnh, sẽ tạo nên những bứt phá mới. Tuy nhiên, trong hơn 10 năm tới, theo nhiều dự báo các vấn đề an ninh phi truyền thống ở Đông Nam Á sẽ trầm trọng hơn. Đông Nam Á có thể sẽ là một trong những khu vực dễ bị tác động nhất trước tình trạng biến đổi khí hậu trái đất, gia tăng phát thải khí nhà kính và là một trong những mắt xích yếu nhất về an ninh mạng. Đông Nam Á là nơi dễ tổn thương nhất về an ninh môi trường do quá trình phát triển của các quốc gia, thiếu các quy định, ý thức, tính tuân thủ phát triển và thực hiện các cam kết, tiêu chuẩn, quy định…về môi trường. Đông Nam Á được dự báo sẽ luôn là điểm nóng của thế giới về phạm vi lây lan và mức độ nguy hiểm của các loại dịch bệnh. Vì vậy, sự phát triển của ASEAN trong thời gian tới cũng gặp không ít trở ngại.

5.1.2. Dự báo tình hình trong nước

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam sẽ ngày càng phát triển, khẳng định sự đúng đắn trong đường lối, quan điểm của Đảng ta. Dự báo theo kịch bản tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt trung bình ở mức hai con số trong giai đoạn 2026-2030, GDP bình quân đầu người đến năm 2030 dự kiến đạt khoảng 8.500 USD, Việt Nam có thể bước vào ngưỡng các quốc gia thu nhập trung bình cao với quy mô GDP năm 2030 dự báo đạt khoảng 900 tỉ USD. Đến năm 2045 nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2030-2045 tiếp tục duy trì mức cao, quy mô GDP năm 2045 sẽ đạt khoảng 2.500 tỉ USD. Nền kinh tế vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Bên cạnh kịch bản tích cực trên, nền kinh tế trong những năm tới vẫn không ít khó khăn, nguy cơ bẫy thu nhập trung bình vẫn là thách thức lớn, già hóa dân số tăng nhanh, đặc biệt biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gay gắt, phức tạp… sẽ tác động mạnh đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, việc hình thành, hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam sẽ đóng vai trò định hướng, thống nhất ý chí, tình cảm và định hướng phát triển bền vững của đất nước. Các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc sẽ tiếp tục được giữ gìn, phát huy,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thống nhất trong đa dạng; sức mạnh mềm của văn hóa tiếp tục được phát huy hiệu quả; môi trường và đời sống văn hóa ngày càng phong phú, văn minh, lành mạnh, đạo đức xã hội được chấn hưng; công nghiệp văn hóa phát triển mạnh. Giao thoa văn hóa trở nên mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện để tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa nước ta ra thế giới.

Xu hướng phát triển nguồn lực con người trong giai đoạn tới tiếp tục hướng đến ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam tiếp tục là quốc gia có chỉ số phát triển con người cao so với các nước cùng trình độ phát triển; đời sống của người dân sẽ không ngừng tăng và được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao. Nền giáo dục Việt Nam sẽ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc nhóm 10 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất châu Á. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nền kinh tế, khoảng cách giàu nghèo sẽ vẫn là một thách thức.

Thứ ba, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và lợi ích quốc gia - dân tộc sẽ tiếp tục được bảo vệ vững chắc, chế độ XHCN được giữ vững; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân sẽ tiếp tục được củng cố, tăng cường vững chắc. Hợp tác quốc phòng, an ninh sẽ tiếp tục được mở rộng. Tuy nhiên, cấp độ hội nhập trong lĩnh vực này còn tùy thuộc vào điều kiện, tình hình cụ thể về những mối quan tâm chung giữa Việt Nam với từng đối tác cụ thể.

Việt Nam sẽ tiếp tục chủ động, tích cực, kiên trì, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. Đối ngoại đa phương sẽ được tiếp tục đẩy mạnh và nâng tầm, kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương; mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế sẽ được nâng cao. Việt Nam sẽ tham gia ngày càng nhiều với trách nhiệm cao vào các cam kết quốc tế, nhất là với Liên hợp quốc, ASEAN. Tham dự nhiều hơn vào hình thành các quy tắc, luật chơi trong các tổ chức khu vực và toàn cầu. Vị thế, uy tín, tầm ảnh hưởng của Việt Nam sẽ ngày càng được nâng cao.

Thứ tư, mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện; hệ thống chính trị ngày càng được củng cố vững mạnh; năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng cao; công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh; Nhà nước pháp quyền XHCN ngày càng phát huy vai trò, thực sự là nhà nước "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân"; nền dân chủ XHCN sẽ tiếp tục được củng cố, mở rộng. Tuy nhiên, bên cạnh chiều hướng phát triển trên, tình hình chính trị cũng vẫn chứa đựng những nguy cơ bất ổn trước tác động bất thường của môi trường khu vực và thế giới, nhất là những vấn đề an ninh, quốc phòng, sự chống phá của các thế lực thù địch.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

5.2. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

5.2.1. Cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những đột phá trong trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và tự động hóa mở ra cơ hội lớn cần nắm bắt để phát triển bứt phá. Cuộc cách mạng này tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng với chi phí thấp hơn, giúp nền kinh tế hiệu quả, thông minh và sử dụng nguồn lực tiết kiệm hơn, tạo công nghệ bảo vệ môi trường trong phát triển. Cùng với đó quá trình toàn cầu hóa mở ra điều kiện học hỏi, nâng cao trình độ, kinh nghiệm quản lý, thu hút nguồn vốn của thế giới, đặc biệt là tiếp thu tri thức để phát triển nền kinh tế, tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Việc hội nhập, sâu rộng vào nền kinh tế khu vực, thế giới tạo ra cơ hội mở rộng sản xuất, giải quyết việc làm, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; tạo ra cơ hội kinh doanh mới cho doanh nghiệp, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa.

Cơ hội đến từ lợi thế cơ cấu dân số "vàng" và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu. Đồng thời, những quyết sách có tính cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị; đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế, v.v.. tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Việt Nam nằm trên tuyến đường biển huyết mạch của thế giới, nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương, châu Á với châu Âu và Trung Đông. Hơn 90% lượng vận tải thương mại thế giới thực hiện bằng đường biển, trong đó có 45% phải đi qua Biển Đông. Việt Nam cũng nằm trên hệ thống kết nối đường bộ, đường sắt, đường hàng không của các quốc gia Đông Nam Á và châu Á. Đây là cơ hội lớn cho Việt Nam trở thành một trong những trung tâm trung chuyển quốc tế, tham gia kết nối mở rộng thị trường, xuất khẩu sản phẩm…

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn *đang đứng trước thách thức rất lớn về tụt hậu xa hơn về kinh tế, không thích ứng kịp với biến đổi khí hậu, môi trường suy thoái.* Giai đoạn đổi mới vừa qua, tốc độ tăng trưởng mỗi một thập niên lại suy giảm so với thập niên trước. Nền kinh tế Việt Nam phát triển chưa ổn định, bền vững, chất lượng tăng trưởng thấp, năng lực cạnh tranh yếu. Nền kinh tế cơ bản còn phát triển theo chiều rộng, chuyển dịch sang phát triển theo chiều sâu dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao còn chậm. Bên cạnh đó, tăng trưởng năng suất trên đà giảm xuống, nợ công, thâm hụt ngân sách nhà nước cao, kéo dài. Doanh nghiệp trong nước 95-96% là doanh nghiệp nhỏ, trình độ công nghệ thấp. Những điều đó đặt ra thách thức rất lớn với việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nhằm vượt bẫy thu nhập trung bình.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Hội nhập quốc tế là tất yếu, có mặt tích cực, song những năm tới, khi các cam kết quốc tế có hiệu lực, thực hiện đầy đủ việc mở cửa nền kinh tế, Việt Nam sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường thế giới. Các tác động tiêu cực từ bên ngoài gồm sự suy giảm tăng trưởng, thậm chí khủng hoảng kinh tế; giá dầu, lạm phát cao; dịch chuyển dòng vốn đầu tư… đối với kinh tế Việt Nam cũng sẽ ngày càng sâu sắc hơn, làm cho việc quản lý, điều hành và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế khó khăn, phức tạp hơn; yêu cầu thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết và tạo ra sự khó kiểm soát về thông tin kinh tế, gây nguy cơ đe dọa đến độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra trên rất nhiều bình diện với trình độ rất cao, hầu như với tất cả các lĩnh vực kinh tế. Để nắm bắt được cơ hội, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn, đòi hỏi phải đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hệ thống thể chế cho các hoạt động, các lĩnh vực, các mô hình kinh doanh mới, việc bảo vệ sở hữu trí tuệ,… còn chậm hình thành; việc đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng… chưa đáp ứng đòi hỏi phát triển kinh tế đất nước. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm giảm mạnh lợi thế lao động giá rẻ. Sức ép cạnh tranh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình truyền thống càng thêm khốc liệt do sự phát triển của các công ty công nghệ mới nổi, các công ty công nghệ siêu nhỏ…

Trong những năm gần đây, Việt Nam là quốc gia bị tổn thương nhiều bởi tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực. Cùng với đó, Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ suy thoái đa dạng sinh học và sự mất cân bằng sinh thái. Những vấn đề về ô nhiễm môi trường gây ra các thách thức như: suy thoái chất lượng rừng và mất chức năng phòng hộ; thách thức đối với vấn đề an toàn thực phẩm; cạn kiệt nguồn tài nguyên và gia tăng xung đột môi trường; thách thức về xâm lược sinh thái và an ninh môi trường xuyên biên giới...

Xu hướng già hóa dân số nhanh và chất lượng dân số thấp ở Việt Nam tác động ngày càng mạnh đối với nền kinh tế Việt Nam trong cả ngắn hạn và dài hạn. Trong ngắn hạn, già hóa dân số ảnh hưởng đến cơ cấu lực lượng lao động, và từ đó, đến tăng trưởng kinh tế. Trong dài hạn, già hóa dân số tạo ra các thách thức đa chiều, nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh xã hội và cả văn hóa.

5.2.2. Cơ hội và thách thức đối với phát triển văn hóa, con người, xã hội

Vai trò ngày càng nổi trội của văn hóa trong sự phát triển bền vững, văn hóa ngày càng thâm nhập sâu vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tạo ra những giá trị vật chất mới và chính văn hóa đang trở thành một lĩnh vực kinh tế trọng yếu của nhiều quốc gia. Với xu hướng này, Việt Nam hội nhập với thế giới tạo cơ hội cho thúc đẩy phát triển văn hóa hiện đại nhưng giàu bản sắc dân tộc.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Cơ hội xuất phát từ truyền thống, tiềm năng văn hóa của dân tộc, ý chí tự lực tự cường, khát vọng phát triển đất nước và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Nếu như trong những thời kỳ trước, tự lực, tự cường là để giành độc lập, tự do, thì trong thời đại ngày nay, tự lực, tự cường là để xây dựng đất nước giàu mạnh, hạnh phúc. Chính tinh thần đó tạo động lực và mở ra cơ hội cho xây dựng, phát triển đất nước. Quan điểm, đường lối đề cao vị trí, vai trò của văn hóa giúp nhận thức về sức mạnh của văn hóa ngày càng sâu sắc, phong phú, toàn diện hơn. Văn hóa được xem là nền tảng phát triển, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng, hệ điều tiết để phát triển đất nước. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi", con người được xác định là chủ thể, giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí của phát triển bền vững, được thể chế hóa, mở ra cơ hội cho thúc đẩy văn hóa phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Những kết quả phát triển văn hóa, xã hội, con người qua 40 năm đổi mới tạo nên thế và lực mới, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, nâng cao niềm tin của Nhân dân, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. "Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn để chúng ta tăng cường lòng tự hào dân tộc, quyết tâm đổi mới và chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới"[1].

Cùng với những thành tựu đã đạt được, trong lĩnh vực văn hóa vẫn còn những hạn chế, tồn tại, bất cập, yếu kém. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ ra, văn hóa chưa được các cấp, các ngành nhận thức một cách sâu sắc và chưa được quan tâm một cách đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; chưa thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí. Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn phiến diện, nặng về hình thức,... Những yếu kém, bất cập đó chậm được giải quyết mặc dù đã được nhắc đi, nhắc lại trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Đảng. Sự yếu kém, khuyết điểm này đã gây hệ lụy, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, đến xây dựng con người và môi trường văn hóa của chúng ta[2].

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số trong các lĩnh vực đang tạo ra thách thức mới trong quản lý phát triển xã hội. Trong những thập niên gần đây, bất bình đẳng về thu nhập đã có xu hướng tăng nhanh ở Việt Nam, cuộc Cách mạng này lại càng làm khuếch đại thêm xu hướng trên, từ đó dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng, gia tăng chênh lệch về thu nhập và tài sản giữa các nhóm trong xã hội.

[1,2] *Nguyễn Phú Trọng*: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. CTQG ST, 2022, tr.161-162.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

5.2.3. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Nền kinh tế Việt Nam phát triển góp phần gia tăng tiềm lực, sức mạnh quốc phòng, an ninh. Với đường lối kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, xã hội trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các vùng kinh tế sẽ tạo ra cơ hội cho việc thực hiện tốt đồng thời cả nhiệm vụ kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội đạt được nhiều kết quả tích cực đã góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường hòa bình, gia tăng quan hệ hữu nghị, mở ra cơ hội cho bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Việc mở rộng hợp tác, tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia, Việt Nam có cơ hội xây dựng, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ phục vụ cho các mục đích kinh tế và quốc phòng.

Bên cạnh đó, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ còn có những hạn chế cả về nhận thức và hành động, như nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại... tuy có chuyển biến tích cực, nhưng chưa thật đầy đủ, sâu sắc; việc triển khai chủ trương ngăn ngừa chiến tranh từ sớm, từ xa vào các lĩnh vực cụ thể còn chậm. Trong khi đó, tình hình thế giới, khu vực thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường, gây nhiều khó khăn trong dự báo chính xác để thực sự chủ động giải quyết những hạn chế, thách thức. Bên cạnh đó, nguy cơ phân hóa nội bộ và suy giảm vai trò của ASEAN xuất phát từ các yếu tố nội bộ và sự "giằng kéo" của các nước lớn đặt ra không ít thách thức với Việt Nam khi xử lý các mối quan hệ. Các vấn đề an ninh phi truyền thống trong đó có vấn đề quản lý không gian mạng toàn cầu đặt ra thách thức, nguy cơ mới đe dọa an ninh của các quốc gia. Trong khi đó, công tác đảm bảo an ninh thông tin, an ninh mạng của Việt Nam vẫn còn một số bất cập, hạn chế, gây ra thách thức lớn đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đáng chú ý, vấn đề an ninh trên biển Đông trước xu hướng xâm lấn, bành trướng vươn ra biển của một số quốc gia trong khu vực tác động rất lớn đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

5.2.4. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm ổn định chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Đường lối đổi mới đúng đắn, khoa học cùng sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; sự phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở vững chắc, mở ra cơ hội cho tiếp tục bảo đảm ổn định chính trị và phát huy tối đa những động lực và nguồn lực phát triển của đất nước. Ổn định chính trị không những là kết quả của việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, mà còn là điều kiện thuận lợi để tiếp

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh trong tương lai. Những kết quả trên là nền tảng hết sức quan trọng, mở ra cơ hội cho ổn định, tiếp tục đổi mới toàn diện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả là chủ yếu, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vẫn còn bộc lộ một số hạn chế và đứng trước những thách thức mới. Năng lực dự báo, định hướng chính sách, thể chế hóa, cụ thể hóa để tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Quản lý, giáo dục đảng viên chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả chưa cao. Chất lượng sinh hoạt đảng, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn yếu, việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của đảng viên ở nhiều nơi chưa trở thành ý thức tự giác. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng chưa đạt hiệu quả cao; thực hiện kiểm soát quyền lực chưa tốt. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn diễn biến phức tạp... Rõ ràng, để khắc phục những hạn chế bất cập kể trên không những cần có thời gian, nguồn lực và sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là những thách thức không nhỏ đối với quá trình tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

5.2.5. Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và chống diễn biến hòa bình

Bảo đảm định hướng XHCN và chống "diễn biến hòa bình" là yêu cầu, nhiệm vụ của quá trình thực hiện đường lối đổi mới, đồng thời chính những thành quả của sự phát triển lại tạo điều kiện, cơ hội cho việc bảo đảm định hướng XHCN và chống diễn biến hòa bình. Sự phát triển trên các lĩnh vực những năm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, trong đó có công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đã góp phần khôi phục, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng và con đường đi lên CNXH của đất nước chúng ta, đồng thời tạo tiền đề quan trọng để ngăn ngừa tình trạng "tự diễn biến, tự chuyển hóa" và "diễn biến hòa bình" ngay từ khi mới manh nha.

Bên cạnh đó, bối cảnh mới cũng đặt ra không ít thách thức gắn liền với những hạn chế trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Việc thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; giải phóng và không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân còn chậm; chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp còn nhiều vấn đề chưa thật phù hợp với nền kinh tế tổ chức theo hướng thị trường; thực hiện chế độ phân phối, khắc phục bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu nghèo, bảo đảm an sinh xã hội - phúc lợi xã hội vẫn còn bất cập… Bên cạnh đó, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên còn diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình" trên các lĩnh vực và nếu tình trạng này không được ngăn chặn, đẩy lùi "sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, sự tồn vong của chế độ".

5.3. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

5.3.1. Quan điểm chỉ đạo

- Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; thực hiện tự chủ chiến lược phát triển, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng, phát triển văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ XHCN, vai trò làm chủ và chủ thể của Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi nguồn lực, trong đó nguồn nội lực là chủ đạo, nguồn lực quốc tế là quan trọng; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối lớn, định hướng chiến lược, dẫn dắt nền kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân thật sự là một động lực quan trọng nhất của nền kinh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tế quốc gia; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giữ vai trò quan trọng.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; bảo đảm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Kiên trì và sáng tạo thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Trong quá trình hội nhập quốc tế cần đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết. Chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích chung của hòa bình, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

5.3.2. Định hướng mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế; củng cố niềm tin, phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển của toàn dân tộc tạo động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên phát triển mới; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ XHCN, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ vị thế và uy tín của đất nước; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước. Phấn đấu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao và hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên CNXH.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền vững, trước hết hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh, toàn diện, bền vững. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng 2 con số trong nhiệm kỳ 2026-2030 và giai

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đoạn tiếp theo. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, phát triển con người bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả quản lý phát triển xã hội, bảo đảm ổn định và phát triển an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho người dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống nhân dân trong tiến trình phát triển.

- Củng cố, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh; xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, bảo đảm tự chủ chiến lược, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5.3.3. Định hướng nhiệm vụ giải pháp

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền vững, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới.

Hoàn thiện đồng bộ thể chế để tạo nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Tập trung tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế chính trị vững mạnh, hiệu quả, trong đó tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; xác định rõ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tránh trùng lặp. Hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực trong Đảng gắn đồng bộ với thể chế kiểm soát quyền lực trong toàn hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, hiện đại và hội nhập nhằm giải phóng, khơi thông các nguồn lực cho phát triển, hình thành các động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy phát

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

triển lực lượng sản xuất mới, các ngành công nghiệp mới. Đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững, lấy người dân làm trung tâm. Xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa bảo đảm văn hóa phát triển ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội, để văn hóa thực sự là mục tiêu, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn, là hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững. Hoàn thiện đồng bộ thể chế, bảo vệ môi trường, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành nghiêm pháp luật. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng. Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xác định rõ trách nhiệm giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, thực hiện nguyên tắc địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước. Đổi mới cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư, ưu tiên thu hút các nguồn lực của xã hội phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng, các đô thị lớn, các ngành mũi nhọn, các công trình trọng điểm quốc gia và các dự án lớn mang tính liên kết vùng.

Đẩy mạnh CNH, HĐH lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Kiên định với mục tiêu ổn định và củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc; kiểm soát tốt lạm phát; bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể các ngành, lĩnh vực kinh tế trên phạm vi cả nước và từng địa phương, doanh nghiệp với tầm nhìn dài hạn, có lộ trình cụ thể; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển các ngành kinh tế theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững. Thúc đẩy liên kết phát triển vùng, nội vùng, phát triển các khu kinh tế và phát triển đô thị.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng cường thực hiện ba đột phá chiến lược và các mô hình, phương thức phát triển kinh tế mới. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh,... phù hợp với không gian phát triển mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chú trọng đào tạo, cung ứng nhân lực cho những ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế mới tạo đột phá

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn). Nghiên cứu, ban hành và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài. Phát triển mạnh khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu thúc đẩy đổi mới sáng tạo, để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực hàng đầu, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền vững trong giai đoạn tới. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng xanh. Thúc đẩy mạnh mẽ và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời tạo thuận lợi, khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành, lĩnh vực mới nổi; thúc đẩy liên kết phát triển vùng, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế. Phát triển kinh tế nhà nước thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm các cân đối lớn, định hướng chiến lược, dẫn dắt nền kinh tế. Phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; chú trọng phát triển các tập đoàn tư nhân Việt Nam lớn mạnh, có tầm chiến lược, hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thu hút có chọn lọc dự án đầu tư nước ngoài, tập trung chủ yếu cho các ngành công nghiệp công nghệ cao, tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng. Khẩn trương nâng cao năng lực phân tích, dự báo chiến lược và đánh giá rủi ro hệ thống, đáp ứng được nhu cầu xử lý những tình huống phức tạp phát sinh. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải được xây dựng đồng bộ với chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược đối ngoại và chiến lược hội nhập quốc tế để trở thành một tổng thể thống nhất, có hiệu lực và hiệu quả cao. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hội nhập kinh tế quốc tế thông qua rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống pháp luật và các thiết chế, cơ chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế. Nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế trong nước để giảm sự phụ thuộc quá lớn vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và thị trường nước ngoài.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện hiệu quả các đề án, dự án về tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên hướng chiến lược của Tổ quốc. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Tiếp tục xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học, công nghệ cao, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Thứ hai, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật, gắn với gìn giữ, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hoá, giá trị quốc gia dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại; có cơ chế, chính sách hiệu quả đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và sự quản lý, quản trị của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ Trung ương đến cơ sở. Cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa. Quán triệt, cụ thể hoá quan điểm "văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội".

Xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa và phát triển con người, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, để văn hóa thật sự trở thành nền tảng vững chắc, là động lực, nguồn lực nội sinh quan trọng của sự phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho Nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phát huy tối đa nhân tố con người và các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với tăng trưởng kinh tế.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, công chức và đảng viên; tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách văn hóa. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đột phá phát triển mạnh công nghiệp văn hóa; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hóa độc đáo có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu ra thế giới.

Phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, bảo đảm sự công bằng. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hóa Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu. Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Tiếp tục sắp xếp hệ thống báo chí, truyền thông theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản, người đứng đầu; có giải pháp hiệu quả để chấn chỉnh, xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm, nhất là những sai phạm trên môi trường mạng. Hoàn thiện hệ thống giám sát, cảnh báo trên không gian mạng để sớm phát hiện, ngăn chặn, bóc gỡ các tin xấu, độc từ nguồn phát tán. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục người dân nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần cảnh giác khi tham gia vào môi trường mạng truyền thông.

Tiếp tục đổi mới, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hiện đại, công bằng và chất lượng. Thực hiện đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục, đào tạo. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị Việt Nam thời đại mới. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường, lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; tăng cường chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục, đào tạo.

Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó chú trọng tháo gỡ các rào cản về hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế, tài chính, thủ tục hành chính, tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả của các loại hình văn hóa, văn nghệ, tài nguyên di sản. Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Thứ ba, phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững trên cơ sở dân chủ, khoa học, pháp quyền

Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng XHCN trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội và con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hoà.

Xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú. Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của Nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm...

Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững. Xác lập các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động phù hợp với sự phát triển của thị trường, xây dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản miễn viện phí toàn dân. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, trẻ em và các chính sách dân tộc, tôn giáo. Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số.

Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiến bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Đánh giá đầy đủ giá trị tài nguyên, định giá, hạch toán, quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, theo nguyên tắc thị trường, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên. Chú trọng phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế, thân thiện với môi trường. Tăng cường bảo vệ môi trường theo phương châm ứng xử hài hoà với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái; lấy bảo vệ sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

Thứ tư, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định để phát triển đất nước

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh bảo đảm phù hợp với từng đối tượng.

Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật nhằm tăng cường năng lực quốc phòng, an ninh; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh ở các bộ, ngành, địa phương. Quan tâm chăm lo thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang và chính sách hậu phương quân đội, công an.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng, an ninh chuẩn bị nguồn lực quốc gia; nâng cao năng lực tự chủ chiến lược và khả năng huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu mọi tình huống quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp vững chắc, tạo thế bố trí phòng thủ liên hoàn, vững chắc trên từng địa bàn và phạm vi cả nước. Nâng cao năng lực phòng, chống chiến tranh không gian mạng, chiến tranh thông tin, bảo vệ vững chắc chủ quyền Tổ quốc trên không gian mạng.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, bảo đảm biên chế, xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo hướng "Bộ tinh, tỉnh mạnh, xã bám cơ sở".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Chủ động nghiên cứu, nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra các chủ trương, đối sách xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ, không để mâu thuẫn, tranh chấp phát triển thành xung đột vũ trang, chiến tranh. Chú trọng nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, giải pháp tổng thể, cơ bản, lâu dài ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; giải quyết vấn đề biển, đảo, nhất là Biển Đông, biên giới và vùng biển Tây Nam.

Chú trọng bổ sung, kiện toàn các cơ chế, quy định, nhất là sự phối hợp giữa Bộ Quốc phòng, Bộ Công an với các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương trong xử lý các tình huống bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội; sẵn sàng ứng phó hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình quan trọng, các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước.

Thứ năm, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, đưa quan hệ đối ngoại vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước; không ngừng nâng cao tiềm lực, vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Thúc đẩy các mối quan hệ song phương đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững lâu dài. Ưu tiên hàng đầu quan hệ với các nước láng giềng có chung biên giới. Phát huy vai trò của quan hệ đối ngoại đảng trong việc định hướng chiến lược tổng thể cho quan hệ song phương. Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương; phát huy vai trò thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương khu vực và quốc tế.

Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước. Tăng cường nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về công tác đối ngoại chủ động, kịp thời phát hiện cơ hội, thách

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thức. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại. Làm tốt công tác bảo hộ công dân và phát huy tối đa nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp phục vụ phát triển đất nước.

Thứ sáu, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị; hoàn thiện và phát huy nền dân chủ XHCN; xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc

(1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định đường lối đổi mới, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Nâng cao chất lượng công tác hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục. Đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Đổi mới giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về chuẩn mực đạo đức cách mạng, trách nhiệm nêu gương. Nêu gương phải thực sự trở thành một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Kịp thời chấn chỉnh những hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, tiên phong, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện và tiếp tục hoàn thiện mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm sự đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng với pháp luật của Nhà nước về tổ chức bộ máy, hoạt động và biên chế của hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền của từng cơ quan, tổ chức, địa phương. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Thực hiện kiên quyết đồng bộ, hiệu quả việc bố trí chức danh bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chánh thanh tra, giám đốc công an tỉnh, thành phố không phải là người địa phương; nghiên cứu thực hiện việc bố trí chức danh người đứng đầu các ngành, lĩnh vực: Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, thuế cấp tỉnh không phải người địa phương. Nâng cao chất

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; gắn kiểm tra, giám sát với các phương thức kiểm soát quyền lực khác. Hoàn thiện và kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực hiệu quả thể chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế chính sách để không thể, không dám, không muốn, không cần tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo hướng thiết thực, tăng cường đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

(2) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát, quyền lực Nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, trong đó cụ thể hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" nhằm xác định "đúng vai", đúng thẩm quyền để Đảng không bao biện, làm thay, lấn sân Nhà nước và ngược lại Đảng cũng không khoán trắng, buông lỏng lãnh đạo. Tăng cường chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

(3) Tiếp tục coi trọng xây dựng và phát huy nền dân chủ XHCN; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân; xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp, thuận lợi để Nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước; nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân. Đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động, mở rộng, đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp nhân dân, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng mạnh về cơ sở với phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân.

KẾT LUẬN

Sau 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao với định hướng XHCN được giữ vững; vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của quốc gia được nâng cao; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Những thành tựu đó là những minh chứng rõ nét cho tính đúng đắn của đường lối đổi mới phát triển đất nước theo con đường XHCN mà Đảng Cộng sản và Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng XHCN trong 40 năm qua ở Việt Nam đã giúp cho chúng ta nhìn nhận rõ sự biến chuyển của tình hình thế giới và khu vực tác động đến quá trình xây dựng và phát triển đất nước, sự nhạy bén và tầm nhìn dự báo sáng suốt của Đảng cũng như sự thích ứng linh hoạt để tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, sáng tạo trong đường lối, chủ trương, giải pháp đưa lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên các lĩnh vực; đồng thời qua tổng kết thấy rõ những khó khăn và hạn chế, rút ra những kinh nghiệm quý báu tạo cơ sở vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới trên con đường xây dựng CNXH.

Qua tổng kết 40 năm đổi mới cũng đã cho ta khái quát rõ hơn sự phát triển sáng tạo lý luận về đường lối đổi mới xây dựng CNXH ở Việt Nam, góp phần bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường đi lên CNXH. Lý luận về đường lối đổi mới đã xác định ngày càng rõ mục tiêu, đặc trưng, phương hướng, các mối quan hệ lớn và các trụ cột chính của CNXH Việt Nam, đã và đang soi đường cho hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH Việt Nam.

Chính thực tiễn xây dựng CNXH 40 năm qua đã đặt ra không ít vấn đề cả trên phương diện lý luận và thực tiễn cần tiếp tục giải quyết. Đặc biệt trong bối cảnh mới đang biến chuyển khôn lường khó dự báo, tác động đến sự phát triển của đất nước, đưa lại thời cơ và đặt ra thách thức trước sự nghiệp xây dựng đất nước vì

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc đòi hỏi chúng ta tiếp tục nghiên cứu, luận giải sâu sắc và có những giải pháp phù hợp để phát triển nhanh và bền vững.

Những thành tựu, kinh nghiệm của 40 năm đổi mới không chỉ là niềm tự hào của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, mà chính là căn cứ và niềm tin vững chắc để chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ hơn, phấn đấu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên CNXH./.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Dự thảo

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) và đề xuất, định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

---

I. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Công tác quán triệt, cụ thể hoá Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng

1.1. Công tác quán triệt

Đại hội XI của Đảng *(tháng 01/2011)* thông qua các văn kiện, trong đó có Điều lệ Đảng *(bổ sung, sửa đổi)*; Đại hội XII, XIII của Đảng[1] *(các năm 2016, 2021)* đồng ý giữ nguyên Điều lệ Đảng hiện hành. Ngay sau Đại hội XI, Ban Bí thư đã tổ chức hội nghị toàn quốc quán triệt các văn kiện được Đại hội thông qua. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở Trung ương đã chủ động hướng dẫn công tác tổ chức học tập, quán triệt các văn kiện trong toàn Đảng; biên soạn và cung cấp tài liệu, đề cương, cử cán bộ có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng giúp các cấp uỷ tổ chức học tập, quán triệt tại các hội nghị cán bộ chủ chốt. Cấp uỷ các cấp đã xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị học tập, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng. Công tác phổ biến, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng[2], tập trung làm rõ những điểm mới trong Điều lệ Đảng. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, XIII, Trung ương đã tổ chức hội nghị kết hợp trực tiếp và trực tuyến từ Trung ương đến địa phương để quán triệt và chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai học tập các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng của Trung ương đến cán bộ, đảng viên. Việc học tập, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương được tổ chức theo đúng kế hoạch đề ra; qua đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong thi hành Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

---

[1] Đại hội XII của Đảng thông qua Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI; Đại hội XIII của Đảng thông qua Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII.

[2] Như: Tổ chức hội nghị, sao gửi văn bản, báo cáo chuyên đề, phát động các cuộc thi tìm hiểu, các kỳ sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ *(định kỳ, chuyên đề)*, trao đổi, phản ánh… và tuyên truyền, phổ biến qua các kênh thông tin chính thống *(báo, đài, web... của địa phương, cơ quan, đơn vị)*.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tuy nhiên, việc tổ chức học tập, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương ở một số nơi chưa kịp thời, có nơi còn hình thức; nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về Điều lệ Đảng chưa thực sự sâu sắc, một số cán bộ, đảng viên chưa nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

1.2. Về cụ thể hoá

Đại hội XI của Đảng đã thông qua Điều lệ Đảng với một số nội dung bổ sung, sửa đổi để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới và phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội *(bổ sung, phát triển năm 2011)*. Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng giao Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của Đại hội để điều chỉnh những vướng mắc, bất cập thông qua các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.

Tại hội nghị Trung ương lần thứ 3 của các khoá XI, XII, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành các quy định về thi hành Điều lệ Đảng, riêng nhiệm kỳ Đại hội XIII, để tạo cơ sở chính trị, pháp lý thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy và bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương đã 03 lần ban hành quy định thi hành Điều lệ Đảng; 03 lần ban hành quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới[3]; Ban Bí thư 02 lần ban hành hướng dẫn về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng. Căn cứ tình hình thực tiễn của công tác xây dựng Đảng, Trung ương đã tiến hành rà soát, ban hành, bổ sung, sửa đổi nhiều quy định, hướng dẫn để cụ thể hoá Điều lệ Đảng, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và xã hội, tập trung vào các lĩnh vực như: đảng viên và công tác đảng viên; nguyên tắc tập trung dân chủ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác và quy chế làm việc mẫu của các tổ chức; về bầu cử trong Đảng; nhiệm kỳ, đại biểu, đoàn chủ tịch đại hội; cấp uỷ và cấp uỷ viên khoá mới; nhiệm vụ của đại hội, đại biểu dự đại hội đảng bộ; số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra cấp uỷ; tổ chức cơ sở đảng, chi bộ; tổ chức đảng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, Công an Nhân dân Việt Nam; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp; khen thưởng tổ chức

[3] Chỉ đạo thí điểm: (1) Giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương. (2) Sinh hoạt trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt. (3) Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp dưới. (4) Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ: Các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương. (5) Tổ chức các đảng bộ xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ là đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng. (6) Đại hội chi bộ năm năm một lần.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đảng và đảng viên; về công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; Đoàn Thanh niên; tài chính Đảng; về ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong Đảng... Các quy định, hướng dẫn của Trung ương đã kịp thời bổ sung, sửa đổi, đồng bộ với các văn bản của Đảng mới ban hành, giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn và những vướng mắc, bất cập trong thi hành Điều lệ Đảng, nhất là các vấn đề về tổ chức, cán bộ, đảng viên, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc ở Trung ương đã chủ động, tích cực nghiên cứu, phối hợp với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan liên quan sơ kết, tổng kết thực tiễn, kịp thời hướng dẫn các cấp uỷ, tổ chức đảng về nghiệp vụ trong quá trình thi hành Điều lệ Đảng, như về đảng viên và công tác đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng, chuyển giao tổ chức đảng, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tham mưu giúp cấp uỷ tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã tích cực, chủ động cụ thể hoá[4] một số nội dung của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương, nhất là những nội dung quy định khung, nguyên tắc phù hợp với đặc điểm, tình hình, điều kiện của địa phương, đơn vị. Đồng thời, chủ động ban hành các văn bản để giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, mạnh dạn đổi mới, thực hiện thí điểm các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong thi hành Điều lệ Đảng.

Nhìn chung, các chủ trương, nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng ban hành cụ thể hoá Điều lệ Đảng cơ bản phù hợp tình hình thực tiễn, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, khả thi, nội dung ngày càng rõ hơn, thuận lợi cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thi hành.

Tuy nhiên, một số nội dung trong các quy định, hướng dẫn của Trung ương còn mang tính khái quát cao, chưa bao quát hết các đối tượng, khó khăn khi thực hiện[5], việc cụ thể hoá một số quy định còn chưa kịp thời.

1.3. Về kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát việc quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương được các cấp uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc,

---

[4] Từ năm 2016 đến 31/12/2023, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương, đã ban hành 176.969 văn bản cụ thể hoá *(nội dung này sẽ cập nhật bổ sung sau).*

[5] Như: Về tư cách của đảng viên; về đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên; mối quan hệ, trách nhiệm giữa tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong tổ chức và hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quan tâm thực hiện[6]; cuối nhiệm kỳ Trung ương, các cấp uỷ đã tiến hành công tác kiểm tra gắn với việc tổng kết thi hành Điều lệ Đảng[7], bảo đảm Điều lệ Đảng được phổ biến, quán triệt sâu rộng, thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất trong toàn Đảng.

Hạn chế: Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức quán triệt, thi hành Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ chưa được thực hiện kịp thời, thường xuyên.

2. Kết quả triển khai thi hành Điều lệ Đảng

2.1. Phần mở đầu (Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng)

Thực hiện tôn chỉ, mục đích, lý tưởng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tuyệt đại đa số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường tư tưởng chính trị; kiên định Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng; chấp hành nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách phù hợp quy luật khách quan, xu thế thời đại, thực tiễn của đất nước và nguyện vọng của Nhân dân; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, thường xuyên tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, gắn bó mật thiết với Nhân dân; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; chú trọng thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, phát huy nội lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của đất nước và từng địa phương, chủ động khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức thực hiện

---

[6] Cấp uỷ các cấp đã kiểm tra 740.263 tổ chức đảng và 3.676.137 đảng viên (theo Công văn số 6500-CV/UBKTTW, ngày 11/7/2025 của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương).

[7] - Nhiệm kỳ Đại hội XI: (1) Tiểu ban Điều lệ Đảng tổ chức 04 đoàn *(do các đồng chí là Thường trực Tiểu ban làm Trưởng đoàn)* tiến hành kiểm tra tại 10 đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. (2) Tổ Biên tập của Tiểu ban Điều lệ Đảng đã thành lập 06 đoàn kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng tại 23 đảng bộ tỉnh, thành phố, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; ban cán sự đảng, đảng đoàn một số bộ, ngành, cơ quan Trung ương, doanh nghiệp và một số đơn vị quân đội, công an.

- Nhiệm kỳ Đại hội XII, Tiểu ban Điều lệ Đảng tổ chức 08 đoàn *(do các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Thành viên Tiểu ban làm Trưởng đoàn)*, tiến hành kiểm tra tại 14 cấp uỷ, tổ chức đảng.

- Nhiệm kỳ Đại hội XIII, Tiểu ban Điều lệ Đảng tổ chức 10 đoàn *(do các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Thành viên Tiểu ban làm Trưởng đoàn)*, tiến hành kiểm tra tại 10 cấp uỷ, tổ chức đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra.

Tuy nhiên, một số nội dung mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội *(Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn kiện ban hành trong các nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chưa được cập nhật, bổ sung trong Điều lệ Đảng[8].

2.2. Về đảng viên (Chương I)

Nhiệm vụ của đảng viên quy định trong Điều lệ Đảng được hầu hết các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghiêm túc. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã thực hiện nền nếp việc phân công cấp uỷ viên theo dõi, phụ trách các tổ chức đảng cấp dưới, trực tiếp dự sinh hoạt chi bộ; phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực của đảng viên và điều kiện cụ thể của từng chi bộ; nhiều chi bộ khu dân cư đã phân công đảng viên theo dõi, phụ trách hộ gia đình, nâng cao ý thức trách nhiệm, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, tăng cường quản lý và đánh giá đảng viên chặt chẽ, chính xác hơn.

Quyền của đảng viên được hầu hết các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm, thực hiện bảo đảm đúng quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, quy chế của Trung ương, của cấp uỷ các cấp. Đảng viên được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng; thảo luận, tham gia ý kiến trước khi biểu quyết ban hành các nghị quyết của tổ chức đảng và các công việc của Đảng, kể cả nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, góp phần bảo đảm chế độ sinh hoạt của Đảng ngày càng dân chủ và thực chất hơn; đồng thời, giúp đảng viên kịp thời nắm bắt tốt hơn đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; được ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng; phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời; trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình; khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình.

---

[8] Cương lĩnh chính trị: *"Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;....; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới."... "Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội".*
Hiến pháp (Điều 4): "*2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. 3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*".
Văn kiện Đại hội XIII *(về phương hướng của công tác xây dựng Đảng)*: "*Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước*".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Trong các nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII, công tác phát triển đảng viên tiếp tục được cấp uỷ các cấp quan tâm lãnh đạo thực hiện đạt kết quả tích cực. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XI đến tháng 5/2025, toàn Đảng đã kết nạp 2.623.209 đảng viên. Nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có tỉ lệ kết nạp đảng viên tăng cao[9]. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên cơ bản được tuân thủ nghiêm túc; việc kết nạp lại người vào Đảng, kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt được các cấp uỷ xem xét thận trọng, khách quan[10]. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đều có ý chí rèn luyện tốt, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, có ý thức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy tốt vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong các hoạt động ở cơ sở và được xét, công nhận đảng viên chính thức đúng thủ tục, quy trình, thời gian quy định. Việc xoá tên đảng viên, cho đảng viên ra khỏi Đảng được nghiêm túc thực hiện, bảo đảm giữ vững kỷ cương của Đảng[11].

Tính đến ngày 31/5/2025, toàn Đảng có 5.558.731 đảng viên; cơ cấu đảng viên chuyển biến theo hướng tích cực, tỉ lệ đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo ngày càng tăng[12]. Cùng với việc quan tâm phát triển đảng viên, các cấp uỷ, tổ chức đảng chú trọng nghiên cứu và có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ của đảng viên, nhất là của số đảng viên kết nạp trong nhiệm kỳ này được nâng lên[13]. Số đảng viên được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên theo đánh giá hằng năm chiếm tỉ lệ cao.

Thẩm quyền và việc giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên[14]; phát, quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và chuyển sinh hoạt cho tổ chức đảng, đảng viên được các cấp uỷ, tổ chức đảng, ban tổ chức cấp uỷ thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Thực hiện nền nếp đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú, góp phần tăng cường tinh

---

[9] Theo số liệu của năm 2023, một số tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có tỉ lệ kết nạp Đảng cao: Đảng uỷ Khối Doanh nghiệp Trung ương (6,19%), Điện Biên (5,74%), Đảng uỷ Công an Trung ương (5,31%), Quân uỷ Trung ương (5,08%), Bình Thuận (4,95%), Khánh Hoà (4,72%),...

[10] Kết quả kết nạp lại 1.752 đảng viên (0,07%).

[11] Tính đến 31/12/2022, xoá tên 81.684 đảng viên; khai trừ 21.469 đảng viên; xin ra khỏi đảng 34.202 đảng viên.

[12] Trong số đảng viên được kết nạp trong 03 nhiệm kỳ, có 81,65% là đoàn viên, 45,79% là nữ, 8,81% là công nhân, 15,43% là nông dân, 5,02% là học sinh, sinh viên, 15,98% là người dân tộc thiểu số; so với tỉ lệ đảng viên được kết nạp năm 2010 thì tỉ lệ đảng viên là nữ tăng 8,55%, là công nhân tăng 1,44%, là nông dân giảm 3,78%, là học sinh, sinh viên tăng 2,73%, là người dân tộc thiểu số tăng 3,68%.

[13] 2.698.401 đảng viên có trình độ đại học, cao đẳng (tăng 122,86% so với năm 2010); 311.207 đảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (tăng 400,65% so với năm 2010). Trong số 2.395.786 đảng viên mới được kết nạp trong 03 nhiệm kỳ, có 634.647 đảng viên trình độ từ đại học trở lên (26,49%).

[14] Phục hồi đảng tịch cho 204 đảng viên *(Thời điểm tính từ năm 2010 đến 31/12/2023)*.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thần trách nhiệm của đảng viên đang công tác và trách nhiệm quản lý đảng viên của tổ chức đảng nơi cư trú.

Nhìn chung, các quy định về đảng viên, công tác đảng viên, như: Tiêu chuẩn đảng viên, điều kiện xét kết nạp vào Đảng; nhiệm vụ, quyền của đảng viên; phát triển đảng viên; thời kỳ dự bị, mốc tính tuổi đảng; thủ tục, thẩm quyền, quy trình xét, công nhận đảng viên chính thức; quản lý đảng viên đi làm ăn xa, ra ngoài nước; việc xoá tên đảng viên; cho đảng viên ra khỏi Đảng; đảng tịch của đảng viên; phát, quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên; việc chuyển sinh hoạt đảng; đảng viên sinh hoạt hai chiều; đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng được quy định trong Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương khá cụ thể, cơ bản phù hợp và đáp ứng tình hình thực tế, được các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng nguyên tắc và tạo thuận lợi cho đảng viên.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Một số cấp uỷ cơ sở, chi bộ còn lúng túng, có sai sót trong thực hiện quy trình, thủ tục, thẩm quyền kết nạp đảng viên, xét công nhận đảng viên chính thức[15], xoá tên đảng viên và trong thực hiện chất vấn, trả lời chất vấn của đảng viên. Việc quản lý thẻ đảng viên còn một số hạn chế, cơ bản không thu hồi được thẻ đảng theo quy định đối với đảng viên bị khai trừ, nhiều đảng viên làm mất thẻ đảng; một số cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên chưa chặt chẽ, tài liệu trong hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định. Một số chi bộ cho giảm, miễn công tác, sinh hoạt đảng theo diện tuổi cao, sức yếu chưa đúng thực chất, điều kiện. Một số đảng viên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ đảng viên; tự ý không nộp hồ sơ đảng viên đến nơi sinh hoạt mới; khi ra nước ngoài lao động chậm hoặc không chuyển sinh hoạt đảng theo quy định.

Hướng dẫn về độ tuổi được kết nạp đảng viên còn có cách hiểu khác nhau, lúng túng trong thực hiện[16]. Một số nội dung về giới thiệu sinh hoạt đảng và sinh hoạt đảng tạm thời chưa sát với tình hình thực tiễn, nhất là đối với đảng viên thường xuyên đi làm xa nơi sinh hoạt đảng chính thức, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm, nơi ở ổn định.

2.3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)

Quy định về Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện nghiêm. Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; định kỳ các cấp uỷ báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp uỷ cấp trên

---

[15] Đối với trường hợp đảng viên dự bị bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo.

[16] Khoản 2 Điều 1 của Điều lệ Đảng quy định: *"Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên"*; Quy định thi hành Điều lệ Đảng: "*người vào Đảng phải đủ 18 tuổi đến đủ 60 tuổi (tính theo tháng)*".

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

và cấp dưới, thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc; thực hiện tự phê bình và phê bình gắn với việc đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân; dân chủ thảo luận và thông qua nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định trong phạm vi quyền hạn khi có hơn một nửa số thành viên tán thành, nội dung không trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên; hầu hết các tổ chức đảng, đảng viên nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương, qua đó góp phần xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với Nhà nước, xã hội và từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Quy định đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, quyết định, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết, quyết định của Đảng, cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó, không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được nghiêm túc thực hiện.

Trên cơ sở Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, quy chế làm việc mẫu, các tổ chức trong toàn Đảng đã tập trung xây dựng, thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ bản các tổ chức thực hiện nghiêm quy chế làm việc, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Quy định về hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước cơ bản được thực hiện nghiêm, thống nhất trong cả nước; thực hiện đồng bộ việc sắp xếp tổ chức đảng với sắp xếp các đơn vị hành chính 02 cấp và thôn, tổ dân phố, bảo đảm sự lãnh đạo liên tục, toàn diện của cấp uỷ đối với hoạt động của các địa phương, cơ quan, đơn vị trước, trong và sau khi sắp xếp. Từ 01/7/2025, toàn Đảng có 34 đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 3.321 đảng bộ xã, phường, đặc khu.

Hầu hết tổ chức cơ sở đảng tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc đơn vị công tác đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; một số tổ chức cơ sở đảng tại các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo khu vực đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng ngành dọc tại địa phương[17], bảo đảm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng đối với cơ quan, đơn vị.

[17] Tổ chức cơ sở đảng tại chi cục thuế, kho bạc nhà nước, hải quan, thống kê, bảo hiểm xã hội, thi hành án dân sự, quản lý thị trường... được tổ chức theo khu vực.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Việc lập, kết thúc hoạt động của các đảng bộ khối, đảng bộ ở những nơi có đặc điểm riêng trực thuộc Trung ương, trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh và các đảng bộ, chi bộ trực thuộc được thực hiện thống nhất theo quy định của Trung ương; ***đến nay, Trung ương đã quyết định kết thúc hoạt động 02 đảng bộ khối ở Trung ương và cơ bản kết thúc hoạt động các đảng bộ khối cấp tỉnh, thành lập 04 đảng bộ trực thuộc Trung ương[18], 02 đảng bộ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ[19], 02 đảng bộ trực thuộc đảng uỷ xã, phường, đặc khu[20]***. Việc giao quyền cấp trên cơ sở và thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, uỷ quyền kết nạp, khai trừ đảng viên cho đảng uỷ cơ sở góp phần tăng cường phân cấp, cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, khắc phục một số vướng mắc, bất cập trong hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng có vị trí quan trọng, hoạt động trên phạm vi rộng, số lượng đảng viên lớn. Hệ thống tổ chức đảng ở ngoài nước và tổ chức đảng trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước được quan tâm củng cố và có nhiều đổi mới; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng uỷ cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước được quy định rõ, khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp uỷ trong doanh nghiệp.

Quy chế bầu cử trong Đảng và các hướng dẫn của Ban Bí thư đã được các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Nguyên tắc, hình thức bầu cử; quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan đến bầu cử; việc ứng cử, đề cử, quy định về số dư, trình tự, thủ tục bầu cử phù hợp với tình hình thực tế. Các chỉ thị của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các quy định của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên được quy định rõ ràng đã góp phần thực hiện tốt việc kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên các cấp bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Hệ thống các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Trung ương, của cấp uỷ tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn, đổi mới theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tinh giản biên chế, tinh gọn đầu mối bên trong, giảm số lượng lãnh đạo quản lý; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác được rà soát, bổ sung, sửa đổi, quy định rõ hơn.

Để tham mưu, giúp cấp uỷ triển khai, thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp uỷ đã lập các tiểu ban[21], hội đồng[22], tổ công tác, ban chỉ đạo[23] và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

---

[18] Gồm: (1) Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương; (2) Đảng bộ Chính phủ; (3) Đảng bộ Quốc hội; (4) Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

[19] Gồm: (1) Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố; (2) Đảng bộ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố.

[20] Gồm: (1) Đảng bộ các cơ quan Đảng xã, phường, đặc khu; (2) Đảng bộ uỷ ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

[21] Ban Chấp hành Trung ương, các cấp uỷ thành lập các tiểu ban chuẩn bị, phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc và đại hội đảng bộ các cấp. Bộ Chính trị thành lập Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhìn chung, các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng trong Điều lệ Đảng là phù hợp, quá trình thực hiện thuận lợi, nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định về nhiệm kỳ, về đại biểu, đoàn chủ tịch đại hội, về cấp uỷ và cấp uỷ viên khoá mới cơ bản được thực hiện nghiêm; các loại hình tổ chức đảng đã phát huy hiệu quả tích cực trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, cơ bản lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp được sắp xếp, đổi mới, hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: ***Việc cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ còn rải rác ở nhiều văn bản, chưa hệ thống, do đó, nhận thức về nguyên tắc tập trung dân chủ chưa thống nhất, chưa đầy đủ.*** Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, hạn chế tranh luận, thảo luận trong sinh hoạt đảng, thậm chí có nơi còn vi phạm nghiêm trọng. Trong sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ việc tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi chưa thực chất, chưa thường xuyên, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Một số cấp uỷ viên, đảng viên chưa nắm vững và chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thực hiện chưa đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của cấp uỷ viên và đảng viên[24]. Việc xây dựng quy chế làm việc ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa chú trọng nội dung, nguyên tắc, chưa cụ thể hoá nhiệm vụ, thẩm quyền sát với địa phương, cơ quan, đơn vị; có nơi chậm ban hành, chất lượng quy chế không bảo đảm; có nơi thực hiện quy chế làm việc chưa nghiêm túc. Một số mô hình tổ chức đảng do địa phương, đơn vị thí điểm[25] thực hiện thiếu đồng bộ, thống nhất, không hiệu quả, chưa phù hợp quy định thi hành Điều lệ Đảng phải kết thúc hoạt động. Mô hình đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, ***trực thuộc cấp uỷ*** cấp tỉnh còn nhiều hạn chế, bất cập *(đã kết thúc hoạt động từ ngày 24/01/2025)*.

2.4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương (Chương III)

Trong mỗi nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương đã xây dựng Chương trình công tác toàn khoá[26], đề ra các nhiệm vụ lớn, quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ

---

[22] Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương; Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Hội đồng khoa học các ban đảng Trung ương.

[23] Ban Chấp hành Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương; các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại; Ban Chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18; Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...

[24] Có 44.178 cấp uỷ viên bị kỷ luật.

[25] Mô hình đảng bộ cơ sở cơ quan đảng, đoàn thể cấp huyện; đảng bộ cơ sở cơ quan chính quyền cấp huyện; đảng bộ cơ sở khối doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cấp huyện; đảng bộ cơ sở cơ quan tập đoàn kinh tế, tổng công ty, Ngân hàng TMNN, đảng bộ bộ phận thôn, ấp, khu dân cư.

[26] Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI *(số 18-CTr/TW, ngày 19/7/2011)*; Chương trình làm việc khoá XII *(số 06-CTr/TW, ngày 16/3/2016)*; Chương trình làm việc khoá XIII *(số 04-CTr/TW, ngày 15/3/2021)*.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đạo toàn diện, đồng bộ các mặt công tác; Ban Chấp hành Trung ương cơ bản thực hiện đúng chương trình đề ra và có sự điều chỉnh kịp thời để đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phù hợp tình hình đất nước. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khoá[27] đã kế thừa những nội dung phù hợp của khoá trước, bổ sung một số nội dung mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phân định rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và được tổ chức thực hiện nghiêm. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động, luôn đoàn kết, thống nhất cao trong các quyết định của mình, nhất là những vấn đề mới, khó, nhạy cảm, phức tạp, góp phần quyết định và bảo đảm giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thực sự đề cao trách nhiệm, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể trong việc cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII thành các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định, quy chế[28] và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trong toàn Đảng.

Các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và nhất là Đồng chí Tổng Bí thư đã dành thời gian làm việc trực tiếp với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, kiểm tra và tìm hiểu, nắm tình hình thực tế ở cơ sở. Thường trực Ban Bí thư, các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương đã tăng cường giao ban định kỳ với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và địa phương để nắm tình hình và chỉ đạo phối hợp xử lý các vấn đề mới nảy sinh.

Nhìn chung, các quy định về Đại hội đại biểu toàn quốc, về Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương là phù hợp, phát huy hiệu quả trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội; những chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng và thí điểm một số chủ trương mới, về phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.5. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương (Chương IV)

Các cấp uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đúng Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về nội dung, nhiệm vụ của đại hội, đại biểu dự đại hội đảng bộ; về số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, uỷ

---

[27] Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XI *(số 25-QĐ/TW, ngày 18/7/2011)*; Quy chế làm việc của khoá XII *(số 25-QĐ/TW, ngày 18/7/2016)*; Quy chế làm việc của khoá XIII *(số 01-QC/TW, ngày 28/7/2021)*.

[28] Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về công tác cán bộ; về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; về phát triển kinh tế tư nhân; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hội nhập kinh tế; quy định về trách nhiệm nêu gương.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

viên uỷ ban kiểm tra cấp uỷ; về nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ, bí thư, phó bí thư cấp uỷ cấp tỉnh, cấp huyện *(từ ngày 01/7/2025 là xã, phường, đặc khu)*.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương được quan tâm xây dựng, kiện toàn vững mạnh. Hầu hết các cấp uỷ, ban thường vụ đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt theo hướng thiết thực và hiệu quả; lãnh đạo, chỉ đạo, thảo luận, quyết định các vấn đề theo đúng thẩm quyền, thể hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng ở địa phương; phân công rõ nhiệm vụ cho từng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, thường trực cấp uỷ. Cấp uỷ cấp trên thường xuyên kiểm tra, giám sát cấp uỷ cấp dưới trong việc xây dựng, thực hiện quy chế làm việc để kịp thời chấn chỉnh những nội dung chưa đúng với quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương và pháp luật của Nhà nước, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Việc chỉ định cấp uỷ và bổ sung phương hướng, nhiệm vụ đối với tổ chức đảng thành lập mới, hợp nhất, sáp nhập, chia tách được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ, nhất là tại những nơi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan, đơn vị, bảo đảm các tổ chức đảng và cấp uỷ hoạt động liên tục, giữ vững vai trò lãnh đạo và không phải tổ chức đại hội nhiều lần.

Nhìn chung, các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương trong Điều lệ Đảng được tổ chức thực hiện nghiêm, góp phần nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của đại hội, những chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và tổ chức thực hiện thí điểm một số chủ trương mới tại địa phương.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thường trực cấp uỷ, nhất là mối quan hệ công tác giữa đồng chí bí thư cấp uỷ và đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân có nơi còn lúng túng. Chương IV quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương chưa quy định cấp uỷ xã là cơ quan lãnh đạo ở cấp xã.

2.6. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

Tính đến ngày 31/5/2025, toàn Đảng có 49.733 đảng bộ, chi bộ cơ sở[29], 2.633 đảng bộ bộ phận, 235.694 chi bộ trực thuộc. Việc thành lập các tổ chức cơ

[29] Trong đó, 27.079 chi bộ cơ sở.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

sở đảng, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc bảo đảm đúng Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, bài bản, có hiệu quả các quy định của Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Trung ương về: xây dựng tổ chức cơ sở đảng; chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước; đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ; đặc biệt, kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảng uỷ xã, phường, đặc khu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu hoàn thành công tác kiện toàn tổ chức, sắp xếp cán bộ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động thông suốt, gần dân, sát dân, cơ bản đáp ứng các yêu cầu quản trị xã hội hiện đại. Đa số tổ chức cơ sở đảng đã phát huy vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và Nhân dân hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được Điều lệ Đảng, Trung ương quy định.

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm được các cấp uỷ, tổ chức đảng nghiêm túc tổ chức thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương, từng bước khắc phục bệnh thành tích, đúng thực chất hơn.

Các cấp uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nghiêm túc chấp hành Điều lệ Đảng, chỉ thị của Bộ Chính trị, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về nội dung, nhiệm vụ, nhiệm kỳ, đại biểu dự đại hội đảng bộ, chi bộ; cơ bản bầu đủ số lượng, bảo đảm chất lượng uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, chi uỷ, bí thư, phó bí thư; duy trì nền nếp chế độ, hình thức sinh hoạt của chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ, đảng bộ cơ sở theo quy định; thí điểm sinh hoạt trực tuyến theo hướng dẫn của Trung ương; một số chi bộ đông đảng viên được tổ chức và hoạt động theo tổ đảng. Thực hiện đúng quy định về việc lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên.

Nhìn chung, các quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về: lập tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc; nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, của ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc; đại hội của tổ chức cơ sở đảng *(nội dung, nhiệm vụ của đại hội; đại biểu dự đại hội; về bầu cấp uỷ, số lượng uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ)*; về chế độ sinh hoạt của chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ, đảng bộ cơ sở; chi uỷ, bí thư, phó bí thư chi bộ; hình thức sinh hoạt chi bộ, nhất là ở các chi bộ có đông đảng viên, có đảng viên hoạt động phân tán; việc sinh hoạt đảng trực tuyến; tổ chức và hoạt động của chi bộ trực thuộc có trên 30 đảng viên; tổ đảng và hoạt động của tổ đảng được thực hiện nghiêm, ổn định từ nhiều năm, cơ bản phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức cơ sở đảng, chi bộ, góp phần củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Một số địa phương lập mô hình đảng bộ bộ phận chưa đúng quy định; nhiều chi bộ khu dân cư, tổ dân phố quá đông đảng viên. Hoạt động của đảng bộ bộ phận còn lúng túng, gặp nhiều vướng mắc, tầng nấc, vai trò hạn chế, nhất là trong công tác kiểm tra, giám sát các chi bộ trực thuộc, đảng viên[30] và công tác tổ chức cán bộ. Việc họp thường lệ mỗi năm hai lần ở các đảng bộ cơ sở có đông đảng viên, hoạt động phân tán trên phạm vi rộng gặp khó khăn; một số nơi thực hiện chưa nghiêm. Việc sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề ở một số loại hình chi bộ, nhất là chi bộ trong doanh nghiệp và một số tổ chức, cơ sở ở nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Vai trò và sức chiến đấu của chi bộ còn yếu, chưa kịp thời phát hiện khi cán bộ, đảng viên có sai phạm trong quá trình công tác, sinh hoạt.

Chưa có quy định cụ thể đối với đảng bộ cơ sở, đảng bộ cấp trên cơ sở, đảng bộ được giao quyền, thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở sau khi thành lập mà không duy trì đủ số lượng đảng viên theo quy định. Nhiệm kỳ chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở 05 năm 02 lần chưa đồng bộ, thống nhất với nhiệm kỳ đại hội của cấp trên và các quy định về công tác cán bộ, khó khăn trong xác định nhiệm vụ chính trị của nhiệm kỳ và công tác bố trí cán bộ *(trước ngày 01/7/2025)*. Quy định về lập tổ chức cơ sở đảng gồm cả đảng bộ cơ sở và chi bộ cơ sở[31] chưa sát với thực tế về quy mô, tính chất và nhiệm vụ của mỗi loại hình tổ chức đảng. Trong thực tế, có nhiều loại hình đảng bộ, chi bộ cơ sở, có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, nhưng Điều lệ Đảng chỉ quy định về nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng là chưa phù hợp với thực tiễn (*Ban Bí thư đã ban hành chức năng, nhiệm vụ cho từng loại hình tổ chức cơ sở đảng*). Chưa có quy định cụ thể về điều kiện lập chi bộ cơ sở, lập chi bộ trực thuộc; về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận. Thực tiễn cho thấy các quy định về tổ chức cơ sở đảng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu kỹ lưỡng để sửa đổi, thay thế cho phù hợp với mô hình tổng thể tổ chức bộ máy trong thời kỳ mới.

2.7. Về tổ chức đảng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam (Chương VI)

Các quy định mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức đảng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam, cơ quan chính trị trong Quân đội Nhân dân Việt Nam được bổ sung, sửa đổi, ban hành kịp thời, phù hợp với việc sắp xếp tinh gọn tổ chức của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam, góp phần nhanh chóng kiện toàn hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội và Công an[32]. Vị trí, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong Quân đội và

---

[30] Trừ đảng bộ bộ phận trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

[31] Tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Đảng.

[32] Đảng bộ Quân đội có 55 đảng bộ trực thuộc; 161 đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở; 4.299 tổ chức cơ sở đảng *(1.761 đảng bộ cơ sở, 2538 chi bộ cơ sở)*; 957 đảng bộ bộ phận; 14.711 chi bộ trực thuộc. Ở địa phương: có 34 đảng bộ quân sự cấp tỉnh; 2 đảng bộ bộ tư lệnh; 6.017 tổ chức cơ sở đảng; 5.568 chi bộ trực thuộc; có 10.103 chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn (*tính đến 21/2/2025*).

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công an ngày càng được khẳng định và tăng cường; chức năng, nhiệm vụ của các loại hình đảng bộ, chi bộ trong Quân đội và Công an được rà soát và bổ sung, sửa đổi; chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận trong Quân đội và Công an được quy định rõ hơn, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Việc thực hiện nghiêm quy định đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ tham gia đảng uỷ quân khu; đồng chí bí thư cấp uỷ cấp tỉnh, cấp huyện *(từ ngày 01/7/2025 là xã, phường, đặc khu)* là bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp; đồng chí phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ phụ trách đảng uỷ bộ đội biên phòng *(trước ngày 01/7/2025)*; phó bí thư là chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách đảng uỷ công an cùng cấp; tổ chức đảng quân sự, công an địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng uỷ quân sự, đảng uỷ công an cấp trên về mặt chuyên môn, nghiệp vụ; quy chế phối hợp giữa cấp uỷ công an cấp trên với cấp uỷ địa phương cấp dưới trong lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ công an cùng cấp[33] đã khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, sự phù hợp của cơ chế song trùng lãnh đạo đối với tổ chức đảng trong quân đội, công an địa phương, phát huy vai trò của tổ chức đảng trong quân đội, công an ở địa phương, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quân sự, quốc phòng, công an tại địa phương.

Nhìn chung, các quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương về tổ chức đảng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; về cơ quan chính trị trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, cơ quan làm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong Công an Nhân dân Việt Nam; về cơ chế lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp với tổ chức đảng quân sự, công an địa phương là phù hợp với cơ cấu tổ chức của Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân, thực tiễn và đặc thù của công tác xây dựng Đảng ở các đảng bộ này, bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, Công an và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo trong tình hình mới.

Hạn chế: Cơ cấu của cơ quan quân sự tham gia cấp uỷ địa phương chưa phù hợp[34]; việc kiện toàn cán bộ chủ trì ở cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh[35] tham gia cấp uỷ địa phương có nơi còn chậm *(trước ngày 01/7/2025)*.

Đảng uỷ Công an Trung ương có 64 đảng bộ trực thuộc; 20 đảng bộ cấp trên cơ sở; 44 đảng bộ cơ sở. Ở công an địa phương: có 34 đảng bộ công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 3.321 đảng bộ, chi bộ công an xã, phường, đặc khu.

[33] Quyết định số 90-QĐ/TW, ngày 06/12/2022 của Ban Bí thư về quy chế phối hợp giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương về lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong công an tỉnh, thành phố; của Ban Bí thư Quyết định số 17-QĐ/TW, ngày 22/6/2021 về quy chế thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc đảng bộ công an tỉnh, thành phố.

[34] Chỉ huy trưởng được tham gia cấp uỷ, ban thường vụ cùng cấp nhưng chính uỷ lại không có cơ cấu trong cấp uỷ.

[35] Gồm: Chỉ huy trưởng, chính uỷ bộ chỉ huy quân sự.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

2.8. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về: thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; tổ chức, số lượng, cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ ban kiểm tra các cấp; công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; về kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; quy định kiểm tra, giám sát về kê khai tài sản, thu nhập; về chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát; về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên với tinh thần quyết liệt, "không ngừng, không nghỉ", "không chùng xuống", có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhất là trong những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, dư luận bức xúc[36]; triển khai kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ngay từ năm đầu của nhiệm kỳ. Các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghiêm sự kiểm tra, giám sát của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Uỷ ban kiểm tra các cấp luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ cùng cấp, trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ, thường trực cấp uỷ và chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ của uỷ ban kiểm tra cấp trên, thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định; tôn trọng và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc đã bám sát sự chỉ đạo của cấp uỷ, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, bước đầu thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới trong việc chấp hành chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước..., chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, chế độ công tác và chuyển cho uỷ ban kiểm tra một số vụ việc khi tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

---

[36] Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sử dụng ngân sách trong việc đầu tư công, mua tài sản, đi công tác, nghiên cứu ở nước ngoài; quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ phòng, chống thiên tai.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhìn chung, các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp trong Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương cơ bản phù hợp, đồng bộ, thống nhất và được triển khai quyết liệt, bài bản, từng bước đi vào nền nếp, chất lượng, hiệu quả được nâng lên, có bước đột phá với những kết quả cụ thể rõ rệt; cùng với đó, việc uỷ ban kiểm tra cấp trên hướng dẫn, chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, góp phần giúp các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên chấp hành nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, qua đó tiếp tục củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc bổ sung nhiệm vụ, thẩm quyền cho uỷ ban kiểm tra các cấp (thi hành kỷ luật đảng viên, giải quyết tố cáo, khiếu nại; kỷ luật cách cấp đối với tổ chức đảng; kiểm soát tài sản, thu nhập), đặc biệt là phân quyền xuống cấp cơ sở (cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp cơ sở) trong thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại đối với đảng viên đã giảm được việc tố cáo, khiếu nại lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, không có khiếu nại lên Ban Chấp hành Trung ương.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy trình, quy định về công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp uỷ, tổ chức đảng có lúc chưa kịp thời; có nội dung chưa phù hợp với quy định, hướng dẫn của cấp trên hoặc tình hình thực tiễn, như: (i) Vấn đề chưa tương thích, đồng bộ, tương xứng giữa hình thức kỷ luật đảng và kỷ luật chính quyền; thời hiệu giữa kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính. (ii) Vấn đề khó khăn cho tổ chức đảng, khi đảng viên bị cách chức vụ trong Đảng, nếu có khiếu nại, cấp có thẩm quyền giảm nhẹ hoặc xoá kỷ luật thì vấn đề phục hồi chức vụ, quyền lợi và danh dự cho đảng viên đó khó thực hiện được; vấn đề tâm lý khiếu nại "cầu may" cho đến khi hết quyền khiếu nại do việc giải quyết thực hiện tuần tự từ uỷ ban kiểm tra đến ban thường vụ, cấp uỷ cho đến Ban Chấp hành Trung ương. (iii) Vướng mắc trong việc lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên khi tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán; thực hiện ghi lý lịch đảng viên đối với tổ chức đảng đã bị kỷ luật giải tán. Thời hạn để bầu vào cấp uỷ, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương hoặc cao hơn đối với đảng viên bị kỷ luật cách chức là một năm theo khoản 3 Điều 40, Điều lệ Đảng, cần sửa đổi để phù hợp với thực tế các quy định hiện đang có hiệu lực áp dụng trong nhiệm kỳ XIII. (iv) Về chế độ làm việc của uỷ ban kiểm tra và cơ quan uỷ ban kiểm tra: mối quan hệ, đổi mới để có sự độc lập tương đối giữa uỷ ban kiểm tra và cấp uỷ cùng cấp. Vấn đề đảm bảo tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ khi uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới. Đồng thời, cần có đánh giá vướng mắc về nhiệm vụ, thẩm quyền, về phối hợp của uỷ ban kiểm tra với các cơ quan có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập để có đề xuất cho phù hợp.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Công tác kiểm tra tài chính đảng đối với tổ chức đảng cấp dưới, cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp và việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của một số uỷ ban kiểm tra, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, nhất là cấp huyện còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp của Đảng chưa được quan tâm đúng mức[37]. Một số đảng uỷ doanh nghiệp trong Quân đội chưa bố trí cán bộ kiểm tra chuyên trách theo quy định.

Quy định về đối tượng, nội dung kiểm tra, giám sát; về khiếu nại và cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên; về thẩm quyền thi hành kỷ luật của chi bộ có nội dung còn rộng, một số nội dung chưa phù hợp với thực tiễn. Chưa quy định cụ thể thẩm quyền kết luận các cuộc kiểm tra, giám sát do cấp uỷ giao cho các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ tiến hành kiểm tra.

2.9. Về khen thưởng, kỷ luật (Chương VIII)

Các cấp uỷ đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, thực hiện đồng bộ, thống nhất việc khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên trong toàn đảng bộ. Việc biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng, đảng viên có thành tích được các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương về thẩm quyền, tiêu chuẩn, đối tượng, thủ tục, giá trị tặng phẩm và các hình thức khen thưởng. Việc bổ sung quy định tặng Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng, xét tặng sớm, truy tặng, chưa được xét tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên là phù hợp, đáp ứng nguyện vọng của đảng viên, được sự đồng tình, thống nhất trong Đảng.

Cơ bản các cấp uỷ thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Việc khiếu nại của các tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp quan tâm, thực hiện thận trọng, khách quan[38]; việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm được thực hiện kịp thời, nghiêm minh, đúng thẩm quyền, quy trình, bảo đảm nguyên tắc, phương hướng, phương châm trong thi hành kỷ luật. Việc kỷ luật giải tán tổ chức đảng, đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên và đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng, kỷ luật đảng viên, cấp uỷ viên vi phạm pháp luật bị khởi tố, bắt tạm giam, kết án được Trung ương quy định rất chặt chẽ về quy trình, thẩm quyền; các cấp uỷ thực hiện rất thận trọng, nghiêm minh[39].

---

[37] Theo Báo cáo số 179-BC/UBKTTW, ngày 04/4/2024 của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

[38] Theo Báo cáo số 179-BC/UBKTTW, ngày 04/4/2024 của Uỷ ban Kiểm tra TW, trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, cấp uỷ các cấp đã giải quyết xong khiếu nại kỷ luật của 10 tổ chức đảng, 1.555 đảng viên. Uỷ ban kiểm tra các cấp đã giải quyết xong tố cáo của 599 tổ chức đảng, 27.083 đảng viên.

[39] Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ các cấp, chi bộ đã thi hành kỷ luật 4.339 tổ chức đảng và 199.307 đảng viên bằng các hình thức khác nhau; uỷ ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 660 tổ chức đảng và 59.200 đảng viên (trong đó có 20.524 cấp uỷ viên, chiếm 35%). Cấp uỷ các cấp đã giải tán 03 tổ chức đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Nhìn chung, các quy định về khen thưởng, kỷ luật trong Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương là phù hợp, được thực hiện thống nhất, kết quả thi hành góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước, được đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân đánh giá cao.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Việc thực hiện quy định về thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên ở một số tổ chức đảng chưa được nghiêm túc, có hiện tượng nể nang, né tránh, cục bộ; một số trường hợp chưa đúng nguyên tắc, thủ tục, không đúng thẩm quyền. Một số đảng viên lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây mất đoàn kết, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự và uy tín của đảng viên, tổ chức đảng, vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm.

Quy định về giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng chưa tương đồng với các quy định của Nhà nước. Quy định về thẩm quyền, hình thức khen thưởng của cấp uỷ cấp tỉnh, cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng cho tổ chức đảng, đảng viên có cùng thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liền còn chưa thống nhất[40]. Quy định về thời hiệu kỷ luật của Đảng và của Nhà nước có nội dung chưa đồng bộ[41]. Một số quy định về thời gian bố trí, sử dụng cán bộ, đảng viên sau khi bị kỷ luật còn bất cập.

2.10. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

Các tổ chức đảng, đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở đã cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao, giữ vững nguyên tắc làm việc, chế độ sinh hoạt theo Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương và quy chế làm việc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá, thể chế hoá Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, thành các văn bản quy phạm pháp luật, điều lệ, quy định, chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động của từng cơ quan, tổ chức và bố trí nguồn lực, tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện. Đồng thời, bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát, Đảng đã lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định và cơ bản đạt mục tiêu đề ra.

---

[40] Cùng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm có tập thể, cá nhân được ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện tặng giấy khen nhưng trường hợp khác lại được ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh tặng bằng khen; tương tự, cùng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liền có nơi tặng cờ, có nơi tặng bằng khen.

[41] Về thời hiệu xử lý kỷ luật: Đối với hành vi vi phạm phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách, thời hiệu kỷ luật Đảng là 05 năm, thời hiệu xử lý kỷ luật hành chính là 02 năm; đối với vi phạm phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo thì thời hiệu kỷ luật Đảng là 10 năm, thời hiệu kỷ luật hành chính là 05 năm.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; lựa chọn, giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm, ứng cử vào chức danh lãnh đạo của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội được thống nhất thực hiện từ Trung ương đến cơ sở, thôn, tổ dân phố.

Quy định và thực hiện nghiêm việc lập, kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương và cấp tỉnh; thành lập và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; đảng bộ ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ bảo đảm vai trò lãnh đạo và thống nhất, đồng bộ với sắp xếp mô hình tổ chức mới; thành lập đảng bộ các cơ quan Đảng, đảng bộ uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. Việc lập đảng bộ, chi bộ ở các cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương, ở cấp tỉnh bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan hành pháp, tư pháp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; lập tổ đảng ở Thường trực Hội đồng Dân tộc, thường trực các uỷ ban của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội; tổ đảng ở đoàn đại biểu Quốc hội *(hoạt động tại các kỳ họp của Quốc hội)* đã bảo đảm, tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở Trung ương và cấp uỷ cấp tỉnh, cấp xã đối với các tổ chức chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở cấp tỉnh, cấp xã. Tổ chức và hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng, của các đảng uỷ, chi bộ mới thành lập sau khi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan, tổ chức nhìn chung đã bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Nhìn chung, quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là phù hợp. Các tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cơ bản chấp hành nghiêm nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Mô hình tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn còn hạn chế, bất cập. Việc thực hiện lãnh đạo công tác kiểm tra của đảng đoàn, ban cán sự đảng còn hạn chế. Sự phối hợp công tác giữa đảng đoàn, ban cán sự đảng với đảng uỷ, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị một số nơi còn lúng túng, chưa chặt chẽ. Mô hình đảng đoàn, ban cán sự đảng có lúc chưa phát huy đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn; một số nơi thực hiện chưa đúng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc *(trước ngày 24/01/2025)*. Quy định, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của tổ đảng ở Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội chưa đầy đủ.

2.11. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Chương X)

Các cấp uỷ, các cấp bộ đoàn đã thực hiện nghiêm quy định của Điều lệ Đảng về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đoàn thanh niên đã thực sự là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, tiếp tục kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh[42]; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; đồng thời, là trường học xã hội chủ nghĩa, đại diện quyền lợi của thanh niên và phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển.

Các đảng viên còn trong độ tuổi đoàn vẫn sinh hoạt, công tác trong tổ chức đoàn theo đúng quy định và là những nhân tố tích cực xây dựng tổ chức đoàn, những tấm gương để các đoàn viên trẻ học tập, noi gương phấn đấu vào Đảng; đồng thời, đề cao trách nhiệm của đảng viên trẻ đối với tổ chức đoàn.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã thường xuyên quan tâm, trực tiếp lãnh đạo tổ chức đoàn trong việc xác định phương hướng, nhiệm vụ chính trị, công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã chú trọng nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên, tạo môi trường cho đoàn viên, thanh niên được rèn luyện, thử thách, cống hiến; tạo điều kiện để đoàn viên, thanh niên phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu trong học tập, lao động và cuộc sống, hăng hái tham gia các hoạt động cộng đồng, tích cực tham gia xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Nhìn chung, Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương xác định vai trò, vị trí của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; nhiệm vụ của cấp uỷ trong việc lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức và cán bộ là phù hợp, được thực hiện nền nếp, làm cơ sở để các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ cho Đảng.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Một số cấp uỷ chưa quan tâm đầy đủ tới việc lãnh đạo, chăm lo xây dựng tổ chức đoàn, chưa thường xuyên làm việc, lắng nghe, đối thoại với thanh niên. Một số cấp uỷ cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến việc theo dõi, kiểm tra công tác thanh niên. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ đoàn khi hết tuổi

---

[42] Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, có 98.604 cán bộ đoàn được luân chuyển, điều động, bổ nhiệm sang các cơ quan Đảng và hệ thống chính trị; đã kết nạp 1.956.235 đảng viên là đoàn viên *(81,65% đảng viên mới kết nạp)*. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, có 22.072 cán bộ đoàn trúng cử vào cấp uỷ cùng cấp; 17 cán bộ đoàn trúng cử đại biểu Quốc hội khoá XV; 15.885 cán bộ đoàn trúng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026 *(Báo cáo số 216-BC/TWĐTN-BTC của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh)*.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

công tác đoàn gặp nhiều khó khăn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở do biên chế cán bộ, công chức của cấp xã ít.

2.12. Về tài chính của Đảng (Chương XI)

Tài chính của Đảng thực hiện đúng theo Điều lệ Đảng, quy định của Nhà nước. Mức đóng đảng phí của đảng viên cơ bản ổn định; nguồn thu từ đảng phí, thu từ kinh tế đảng (doanh nghiệp của Đảng, các đơn vị sự nghiệp của Đảng), ngân sách Nhà nước, các nguồn thu khác đã cơ bản bảo đảm hoạt động của Đảng từ Trung ương đến các tổ chức cơ sở đảng, các chi bộ.

Trung ương đã quy định, hướng dẫn cụ thể, thống nhất về nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên; nghiên cứu bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách đặc thù cho phù hợp với thực tiễn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ quản lý tài chính đảng, đề cao kỷ luật, kỷ cương, tính hiệu quả trong quản lý sử dụng tài chính, tài sản của Đảng bảo đảm đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quy định định kỳ hằng năm, cấp uỷ nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình đã được các cấp uỷ cụ thể hoá trong quy chế làm việc, thực hiện thành nền nếp.

Các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương về chế độ thu, nộp đảng phí; cơ bản quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí chi hoạt động của các cấp uỷ, tổ chức đảng đúng định mức, chế độ theo quy định và quản lý chặt chẽ tài chính, tài sản của Đảng. Công tác kiểm tra, kiểm toán đối với quản lý tài chính đảng ngày càng được tăng cường, mở rộng cả về phạm vi và nội dung, góp phần chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, đưa công tác tài chính đảng từng bước đi vào nền nếp, có hiệu quả, cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nhìn chung, quy định về nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên trong Điều lệ Đảng và một số quy định của Trung ương cơ bản phù hợp, được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

Hạn chế, vướng mắc, bất cập: Việc thu, nộp đảng phí ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng còn chậm, chưa đúng thời gian quy định, nhất là đối với đảng viên là lưu học sinh tự túc, lao động, tự do nhỏ lẻ. Một số tổ chức đảng còn lúng túng trong việc quản lý và sử dụng phần đảng phí được trích giữ lại. Kinh phí phục vụ cho hoạt động của các cấp uỷ ở cơ sở và ngoài nước gặp khó khăn. Công tác quản lý tài chính, tài sản và hoạt động của một số doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng còn hạn chế, một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí để xảy ra sai phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Một số văn bản về thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản, đảng phí chưa phù hợp, chậm được bổ sung, sửa đổi; quy định về

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tỉ lệ trích nộp đảng phí lên cấp trên của chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở hiện nay là cao (70%).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trên cơ sở tổng kết của Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn Đảng, có thể khẳng định 15 năm qua Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của các cấp uỷ được các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên thi hành nghiêm túc, góp phần rất quan trọng trong việc xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh; là nền tảng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Công tác phổ biến, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương luôn được các cấp uỷ, tổ chức đảng chủ động triển khai thường xuyên và kịp thời, bài bản, đúng đối tượng và kế hoạch đề ra; về cơ bản, cán bộ, đảng viên nắm vững Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; nhận thức và trách nhiệm thi hành Điều lệ Đảng được nâng lên. Việc cụ thể hoá Điều lệ Đảng được Trung ương, các cấp uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp tập trung thực hiện. Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã nhiều lần ban hành quy định thi hành Điều lệ Đảng[43], đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, hướng dẫn cụ thể các nội dung của Điều lệ Đảng. Các quy định, hướng dẫn của Trung ương được nghiên cứu, chuẩn bị nghiêm túc, bài bản, công phu, kỹ lưỡng, khoa học, đồng bộ, lấy ý kiến rộng rãi của các cấp uỷ, tổ chức đảng, phù hợp thực tiễn, đã cụ thể hoá và làm rõ hơn nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy trình, thủ tục; cơ bản phù hợp, đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc để thực hiện thành công cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy, hoàn thiện mô hình tổng thể của hệ thống chính trị bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, hướng mạnh về cơ sở và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo thuận lợi cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động liên tục, thông suốt. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng đã thực hiện nghiêm quy định của Điều lệ Đảng, đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi hành Điều lệ Đảng. Công tác kiểm tra, giám sát việc quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương được các cấp uỷ, cơ quan tham mưu, giúp việc, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ quan tâm thực hiện thường xuyên và gắn với

[43] Riêng nhiệm kỳ Đại hội XIII, để tạo cơ sở chính trị, pháp lý thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy và bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương đã 03 lần ban hành quy định thi hành Điều lệ Đảng; 03 lần ban hành quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

việc tổng kết thi hành Điều lệ Đảng, bảo đảm Điều lệ Đảng được phổ biến, quán triệt sâu rộng, thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất trong toàn Đảng.

Công tác phát triển đảng viên đạt kết quả cao; cơ cấu đảng viên chuyển biến theo hướng tích cực, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ của đảng viên được nâng lên, tỉ lệ đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo ngày càng tăng.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động và luôn đoàn kết, thống nhất cao trong các quyết định của mình; đổi mới mạnh mẽ phương thức cầm quyền, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ các mặt công tác, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, quyết định mọi thành công của sự nghiệp cách mạng nước ta, bảo đảm giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Các cấp uỷ, ban thường vụ cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, thẩm quyền, thể hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng ở địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh những nội dung chưa đúng, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện. Đa số tổ chức cơ sở đảng đã phát huy vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và Nhân dân hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Vị trí, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong Quân đội và Công an ngày càng được khẳng định và tăng cường. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương với tinh thần quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Cơ bản các cấp uỷ thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương về xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp quan tâm, thực hiện thận trọng, khách quan; việc thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm được thực hiện kịp thời, nghiêm minh, đúng thẩm quyền, quy trình, bảo đảm nguyên tắc, phương hướng, phương châm trong thi hành kỷ luật.

Trong các nhiệm kỳ qua, mặc dù không sửa Điều lệ Đảng, nhưng Đại hội XII, Đại hội XIII đã quyết định hoặc giao Ban Chấp hành Trung ương cụ thể hoá nhiều nội dung, vấn đề quan trọng, cấp thiết của Đảng vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương để quyết định những vấn đề có tính cách mạng của Đảng, tạo cơ sở vững chắc để nước ta tự tin, vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, như: cho thực hiện giới thiệu

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tái cử chức danh Tổng Bí thư nhiệm kỳ thứ ba; tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở cấp Trung ương và cấp tỉnh; thí điểm Bộ Chính trị, cấp uỷ cấp trên chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc Trung ương và những nơi thành lập mới các cấp uỷ, tổ chức đảng; thí điểm tổ chức các đảng bộ xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ là đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng... khẳng định việc bám sát, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đúng thẩm quyền; lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, đáp ứng yêu cầu của phát triển của đất nước trong tình hình mới.

Đạt được những kết quả nêu trên là do: (1) Điều lệ Đảng đã xác định rõ tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức, hoạt động, hệ thống tổ chức, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của tổ chức đảng, đảng viên; đã được thực hiện ổn định qua nhiều nhiệm kỳ. (2) Sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng. (3) Sự chủ động, tích cực, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp. (4) Ý thức tự giác, nghiêm túc chấp hành của tổ chức đảng, đảng viên. (5) Kế thừa, phát huy những kết quả, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước.

Tuy nhiên, quá trình thi hành Điều lệ Đảng còn một số hạn chế, vướng mắc: Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Điều lệ Đảng; việc thường xuyên học tập, nghiên cứu sâu, nắm vững Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương của cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên ở một số nơi còn hạn chế. Một số cấp uỷ viên, đảng viên chưa chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng, còn vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm quy chế làm việc; thực hiện chưa tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên. Một số nội dung trong Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn còn bất cập, chưa bao quát hết các đối tượng và chưa đồng bộ, việc cụ thể hoá một số quy định còn chưa kịp thời. Trong sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ việc tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi chưa thực chất, chưa thường xuyên, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Vai trò và sức chiến đấu của không ít chi bộ còn yếu, chưa kịp thời phát hiện sai phạm của cán bộ, đảng viên trong quá trình công tác, sinh hoạt. Việc thực hiện quy định về thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên ở một số tổ chức đảng chưa nghiêm túc, vẫn còn hiện tượng nể nang, né tránh, cục bộ; một số trường hợp chưa đúng nguyên tắc, thủ tục, không đúng thẩm quyền, quy trình, quy định. Một số đảng viên lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để gây mất đoàn kết, làm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ảnh hưởng xấu đến danh dự và uy tín của đảng viên, tổ chức đảng, vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm.

Ngoài những hạn chế, vướng mắc nêu trên, mặc dù không sửa Điều lệ Đảng, nhưng Đại hội XIII đồng ý cho nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của Đại hội để cụ thể hoá vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương và những vấn đề quan trọng có tính cách mạng đang được thực hiện, trong quá trình thi hành Điều lệ Đảng có một số nội dung trong các quy định, hướng dẫn còn bất cập: (1) ***Về cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ; (2)*** Về độ tuổi kết nạp đảng viên, về thẻ đảng viên, về giới thiệu sinh hoạt đảng và sinh hoạt đảng tạm thời; (3) Về trường hợp được quy định cơ cấu là cấp uỷ viên, bí thư cấp uỷ nhưng không phải là đảng viên của tổ chức đảng đó; (4) Về đảng bộ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng và tổ chức cơ sở đảng (chưa phù hợp); mô hình tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (chưa quy định rõ); (5) Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, chi bộ chưa bao quát hết các loại hình; (6) Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương *(cấp tỉnh, cấp xã)*; về đảng bộ bộ phận; (7) Một số quy định cụ thể về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; thẩm quyền kỷ luật của ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở; (8) Một số quy định về công tác khen thưởng và thời hiệu kỷ luật, bố trí, sử dụng cán bộ, đảng viên sau khi bị kỷ luật; (9) Về tổ chức và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội do bầu cử lập ra; trong các cơ quan hành pháp, tư pháp ở Trung ương và cấp tỉnh; Đảng lãnh đạo Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; (10) Một số văn bản về việc thực hiện công tác đảng phí; (11) Về chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng.

III. VỀ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

1. Quan điểm, nguyên tắc

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; kiên định Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; đồng bộ với bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Hiến pháp.

- Kế thừa và giữ vững các nội dung có tính nguyên tắc, bản chất của Đảng.

- Điều lệ Đảng không nên quy định quá chi tiết, cụ thể. Những nội dung ***trong quy định thi hành Điều lệ Đảng*** đã rõ, phù hợp với mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực tiễn thì nghiên cứu bổ sung, sửa đổi.

2. Trên cơ sở quan điểm, nguyên tắc nêu trên; tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng, những đề xuất, kiến nghị của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

ương và thực tiễn đặt ra, Ban Chấp hành Trung ương báo cáo Đại hội XIV giao Ban Chấp hành Trung ương khoá XIV:

2.1. Xem xét, quyết định một số chủ trương, công việc lớn, quan trọng chưa được quy định trong Điều lệ Đảng hoặc có quy định trong Điều lệ Đảng nhưng không còn phù hợp tình hình thực tiễn; báo cáo kết quả thực hiện với Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng kế tiếp để xem xét, thông qua.

2.2. Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, Cương lĩnh Chính trị xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trình Đại hội XV của Đảng vào dịp 100 năm thành lập Đảng ta *(1930 - 2030)*.

2.3. Định hướng nội dung và giao Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng ngay từ đầu nhiệm kỳ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng theo từng chương, điều của Điều lệ Đảng, tập trung vào các Chương, Điều sau: (1) ***Điều 7 về việc miễn sinh hoạt đảng trong một số trường hợp đặc biệt; (2)*** Khoản 2 Điều 10 về lập tổ chức cơ sở đảng đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng. (2) Chương IV về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các cấp địa phương. (3) Chương V về tổ chức cơ sở đảng; đảng bộ bộ phận; chi bộ; ***việc sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở, chi bộ***. (4) Khoản 3 Điều 28 về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam. (5) Chương VII việc chỉ định uỷ ban kiểm tra các cấp trong trường hợp cần thiết; việc chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; bổ sung nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập của uỷ ban kiểm tra từ cấp xã trở lên; nâng tầm công tác giám sát... (6) Chương VIII rà soát, chỉnh sửa thẩm quyền thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại của tổ chức đảng theo mô hình tổ chức bộ máy hiện nay. (7) Điều 42, Điều 43 Chương IX về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội. (8) Chương X về Đảng lãnh đạo Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. (9) Một số nội dung khác để bảo đảm tính nguyên tắc, hệ thống, thống nhất, đồng bộ, rõ ràng của Điều lệ Đảng; các nội dung có liên quan kết quả thực hiện Nghị quyết 18 sắp xếp, kiện toàn hệ thống chính trị.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm